

CỎ THƠM

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN

NGÔ TĂNG GIAO

PHẠM VĂN TUẤN

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

THỦY SENSER

www.cothommagazine.com

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194, USA

TEL. (571) 926-8962

FAX: (571) 926-8962

Email: dsenser@yahoo.com

THÁNG 6, NĂM 2011

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.

HẢI BÀNG H.D.B. ĐỖ BÌNH.

NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐINH CƯỜNG.

HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.

VŨ HỐI, VŨ THÁI HÒA. VI KHUÊ.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG. HUY LÂM.

PHAN KHÂM. NGUYỄN LÂN. VŨ NAM.

PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.

PHẠM THỊ NHUNG. ĐẶNG NGUYỄN.

ĐỖ PHÚ. KIM VŨ. TRẦN BÍCH SAN.

NGUYỄN SƠN. ĐIỆU TẦN.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

NGUYỄN VĂN THÀNH. PHONG THU.

TIỂU THU. HỒNG THỦY. LÊ THƯƠNG.

TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.

THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BÀNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦY: Charlotte, NC.

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



MỤC LỤC

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	Trang 4
Lá Thư Mùa Ve Sầu	

BIÊN KHẢO

TRẦN BÍCH SAN:	Nguồn Gốc Văn Học VN	7
NGUYỄN VĂN NHIỆM:	Tìm Về Mái Nhà	26
PHẠM THỊ NHUNG:	Trầu Cau	37
Trong Đời Sống Văn Hoá Dân Tộc		
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH:		43
Hà Nội Buổi Đầu Thời Pháp Thuộc		
PHẠM VĂN TUẤN:	Bi Hải Kịch Bão Tố...	77
NGUYỄN QUÝ ĐẠİ:	Nguyễn Trường Tộ	102
NGUYỄN BẢO HƯNG:	Trường Phái	112
Ấn Tượng hay là Ngôn Ngữ Hội Họa		
NGUYỄN QUỐC KHÁI:	Văn Hóa Chậm Tiến	157
PHƯƠNG NGUYỄN BÁ HẬU:	Triết Lý	168
Đau Khổ và Tình Thương của Nguyễn Du...		
PHẠM TRỌNG LÊ:	Mai Où Sont Les	179
Neiges d'Antan		

VĂN

NGUYỄN THÙY:	Lần Cuối Viết Về Bùi Giáng	11
TRƯƠNG ANH THỤY:		16
Cộng Đồng VN trước 75		
TRẦN THỊ HƯƠNG CAU:	Liên Oĩ	50
DUY AN ĐÔNG:	Quê Hương Tôi	56
DƯƠNG THỊ NẰNG:	Chuyện Người Vợ Tù...	64
ĐỖ BÌNH:	Truyện Kiều Qua Âm Nhạc	73
NGUYỄN MÂY THU:	Chiêu Sinh Hoạt...	85
TÔN NỮ MẶC GIAO:	Những Trang	89
Nhật Ký Ngày Xưa		
ĐỖ PHÚ:	Những Câu Chuyện Tình...	118
VIỆT BẰNG:	Di Chuyển Tình Cảm	126
VĂN BÁ:	Bá Nha Tử Kỳ Tri Âm	133
PHẠM BÁ:	Biển Mặn	136
Ỡ NGUYỄN:	Anh Tôi	144
HOÀNG DUNG:	Cảm Dạ Quỳnh Hương	150

PHONG THU:	Gặp Gỡ Họa Sĩ Vi Vi và Cát Đơn Sa	152
VỮ NGỌC BÍCH:	Nhận Nước Mỹ Là Quê Hương Thứ Hai	171
TIỂU THU:	Hoa Tim	185
VĂN QUANG :	Thi Sĩ Thái Thủy...	201

THƠ

VỮ HỐI:	Cỏ Thơm Quốc Ngữ Thiên Hương	9
HỒ TRƯỜNG AN:	Tiếng Sáo Trưa Hè	10
KIỀU ANH:	Ý Thiết Tha	15
HOÀNG SONG LIÊM:	Cơn Buồn	24
KIỀU ANH:	Gió Chuyển Sang Mùa	35
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ:	4 Bài Tứ Tuyệt	35
THIÊN ĐỨC:	Lãng Du	41
XUÂN BÍCH:	Nét Lãng Mạn Buồn	42
ĐẶNG NGUYỄN:	Hạ Buồn	49
CAO MỸ NHÂN:	Vào Hạ	55
NGUYỄN KINH BẮC:	Hạ Buồn	55
CAO MỸ NHÂN:	Nắng Hạ	55
NGUYỄN VÔ CÙNG:	Lửa Hạ	55
Ý ANH:	Hạ Hồng	80
PHAN KHÂM:	Cỏ Tơ	83
LÝ HIỂU:	Nhận Thơ Bạn	83
HÀ NGUYỄN DŨNG:		109
Tình Lên Xanh Kín Lòng		
ĐỖ THỊ MINH GIANG:	Phượng Mơ	109
PHI HỒNG TRẦN:	Cây Trâm Long Nhím	130
PHAN KÂM:	Thất Nơ	130
YÊN VI:	Gối Đầu Lên Hạnh Phúc	178

NHẠC

VỮ ĐỨC NGHIÊM:	Đoá Hồng Cho Người Yêu Dấu	70
THANH TRANG:	Bài Tình Ca Trong Ngày	110
HUY LÃM:	Tình Khơi Sóng Vỗ	124
VỮ THÁI HOÀ :	Giữ Mãi Giùm Anh	143
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT		

GIAO ĐIỂM

DƯ THỊ ĐIỂM BUỒN:	Tôi Đã Khóc	25
-------------------	-------------	----

THANH THANH: I Have Cried	25
VÂN HẢI: Thuyền Mây	36
THANH THANH: Bark of Clouds	36
ENRICO MACIAS: Adieu Mon Pays	76
TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO Vĩnh Biệt Quê Tôi	76
NO CHON MYUNG: La Solitude	122
NGUYỄN MÂY THU: Cô Đơn	122
DIỄM HOA: Mon Slow	184

HỌA

ĐINH CƯỜNG: Thiếu Nữ-Trăng Xanh	Bìa trước
---------------------------------	-----------

NHIẾP ẢNH

LÊ VĂN KHOA: Ảnh Trắng Đen	99
HÌNH ẢNH SINH HOẠT CỎ THƠM	191
NGUYỄN QUỐC KHÁI: Trong Đầm Gì Đẹp Bằng Sen.	Bìa sau

GIỚI THIỆU

PHÒNG MẠCH Bác Sĩ Võ Đạm	54
BUỔI HÒA NHẠC Vũ Đức Nghiêm	72
TRIỂN LÃM Tranh Đình Cường Trương Vũ, Nguyễn Trọng Khôi	75
THI PHẨM Giữ Mãi Giùm Anh của Uyên Phương Minh Nguyệt	98
VÃNG SANH TỊNH ĐỘ của Bác Sĩ Nguyễn Thanh Giản	101
TÌNH GIÀ của Mục Sư Phan Thanh Bình	101
SĨ QUAN TIỀN SÁT PHÁO BINH của Nhà Văn Nguyễn Văn Khôi	101
PHÒNG MẠCH BS Nguyễn Quốc Quân	151
RA MẮT SÁCH : The Rain Still Falls In Saigon - Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi	156
SOVEREIGN REALTY, INC.	167
PHÒNG MẠCH BS Nguyễn Kim Dung Nhà Hàng HARVEST MOON	204 205
DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN	206

LÁ THƯ MÙA VE SẦU

Hẳn quý vị độc giả đã biết, Tam Cá Nguyệt San vừa kỷ niệm 16 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật, vào ngày 27 tháng 3 vừa qua, tại Nhà Hàng Harvest Moon trong vùng Bắc Virginia. Số quan khách tham dự vào khoảng 270 người, hơn con số dự trù. Cỏ Thơm chỉ mời mọc các tác giả, độc giả và thân hữu, không dám quảng cáo rộng vì nghĩ rằng đây là dịp để gặp gỡ nhau hàn huyên thoải mái, không phải vất vả bán vé gây quỹ và không tiếp quan khách được chu đáo. Hầu hết các tác giả trong vùng đều hiện diện.

Từ New Orlean về tham dự có Biên khảo gia Trần Bích San. Anh là diễn giả chính của chương trình văn nghệ với đề tài Giai Thoại Văn Học. Nhà thơ Lam Điền Nguyễn Thử về từ North Carolina để xem hoa anh đào Hoa Thịnh Đốn với bầu đoàn thể tử và các cháu bé rất dễ thương cũng đến tham dự Cỏ Thơm Sweet Sixteenth Birthday. Nhà thơ Uyên Phương Minh Nguyệt đến từ Texas và được phu quân là Nghệ sĩ Khoa Lâm tháp tùng. Nhà thơ nữ của chúng tôi đem trình làng văn học Thủ Đô với thi phẩm đầu tay *Giữ Mãi Giùm Anh* với 100 bài thơ mượt mà trong sáng tình cảm. Đôi uyên ương nghệ sĩ trình diễn hoạt cảnh “Mình Ở” với giọng ca ngọt ngào điêu luyện, được tán thưởng nhiệt liệt. Các nghệ sĩ Cỏ Thơm trình bày một chương trình ca nhạc suất sắc. Xin quý vị xem phần Hình Ảnh Sinh Hoạt Cỏ Thơm từ trang 191 hay vào Website Cỏ Thơm www.cothommagazine.com phần Cỏ Thơm Kỷ Niệm 16 Năm Sinh Hoạt nhiều hình ảnh hơn.

Trong mùa xuân qua, Người Cỏ Thơm cũng có nhiều dịp tham dự những sinh hoạt văn hóa khác trong cộng đồng như Buổi Hòa Nhạc của Nhạc Sĩ Nguyễn Ánh 9, 4/10/2011; Triển Lãm Tranh của các Họa sĩ Đinh Cường, Trương Vũ và Nguyễn Trọng Khôi ngày 4/2/2011; Triển Lãm Tranh của cặp Họa sĩ Vi Vi và Cát Đơn Sa 14/10/2011. Chương trình nhạc thính phòng Một Thoáng Quê Hương với Nhạc sĩ Ngô Minh Trí, Ca sĩ Như Hương, Nguyễn Xuân Thuởng... 5/14/2011. Chương trình ca vũ nhạc “Phong Châu Mở Hội” của cặp Nghệ sĩ Nga Mi và Trần Lăng Minh, 5/22/2011. Nhóm Prelude Chamber Ensemble do Nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Châu điều khiển một chương trình nhạc thính phòng đặc biệt cho Father’s Day, 19 tháng 6, 2011... Vậy, đủ hiểu sinh hoạt văn hóa của cộng đồng Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn rất phong phú và trình độ thưởng lãm nghệ thuật của chúng ta rất đáng mừng.

Để chào đón mùa hè, Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm số 55 có bìa trước là tranh sơn dầu trên bố, khổ 24x30, *Thiếu Nữ - Trăng Xanh* lộng lẫy của Họa sĩ Đinh Cường đã được trưng bày trong triển lãm vừa qua tại vùng Thủ Đô. Bìa sau của báo là ảnh “Trong Đầm Gì Đẹp Bằng Sen” rất suất sắc của nhiếp ảnh gia tài tử Nguyễn Quốc Khải. Trong số báo này, Tiến sĩ Nguyễn Quốc Khải cũng đến với Cỏ Thơm lần đầu tiên với bài biên khảo “Văn Hóa Chậm Tiến”, trang 157. Xin giới thiệu cùng quý độc giả và cảm ơn quý tác giả đã sốt sắng gửi sáng tác giá trị làm duyên dáng hình thức và giàu mạnh nội dung Cỏ Thơm như bao giờ.

Một tin mừng lớn chúng tôi hân hạnh thông báo cùng quý độc giả, Nhà Xuất Bản Xlibris Hoa Kỳ đã in ấn và phát hành tập truyện ngắn song ngữ *The Rain Still Falls in Saigon – Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi* của Nhà văn Phong Thu. Quý vị có thể mua sách qua www.Amazon.com, www.Barnesandnoble.com, www.Xlibris.com. Xin có lời chúc mừng Phong Thu và mong nhà văn của chúng ta thành công trong dòng chính Văn học Hoa Kỳ.

Nhà văn Phong Thu đã dự định có một buổi ra mắt *Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi* tại Hội Trường James Lee, Annandale, ngày 30 tháng 7. Xin xem thêm chi tiết trang 149. Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm sẽ tích cực hỗ trợ Phong Thu. Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung giới thiệu tiểu sử tác giả và Học giả Nguyễn Ngọc Bích giới thiệu sách. Xin quý vị tham dự và mừng cho Tác giả Phong Thu, đồng thời thưởng thức một chương trình văn nghệ đặc sắc với những bài ca có chủ đề Sài Gòn do Nghệ sĩ Đèo Văn Sách điều khiển.

Ngày 20 tháng 11, 2011 Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm cùng sẽ tổ chức một buổi hòa nhạc thính phòng với các ca khúc của Vũ Đức Nghiêm để vinh danh Nhạc sĩ một đời phụng sự cho nền ca nhạc Việt Nam. Xin quý xem chi tiết trang 72 và ghi nhớ ngày tham dự.

Trước khi kết thúc lá thư tâm tình cùng quý vị, chúng tôi xin cùng quý vị có lời cầu nguyện cho nạn nhân của trận động đất, hồng thủy Tsunami khủng khiếp và nạn nhân trong trận lụt ngút ngàn Missisipi, những cơn gió lốc tàn phá Missouri... Những nước giàu mạnh khi bị thiên tai nặng nề cũng gặp những cảnh tang thương, đau lòng như các nước nhược tiểu vậy!

Mong rằng Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm có đủ bài vở để quý vị quên đi những phức tạp đời sống và chúc quý vị có một mùa ve sầu nhưng vui vẻ, nhiều kỷ niệm đẹp.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

NGUỒN GỐC VĂN HỌC VIỆT NAM

Trần Bích San
(Tiếp theo Cỏ Thơm 54)

TÁC GIẢ VĂN CHƯƠNG TRUYỀN KHẨU

Tất nhiên tác giả của văn chương truyền khẩu là những người vô danh, người nào đó trong dân gian đã sáng tác ra. Trong thời kỳ ban sơ chưa có chữ viết để ghi lại, người dân phải dùng lời nói nôm na diễn tả tình ý bằng lối sáng tác văn chương tự nhiên rồi truyền miệng với nhau, nhưng chắc chắn tác giả phải là người có trí thông minh hơn người, có óc nhận xét xác đáng, và hơn nữa, phải có óc tưởng tượng phong phú với tình cảm rạt rào, đầy mơ mộng.

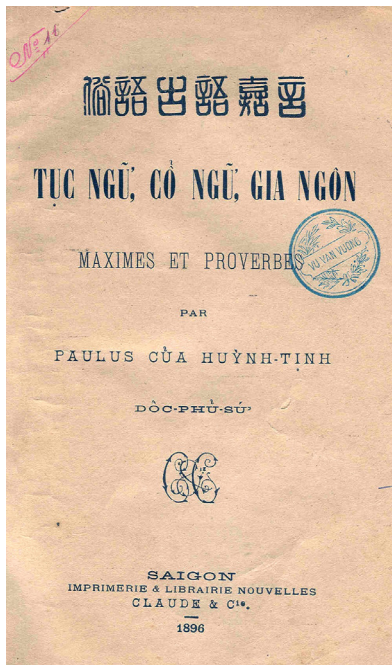
Đến khi nước ta có chữ viết do Hán tự truyền vào cùng với sự du nhập của các đạo giáo thì tác giả văn chương truyền khẩu phải là những người có ăn có học. Trong xã hội ta xưa một số nhỏ nho sĩ thành đạt trước khi thi đỗ ra làm quan đã xuất thân từ nơi dân dã. Phần lớn các nhà nho còn lại là các hàn sĩ sống suốt đời với làng xã của họ, học hành, sinh hoạt bên cạnh nông dân ở thôn quê, chia sẻ từ công việc thường nhật đến tham dự hội hè đình đám. Họ

sống và nghĩ như người bình dân, chính những nho sĩ này là tác giả văn chương truyền khẩu. Giả thử nếu có một số câu tục ngữ, ca dao do người bình dân nghĩ ra thì sau đó tất phải được các nho sĩ sửa đổi, thêm thắt, chau chuốt cho ý nghĩa thêm xác đáng, lời lẽ thêm văn vẻ.

Văn chương là sản phẩm của trí tuệ, văn chương bình dân cũng không nằm trong biệt lệ. Người bình dân không được đi học, trí tuệ chưa mở mang, không thể nghĩ ra được một câu tục ngữ chí lý, làm một bài ca dao bóng bảy dạt dào tình cảm, hay nghĩ ra được một truyện cổ tích hấp dẫn và có ý nghĩa. Chính những người trí thức ở nông thôn đã sáng tạo ra văn chương bình dân. Vì những sáng tác này thích hợp với tâm tình người dân, đáp ứng được nhu cầu tinh thần của họ nên được ưa chuộng và lưu truyền trong dân gian.

Văn chương bình dân là nguồn gốc của văn học Việt Nam. Nghiên cứu và tìm hiểu về nền văn học truyền khẩu nước ta để tìm thấy tinh thần người Việt hiện ra ở đây, tinh hoa dân tộc Việt cũng nằm trong đó vậy.

Trần Bích San (New Orleans)



CHÚ THÍCH

(01) Văn hiến hay văn hóa tuy độc khác nhưng cùng một nghĩa. Văn học nằm trong văn hóa của một nước.

(02) *Tục Ngữ Phong Dao* của Nguyễn Văn Ngọc thu thập được 6500 câu tục ngữ

(03) Trong *Gia Huấn Ca* của Nguyễn Trãi

(04) Trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du

(05) Ban môn vũ phủ

(06) Tích thiện phùng thiện

(07) Ma chữ thành tâm

(08) Cước vận (cước: chân) là vận ở cuối câu.

(09) Yêu vận: (yêu: lưng) là vận ở lưng chừng câu

(10) Tên các làng (Vạn Vân: làng chài thuộc tổng Vạn Hải, huyện Hoàn Bô, tỉnh Quảng Yên. Đàm: tên làng Diêm Khê, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông. Sét: tên làng Giáp Lục, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông)

(11) La: gọi tắt tên của tổng La Nội, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông. Láng: tên làng Yên Lãng, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông. Báng: làng Đình Báng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Bần: làng Yên Nhân, phủ Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

(12) Tên các làng (Tò, Tó: hai làng thuộc tỉnh Thái Bình). Hành Thiện: làng sản xuất ra nhiều nhân vật nổi tiếng và các nhà đại khoa thuộc tỉnh Nam Định.

(13) Nguyên tắc xây cất: dưới rộng, trên hẹp

(14) Phép đục một lỗ để tra mộng ở chỗ nối 2 đầu thanh gỗ: mộng dài bề dọc thì qua, nhưng nếu lớn bề ngang thì tra không vào, cổ đống lỗ sẽ bị nứt.

(15) Tác giả Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc thu thập được tất cả 8500 câu ca dao (*Tục Ngữ Phong Dao*)

(16) Nghĩa: nếu phương đông tối đen, phương tây ráng trời đỏ rực, gió may bắt đầu thổi thì đó là triệu chứng sắp có mưa to gió lớn.

(17) Nói về việc Pháp lập vua Đồng Khánh ở Huế trong khi ở ngoài Bắc và trong Nam vua Hàm Nghi vẫn được dân chúng và phong trào Văn Thân ủng hộ.

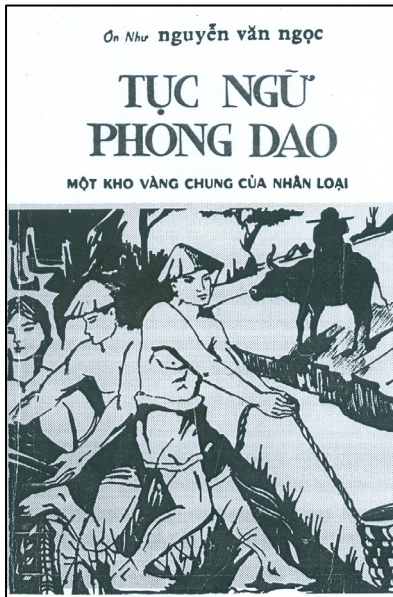
(18) Trông là rừng, trông nhà Hồ là rừng Hồ Xá Lâm thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Ngày xưa, rừng này nhiều giặc cướp, ai đi qua cũng sợ. Phá: lạch biển. Tam Giang: ba con sông. Phá Tam Giang là cái lạch biển ở huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa

Thiên, về phía tây nam có ba con sông là Tả Giang, Hữu Giang và Trung Giang chảy vào rồi đổ ra cửa biển Thuận An. Ngày trước vùng này nhiều sông lớn, thuyền bè qua lại rất nguy hiểm, sau này nước cạn đi nên còn có tên là Hạc Hải (bê cạn) (theo *Đại Nam Nhất Thống Chí*). Bài ca dao này nói về việc ông Nguyễn Khoa Đăng, nội tán đời chúa Hiền Tôn (1691-1725) dẹp yên giặc cướp ở vùng Trông nhà Hồ.

(19) Hai câu này đánh dấu cuộc Nam tiến của dân tộc ta vào thời chúa Nguyễn ở đàng trong.

(20) *Tục Ngữ Phong Dao* của Nguyễn Văn Ngọc thu thập được tổng cộng 364 câu đố.

(21) Được giải thích là Nguyễn Huệ ra Bắc diệt chúa Trịnh (1786), rồi trở vào trong Nam. Khi Nguyễn Huệ mất năm 1792, thái tử là Nguyễn Quang Toản (1872-1802) mới lên



10 tuổi nổi ngôi vua Quang Trung, lấy niên hiệu là Cảnh Thịnh. Ba nét chữ Nho ở dưới chân chữ “Cảnh” lại giống như ba nét ở đầu của chữ “Quang”. Nhà Tây Sơn trị vì cả thủy được 14 năm (từ 1788 đến 1802).

(22) Đêm trừ tịch (tối 30 tết), trẻ con nhà nghèo đi thành từng bọn đến trước cửa các nhà để xin tiền. Đứa đi đầu cầm cái ống đựng tiền đã xin được lắc lên thành tiếng “súc sặc”, bọn chúng vừa lắc vừa hát bài hát “súc sặc, súc sê” này.

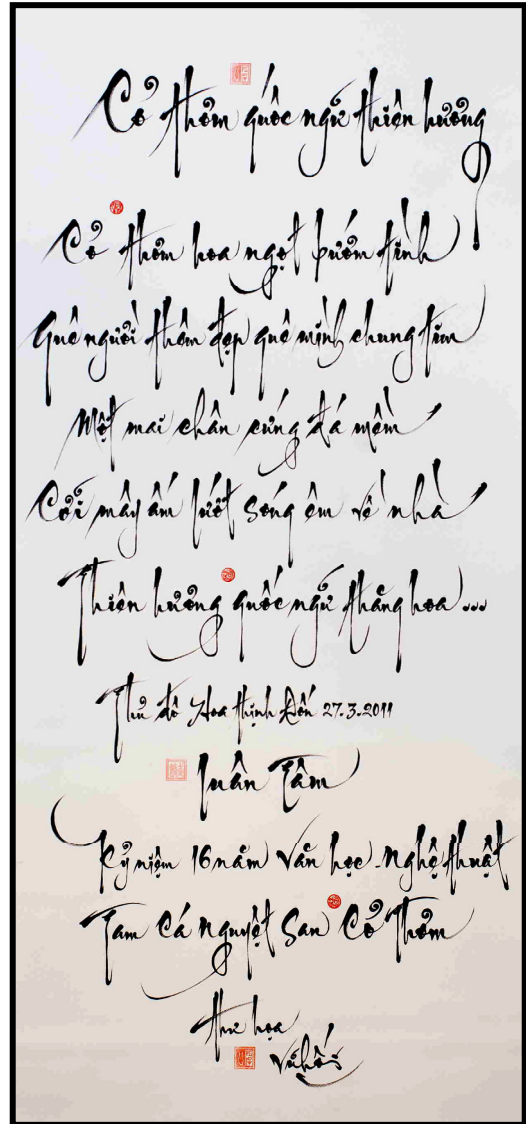
(23) *Truyện Cổ Nước Nam* (2 quyển) của Nguyễn Văn Ngọc thu thập được tổng cộng 248 truyện cổ tích.

(24) Vài thí dụ: truyện *Tám Cám* giống như truyện của Ấn Độ, truyện *Quý Nhạp Trạng* là truyện *Thi Biển* trong Liêu Trai Chí Dị, truyện *Gái Quạt Mỏ* mượn sự tích Trạng Tử Cổ Bôn của Tàu, truyện *Con Rùa Đội Kinh* mượn từ sách Phật, v.v.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển*, Trung Tâm Học Liệu Bộ Giáo Dục, in lần thứ 9, Saigon, 1968.
- Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Học Sử yếu*, 1941, Trung tâm Học Liệu Bộ Giáo Dục, in lần thứ 10, Sài Gòn, 1968.
- Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn, *Văn Học Dân Gian Việt Nam*, nxb Giáo Dục tái bản lần thứ 4, Hà Nội, 2000.
- Lê Văn Siêu, *Nguồn Gốc Văn Học Việt Nam*, nxb Thế Giới, Sài Gòn, 1956.
- Lê Văn siêu, *Văn Học Sử Việt Nam*, nxb Văn Học, thành phố HCM, 2005.
- Nguyễn Đông Chi, *Việt Nam Cổ Văn Học Sử*, Hà Nội, 1941.
- Nguyễn Văn Ngọc, *Tục Ngữ Phong Dao*, tập I & II, nxb Vĩnh Hưng Long Thư Quán, Hà Nội, 1928.
- Nguyễn Văn Ngọc, *Truyện Cổ Nước Nam*, 1932 & 1934, nxb Thăng Long tái bản, Sài Gòn.

- Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, quyển I, nxb Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn, 1961.
- Phạm Văn Diêu, *Văn Học Việt Nam*, quyển thượng, nxb Tân Việt, Sài Gòn, 1960.



TIẾNG SÁO TRƯA HÈ

Tuổi thơ tôi trải vùng châu thổ
Ruộng trũng, ruộng gò, mộng ngát xanh
Tre trúc la đà đường xóm nhỏ
Hiu hiu trong nắng, gió khua cành.

Lòng của bé thơ: vương lụa trắng
Thênh thang trải khắp nẻo đường đời
Hồn nhiên mở mắt nai âu yếm
Lắng vọng bên trời tiếng viễn khơi.

Cắt khúc trúc già làm ống sáo
Lưng trâu thả nhạc buổi trưa hè
Véo von tiếng mỏng bay cao vút
Âm hưởng dạt dào, tôi lắng nghe.

Ơi, những trưa hè vàng rực nắng!
Sáo đưa người thả giấc thiu thiu
Chợt nghe tận đáy hồn sâu thẳm
Sôi réo đời qua tiếng nhạc thiều.

Lối về cuối xóm sao gần gũi!
Mà sáo dặt dìu bay đến đâu?
Để khách yêu quê nhìn bóng khói
Chân mây còn vọng tiếng còi tàu.

Cuống rún đứt lìa, tôi bỏ xóm
Miệt mài trôi giạt khắp quê hương
Nhà xưa có buổi về thăm lại
Bỏ ngõ chùng như kẻ lạc đường.

Cảnh lạ người thân trôi giạt hết
Bé xưa đất lạnh đã vùi sâu
Nhưng còn lối trúc xanh qua xóm
Còn bóng đong đưa giấc mộng đầu.

Lưng trâu, một bé ngây thơ khác
Cũng đẹp hồn nhiên cặp mắt nai
Thả sáo du dương vào nắng tỏa
Trúc tre lắng đọng điệu u hoài.

Tiếng sáo ru trưa, ru quá khứ
Chập chờn từng thoáng rộn mong manh
Để tôi ngùi ngậm niềm man mác
Gửi sóng thời gian chút ý tình.

Em xưa có phải đầu thai lại
Trên mảnh đất nhà trộn thịt xương?
Giao cảm nối liền qua kiếp trước
Tặng tôi bằng điệu sáo quê hương.

Để tôi sống lại bao năm trước
Những buổi trưa hè vàng xóm quê
Những buổi mênh mông nhìn nắng đẹp
Thương người đã mất dấu đường về.

Đồn dập tang thương, ơi xóm cũ!
Bóng tà dương úa lạnh hồn quê
Để rồi thêm một lần sai bước
Lỡ chọn đường bung bít lối về.

HỒ TRƯỜNG AN

(France)

Lần cuối viết về Bùi Giáng

NGUYỄN THÙY

Gữa lúc đồng bào trong nước và chúng ta nơi hải ngoại đang phải đối mặt với bao vấn đề trầm trọng (hiểm họa mất nước về tay Tàu Cộng, thủ đoạn tàn độc, dã man của Việt Cộng xem tính mạng người dân như cỏ rác), mà ‘lãi nhái’ về chuyện ‘Bùi Giáng – Kim Cương’ hay gì khác, xem ra không hợp cảnh, hợp thời, hợp lúc và Việt Cộng sẽ ‘trung đùi’ nhìn chúng ta tranh cãi, bàn tán những điều ‘không đâu’. Vậy nên, xin lần cuối viết thêm về Bùi Giáng rồi xin ngừng.

Như đã nói trong bài **‘Đôi mẩu chuyện về Bùi Giáng’**, những gì Bùi Giáng viết đều ít nhiều liên hệ đến Đạo học, Tôn giáo và Tư tưởng của bao nhà triết, nhà văn, nhà thơ Đông Tây, kim cổ. Phần nào thông qua điều này mới nhìn ra ít nhiều hồn thơ Bùi Giáng.

- Chẳng hạn bài thơ sau đây (người viết lại không nhớ nhan đề) :

«Bờ bến lạ lá cây rung cùng tột
Trận điêu tàn bào hạo nhị giai nhân
Đường địa hạt ngày mai xin bữa một
Đợi hôm nay từ hôm trước chuyện cần

Như màu lá nhớ màu cây đầu ngõ
Thị thành vui vì sắp sửa sang đèo
Gió khuyến khích trong đập dồn hiểm họa
Hồn thu phong trường kiếm dựng cho bèo».

Xin chỉ chú ý đôi câu nơi bài thơ:

1) *‘Trận điêu tàn bào hạo nhị giai nhân’*.
‘Nhị giai nhân’ là hai người đẹp, là ‘Thánh Nữ, Tiên Nương’, tượng trưng cho Tôn

giáo và Thi ca. Thê gian trong mê mờ, huyền cấu, chạy theo bao phù phiếm, hư ảo, tạo nên dòng lịch sử bi đát, tang thương (trận điêu tàn) đã vùi giập (bào hạo) hai người đẹp này. Tôn giáo bị xem là thuốc phiện, là mê tín dị đoan, ru người vào mộng ảo. Thi ca bị xem là phù phiếm, vô ích, việc làm của những kẻ ‘ăn không ngồi rồi’, thủ tiêu khiến qua đường của bao kẻ trưởng giả, giàu sang. Cả hai bị xem là vô ích, vô bổ, là ‘lương thực’ của những tâm hồn bệnh hoạn, bất lực giữa điêu tàn; nào đâu biết rằng chính Tôn giáo và Thi ca là những cánh cửa mở vào Vô Cùng, đưa dẫn con người và cuộc sống nó đến những bến bờ an lạc, những khung trời bằng an, những cảnh đời lương hảo, trong sáng, tươi vui, giải thoát cuộc đời khỏi trầm luân, sa đọa.

Có thể liên hệ đến đoạn thơ của Gérard de Nerval trong bài thơ *El Desdichado*: *‘Et j’ai deux fois vainqueur traversé l’Achéron: Modulant tour à tour sur la lyre d’Orphée, Les soupirs de la Sainte et les cris de la Fée’*. Bùi Giáng đã dịch sang tiếng Việt, người viết không nhớ, nay xin tạm dịch: *‘Và tôi hai lần thắng, vượt Hoàng Tuyền, Khúc huyền cầm Orphée lần lượt rung rung, Tiếng thờ dài của Thánh Nữ và tiếng gào thét của Tiên Nương’*

2) *Hai câu thơ cuối. Gió*, cơn lốc lịch sử triền miên gây hiểm họa cho cuộc sống người nhưng đồng thời cũng giục giã những kẻ *‘quân tử, trượng phu’* (hồn thu phong, lấy ý

hình như trong sách Đại Học: ‘Đức kẻ quân tử như gió, đức kẻ tiểu nhân như cỏ’ đem hết *hùng tâm, tráng khí* (trường kiếm) đấu tranh xây dựng cảnh đời an lạc, hạnh phúc cho quần chúng khổ đau, bèo bọt (bèo) trong gọng kềm của bạo lực bạo quyền tàn ác, bất nhân. Có thể liên hệ đến câu thơ chữ Hán của Nguyễn Du: ‘*Yêu gian trường kiếm quai thu phong*’ (Thanh trường kiếm ngang lưng mang chờ gió thu - tạm dịch như thế, xin bạn đọc bỏ túc cho thật đúng) Có lẽ, đối với anh, cảnh thế nhân gian nói chung hiện nay và riêng của VN đang trong ‘tà huy’, đang trong bóng tối của hoàng hôn, của thời ‘mặt hậu’, của thời ‘hạ nguơn’ như linh cảm của một số người, nhất là số tín đồ Hòa Hảo đang trông chờ một ‘Hội Long Hoa’ sẽ đến. - Cái ‘tà huy’ đó hiện nay sẽ tan đi khi ‘*Hồn thu phong trường kiếm dựng cho bèo*’. (Xin liên hệ ít nhiều đến thời cuộc: Bao nhiêu kẻ sĩ phu trong nước, đem hết hùng tâm tráng khí đấu tranh chống bạo quyền Cộng sản để xây dựng cảnh đời dân chủ, tự do, nhân quyền, nhân phẩm cho toàn thể đất nước và nhân dân.).

-Thêm hai câu thơ, anh Giáng thường đọc cho tôi nghe:

Em về giữ áo phù sa

Trút quần phong nhụy cho tà huy bay.

‘**Áo, Quần**’ là lớp vải ta mặc bên ngoài thân thể và luôn thay đổi. **Phù sa, phong nhụy** (tự điển Hán Việt Nguyễn Văn Khôn không có từ ‘phong nhụy’) ám chỉ những gì xa hoa, diễm lệ, tốt đẹp, thường được quan niệm là ‘hạnh phúc’ của đời sống: tiền nong, của cải, giàu sang, danh vọng, địa vị, quyền uy, tăm tiếng..., lôi cuốn ta vào phiền não, lo âu, cạnh tranh chiếm hữu, đày đọa cuộc sống ta, những thứ bên ngoài không chắc thật, luôn thay đổi như áo quần ta mặc. Chỉ khi nào **Em** trút bỏ hết những xa hoa, phù phiếm đó thì **tà huy** tức bóng chiều tăm tối sẽ tan đi. Nhưng **Em là ai?**

Và Em về, về đâu, từ đâu về? Em có thể là người yêu, người tình, một hồng nhan sắc nước hương trời nhưng nơi đây, có thể là Thượng Đế, là Đạo Thể (Être) đã bị người đời ‘trang điểm’ bằng bao thù ‘phù sa, phong nhụy’ nên không thể hiện được cái Tính Thể tinh anh, thuần khiết nguyên thể của mình. Chỉ khi nào, trút bỏ được những thứ trang trí mỹ miều, diễm đúa giả tạo đó, Thượng Đế hay Đạo Thể mới hiển hiện tinh tuyền, diễm lệ, thanh tân. Bóng **tà huy** của cảnh giới nhân gian (l’Obscurissement du monde) sẽ tan đi để người người và cuộc đời vui hưởng mọi toàn thiện, toàn chân, toàn mỹ. Ta có thể liên hệ đến lời trong Tin Lành St Jean : ‘*Sự sáng soi trong tối tăm, tối tăm chẳng hề nhận lấy sự sáng*’ (Jn 1, 5). Ta cũng có thể nhắc lời thơ Nguyễn Bính : ‘*Hôm qua em đi tỉnh về, Hương đông gió nội bay đi ít nhiều*’. Cũng có thể liên hệ đến hai câu khác của Bùi Giáng :

Em về mấy thế kỷ sau

Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không ?!

Ta cũng nghĩ đến lời cuối trong bài Tứ Tuyệt của Trương Kế : ‘*Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền*’ (Nửa đêm chuông đến với khách trên thuyền). **Đạo** (tiếng chuông) **đến với người** (khách thuyền). Vì thế, khi Tân Đà dịch câu đó ra tiếng Việt ‘*Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San*’, nhóm từ ‘**nghe tiếng chuông chùa**’ không đúng với ý tinh tác giả.

Có thể bạn đọc nghĩ rằng Bùi Giáng ‘đạo’ thơ văn người này người nọ. Không phải thế. Bùi Giáng không ‘ăn cắp’ thơ văn của ai đâu. Anh chỉ ‘tương ứng’ với tư tưởng người này người nọ rồi tư duy theo anh và diễn giải bằng cách ‘lập ngôn’ của riêng mình.

Trước 1975, tôi chỉ nghe Bùi Giáng đọc theo thể điệu phiêu hốt, phiêu bổng thơ anh cùng thơ nhiều người khác như Nguyễn Du, Tô Đông Pha,..., tôi thấy hay hay, thỉnh thích chứ chẳng hiểu gì. Sau 1975, từ 1979, tôi

bỗng nhiên làm thơ, viết văn, nhớ lại lời thơ anh đọc, tôi ‘cảm nhận’ ra những gì bằng bạc sâu xa nên bây giờ viết lại những ‘cảm nhận’ đó chứ không làm công việc ‘nghiên cứu, phẩm bình, nhận xét, phê bình’ theo lối trường ốc. Hy vọng thơ anh cũng được bạn đọc ‘cảm nhận’ tinh tế hơn tôi. Đừng vì những thái độ, những lời ‘bõn cợt’ nơi thơ anh mà quên đi phần ‘ẩn mật’ mông lung, bằng bạc trong đó.

Cuộc Tình (?) Kim-Bùi. Kim Cương không yêu Bùi Giáng mà chỉ thương, mến, nể, trọng, cảm kích những tình cảm chân thành của Bùi Giáng thôi. Không một cô gái nào, nhất là được nổi tiếng trong làng kịch nghệ, có thể chịu đựng được những ‘đùa giỡn’ ngông nghênh, nhiều khi ‘lố lăng’, sảm sỡ của họ Bùi như Kim Cương. Kim Cương đã ‘bù đắp’ cho Bùi Giáng những trống vắng, cô đơn, một chỗ ‘tựa’ để anh gởi trao những ý tình viên mộng, viên mơ – dù Kim chẳng hiểu ra sao và mọi người xem anh như là một ‘hiện tượng’ lạ lùng thôi. Bùi Giáng, theo tôi, không yêu Kim Cương theo lối ái tình trai gái mà ‘thương’, một thứ tình thương để được hiểu là ‘yêu’ nhưng cao quý hơn tình yêu nam nữ. Đây là thứ tình thương kỳ lạ, một thứ tình cảm vời vợi, bát ngát, mênh mông, bay thẳng vào vô cùng, vào hư không huyền nhiệm. Qua Kim Cương, anh đã đưa tình từ **‘không’ vào ‘hữu’** để biến thành cái **‘hữu trong không’** và để sống cái **‘không trong hữu’**. Kim Cương không thể hiểu điều này. Cuộc tình ‘Bùi – Kim’, **cuộc tình giữa ‘Kim kỳ nữ’ với ‘đười ươi thi sĩ’ Bùi Giáng, bán dùi** (anh thường nói lái tên anh) không là một thứ ‘amour platonique’. Với tất cả những tình cảm cao quý, những ‘chịu đựng’ của Kim đối với anh, anh xem Kim Cương như một ‘hình tượng’, một ‘hiện thân’ nào đó từ lâu hình thành chập chờn nơi anh, để anh ‘gỡ gắm’ và

hướng về một ‘cảnh giới’ xa xôi, huyền ảo, để anh **‘xuất võng ngoại tồn’** (thuật ngữ của anh) ra khỏi cảnh đời nhầy nhụa của nhân sinh. Như Đinh Hùng từng *‘Tôi đặt em lên ngai thờ nữ sắc, Để cho em biện hộ kiếp ngày sau, Vì người em có bao phép nhiệm màu, Một sợi tóc đủ làm nên kinh ngạc’* (có thể tôi không nhớ đúng nguyên văn), Bùi Giáng xem hình tượng Kim Cương có những gì huyền nhiệm mà **‘giọt nước đá’** của Kim trên mỏ anh cũng có một khả năng lạ lùng lôi kéo anh ra khỏi mọi vũng lầy phiền não của nhân gian. Anh không nhận một giúp đỡ thực tế nào nơi Kim Cương mà Kim Cương có giúp đỡ gì, anh cũng không nhận. Bùi Giáng chưa một lần nào nói với tôi về nhan sắc, về vóc dáng, thân xác Kim Cương; chưa lần nào mô tả ‘mùi vị’ của Kim Cương, chưa lần nào nói về tài năng kịch nghệ của Kim Cương. Nếu có lần anh cầm tay Kim Cương hay quì xuống lấy vạt áo hay lai quần Kim Cương lau mặt mình hoặc ‘nắn ni’ Kim Cương ‘đái’ vào mình, vào nắm mồ mình thì cũng không phải để được đón nhận hương sắc, mùi vị ‘người yêu’ (?) mà xem đây là hồng ân, phước lộc của một đấng nào đó, một Bồ Tát, một Thánh nữ, Tiên nương mà qua Kim Cương anh đã hình dung trong tâm trí, đang hướng vọng tìm về. Và Kim Cương, với máu nòi nghệ sĩ, trước một bậc ‘tài hoa’, không hề khó chịu chút nào trước những lời sảm sỡ, những cử chỉ quái dị cùng những mùi mồ hôi meo mốc toát ra từ bộ áo quần cái bang không hề được giặt gya, từ tấm thân kẻ ‘bán dùi’ có thể cả hai, ba tháng không hề tắm rửa. Bùi Giáng không hề xem Kim Cương là ‘người đẹp’, một nhan sắc kiêu diễm nào như Đại Kiều và Tiểu Kiều thời Tam Quốc qua lời thơ Đỗ Mục: *‘Đồng tước xuân thâm tỏa nhị Kiều’* (một nền Đồng tước khóa xuân hai Kiều). Bùi Giáng không chú ý gì đến tài năng kịch nghệ của nàng, không để ý gì đến mọi lời khen chê Kim

Cương của bất cứ ai, không hề để ý cuộc sống Kim Cương ra sao, cùng những khổ đau về tình ái của Kim Cương (mà chắc Kim Cương cũng không hề kể cho anh nghe).

Anh đóng vai một ‘Bồ Tát’ bị đọa, một ‘Thiện trí thức’ làm đủ mọi lỗi ‘ngịch hành’, đem chính mình ra bêu diều để đón nhận mọi khinh chê, và đôi chút từ tâm nơi bao kẻ nghèo hèn, cùng khốn... Nhưng lúc anh bắt tôi cùng anh quý trước đôi cô nàng bán thuốc lẻ, bảo họ là ‘thánh nữ’, là ‘Bồ Tát’,... ; những cô bán thuốc lẻ đó là ai ? Nhiều cô chính là vợ hay con cái các ông lính chiến VNCH. Anh từng đứng trước quán phở, đợi khách ra đi là bung vội tô phở còn sót chút nước, húp lầy húp để, vô cùng sáng khoái nhưng chủ quán thương tình định làm cho anh tô phở nhỏ, anh lại nhất quyết từ chối, sau khi nói lời cảm tạ... Hình như anh muốn ‘nuốt’ hết những ‘cặn bạ’ của cái xã hội sa đọa cho ai nấy được ‘tỉnh thức’, phải chăng? Một nắm xôi, một trái chuối của ông bà bán dạo cho anh, anh trân quý như tấm lòng Bồ Tát, lạy chào, cảm ơn rồi rít rồi bỏ hết vào các túi ‘cái bang’, hai ba ngày sau chuối nát, xôi thiêu, lại móc ra ăn rất ngon lành, tôi cũng đành nhắm nháp chút ít cho anh vui... Lũ trẻ nhỏ ném đá vào anh, anh ví đuôi chúng nhưng rồi lại kêu chúng, chia cho chúng trái chuối, gói xôi,... Những lần anh đóng vai ‘cảnh sát giao thông’ đứng ngay giữa đường chỉ xiêng chỉ xéo cho xe cộ và bộ hành khiến lũ trẻ và mọi người bu lại xem, cười cợt,..., phải chăng anh muốn diễu các ông ‘bò vàng’ (công an Việt Cộng) không làm công việc tốt cho dân mà chỉ lo nạt nộ, mắng nhiếc, bắt bớ, tịch thu mọi thứ như trường hợp một số quán cà-phê ‘bất đắc dĩ’ nơi lề đường trước nhà đã vội vàng ‘đuối khách’, bung ly tách, lôi bàn ghế vào nhà vì đã thấy bóng ‘bò vàng’ thấp thoáng đằng xa.

Tôi từng chứng kiến cảnh này và cũng đã là ‘nạn nhân’ của một lần ‘bó ráp’ này.

Cái gọi là ‘điên’ của Bùi Giáng, xem ra khó thể nhận diện rõ ràng ra sao. Kim Cương bảo là ‘cái điên trí tuệ’. Cái ‘điên’, nếu có thể gọi thế, của Bùi Giáng như mang chứa tính cách ‘triết nhân’, tính cách ‘tư tưởng’ khó lòng nhận ra. Anh ‘điên’ với cuộc đời, với tất cả mọi người mà anh xem là ‘giả hình, man trá, đạo đức giả’, và anh ‘đóng vai ‘điên, khùng’ để mong đem đến cho những lớp người nghèo khổ, đón đau, đôi chút khuấy lãng, đôi tiếng cười quên hầu vơi đi trong phút chốc những ‘đọa đày’ của cuộc sống nham nhở, điêu linh. Nhưng lúc gặp ai là người không khó chịu về cách múa may, ăn mặc dơ dáy, cách nói lung tung chẳng đầu chẳng đuôi, cả cách nói tục của anh thì anh lại có một phong thái khác. Một lần, nhà thơ Đỗ Bình, sau khi ra khỏi trại tù ‘cải tạo’ của Cộng Sản, ngồi nơi chiếc quán đối diện với công trường Đại Học Vạn Hạnh, thấy từ bên kia cầu Trương Minh Giảng một người áo quần dơ dáy, xóc xếch, chấp vá từng miếng vải đủ màu, đủ sắc, miệng hét, tay quơ, theo sau là lũ trẻ chỉ chó, trêu chọc, Đỗ Bình biết ngay là Bùi Giáng, liền chạy ra, nắm tay, đưa anh vào quán, mời anh uống cà phê. Bùi Giáng trở nên nghiêm trang, không còn đùa cợt, nói tục, vung tay múa chân nữa. Nhìn anh bung ly cà-phê, Đỗ Bình bảo: ‘Ông ăn mặc ‘diêm dúa’(!), hét la, đùa giỡn, chọc ghẹo, nói năng chẳng ai hiểu,... mọi người bảo là ông điên’. Bùi Giáng uống cạn ly cà-phê, nói ‘cảm ơn’ rồi đứng dậy, nói với Đỗ Bình: ‘Cái xã hội này, có ai là người tỉnh mà chủ mày bảo ta điên?’. Câu trên cho ta thấy ‘Tự thân Bùi Giáng không điên mà chỉ đóng vai trò người điên thôi’. Bùi Giáng ‘điên’ hay ‘phải điên’ chỉ vì một ý hướng nào khác mà mọi người không nghĩ ra. Cái ‘điên’ của Bùi

Giáng không hẳn do từ những ‘ẩn ức, dồn nén’ nào theo Phân Tâm học của Freud. Cái điên của anh, có thể xem là cách hành xử của nhà ‘thiện trí thức’ làm đủ mọi trò nghịch hành, nghịch lý hầu ‘độ’ người đời, với tầng lớp khổ đau là giúp họ vui quên ít nhiều phiền não, ưu tư giữa cuộc sống điều linh, với bao kẻ khác, là để họ nhìn ra cái sống nham nhở, tạp nham, nhếch nhác, dối trá, giả tạm, hư huyền mà cứ ngỡ là đứng đắn, khôn ngoan, là hạnh phúc,...(Không thể phân tích được cái ‘điên’ của anh nên khi viết về Bùi Giáng, người viết cũng rất phân vân, lúng túng nên lời văn đôi lúc trùng lặp, luộm thuộm, xin bạn đọc tha cho cái tội dài dòng)..

Cuộc tình ‘Kim-Bùi’ ? Một cuộc tình đơn phương và ‘hoang tưởng’ của Bùi Giáng, phải chăng ? Một cuộc tình ‘tưởng không’ mà ‘thực hữu’, một cuộc tình ‘thực hữu’ được xây dựng trên nền tảng ‘hư không’, như đã nói ‘đưa hữu vào không’ để sống cái ‘không trong hữu’. **Có thể đây là nội dung tư tưởng lung linh, bàng bạc nơi anh và cũng là ‘nội dung’ con điên của anh.**

Tôi có ‘tưởng tượng’, bịa đặt, thêu dệt cho anh không ? Bạn đọc nghĩ sao cũng được. Tôi chỉ ‘cảm nhận’ mơ hồ như thế. Và trong cảm nhận đó, xin gởi đến bạn đọc bài thơ nói về cuộc tình ‘Bùi – Kim’ để vừa tưởng niệm người bạn, người anh và phân nào là người thầy, vừa để gởi đến nàng Kim chút tình bạn ngày nào giữa Nàng với vợ chồng ‘Thùy-Hạnh’.

Kỷ Tình *

(thác lời Bùi Giáng gởi Kim Cương)

Kim Cương ơi ! Nương từ Kim ơi !
Tôi (B.G.) muốn vùng lên tóm gió khơi
Đánh thức thời gian ngưng đọng dậy
Mang chờ tình em tận cuối trời
Đề em tìm thấy trong tôi đó

Đôi cánh Thời-Không chẳng ý lời !
Phải thế chẳng em ?!

Người em vạn đại

Người em hiện tại

Người em tương lai

Tôi dựng điện đài

Tôn vinh em...’**Thần Tượng**’

Trong nhạc tình giao hưởng

Cánh Thiên thần dựng...’**Coi Không Tên**’ ! **

France, 30/12/2010

NGUYỄN THÙY

* Nhại nhan đề bài thơ ‘**Kỷ Nữ**’ của Đinh Hùng

** Mượn ý ‘đáo bi ngạn’, ‘Bờ Bên kia’ và ‘Tánh Không’ của nhà Phật.

Ý THIẾT THA

Năm tháng trôi qua chưa thấy già
Ráng chiều rực sáng trước chân ta
Tóc sanh dù chẳng tròn hương lửa
Dáng ngọc còn vương chút nét hoa
Đã trái đường đi qua sỏi đá
Còn bền tay chống với phong ba
Vãn đàn nối nhịp tình thi hữu
Gửi gắm vào thơ “ý thiết tha”

KIỀU ANH

(Minnesota)

Cộng đồng VN trước 75

PHẦN II

Trương Anh Thụy

(Tiếp theo Cỏ Thơm 54)

c) Một đặc điểm của cộng đồng Việt Nam trước năm 1975 là chúng tôi rất hãnh diện về quê hương đất nước, về văn hóa Việt. Chúng tôi nấu những bữa cơm Việt trong gia đình và thiết đãi bạn bè ngoại quốc bằng các món Việt. Vì thời đó không có các cửa tiệm bán thực phẩm Việt Nam, không mua được các vật liệu làm cơm, và tiệm ăn Việt Nam cũng rất hiếm, chỉ có ở các thành phố lớn, các bà nội trợ thường trao đổi cho nhau cách làm các món mà họ sáng chế được, như lấy cải “broccoli” thay thế cho cải làn, lấy cá hộp “anchovy” thay thế cho mắm nêm, lấy thịt “ham hun khói” (răm-bông) đem ngâm dấm, tỏi làm nem chua...vv... ăn cũng thấy ngon như thường. Sự yêu thương quê hương này còn thấy trong những nỗ lực của một số người tìm cách phổ biến văn hóa Việt Nam qua viết lách. Các vị như Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Ngọc Linh, Phùng Thị Cam, Phạm Thị Thu đã ra được một tờ báo mỏng nhưng rất chuyên nghiệp ngay từ những năm đầu thập niên 50, mang tên *Vietnam Bulletin* giới thiệu nhiều khía cạnh của văn hóa Việt Nam trong tiếng Anh, mà Thư viện Công cộng New York (NY Public Library) đã cất giữ một cách rất trân trọng. Về mặt văn học, anh Nguyễn Ngọc Bích đã dịch *Chinh Phụ Ngâm* (in trong *Texas Quarterly*), *Văn tế Thập loại Chúng sinh* (in

trong *Antioch Review*), thơ cận hiện đại Việt Nam (in trong *Hudson Review*) ...vv... về sau được gom lại trong cuốn Một nghìn năm Thi ca Việt Nam (*A Thousand Years of Vietnamese Poetry* do nhà Alfred Knopf in ra ở New York năm 1975), G.S. Huỳnh Sanh Thông cũng có dịch Truyện Kiều (*The Tale of Kieu* do nhà Random House in ra năm 1973).

Về mặt hội họa, chúng ta có thể thấy tranh Lê Phổ, Mai Trung Thứ, Jacqueline Hà Văn Vượng được bán đây đó, nhất là dưới dạng “print” nhưng một số họa sĩ cũng có những cuộc triển lãm tranh gốc tại các phòng tranh nổi tiếng ở Nữ Ước như họa sĩ Võ Đình, chẳng hạn.



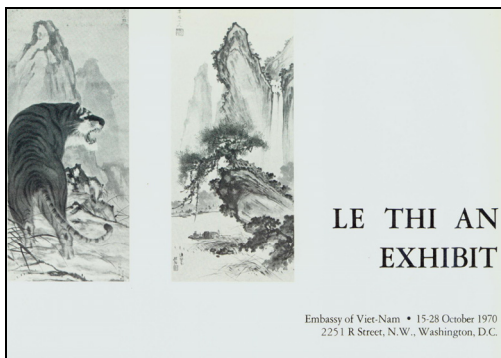
Triển lãm tranh Võ Đình ở Nữ Ước năm 1967

Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa cũng đã từng bảo trợ các cuộc triển lãm của một số họa sĩ. Cuối năm 1968, một phòng tranh trình bày 62 họa phẩm của các họa sĩ nổi tiếng như Nguyễn Cao Uyên, Tú Uyên, Thái Tuấn, Lâm Triết, Nguyễn

Khai, Đinh Cường. Còn một cuộc triển lãm vĩ đại nữa, tôi không còn nhớ năm nào, gồm toàn những họa sĩ tên tuổi của Việt Nam như Trịnh Cung, Đinh Cường, Văn Đen, Hồ Thành Đức, Tú Duyên, Nguyễn Khai, Nguyễn Tuấn Khanh, Nguyễn Lâm, Châu Văn Lang, Cù Nguyễn, Nguyễn Cao Nguyên, Huỳnh Văn Phụng, Nguyễn Phước, Nguyễn Văn Rô, Nguyễn Siêu, Nguyễn Duy Thanh, Phạm Thông, Nguyễn Trung, Lâm Triết, Thái Tuấn, đã gây tiếng vang không nhỏ trong giới thưởng lãm thủ đô Hoa Kỳ, trong đó phần lớn là khách Mỹ và ngoại quốc.



Triển lãm tranh Võ Đình ở Nữ Ước năm 1967



Đặc biệt tháng 9 năm 1970 có một cuộc triển lãm tranh thủy mặc của họa sư Tá Chi

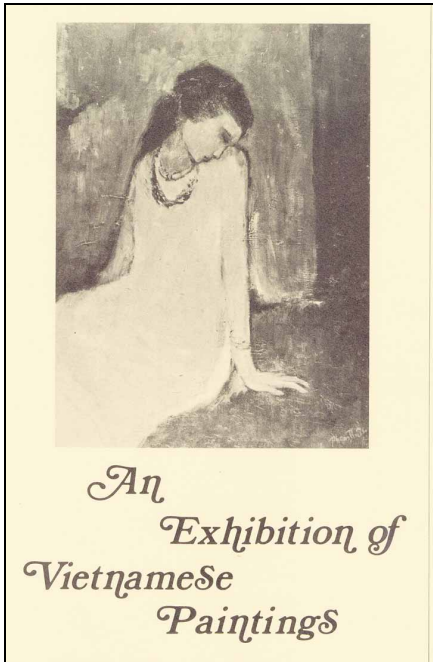
Trương Cam Khải đã được nhiều nhân viên sứ quán Đài Loan ở Hoa Thịnh Đốn tới thưởng lãm và khen ngợi. Về sau cụ thân nạp được một họa sĩ đệ tử người Đài Loan, hồi đó ông đã là họa sĩ thành danh ở xứ ông. Bà Đại sứ Bùi Diễm và phu nhân của ông Nguyễn Hoàn, Sứ thần tại Tòa Đại Sứ cũng tới nhà học vẽ với cụ.



Trong nỗ lực không ngừng phổ biến văn hóa Việt Nam với nước ngoài, chỉ một tháng sau đó, tháng 9 năm 1970, lại có cuộc triển lãm tranh của nữ họa sĩ Lê Thị Ẩn từ Việt Nam qua:

Tháng tư 75

Hãy hình dung những ngày trước và sau 30 tháng Tư, khối kiều bào sống ở hải ngoại đã làm gì khi họ ngồi ở xa nửa vòng trái đất hướng về quê hương trong cơn nguy biến?



“Brochure” in tên tuổi và tranh của các họa sĩ tham dự cuộc triển lãm trên.

Bức tranh ngoài bìa là “LONELINESS” của Phạm Thông -Sơn dầu-39 X 29



Triển lãm tranh thủy mặc của họa gia Tá Chi Trương Cam Khai tại tòa Đại Sứ VNCH-Hoa Thịnh Đốn-1970



Triển lãm tranh thủy mặc của họa gia Tá Chi Trương Cam Khai tại tòa Đại Sứ VNCH-Hoa Thịnh Đốn-1970

Hồi đó tuy phần đất miền Nam là đất tự do, nhưng vì nền thông tin của Việt Nam vẫn còn chưa tối tân lắm. Các phương tiện truyền thông như Internet, Email, Cell phone, Fax... chưa có. Chưa kể mọi sự xảy ra quá mau chóng khiến người trong nước, mặc dù được đọc báo, coi TV, nghe radio... vẫn không thấy được toàn diện bộ mặt chiến trường miền Nam. Nhưng người Việt hải ngoại, nhất là ở Mỹ lúc bấy giờ, được thấy rất rõ từng khu vực quân đội VNCH triệt thoái như từ Cao Nguyên, Kom Tum, Pleiku, rồi Nha Trang, Huế... Họ thấy rất rõ cảnh trốn chạy kinh hoàng trên sân bay Đà Nẵng: Người đeo tòn teng trên bánh xe khiến máy bay không thể kéo bánh xe lên nổi, người bị cán chết trên phi đạo... Thấy cảnh cộng sản pháo kích tới tấp vào phi trường Tân Sơn Nhất, cảnh chiếc máy bay chở các con lai bốc cháy trên trời, cảnh chen chúc, leo hàng rào để vào tòa Đại Sứ Mỹ, cảnh trực thăng chở nặng quá, rớt ở ngoài khơi... vv và vv...

Các sinh viên du học ở Mỹ trong thời điểm này lâm vào cảnh bất lực tận cùng chưa từng có trong đời! Họ chỉ có chiếu khán sinh viên và một sổ thông hành của VNCH được gia hạn năm một. Trong tay không có một phương tiện nào như một công dân Mỹ để có thể cứu gia đình (mặc dầu lúc đó cả người Việt mang quốc tịch Mỹ cũng chẳng biết có thể làm gì!) Họ nhận được những cánh thư nhà cuối cùng viết hồi hải... kể vội tình hình khản trương và an ủi cho con được yên tâm nơi xứ người... nhưng cả hai bên đều đã cảm thấy cảnh sinh ly tử biệt đang ập đến gia đình họ...

* Đây là một bức thư điển hình của một gia đình từ Việt Nam gửi cho người con đang du học bên Mỹ trong những ngày gần cuối của miền Nam.

Những khiếu nại khắp nơi trên thế giới gọi tòa Đại Sứ Việt Nam tại nước họ cư ngụ, đòi cập nhật tình hình... Ở Tòa Đại Sứ Việt Nam Hoa Thịnh Đốn, ông Đại sứ Nguyễn Tường Phượng đã mời khiếu nại đến giải thích đôi ba lần, nhưng những tin tức Tòa Đại Sứ cho, không giúp bà con vùng Hoa Thịnh Đốn hiểu gì hơn là những gì họ thấy trên màn ảnh TV. Gia đình nào cũng xúm nhau trước TV như bị thôi miên... đỡ dần, không còn muốn làm ăn gì!

Ngày 16-4 bỗng bà con Hoa Thịnh Đốn hết sức ngạc nhiên thấy anh Nguyễn Ngọc Bích, Cục trưởng Cục Thông Tin Quốc Ngoại xuất hiện! Người thì đồn Nguyễn Ngọc Bích đã nhanh chân chạy sang được đến đây, người thì đoán anh là sứ giả của ông Thiệu mang sang một tin mừng gì để trấn an khiếu nại... Các bạn của anh thì biết ngay là anh với bản tính lạc quan cố hữu, lại đang làm một chuyện kỳ quái gì đây, chứ chắc chắn là không đời nào anh lại "chuồn" sớm như thế. Ngay ngày hôm sau Trung Tâm Thông Tin Quốc Ngoại ở Hoa Thịnh Đốn, trực thuộc Cục Thông Tin Quốc

thời cuộc này ở nước ta vẫn còn
ra sao, ai cũng lo lắng lắm. Các anh
mình hay đi lại ở phái đoàn, thì ở đây
hỏi con có đi được không? Họ đang chờ anh
Saigon 11. 4. 75

Đúng thầy,
Sáng nay được thể con, cách đây 1 tuần, bà
có viết cho con nói, nói mà chỉ nhằn với con
mà thôi, chuẩn bị chút chút rồi. Con thấy quá
bà đang chờ gia đình. Ở bên này cũng chưa
biết làm sao nữa là câu mong chờ, phải
pho hồ cho mình đất con lại này đi về
yên ổn. Con tưởng chuẩn bị ra đi đi đang
làm sao? Các bạn của anh như là, Mỹ, Guatemala
họ cũng lên danh sách nhằn vịn của họ và
cha mẹ và con nhằn đi đi đến sang. Con đâu
chúng thì trảm phần khó. Hơn qua ông nghĩ
mới là đi đi Guatemala phát đờ, ông ra xem
tỉnh huyện thì con cả Ông Phùng nữa, có cả
hàng ng. chỉ có vài họ, họ là đi về nhằn
đón, phải có sổ thông hành và đi về cấp
chiếu khán với họ mới nhằn đi. Ông P
có petite port cũ 5 năm về trước cũng
vô giá trị. Khi Bà methuit mất nghe con
muốn xuất ngoại phải có S.T. người.
Kỳ này thì con là tay Rly Rly nên phần
đồng nhà phải và gia đình cũng bị kết nhằn
lắm. Gia đình bác Duyệt ở lại thật dở, vì
phải chờ đi Rly được. Bà chỉ đi ở đi
nên bác cũng ở ở đi. Nó cũng kết ở
2 Ngai - Gia đình Bà + tuyệt, gia đình anh. Năm
Đang Thành (bạn anh) qua báo quan khó của
báo được Saigon cả. Gia đình Bà Duyệt cũng
vào được cả (chủ anh chỉ kết 1 tháng rồi và
gia đình vô nhằn ở 3 tháng rồi con vô nhằn -
chờ chờ gia đình anh đi đi về về cũng?
thứ con anh Nghĩa, giờ này cũng chưa có
tin tức gì. Nghĩa đi sau lại vô được con me
và vô con thì biết cũng đã ra được rồi lâu
mà Rly biết đi đi hay Rly hay chết, hay
tở lau? Nghĩa cũng lên đơn này, người

Ông Tiến + anh Tâm, vợ họ cũng đi ở nơi đâu đó
 Sài Gòn là bị làm thế nào, có đi, vợ
 tay lái bị rơi như người chết! Tháng đó
 chúng ở lại đây, khi hình sự chết. Khi hình
 sự còn có, tôi thấy đi như người chết
 bà con khi lái thì cảm thấy như người
 đi thăm gia đình người thân. Mọi người
 tại đó không có chết chóc như thế gì
 khi họ chết như người, chết đi chết lại
 quốc gia, chết vì công việc, chết vì
 chết ngay trên tay người quân nhân đi
 tìm họ sống nên họ sống như người chết

Nếu bỏ vật gì vào thư này thì sẽ không được
 chuyển bằng máy bay
 Ce pli ne sera pas acheminé par avion s'il
 contient un objet quelconque
 If anything is enclosed this letter will be
 sent by ordinary mail

Gửi anh Tâm, anh Tâm, anh Tâm con mình
 Rất học và cần sự giúp đỡ của anh

Ngoại bên nhà, cho mời các sinh viên và
 kiều bào tới dự một buổi họp khẩn cấp để nghe
 anh Bích cập nhật tình hình đất nước. Tin của
 anh mang sang hiển nhiên đã lạc hậu so với
 những biến chuyển nhanh như chớp ở bên nhà.
 Nhờ anh Bích nói chúng tôi mới được biết cùng
 đi với anh có cả ông tổng trưởng kế hoạch
 Nguyễn Tiến Hưng, và cùng thời kỳ này, một
 phái đoàn khác gồm có ông tổng trưởng ngoại
 giao Vương Văn Bắc đi với ông Lương Nhị Kỳ
 sang Saudi Arabia, và phái đoàn ông Hoàng
 Đức Nhã sang Singapore cầu viện.

Ngày 23 tháng Tư, ông Thiệu từ chức.
 Ngày 26 tháng Tư anh Bích lấy máy bay trở về
 Việt Nam! Người ta hỏi ông Thiệu xuống rồi
 thì anh về làm việc với ai? Anh trả lời: “Có đi
 thì phải có về. Tôi làm việc cho đất nước Việt
 Nam chứ đâu có làm việc cho một người.” Tối
 lúc đó bạn bè mới thấy hết cái “điên” của
 Nguyễn Ngọc Bích! Riêng tôi nghĩ anh Bích là

người có lý tưởng, có trách nhiệm... Sau này
 gặp chị Nghiêm Thị Lan, vợ anh Ngô Vương
 Toại, di tản và định cư tại Virginia, kể chuyện
 lại mới biết là anh Bích về đến Sài Gòn còn
 kịp vào văn phòng Cục Thông Tin Quốc Ngoại
 gọi các nhân viên đến cấp giấy cho phép họ
 rời nhiệm sở để có thể tự do tìm... đường sống!

Ông tổng trưởng Nguyễn Tiến Hưng ở lại
 Mỹ. Ông có vợ Mỹ và các con vẫn ở đây,
 không theo ông về sống ở Việt Nam khi ông
 còn tại chức. Ông tổng trưởng Vương Văn
 Bắc, ông Hoàng Đức Nhã cũng ở lại.

Để trở lại việc ông Thiệu từ chức. Đang
 trong hoàn cảnh hỗn loạn đến cùng cực, người
 trong nước, người ngoài nước đang vô cùng
 tuyệt vọng, không còn biết bầu vùi vào đâu,
 thì... ngày 21/4/1975, Tổng Thống Nguyễn
 Văn Thiệu từ chức, trao quyền lại cho cụ Trần
 Văn Hương. Ông tuyên bố trước quốc dân:
**“Mất một tổng thống Nguyễn Văn Thiệu,
 quân đội còn Trung Tướng Nguyễn Văn
 Thiệu, đồng bào còn một chiến sĩ Nguyễn
 Văn Thiệu. Tôi nguyện sẽ chiến đấu kế bên
 anh em chiến sĩ.”** (Trích lời kể của bà Thiếu
 Tướng Lê Văn Hưng trong bài Viết gửi cho
 Nguyễn Cao Kỳ Duyên nhân dịp kỷ niệm 35
 năm sau biến cố 1975.)

Không lâu sau đó cả nước lại được nghe vị
 phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ tuyên bố:
 “Những kẻ bỏ nước đi, đàn bà thì làm đi, đàn
 ông thì làm bồi...!”

Thương quá tuổi trẻ Việt Nam ơi! Đến
 bao giờ các em mới có thể tin được những gì
 người lớn nói mà không phải thất vọng khi nhìn
 những gì người lớn làm?!

Mọi khiếu nại hải ngoại đều như diên
 cuồng. Họ làm tất cả những gì mà “nghe đồn”
 có thể làm để cứu gia đình. Ngày nào chúng
 tôi cũng kéo nhau lên Quốc Hội vận động!

Mỗi ngày mục tiêu vận động một khác, vì cả Bộ Ngoại Giao lẫn Quốc Hội cùng đều chưa có thể đưa ra được một chính sách di tản cụ thể để đón tiếp người tỵ nạn Việt Nam! Những kiều bào có công dân Mỹ thì kéo nhau đến Sở Di Trú (Immigration), sắp hàng dài cả mấy góc phố để xin đánh giầy thép (miễn phí) về Tòa Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn, với cái danh sách dài thòng, kê tên những người thân muốn được người Mỹ bốc. Người ta làm đủ mọi cách như một cái máy, mặc dù chẳng biết sẽ có kết quả gì hay không. Có những người làm cả những việc liều lĩnh như đưa hàng chục ngàn Mỹ Kim cho mấy bạn phi công Mỹ, với dự định thuê hẳn cả chiếc máy bay để bay về Việt Nam cứu người nhà, nhưng việc mất miền Nam nhanh quá, chiếc máy bay đó chẳng bao giờ có dịp cất cánh!

Vietnam Refugee Fund, Inc. ra đời

Khi đã ngã ngũ là sẽ có mấy trại được dựng lên để đón người tỵ nạn như các trại Guam, Pendleton, Indiantown Gap, Fort Chaffee, Eglin Air Force Base... thì nhiều kiều bào đã tình nguyện ra các trại tỵ nạn, vừa để giúp một tay với các Hội Từ Thiện, vừa để tìm kiếm người nhà. Các loạt điện thoại, giầy thép, thư từ... lại được tới tấp gửi ra các trại. Các giấy bảo trợ để người nhà được nhập cư vào nơi mình ở lại được gửi đi như bướm bướm. Các Hội từ thiện, các nhà thờ, các tư nhân Mỹ rộng tay đón nhận từng gia đình đến định cư tại các vùng, kể cả ở các nơi hẻo lánh. Còn các gia đình kiều bào thì khỏi phải nói, gần như nhà nào cũng có người nhà đến ở, phần lớn là ông bà, cha mẹ, anh chị em, chú, bác, cô, dì, anh, chị em họ... Nhiều người bảo trợ cả đến bạn bè và gia đình đồng đức của bạn... Đáng ghi nhận nhất là các chàng rể Mỹ hay chàng rể

người nước khác, đã tận tình, sốt sắng cư mang đại gia đình nhà vợ.

Hội “Vietnam Refugee Fund, Inc.” ra đời trong bối cảnh đó. Hội này gốc gác chính là “Nhóm làm việc thiện nguyện vùng HTĐ” mà tôi đã có dịp nói đến ở trên, tới ngày đó mới được hợp thức hóa và làm việc có tổ chức ở một quy mô lớn. Toà Đại Sứ Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn tặng cho Hội 2,500 Mỹ Kim. Hội đã dùng để đăng một quảng cáo rất khiêm tốn trên báo Washington Post kêu gọi lòng hảo tâm của người Mỹ cũng như Việt trong vùng. Tờ quảng cáo đó tuy nhỏ mà thật hữu hiệu. Địa chỉ của Hội là nhà riêng của chúng tôi. Chiếc điện thoại nhà chúng tôi bị/ được rẻo gọi suốt ngày... Hộp thư ngày nào cũng đầy nhóc... Thôi thì có đủ loại câu hỏi: Nhờ tìm thân nhân, hỏi chính sách cứu trợ người tỵ nạn của chính phủ Hoa Kỳ, hỏi địa chỉ các cơ quan từ thiện, đơn xin trợ cấp, phục vụ y tế miễn phí...v...v... Và đủ mọi loại ý kiến, ủng hộ cũng như chống đối... Tôi xin đơn cử một trường hợp điển hình: Chúng tôi nhận được một phong bì trong có cái ngân phiếu \$1 với vài chữ viết nhanh trên mảnh giấy nhỏ: “This is my last check. I am unempolyed too, but I am ashamed with what happened to your people. Please accept my small donation.” Và một cú điện thoại cũng điển hình chẳng kém: “Hey! Your people should not come here! We have enough problem in this country, we don’t have enough job for every one, we can’t help anyone...” Nhưng được một cái là khi chúng tôi có dịp đi họp với các nhà thờ và các hội từ thiện trong vùng để góp ý kiến với họ tìm giải pháp hữu hiệu tiếp đón và yểm trợ những người tỵ nạn đến vùng này thì các thành viên của Hội bao giờ cũng được hỏi ý kiến và được

quí trọng như một tấm gương của “người Việt cứu người Việt.”

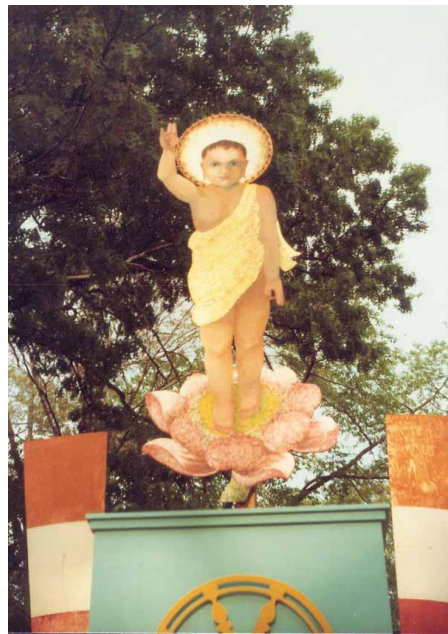
Hội dùng tiền quyên góp được mua hàng ngàn tấm chăn mền, chén ăn cơm, đĩa... đặc biệt là Hội còn thu góp được rất nhiều quần áo, soong nồi, chén đĩa cũ, mới... từ các nhà hảo tâm Mỹ, các kiều bào... để phân phát cho những người tỵ nạn đến định cư ở vùng Hoa Thịnh Đốn. Cuối cùng, chỉ trong vòng ba, bốn tháng đầu mà VRF đã có thể giúp được cho hơn 5600 người tỵ nạn. Trong công tác đi quyên góp quần áo cũ, phải kể đến công lao của chị Túy Cầm Bullington và một bà bạn Mỹ của chị đã hoạt động rất tích cực. Họ cũng mượn được địa điểm trong tầng hầm nhà thờ Westover Baptist Church ở đường Washington Blvd, Arlington, Virginia, làm Trung Tâm phân phát các tặng phẩm này.

Những ngày kế tiếp

Công việc làm của những kiều bào hải ngoại trước 75 từ đó vẫn chưa bao giờ ngừng nghỉ. Khi người tỵ nạn đến định cư ở vùng nào thì kiều bào lại làm công việc dẫn dắt họ (không nhất thiết chỉ là người nhà mình) đi xin trợ cấp, đi khám sức khỏe, tìm nhà, đưa người lớn đi tìm việc hay học nghề, đưa trẻ con đi xin học, can thiệp với cảnh sát những trường hợp bị hiểu lầm, như câu chuyện có một người cha dùng mấy cái miệng lọ nhỏ “giác” ở lưng cho đứa con bị cảm, ông bị cảnh sát bắt để điều tra, vì hàng xóm báo với cảnh sát là ông bạo hành con ông... vv và vv...

Không bao lâu lại đến việc tiếp tay bà con tỵ nạn làm các bữa cơm gây quỹ dựng chùa, cất nhà thờ, lập Trung Tâm Cộng Đồng, lập Hội, ra báo... Tờ báo đầu tiên xuất hiện ở Hoa Thịnh Đốn là tờ Lửa Việt, ra tháng 12 năm 75, rồi tờ Việt Chiến, các tờ Đất Mới ở Seattle,

tiểu bang Washington, tờ Hồn Việt ở Cali...vv... Khi phong trào thuyền nhân ồ ạt tới các trại Hồng Kông và Đông Nam Á, thì kiều bào lại sát cánh với người tỵ nạn đi vận động, biểu tình, viết kiến nghị... đòi quyền lợi cho thuyền nhân được thanh lọc công bằng, được thêm “quota” để vào định cư tại Hoa Kỳ...



Tranh Phật sơ sinh cao 8 feet vẽ trên gỗ do Trương Anh Thụy.



Chùa Giác Hoàng - Lễ Phật Đản đầu tiên của người tỵ nạn tại HTĐ, 1978



Cộng đồng VN biểu tình ở HTĐ vào những năm đầu tỵ nạn. Trong hình, ở hàng đầu chúng ta nhận thấy có cụ bà Đức Thụ ngồi bên phải và cụ bà Kim Y Phạm Lệ Oanh ngồi bên trái.

Lời cuối.

Để khép lại chương sách này, tôi chỉ muốn nói lên một giai đoạn lịch sử bị thương của đất nước, mà trong đó cộng đồng hải ngoại trước 75 đã đóng góp trực tiếp và tích cực, vật chất cũng như tinh thần cho đồng bào tỵ nạn. Dĩ nhiên vẫn phải nói đến vấn đề muôn thuở của con người, là không thể tránh được có

những trường hợp đáng tiếc, đáng buồn... như người tỵ nạn bị người bảo trợ lợi dụng, hay ngược lại... Những chuyện đáng tiếc đã từng xảy ra... không phải hiếm. Nhưng hãy nhìn đại thể bằng con mắt vị tha của nhà Phật để đừng quên đi những trường hợp có ân tình, ơn nghĩa... Tôi đã từng được nghe nhắc lại những lời bạc bẽo như: “Mấy người ấy không bị di tản, không mất mát gì thì có bốn phận phải giúp những người đến sau...” Điều đó đã sai ngay từ trong căn bản. Họ mất mát nhiều chứ. Mất quê hương, mất mồ mả tổ tiên, có người mất cả người thân, hay người thân bị kẹt ở lại... Nhưng, lại cũng cùng một hoàn cảnh ấy, có người đã có thể nói lên những câu làm mát lòng các ân nhân của họ như: “Bác ấy/ chú ấy/ anh ấy/ chị ấy... là kiêu bào ở đây từ trước, họ đã có cơ sở vững vàng nên có khả năng và phương tiện... để có thể rộng mở tấm lòng đối với những đồng bào đến sau kém may mắn...”



Những nét mặt ưu tư trong ngày biểu tình tranh đấu cho đồng bào tỵ nạn tại các trại. Từ trái qua phải: Bà Trương Anh Thụy, BS Trần Quốc Dũng, GS Đặng Đình Khiết, GS Nguyễn Ngọc Bích, ĐS Bùi Diễm, GS Nguyễn Tự Cường.

Một trong hàng trăm, hàng nghìn trường hợp đáng được nêu danh là Tiến Sĩ Nguyễn Hữu Xương ở San Diego, một người đi du học,

sống ở ngoại quốc từ năm 1950, đã đứng ra cùng với nhà văn Phan Lạc Tiếp (một nhân vật tỵ nạn) đáp ứng lời kêu gọi thống thiết của nhà văn Nhật Tiến, và vợ chồng nhà báo Dương Phục, Vũ Thanh Thủy xin cấp cứu hàng trăm đồng bào nạn nhân từ đảo Kra, Thái Lan... Hai ông Nguyễn Hữu Xương và Phan Lạc Tiếp đã thành lập Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển (Boat People S.O.S. Commitee ở San Diego, California) từ năm 1980. Đến năm 1987, vì nhu cầu vận động với Quốc Hội và Bộ Ngoại Giao, Ủy Ban lập thêm chi nhánh ở Washington D.C., để rồi công việc làm của các ông không những vẫn còn được tiếp nối mà còn được phát triển mạnh mẽ theo với nhu cầu của cộng đồng cho tới ngày hôm nay (2011), bởi Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển (Boat People S.O.S.), đã có 14 chi nhánh ở khắp nước Mỹ, mà trụ sở chính ở tiểu bang Virginia.

Nhìn cộng đồng Việt Nam lớn mạnh tại hải ngoại hiện nay, chúng ta hãy hình dung cộng đồng này 36 năm trước. Từ bước đi chập chững với hai bàn tay trắng, với nỗi đau mất mát đè nặng trong tim... đã được đa số kiều bào trước 75, tuy ít ỏi, nhưng đầy lòng thương yêu người ruột thịt, đồng bào, đã sẵn sàng mở rộng vòng tay đón nhận gia đình, họ hàng, bạn bè... Có người đã ra đi vĩnh viễn như trường hợp hai cụ Hoàng Văn Chí ở Bowie, tiểu bang Maryland, nổi tiếng Mạnh Thường Quân trong công cuộc cứu mang người tỵ nạn, và chị Nguyễn Thị Phương Dung, một trong những sáng lập viên của Vietnam Refugee Fund, INC. đã mất ở Cali. Có nhiều người nay đã già... nhưng đã có lúc nghĩ về một quá khứ, không lấy gì làm xa xôi lắm, họ cũng có lý do để hãnh diện nhìn ra chung quanh thấy những em bé--hồi đó còn được ăn sữa, hay học mẫu giáo, tiểu học, trung học... nay đã thành tài, có người nổi tiếng khắp nước, có người có cơ

ngiệp hàng triệu, hàng trăm triệu ... -- mà trước đây đã có lần họ mở lòng chia sẻ từ mỗi thương đau, đến miếng cơm, manh áo, mái nhà... đến niềm tin rằng sẽ có ngày những người được họ cứu mang giúp đỡ đó có một tương lai sán lạn như ngày hôm nay..../.

GHI CHÚ:

* Hình ảnh và thư gia đình do anh Phan Anh Dũng cung cấp.

CƠN BUỒN

Ta đã có những cơn buồn vô tận
Những cơn buồn còn mãi ở trong ta...
Từng đốt xương, máu thịt ứa ngoài da
Hồn thoát xác bay tới miền vô ảnh
Ồi, băng giá trái tim nghìn độ lạnh
Giác miên đông bao thế kỷ chập chùng
Não cân mòn theo sắc thể hư không
Hộp sọ mở cả trăm điều lú lẫn.
Nước mắt ta hòa tan thành biển mặn
Em khơi nguồn mạch muối kết tinh anh.
Cơn buồn ta màu lá sắc chàm xanh
Và bát ngát trong cánh rừng nguyên thủy
Những tháng, những ngày thờ ơ, vô vị
Ta hao mòn và rũ liệt quanh đây.
Ta đã chết những đêm gầy quá khứ
Cơn buồn xưa về bữa kín tương lai
Xương cốt ta đâu? còn trong hầm mộ?
Mở quan tài, ta thấy chẳng đơn sai!
Buồn vô tận nhập vàng trắng thái cổ
Nghe điệu tàn cả đến giấc tàn phai!

HOÀNG SONG LIÊM

(Virginia)

TÔI ĐÃ KHÓC

Tôi đã khóc từ khi rời lòng mẹ
Sợ hay mừng đời đã tiếp nhận tôi
Và từ đó một hình hài nhỏ bé
Lớn khôn dần ngọt sữa mẹ thơm môi

Tôi đã khóc mẹ dải dầu cơ cực
Vì cha còn nặng nợ bước chinh nhân
Nghĩa hy sinh trong tim người thấm rức
Dưỡng dục con còn lận đận nuôi chồng

Tôi đã khóc mẹ ra đi vĩnh viễn
Bởi giặc về cây nát xóm thôn
Những đạn pháo vô tình gây tai biến
Người đốn đau quặn quại trút linh hồn

Tôi đã khóc tới ba mươi hôm đó
Tháng tư buồn vụn vỡ bảy mươi lăm
Những con tàu vượt trùng dương sóng gió
Chở bao người mang thống khổ hờn căm

Tôi đã khóc được tin anh ngã gục
Trong trại giam cải tạo tận Miền Trung
Muội mấy năm, niềm tin không rã mục
Chí kiên cường khó lay động chuyển rung

Tôi đã khóc cảnh quê nhà điêu đứng
Mỗi địa danh mang chiến sử oai hùng
Đã bao đời ông cha ta gây dựng
Nay còn chẳng những hoang phế tàn vong

Tôi đã khóc suốt quãng đời lưu lạc
Khóc cho người và khóc cả cho tôi
Bao tang tóc, bao lầm than dân tộc
Đoạn trường này còn khóc mãi khôn nguôi

DỰ THỊ ĐIỂM BUỒN
(California)

I HAVE CRIED

I began to cry on coming into this world here,
When life received me, anyhow for joy or for fear;
And thenceforth a small shape, this, has through skips
Grown up out of Mom's sweet milk and scented lips.

I wept witnessing my Mom so poor and miserable
While my Dad was doing his soldier's duty venerable.
Her sense of sacrifice she kept her heart warm to arouse,
Bringing up their kids and also catering to her spouse.

I then had to moan when my Mom passed away
As the enemy came to hamlets destroy and people slay,
The insensible bullets and shells to human bodies sever:
How she writhed in agony to part from us for ever.

I also sobbed that night, defeated by the hostile drive,
Of the broken April thirtieth, nineteen seventy five.
The frail boats crossed the windy and wavy ocean
To carry those souls with resentment-filled emotion.

I again mourned for my brother who deceased
In the Central Region's prison, ill-treated like a beast;
Over ten odd years his belief had become perpetuation,
Thus had not been shaken by the adverse situation.

I have lamented seeing our homeland distressed,
Each place-name a majestic feat - They are so blessed.
Thru many generations our ancestors' proud display
Now remains, alas! if not decline, mere decay!

I have bewailed all my adrift life - For them, for you,
I have cried for my compatriots and for myself too.
Deaths and grief aim at our people's heart to rend,
In this poor plight I might continue to cry without end.

Translation by

THANH-THANH (California)

TÌM VỀ MÁI NHÀ

Trích trong “Con Đường Văn Hoá”

NGUYỄN VĂN NHIỆM

Ợ đọt cơ cấu tuy đã đơn giản, nhưng vẫn còn dùng số độ, hình tượng, sấm ngữ, nguyên ngôn để diễn tả những nguyên lý cơ bản, nghĩa là không nhiều thì ít vẫn còn dính dấp tới ý niệm, ý hệ, nghĩa là còn cần đến trung gian. Văn hóa chân thật đòi hỏi cái biết bằng trực giác tiếp nhận Minh triết, tức là những tia sáng lóe lên từ tâm thức của chính mình, từ nguồn năng lực vô biên của chính mình, là Minh đức, là Tính Việt. Việt lý hướng dẫn con người tìm về Minh triết để đạt đến đọt **Thế**. Đạo Việt với Minh triết chân thật giúp con người suy tư về Tính Mệnh, sống thuận theo Tính Mệnh (Suất Tính), nghĩa là con người trong cuộc sống hiện thực tự thể nghiệm ngay ở bản thân mình để làm sáng tỏ Nhân Tính, tức là Tính Thế của con người. Đạt được như vậy thì đắc Đạo, nói bóng là “*nhập u thất*”.

Con đường tìm về mái nhà không đơn giản, mà đầy chông gai, cho nên cũng dễ lạc lối. Con người phải lần lượt vượt qua giai đoạn bái vật đồng nhất, ý hệ dị biệt rồi mới tới tâm linh thông hội.

Việt lý, Việt Đạo quan trọng ở chữ Việt, ở hàng ngang thế giới hiện tượng có nghĩa là vượt qua, ở hàng dọc tâm linh có nghĩa là siêu vượt lên. Ở giai đoạn bái vật, con người phải siêu vượt qua trạng thái đồng nhất, tinh thần bầy đàn. Biết phân biệt tốt xấu, lành dữ là bước tiến vượt bậc để thoát khỏi trạng thái hỗn mang ban sơ, nhưng nếu tưởng nhầm đây là đỉnh cao của tâm thức, rồi ra sức duy trì, củng cố thành ra ý hệ thì lại giam hãm con người trong ngục tù đối tượng, đối kháng hàng ngang (duy tâm, duy vật). Con người cần phải siêu vượt nữa để thoát

khỏi ý hệ nhị nguyên dị biệt để tiến đến đọt tâm linh thông hội. Tục ngữ, ca dao phản ánh ra sao con đường tìm về mái nhà?

Việt lý hay Triết lý Việt mang tính lưỡng hợp, cho nên mái nhà có ý nghĩa vật chất cụ thể trong cuộc sống hiện thực mà cũng có ý nghĩa tâm linh. Việt lý là Triết lý nhân sinh, cho nên cứu cánh của nó là Hạnh phúc và tiêu chuẩn để xác định cho mọi giá trị cũng là Hạnh phúc. Mái nhà là cái nôi Hạnh phúc đó:

*“Mắm trước, đước sau, tràm theo sát
Sau hàng dừa nước mái nhà ai?”*

Nhóm chữ “*mái nhà ai?*” buông lơì đó, tuy không xác định, nhưng lại rất có ý nghĩa.

Ở Triết lý nhân sinh thì vai trò của con người rất quan trọng, không như triết học trực vật lấy sự vật độc khối, vô tri làm đối tượng :

*“Tiếc thay hoa nở bên rìng,
Thơm cay ai biết, ngọt lừng ai hay?”*

Đóa hoa chỉ thật tươi thắm, rạng rỡ khi đối diện với con người như một tâm hồn đối diện với một tâm hồn. Mái nhà đằng sau hàng dừa nước không phải là mái nhà vô chủ lạnh tanh, mà là mái nhà của ai đó có bếp lửa hồng ấm cúng, đầy ắp tình nghĩa yêu thương.

Mái nhà là thể hiện Triết lý lưỡng hợp thái hòa, mà tình nghĩa vợ chồng kháng khí như vô số nuộc lạt ở mái nhà:

*“Ngó lên nuộc lạt mái nhà,
Bao nhiêu nuộc lạt thương mình bấy nhiêu.”*

Liên hệ keo sơn gắn bó đó ở cả hàng ngang lẫn hàng dọc như ý tưởng của câu châm ngôn sau đây:

“Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm.”

Xây nhà là sinh hoạt ở đời, đó là chức năng của đàn ông, là phần hiển hiện thuộc Dương, hàng ngang, vòng ngoài. Xây tổ ấm là chức năng của đàn bà, là phần ẩn sâu nơi tâm linh, do đó đàn bà cũng có năng khiếu nắm bắt ánh sáng Minh triết hơn hết. Ca dao đã có nhận xét rất sâu sắc và cho lời khuyên quý báu:

*“Vợ chồng chớ cãi nhau hoài,
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.”*

Cấu trúc mẫu nhà Việt Nam là nhà ba gian hai chái ứng với cơ số 3-2 như đã nói ở phần cơ cấu: quân bình giữa trong và ngoài theo tỉ lệ 3-2 chứ không như theo mô hình kim tự tháp 1-4.

Cái nhà là một cấu trúc hòa hợp trong liên hệ hỗ tương, chứ không phải là vật độc khối:

*“Có cây mới có dây leo
Có cột, có kèo mới có đòn tay.”*

Nhà có hai mái tựa trên hệ thống khung gồm rui, mè, đòn tay, kèo và hai trụ cột chính ở hai đầu của vì kèo. Hai trụ cột chính này cũng như hai mái nhà là hình ảnh vòng Âm Dương của Dịch. Để đỡ hai mái nhà, ngoài hai trụ cột chính còn có bốn trụ cột nữa ở bốn góc của một hình vuông (hay chữ nhật) là hình ảnh Tứ Tượng. Thêm bốn cột nữa của hai chái thành ra có tám cột, ứng với Bát Quái của Dịch.

Đạo Việt có tính lưỡng hợp, cho nên nếu mái nhà hướng Thiên thì nền nhà hướng Địa; nếu cột trụ, mái nhà vững chắc thì nền móng cũng phải vững chắc tương xứng. Tục ngữ có nói:

“Nhà dột từ nóc dột xuống”

Điều này có nghĩa là dột từ dột căn cơ, từ nóc như Thái cực bao gồm hai yếu tố Âm Dương: hai mái nhà dột nát. Nguyễn Bình Khiêm chỉ cho thấy nguyên do và hậu quả của thảm trạng đó:

*“Nhà dột bởi đâu? Nhà dột nóc,
Nếu nhà dột nóc, thế chon von.”*

Bọn trộm, cướp thường xuyên rình rập, lợi dụng cảnh bất hòa của vợ chồng chủ nhà, chờ thời cơ trở nóc nhà, đào ngạch, khoét vách xông vào nhà vợ vét tài vật của cải.

Người ta thường nói đến từ ngữ kép “*dại dột*” có lẽ do liên hệ căn do, nhân quả, hễ đại thì sẽ đưa đến cảnh dột nát:

*“Nhất là vợ đại trong nhà,
Nhì thời nhà dột, thứ ba nợ đòi.
Xem đi xét lại mà coi,
Nhà dột không sợ, nợ đòi không lo.”*

Nói như thế là do ảnh hưởng tư tưởng Hán Nho trọng nam khinh nữ, cái gì tiêu cực thì gán cho đàn bà, còn đàn ông thì sao, nhất là giới quân tử trong làng Nho, mà giới phụ nữ thường cảnh giác qua ca dao:

*“Chớ nghe quân tử ì òn,
Mà rồi có lúc ẵm con một mình.”*

Thật ra theo tinh thần lưỡng hợp của Việt lý thì liên hệ vợ chồng được đưa lên thành Đạo vợ chồng, lấy sự hài hòa, hòa hợp, hòa thuận làm chủ đạo, chứ không chủ trương cãi nhau, tranh chấp thua hơn. Chủ trương sau, một khi phân hóa đến cực độ, sẽ đưa tới một mất một còn, gia đình tan rã, đường ai nấy đi. Như vậy trách nhiệm xây dựng hạnh phúc gia đình, thành tựu hay đổ vỡ là chung đối với cả vợ lẫn chồng, chứ không riêng ai cả. Từ mái nhà gia đình đến mái nhà của quốc gia (Tổ quốc) cũng có những liên hệ tương tự như thế, trách nhiệm xây dựng và giữ gìn là chung của cả toàn dân thành một khối đoàn kết, chứ không riêng một giới nào, dòng tộc nào, phe nhóm nào cả:

*“Cái nhà là nhà của ta,
Ông có ông cha làm ra.
Cháu con phải gìn giữ lấy,
Muôn năm nhớ nước non nhà.”*

Như vậy, bắt đầu từ việc thông thường như vợ chồng xây dựng mái nhà gia đình lại là vấn đề rất nền tảng, rồi mới mở rộng ra xã hội, quốc gia cho đến cả thế giới, vũ trụ bao la như ý

tưởng của câu nói ở sách Trung Dung: “*Quân tử chi đạo, tạo đoan hồ phu phụ; cập kỳ chí giả, sát hồ thiên địa.*” Xem thế đủ thấy tầm mức quan trọng của Đạo vợ chồng, tuy *thông thường* mà *không tầm thường*, trái lại là vấn đề hệ trọng của nhân sinh thuộc đợt căn cơ là làm sao cho các đối cực do phân ly thông hội lại với nhau. Ca dao, tục ngữ thường dùng hình ảnh con sông để chỉ sự phân ly, ngăn cách đôi bờ và hình ảnh chiếc cầu như phương tiện đưa đến sự gặp gỡ, thông hội.

Hình ảnh chiếc cầu nói lên biết bao ý nghĩa của Triết lý nhân sinh qua nét chấm phá độc đáo gọi là

“*lý qua cầu*” :
*Thương nhau hát lý qua cầu,
Quê em Ninh Quới nặng câu ân tình.
Thương ai cách một cánh đồng,
Đầu xa cho mấy mà lòng vẫn thương.”*

“*Lý qua cầu*” là triết lý siêu việt của Giao Chỉ, triết lý giao duyên “*nặng câu ân tình*”, cho nên “*đầu xa cho mấy*”, “*cách một cánh đồng*”, “*mà lòng vẫn thương*”.

Nói là lý như lý qua cầu, lý đờ đờ, lý con sáo...nhưng thật ra ở đây không duy lý chút nào, mà lý, tình quyện lấy nhau xoắn xuyến. Đó là nét đặc biệt của Việt lý.

Sau đây là một số ca dao giới thiệu nội dung của “*lý qua cầu*”:

“*Ai đưa con sáo sang sông,
Để cho con sáo số lông bay cao.
Bay cao thời mặc bay cao,
Lưới trời lồng lộng thoát nào đặng đầu.”*

Đây là hình thức của “*lý con sáo*” liên hệ với “*lý qua cầu*” để “*đưa con sáo sang sông*”. Sang sông đã là bước đầu vượt qua sự ngăn cách đôi bờ, rồi lại được “*số lông bay cao*” vào bầu trời tự do. Cái lông là biểu tượng của những thứ do con người tạo ra như tập quán, lễ luật khắc khe như nhà tù giam hãm con người. Số lông là có tự do, nhưng đừng nghĩ rằng đó là tự do tuyệt đối, phóng túng, mà phải hiểu là tự do

trong vòng trật tự, trong khuôn khổ của qui luật tự nhiên là “*lưới trời*” không thể thoát ra ngoài được. Nói như vậy không có nghĩa là chủ trương hủy bỏ tất cả mọi lễ luật của con người, mà chỉ nhằm vào những lễ luật quá cực kỳ khắc khe, phi lý kìm hãm con người. Lễ luật như thế nào để có thể vừa hợp nhân tính, mà cũng không đi ngược với qui luật tự nhiên. Nói cách khác giữa tự do và lễ luật phải có sự quân bình. Quan sát quá trình phát triển của con người từ tuổi thơ cho đến trưởng thành vào lứa tuổi khoảng chừng mười tám, đôi mươi thì thanh niên, phụ nữ bắt đầu có thể được “*số lông*”, cất cánh bay cao. Từ đó họ có quyền tự do bay nhảy, nhưng đồng thời phải chứng tỏ tinh thần tự lập, tự chủ, tự cường, có tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, với tha nhân, với đoàn thể, xã hội. Đó là tinh thần của Triết lý lưỡng hợp thái hòa của Đạo Việt.

Bắc cầu sang sông là hình ảnh nói lên sự kết duyên lứa đôi:

“*Xin anh hãy cứ yên tâm,
Trước sau rồi cũng bắc cầu đẹp duyên.”*

Sang sông có nghĩa là đi lấy chồng, đi theo chồng:

“*Ai kêu, ai hú bên sông,
Mẹ kêu con dạ, thương chồng phải theo.”*

hay:

“*Vai mang khăn gói sang sông,
Mẹ kêu con dạ, thương chồng phải theo.”*

Đạo vợ chồng là Đạo hòa hợp tình nghĩa như sự tích trâu cau, nếu không thì coi như “*gãy nhịp cầu sang sông*”:

“*Áo cưới chưa hết nếp tà,
Cô dâu xách nón về nhà cô dâu.
Phải chăng cau đã chán trâu,
Đôi bờ đã gãy nhịp cầu sang sông.”*

Trước khi trở thành vợ chồng, trai gái trải qua giai đoạn hẹn hò, tình tự, ước hẹn gắn bó:

“*Thương anh cởi áo trao tay,
Về nhà dối mẹ, gió bay qua cầu.*

- *Gió bay cầu thấp cầu cao,
Gió bay cầu nào, nói lại mẹ nghe*

Trai gái tán tỉnh, tỏ tình nhau là đề tài rất phong phú khắp mọi miền quê còn để lại dấu vết qua ca dao, mà ở đây đặc biệt nói về “*lý qua cầu*”:

“*Ở gần sao chẳng sang chơi,
Để anh hái ngọn **mông toi bắc cầu**.
- Bắc cầu em chẳng sang đâu,
Chàng về **mua chỉ bắc cầu** em sang.
Chỉ xanh chỉ tím chỉ vàng,
Đủ ba thứ chỉ em sang được cầu.”*

hay:

”*Gần nhà mà chẳng sang chơi,
Để em hái ngọn **mông toi bắc cầu**.
- Mông toi chẳng bắc được đâu,
Em coi **dũi yếm bắc cầu** anh sang.”*

Bên cạnh loại “*lý qua cầu*” có tính cách trêu ghẹo, bỡn cợt, bông đùa, ốm ờ kiêu “*mông toi bắc cầu*” còn có loại đứng đắn, chắc nịch như kiểu “*xẻ gỗ cho dày*” có liên kết với thâm quyền, lễ giáo như sự hiện diện của “*thầy mẹ*”:

“*Anh về **xẻ gỗ cho dày**,
Bắc cầu sông cái cho thầy mẹ sang.
Thầy mẹ sang, em cũng sang theo,
Đò dọc quan cảm, đò ngang không chèo.”*

Câu chót “*Đò dọc quan cảm, đò ngang không chèo*” nói lên tình trạng bế tắc thông thương, biện minh cho sự cấp thiết phải bắc cầu sang sông. Nghĩa bóng là do nhị nguyên thuyết ngăn cách đôi bờ, cho nên cần phải bắc cầu, phải siêu vượt qua nó để có sự thông hội.

Ở một bài ca dao khác cũng lại có câu “Đò dọc... đò ngang”:

“*Bồng bồng mẹ bé con sang,
Đò dọc quan cảm, đò ngang không chèo.
*Muốn sang thì **bắc cầu kiều**,
Muốn con hay chữ phải yêu kính* thầy.*”
(*Có bản: Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy)*

Việc học của con cái rất quan trọng, phải nỗ lực vượt qua bao nỗi khó khăn để tâm sự học

Đạo. Trong việc học Đạo, cái tôn chỉ đầu tiên là “*Tiên học lễ, hậu học văn*”, cho nên người học trò tốt lúc nào cũng lấy việc “*yêu kính Thầy*” làm đầu. Tục ngữ có nói:

“*Kính Thầy mới được làm thầy*”

Hơn nữa việc học cao nhất trong truyền thống văn hóa Việt là học Đạo, cho nên phải thể hiện cho được Tính Việt là siêu vượt qua khỏi nhị nguyên để có thể đón nhận ánh sáng Minh triết lóe lên từ sự giao thoa, thông hội giữa những đối cực như Thiên Địa, Âm Dương, Hữu Vô ngay tự thâm tâm của mình. Đó là cái học “*cách vật trí tri*”, “*triêu văn Đạo*” vậy.

Qua cầu không phải dễ dàng theo cả hai nghĩa đen và nghĩa bóng. Ngày xưa chưa có những cầu hiện đại như bây giờ, mà ở thôn quê chỉ có cầu tre không lấy gì làm chắc chắn:

“*Cầu tre lắt lẻo, anh thất theo ruột gan,
Sợ em đi chùa quen dàng,
Rủi em có **mệnh hệ**, lỡ làng duyên anh.”*

Cũng vì thế mà có những câu tục ngữ như sau:

“*Ai có **qua cầu** mới hay*”

hay:

“*Đoạn trường ai có **qua cầu** mới hay*”

“*Lý qua cầu*” không phải chỉ có tính cách một chiều, chỉ nói lên mặt tích cực, mà còn phảng phất đó đây đôi nét tiêu cực của tình đời:

“*Qua cầu ngã nón trông cầu,
Cầu **bao nhiêu nhíp** dạ em **sâu bấy nhiêu**.”
“*Qua sông anh đứng anh chờ,
Qua cầu anh đứng **ngân ngơ** vì cầu.”
“*Nhớ khi gánh nặng anh chờ,
Qua cầu **anh đợi**, **bây giờ em quên**!”
“*Qua cầu **lột ván tháo đĩnh**,
Người thương ở **bạc** với mình không hay.”****

“Qua cầu lột ván tháo đĩnh” là thái độ tệ hại chẳng khác nào lối suy nghĩ nhị nguyên ngăn cách đôi bờ. Nhưng cũng may, thái độ này chỉ lẻ tẻ như vài giọng ca lạc điệu trong một đại ban hợp xướng, không đủ làm mất đi tính chủ hòa của bản nhạc đồng ca. Thật vậy, là người ai

lại không có ít nhiều lương tri, lòng trắc ẩn tiềm ẩn bên trong. Hãy để giây phút lắng nghe tiếng nói của lương tâm, tiếng gọi của Đạo, mà người bình dân chất phác nào cũng đã tâm niệm và thể hiện qua lời kêu gọi:

“*Ai ơi! Thương lấy lúc nì,
Nhịp cầu kẻ đứng người đi sao đành.*”

Nói chung thì việc qua cầu khó, cho nên cũng cần có sự dẫn dắt:

“*Ví dầu cầu ván đóng đinh,
Cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi.
Khó đi mẹ dẫn con đi,
Con đi trường học, mẹ đi trường đời.*”

Con đường đi học, mà lý tưởng là học Đạo khó như vậy, cho nên giai đoạn đầu cũng phải nhờ trường học để tiếp thu kiến thức, giai đoạn tiếp theo là trường đời, tự rút kinh nghiệm chuyên hóa vào hướng tâm linh, để hướng đời về với Đạo bằng nỗ lực siêu việt, nói một cách hình ảnh là “*qua cầu*”, là “*bắc cầu*” để không còn ngăn cách đôi bờ nhị nguyên nữa.

“*Qua cầu*” khó như vậy, nhưng quyết tâm tập luyện thì mới xứng đáng là kẻ nam nhi:

“*Phải chi lấy được vợ vườn,
Tập đi cầu khỉ thêm đường đọc ngang.*”

“*Đò dọc, đò ngang*”, hay vắn tắt: “*dọc ngang*” là những từ ngữ chỉ cặp phạm trù thời gian, không gian, mà những ai có khả năng xuyên suốt qua đó mới thỏa chí làm trai:

“*Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả, trả vay*”

(Chí làm trai - Nguyễn Công Trứ)

Ngang chỉ không gian, đất; dọc chỉ thời gian, trời. Đây là cách biểu tượng đơn giản, chứ riêng không gian cũng đã chiếm ba chiều rồi. Vượt qua cây cầu khi ở đời đã khó, mà vượt qua cây cầu như vậy ở trong tâm mình lại càng khó hơn. Nguyên do là vì cầu khi, cầu tre lắt lẻo, gập ghềnh, còn cái tâm thì theo kinh Phật cũng như con vượn chuyền cây. Thế cho nên phải giữ luật quân bình, tránh

chao đảo, sao cho đi trên cầu khi mà cũng ung dung như đang đi trên mặt đất bằng phẳng.

“*Lý qua cầu*” cũng có liên quan để huyền thoại: Nguru Lang, chàng chăn trâu, lấy được cháu gái của Trời là Chức Nữ, cô thợ dệt. Sau khi đã thành vợ chồng, Chức Nữ lười biếng việc canh cửi, nên bị phạt, lấy sông Ngân ngăn cách, chỉ cho phép mỗi năm gặp nhau một lần nhờ những con quạ bắc cầu Ô Thước vào đêm Thất Tịch (mùng bảy tháng bảy):

“*Khi xưa ai biết ai đâu,
Bờ chìm Ô Thước bắc cầu sông Ngân.*”
“*Vì vì một giải sông Ngân,
Làm cho Chức Nữ chẳng gần Nguru Lang.*”

Bắc cầu Ô Thước mỗi năm chỉ một lần như vậy là quá ít ỏi, con người vẫn còn ngăn cách đôi bờ vì còn luân quần trong vòng nhị nguyên đầy mâu thuẫn, đầy đau khổ, chia ly. Ước vọng của con người đã được tỏ bày qua hai câu ca dao sau đây:

“*Ước gì sông hẹp vài gang,
Bắc cầu dài yếm cho chàng sang chơi.*”

Từ ước mong sẽ chuyển qua hiện thực bằng hành động nỗ lực. Một khi đã siêu vượt khỏi nhị nguyên rồi thì không còn phân chia cách trở nữa, mọi sự đều hanh thông:

“*Tìm em chẳng thấy em đâu,
Lội sông chẳng tới, qua cầu lại xa.
Bây giờ trông thấy em ra,
Lội sông cũng được, cầu xa lại gần.*”

Từ trước tới giờ chỉ mới lo thắng vượt nổi bất hạnh là đôi bờ ngăn cách ở “*lý qua cầu*”, chừng nào qua cầu rồi mới có thể nói đến cái lý “*nhập ư thất*”:

“*Cô kia bới tóc đuôi gà,
Năm đuôi cô lại hỏi nhà cô đâu?
- Nhà tôi ở dưới đám dâu,
Ở trên đám đậu đầu cầu ngõ qua.
Ngó qua đám bắp trở cò,
Đám dưa trở nụ, đám cà trở bông.*”

Ngôi nhà bên kia cầu là ngôi nhà Hạnh phúc có đủ cả lý tưởng Chân, Thiện, Mỹ, nào là bấp trở cờ, dưa trở nụ, cà trở bông...

Phải vượt qua sông. Ở kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa có câu thần chú như sau:

“*Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha* “: Độ, độ, độ khắp cả, độ sang bên bờ bên kia, **khắp độ tất cả sang bờ bên kia, giác ngộ!**

Vua Trần Thái Tông (1225- 1258), vị vua anh hùng, một học giả, một nhà đạo đức, chẳng những bảo vệ, xây dựng thành công việc nước, mà còn vận động người dân tu học thành một phong trào sống lành mạnh, có đạo đức rộng lớn, để con người có thể vừa thành công vừa thành nhân:

“*Khuyến mời Đức Phật khắp thời không
Chư vị Bồ Tát, Thánh, Hiền, Tăng
Mở lòng từ bi rộng vô cùng
Chứng kiến chúng sinh sang sông* “

(Thiền học Trần Thái Tông- N. Đ. Thục)

Kể quả là nước Đại Việt sau những năm chiến tranh chống ngoại xâm đã thực sự trở nên thanh bình, thịnh trị như cõi Phật, mà Trạng nguyên Huyền Quang Lý Tải Đạo đã diễn tả như sau trong bài phú vịnh chùa Vân Yên:

“*Phen những ôi!*

Tây Trúc đường nào

Năm châu có mấy

Non Linh Thứu ai đem về đây

Cánh Phi Lai mặt đà thấy đây

Vào những cõi thánh thênh thênh

Thoát về lòng phàm phây phẩy “

(Toàn tập Trần Nhân Tông- L.M. Thát)

Ca dao kêu gọi đồng bào, những công dân cùng chung một bọc huyền sử, anh em cùng một khí huyết hãy noi theo truyền thống văn hóa của Tổ tiên:

“*Anh em một khí huyết phân,*

Cũng như người có tay chân khác gì.

Ai ơi lấy đậy mà suy,

Có câu đường lệ trong thi để truyền.”

Đường lệ là lẽ luật trong gia đình, nhưng “*đường lệ trong thi* “ có ý nhắc đến ý nghĩa của hoa đường lệ trong Kinh Thi:

“*Đường lệ chi hoa, thiên kỳ phản nhi. Khởi bất nhĩ tư, thất thị viễn nhi.*

Từ viết: Vị chi tư già. Phù hà viễn chi nữu?”

(Luận Ngữ. chương IX: Từ Hãn, tiết 29)
Ý nghĩa: Cây đường lệ đơm bông. Hoa lay động qua lại (*). Há chẳng tưởng nhớ ai đó sao. Ngất vì nhà ở xa mà không tới thôi.

Đức Khổng Tử bèn nói: Như vậy là chưa thật tưởng nhớ đó. Nếu thật tưởng nhớ thì có xa gì đâu?

(*)Hoa đường lệ nở trước, búp sau, khác với các hoa khác thường búp trước nở sau. Hiện tượng đó, nói tổng quát là tác động một mở, một đóng theo nhịp điệu căn cơ của Dịch: “*nhất hạp nhất tịch*”.

Quên mất “*phản* “ mà chỉ có “*thiên* “, có qua mà không có lại, có mở mà không bao giờ biết đóng, thì làm sao có mở nữa để cho sự vật luôn luôn mới mẻ, khởi sắc. Chỉ có đi mà không có về, thì làm sao không trở thành người vô gia cư, cả đời không tìm thấy được mái nhà Hạnh phúc (Chân lý thật sự không theo đường thẳng, chỉ có hoặc mở , hoặc đóng, mà vừa có mở, vừa có đóng theo như dạng hình sin).

“*Vị chi tư già* “: Chưa thật tưởng nhớ, tức là chưa thật sự suy tư vì còn luẩn quẩn trong vòng danh lý nhị nguyên, chọn một, bỏ một. Chữ “*thiên* ” trong “*thiên kỳ phản nhi* “ có nghĩa là nghiêng lệch về một bên, mất quân bình. Chữ “*phản* “ là quay về, ý nói từ bỏ lối thiên về một chiều, mà bao gồm cả hai yếu tố đối nghịch để có quân bình. Hệ Từ nói: “*Nhất âm nhất dương chi vị Đạo* “. Âm dương giao thoa, hòa hợp thì mới đạt Đạo, đạt Nhân tính. Như vậy, chỉ khi nào quay về với nguyên ngôn đầy tính viên dung nhất quán thì mới thật sự có suy tư , lúc đó mới thấy nhà đâu có xa. Khi đầu mỗi âm dương giao thoa, thông hội với nhau

ngay tận tâm tâm con người thì đạt Đạo, nói bóng là “*nhập u thất*”.

Xin lập lại bài ca dao đã nói ở đoạn trước, hai câu đầu:

“*Tìm em chẳng thấy em đâu,*

Lội sông chẳng tới, qua cầu lại xa.”

cho thấy khi chưa có sự gặp gỡ, giao hòa thì cái gì cũng xa cách, ngược lại khi đã có thông hội rồi thì xa hóa ra gần:

“*Bây giờ trông thấy em ra,*

Lội sông cũng được, cầu xa lại gần.”

Cái nhà ở ngay bên kia sông, “*ở trên đám đậu đầu cầu ngó qua*”, vậy mà không dễ gì vào được, là vì khuynh hướng chạy theo lượng, trục vật loanh quanh ở vòng ngoài thuộc đợt Dụng độc chiếm tâm hồn người ta, không còn biết chi đến phẩm ở đợt Thể ngay trong nội tâm. Khuynh hướng chạy theo lượng là do lòng tham dục của con người không bờ bến, cho nên dễ đưa đến thiên lệch, nếu biết quay trở lại thì mới lấy lại quân bình như người xưa đã khuyên:

“*Nhân dục vô nhai, hồi đầu thị ngạn*”

Thử quan sát và nhận xét tương quan giữa phẩm và lượng của loài động vật:

“*Chim với phượng kể loại hai chân,*

Thú với kỳ lân kể loại bốn vó.”

“*Con của tám cẳng hai càng,*

Một mai, hai mắt rõ ràng con cua.”

Loài chim, nhất là chim phượng có hai chân, so với loài thú bốn chân, loài cua tám cẳng, là loài mà văn hóa Việt xem là cao quý. Cho nên người Việt nhận mình là dòng giống Lạc Hồng, Khí tu Tiên đắc Đạo thì huyền thoại gọi là Vũ hóa, nghĩa là mọc cánh thành Bạch Hạc.

Vật có bốn chân cho dù được xếp vào vật linh như kỳ lân, rùa (quì) cũng đứng sau chim về phẩm:

“*Thiếp gặp chàng như Ngưu Lang gặp hội,*

Chàng gặp thiếp như Hạc độ lưng quì.”

Hạc hai chân đứng trên lưng rùa bốn chân cho thấy tương quan lượng- phẩm nói trên: loài

hai chân cao quý hơn loài bốn chân. Bây giờ thử so sánh những con số trên (số chân cẳng của loài vật) với số độ các vòng của Dịch. Có thể nói rằng tám cẳng ứng với vòng Bát Quái, bốn chân ứng với vòng Tứ Tượng, hai chân ứng với vòng Lưỡng Nghi. Rồi Lưỡng Nghi lại nằm trong Thái Cực và Thái Cực bao gồm Lưỡng Nghi, cho nên có thể nói hai mà là một, một mà là hai. Như vậy là càng ra vòng ngoài bao nhiêu, càng trở nên phức tạp bấy nhiêu. Đó là đợt Dụng nghiêng về lượng và tâm thức thì thu hẹp ở đợt Tiểu ngã. Càng đi vào vòng trong, thì càng trở nên đơn giản, phẩm nảy nở ở đợt Thể và tâm thức mở rộng đến vô biên gọi là “*vũ trụ chi tâm*”. Ngạn ngữ triết có nói: “*Nội hàm càng nhỏ, ngoại hàm càng to*”, nghĩa là càng vào nhỏ bao nhiêu, sức bao quát càng mở rộng bấy nhiêu. Nếu đi vào cùng cực đến **trống không**, thì sức bao quát sẽ **gồm thấu vũ trụ**:

“*Anh muốn trông, anh lên Ba Dội anh trông,*

Một Dội anh ngồi, hai Dội anh trông.

Trống thu không ba hồi điểm chỉ,

Anh ngồi anh nghĩ, thờ ngắn than dài.

Trúc nhớ mai thùyền quên nhớ khách,

Quan nhớ ngựa bạch, bóng lại nhớ cầu.

Anh nhớ em đây biết bao giờ được,

Đạo vợ chồng chẳng trước thời sau.

Trăm năm xin chớ quên nhau.”

Ngày xưa, đến gần tối quân lính phòng vệ đi khắp trong thành kiểm soát, khi biết chắc không có kẻ gian trà trộn vào trong thì mới ra hiệu cho đánh ba hồi trống thu không để báo cho mọi người biết là đã tới lúc đóng cửa thành. Thu không ý nói trong thành không có gì bất an, nguy hiểm cả, mọi người sẽ có một đêm yên nghỉ an lành.

Cái trống tự nó đã có ý nghĩa là trống, là không rồi, là biểu tượng của Tâm không, không còn vương vấn tư dục, ý hệ, thành kiến, cho nên tiếng trống (do người gióng lên) vang dội cùng khắp, thông hội cả Thiên Địa. Ba Dội, Ba hồi trống chỉ Tam Tài: Thiên, Địa, Nhân.

Trong Đạo vợ chồng, nếu mỗi người đều tự giác kiểm soát, giữ tâm thanh tịnh, tánh thường rộng lặng, không để sót một vết vẩn đục nào, cũng như trong thành ban đêm không có kẻ gian tế rình rập, thì sẽ bảo đảm trăm năm hạnh phúc.

Thư bàn thêm về đề tài “ *nhà trống* “:

“ *Gió vào nhà trống* “

Thông thường thì nhà trống trơn là nhà nghèo khó, chỉ tình cảnh không may, cho nên mới nói:

“*Tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống*“

Nhưng lúc có giặc ngoại xâm thì ngôi nhà trống lại trở thành thế chiến lược độc đáo. Gió là luồng gió dữ, chỉ giặc xâm lược hung bạo khi tràn vào “ *nhà trống* “ thì sẽ ngỡ ngàng vì không có gì để cướp phá, do đó có sách lược “ *tiêu thổ kháng chiến* ”, “ *vườn không nhà trống* “.

Bên cạnh ý nghĩa triết lý của cái trống, ba hồi trống thu không, nhà trống, ca dao còn nêu lên thắc mắc vì sao gọi là trâu là trâu không?:

“*Bánh cã mâm sao em kêu là bánh ít ?*

Trâu cã chợ sao em gọi là trâu không ?”

Trâu không do sự tích trâu cau: Thời xưa có hai anh em họ Cao giống hệt nhau, rất thương nhau, người anh tên Tân, người em tên Lang. Cha mẹ chết sớm, hai anh em sang học, ở trọ nhà thầy là đạo sĩ Lư Huyền. Họ Lư có người con gái tên Liên, sau đó kết duyên với người anh, tình ái mặn nồng. Từ đó, người em nhận thấy cách đối xử của anh mình không được như xưa, lại thêm có sự nhầm lẫn của Liên do sự quá giống nhau của hai anh em, nên người em buồn bã bỏ nhà ra đi. Đến một bờ suối lớn, người em ngồi than khóc đến chết, hóa thành cây cau. Người anh đi tìm em, đến bờ suối cũng chết, biến thành tảng đá vôi ngay dưới gốc cây cau. Rồi người vợ sau đó cũng đi tìm chồng, thấy chồng chết, cũng chết theo, hóa thành dây trâu không bò quấn quýt trên tảng đá vôi. Họ Lư thương con đi tìm, đến đó khóc lóc, rồi lập đền thờ, người qua lại mền gương anh em hòa

thuận, vợ chồng tình nghĩa, nên đền thờ luôn có nhang khói ấm cúng.

Vua Hùng Vương một hôm đi tuần hành qua đó, dừng lại nghỉ chân, tránh nắng, hỏi ra mới biết sự tình. Nhà vua sai hái trái cau bỏ ra và vãi lá trâu dâng lên cho Ngải. Sau khi nhai thấy có vị thơm ngon, nhổ lên tảng đá vôi thấy hiện ra sắc đỏ tươi biết là những vật quý có đầy đủ ý nghĩa Đạo lý, nên nhà vua sai đem về gây dựng và truyền bá trong dân gian. Từ đó có tục ăn trâu.

Liên có ý nghĩa là liên hệ, như lá trâu không quấn quanh tảng đá vôi và cây cau, liên kết Kim với Mộc thành Đạo Thái Hòa biểu thị qua sắc đỏ thắm đầy tình nghĩa nhân bản, tức là vượt tới Đạo Huyền (Lư Huyền), Đạo huyền vi vô sắc, vô thanh, vô xứ (vô khứu), tức là Đạo của Tánh Không.

Ngoài ra, mặc dầu có lần nhầm lẫn trong sự nhận diện chồng, khi hai anh em đi rầy về, nhưng Liên không hề có ý tà dâm, tâm của nàng không hề vẩn đục. Có lẽ đó là ý nghĩa siêu hình của lá trâu không.

Bây giờ xin nói đến hình ảnh những đóa hoa: “*Ở đời chi tốt bằng sen,*

Quan yêu dân chuộng rã bèn cũng hư.”

Rã bèn cũng hư : Cánh hoa ròi cũng khô héo, rụng khỏi đài hoa. Với cái nhìn phiến diện, đặt trọng tâm ở vẻ đẹp hình sắc của đóa hoa, thì khi cánh hoa héo tàn, rơi rụng gọi là hoa hư, rồi coi đời như tuồng ảo hóa, nhưng thật ra quá trình sống của cây hoa có hư đâu? Cánh hoa với màu sắc tươi đẹp ứng với vòng ngoài, đợt Dụng, còn nhụy ở vòng trong với cặp nhụy đực, nhụy cái ứng với cặp Lương Nghi hòa hợp. Cánh hoa có héo tàn, có rơi rụng mới chuyển đổi qua thời kỳ kết quả thành gương sen. Hoa và quả liên hệ với nhau như hình với bóng , cho nên mới gọi là luật nhân quả và hoa sen cũng gọi là Liên hoa. Phật giáo có kinh Pháp Hoa hay Diệu Pháp Liên Hoa, mượn Liên hoa để tỉ dụ diệu lý thanh tịnh, do dự mà biết bản tâm Diệu Pháp. Hoa sen cao quý vì mọc nơi chốn bùn lầy, mà vẫn trong sạch thơm tho:

*“ Trong **dầm** gì **đẹp** bằng **sen**,
Lá **xanh** **bông** **trắng** lại **chen** **nhị** vàng.
Nhị **vàng** **bông** **trắng** là **xanh**,
Gần **bùn** mà **chẳng** **hôi** **tanh** **mùi** **bùn**.”*

Hoa sen mọc lên từ ngay nơi bùn lầy, nước đọng, tỏa hương thơm ngát mà không chút hôi tanh mùi bùn, cũng như Đạo pháp sáng ngời ngay trong thế gian chứ ở đâu xa. Phật giáo Đại Thừa chủ trương: “ *Phật pháp bất ly thế gian pháp* “, còn Tiểu Thừa chủ trương: “ *Vạn pháp giai không* “ xem cuộc đời là tuồng ảo hóa. Đền đây, xin lập lại tương quan giữa hai chữ “ thiên “ và “ phần ” ở hoa đường lệ: Thiên là nghiêng lệch, mà nghiêng về bên ngoài là khuynh hướng lượng, là đa tạp, cho nên phải biết “ phần “, quay vào trong, hướng về phẩm, hướng về đơn giản đến không. Nhưng nếu chấp vào không, coi không như tuyệt đối, chỉ có vào mà không có ra, thì lại cũng rơi vào “ thiên “rồi, từ đó có thái độ tị thế. Thật ra chân không không phải là không có gì hết, mà chỉ là tâm không, tâm giác ngộ, không bị ràng buộc bởi tư dục, thành kiến, ý hệ, thông hội với cái Đức, là nguồn năng lực vô biên của Trời Đất, cho nên gọi là Chân Không Diệu Hữu.

Ca dao phản ảnh tính cách nghệ thuật và triết lý truyền thống Việt hơn hết qua tiết điệu căn cơ, sự vật không rơi vào thể cô đơn, độc khối, mà luôn luôn có liên hệ với nhau, nhưt là mối liên hệ đó gắn bó với tâm tình của con người, cho nên sự vật trở nên sinh động:

*“**Đêm** qua **hoa** **nở** **nhụy** **vàng**,
Sáng ngày **thiếp** **thấy** **bóng** **chàng** **áo** **xanh**.”*

Hoa nở là thể hiện sự thành tựu của Tạo Hóa, là tặng vật trang nhã cho cuộc đời:

*“**Chữ** **rằng**: “**Thiên** **hữu** **tứ** **thời** “,
Ngày **thời** **hoa** **nở**, **tối** **trời** **hoa** **thơm**.”*

Hoa nở là thể hiện ý tưởng siêu hình của Đạo Việt, là Đạo Thái Hòa, hòa hợp Thiên- Địa, Âm- Dương, cho nên việc sanh đẻ gọi là “ *khai hoa nở nhụy* “:

*“**Trái** **bỏ** **hòn** **trong** **tròn** **ngoài** **méo**,
Trái **sầu** **đâu** **trong** **héo** **ngoài** **tươi**.
Anh **ngồi** **trường** **học** **nghĩ** **tới** **chuyện** **nhà**,
Mẹ **anh** **thì** **già**, **con** **anh** **thì** **dại**.
Vợ **lại** **nghe** **n** **thai**,
Mai **kia** ****nhụy** **nở** **khai** **hoa****,
Miếng **com** **bát** **nước** **biết** **ai** **cậy** **nhờ**.”*

Nói về chữ Thời thì hoa nở quan trọng ở Hòa Thời, chứ không phải ở Gian Thời có phân biệt trước sau, Xuân Thu, mà do *thời tiết ôn hòa*, không quá lạnh, cũng không quá nóng. Nếu chưa rõ cái lý đó thì sẽ thắc mắc:

*“**Hoa** **khoe** **hoa** **nở** **lúc** **xuân**,
Cớ **sao** **cúc** **lại** **muộn** **màng** **mùa** **thu**?”*

Theo thiên ý, hỏi ở đây là gợi ý chứ không phải hấn là thắc mắc.

Hoa nở phải đúng thời (đúng thì), cho nên con người cũng phải hành sự đúng thời, không được quá sớm:

*“**Rừng** **hoang** **sóc** **nhảy** **tưng** **bùng**,
Hoa **chưa** **nở** **nhụy**, **bướm** **đừng** **lao** **xao**.”*

cũng không được quá muộn màng:

*“**Tay** **cầm** **nhánh** **dừa**, **lệ** **ứa** **hai** **hàng**,
Hồi **thuở** **xuân** **xanh** **sao** **anh** **không** **kết** **bạn**,
Để **hoa** **nở** **nhụy** **tàn** **mới** **làm** **bạn** **với** **em**.”*

Chữ Thời quan trọng lắm thay! Vậy tiết mục chữ Thời trong ca dao sẽ được giới thiệu riêng tiếp theo sau đây.

(còn tiếp)

Cước Chú:

Nguồn sưu tầm ca dao, tục ngữ:

- Tục Ngữ Phong Dao của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc.- Tự điển điện tử Ca dao Tục ngữ của Hà Phương Hoài.

NGUYỄN VĂN NHIỆM
(Germany)

ĐÍNH CHÍNH

Cổ Thơ số 53, đã in thiếu dòng thứ ba của đoạn hai trong bài thơ sau đây. Vậy Cổ Thơ xin đăng lại và xin lỗi tác giả cùng quý độc giả.

CỔ THƠ

GIÓ CHUYỂN SANG MÙA

Gió đã chuyển sang mùa
Gọi mây giăng đầu núi
Những cành thu trơ trụi
Lá xa cành trong mưa

Gió đã chuyển sang mùa
Cành đông đang trút lá
Mình ta ngơ ngác lạ
Hỏi người ấy về chưa?

Gió đã chuyển sang mùa
Đêm nằm nghe lá đổ
Ai đi về cứ ngỡ
Mang hơi ấm ngày xưa.

KIỀU ANH
(Minnesota)

BỐN BÀI TỬ TUYỆT

Tưởng

Cứ tưởng già khô nước mắt rồi.
Lạnh nguồn máu nóng, oán thù nguôi.
Vẳng nghe tiếng khóc bên kia biển.
Nước mắt lưng tròng, máu lại sôi.

Nhớ

Đời mấy ân nhân, mấy cố nhân.
Bốn phương bè bạn mấy trăm ngàn.
Mai đây già cả, rồi quên hết.
Vẫn nhớ ba thằng Nhiệm, Hữu, Trân.

Đường về

Nếu biết trên mây cũng có đường
Tự do lỏng lẻo gió mùi hương.
Chí trai tung cánh bằng muôn dặm.
Thì hương bay nào đến cố hương?

Cũng thế thôi

Vào cuộc tranh đua khóc lộn cười
Sóng cuồng vỗ ngược, nước trôi xuôi.
Thịt xương, sông núi hay tro đất
Thắng bại sang hèn cũng thế thôi.

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ
(North Carolina)

THUYỀN MÂY

BARK OF CLOUDS

Ai chở mây về đây trưa nay ?
Đem giăng giăng xám phủ vai gầy
Đem cô liêu dật nghiêng giòng tóc
Ai chở mây về đây trưa nay ?

Who has brought here dark clouds this afternoon?
To spread over the young girl's shoulders spare,
And stick solitude slantingly over her head of hair.
Who has brought here dark clouds this afternoon?

Mỏi mắt dỗi nhìn chân trời tím
Cô lẻ đường mây cánh chim bay
Tay cài vạt áo thu sương lạt
Gió lộng vờn theo khói hương say

Her eyes get tired of the violet horizon scrutinizing
Where flies a lonely bird she can't help realizing.
Her hand closes the robe flap of autumn dim dew
That the wind raises the perfumed incense through.

Giá buốt tuôn tràn giòng huyết lệ
Bồng bênh theo vận nước lưu ly
Má hồng phai lạt dần hương sắc
Bước ngập ngừng đau phút phân kỳ

Hot tears with cold pain agony causes to impregnate,
She drifts along with her country's unfortunate fate.
The roses in her cheeks gradually lose coloration,
She hesitates her steps sore at the time of separation.

Anh nằm đó ôm trong lòng đất mẹ
Trên hoang tàn đổ nát mảnh quê hương
Ai gieo tang tóc thê lương ?
Cho em cô phụ bên đường gió bay ?

There he rests, embraced in his dear native soil
On the devastated fatherland for the enemy to spoil.
Who is responsible for deaths and dole to betide?
Leaving her a piteous widow on the windy roadside.

Ai chở mây về đây trưa nay ?
Đem giăng giăng xám phủ vai gầy
Đem cô liêu dật nghiêng giòng tóc
Ai chở mây về đây trưa nay?

Who has brought here dark clouds this afternoon?
To spread over the young girl's shoulders spare,
And stick solitude slantingly over her head of hair.
Who has brought here dark clouds this afternoon?

VÂN HẢI
(*Pháp Quốc*)

Translation by
THANH-THANH (California)

TRẦU CAU TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC

PHẠM THỊ NHUNG

nguồn gốc mang nhiều ý nghĩa thâm thúy.

Ngày nay, qua nhiều sách vở và các tài liệu khảo cổ, người ta được biết trầu cau là hai loại cây đã xuất hiện rất lâu đời ở các vùng Trung Á, Đông Nam Á và ở một số quần đảo trên Thái Bình Dương. Tại các nơi đây đã có nhiều dân tộc có tục ăn trầu, như các dân tộc thiểu số xưa ở miền nam nước Trung Hoa, tức người Trung Hoa miền nam ngày nay, và các dân tộc Thái Lan, Miến Điện, các dân tộc Việt-Mên-Lào, kể cả các dân tộc thiểu số Thái, Tày, Nùng, Mường, Dao, Thượng trên bán đảo Đông Dương, cùng các dân tộc trên quần đảo Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân; tại Ấn Độ, nhiều nơi dân chúng cũng có tục ăn trầu.

Có lẽ người xưa, do kinh nghiệm mà có, đã biết sử dụng vôi, trầu, cau, cũng như các loại lá, rễ, quả của nhiều thứ cây khác tìm được để bảo vệ sức khỏe, phòng ngừa hay trị bệnh. Quả thực, ăn trầu đã giúp cho cơ thể được ấm nóng chống lạnh, chống sơn lam thủy khí; ăn trầu lại sạch miệng, răng lợi và xương cốt được bồi dưỡng, vững mạnh. Riêng tại xứ ta, tục ăn trầu tất nhiên đã có rất sớm, ngay tục dùng trầu cau làm sính lễ cưới hỏi thay muối (vì người xưa cho muối là quý nhất) có thể cũng có đã lâu, nhưng phải đợi đến cuối thế kỷ thứ XV, sách Lĩnh Nam Chích Quái của Trần Thế Pháp ra đời, nó mới được ghi chép lại thành một truyện tích rõ ràng, có một

Sự tích trầu cau - Ý Nghĩa

Vào thời xa xưa, có hai anh em nhà họ Cao, một người tên Tân, một người tên Lang (tân lang có nghĩa là cây cau) rất mực thương yêu nhau. Khi cha mẹ qua đời, hai anh em đến trọ học nhà ông thầy họ Lưu.

Thấy Tân và Lang vừa học giỏi, vừa đẹp người đẹp nết, ông thầy yêu quý như con. Cô con gái của thầy cũng đem lòng quyến luyến, muốn chọn người anh làm chồng.

Hai anh em Tân và Lang sát tuổi nhau, dung mạo lại giống nhau như khuôn đúc, cô gái không sao đoán được ai là anh, ai là em. Nhân dịp biếu cháo, cô cố ý chỉ đưa tới một bát cháo với một đôi đũa rồi rình xem, thấy Lang cung kính mời Tân ăn trước cô mới biết Tân là anh, và xin cha được gả nghĩa cùng chàng.

Vợ chồng Tân và Xuân Phù (tên cô gái, xuân phù có nghĩa là trầu không mùa xuân) sống rất hạnh phúc. Hai anh em Tân và Lang vẫn ở bên nhau, nhưng Lang nhận thấy từ ngày anh có vợ, tình anh đối với mình không còn quyến luyến như xưa; trong khi ấy người anh vô tình không hề hay biết. Đã thế lại xảy ra chuyện hiểu lầm. Một hôm hai anh em đi làm đồng về muộn, Lang về trước, nàng Lưu tưởng chồng, chạy ra vồn vã âu yếm. Lang vội lên tiếng, cả hai hiểu là nhầm nên rất ngượng. Tân về, biết chuyện, để dạ nghi ngờ, từ đó tỏ ra lạnh nhạt với em hơn. Lang buồn tủi âm thầm bỏ nhà ra đi. Chàng lang thang trong rừng cho tới khi kiệt sức, chết đi hóa thân thành cây cau bên bờ suối vắng. Thấy em không về, Tân ân hận, xót xa. Chàng lặng lẽ lên đường tìm em. Tân cũng đã tới

bờ suối nọ, ngồi bên cây cau than khóc. Khi thân xác rũ liệt, chàng chết hóa thân thành tảng đá vôi, nằm sát bên gốc cau. Nàng Lư chờ chồng mãi chẳng thấy trở lại, quá nhớ thương nên đi tìm. Một chiều kia nàng cũng tới được bờ suối định mệnh. Nàng ngồi trên tảng đá khóc miết, đến khi hồn lìa khỏi xác thì hóa thân thành cây trầu không, leo bám trên thân đá. Gia đình họ Lư đi tìm con, được biết chuyện bèn lập miếu thờ. Người đương thời rất cảm kích trước tình anh em khăng khít, tình vợ chồng thắm thiết, thủy chung của anh em vợ chồng họ Cao, nên thường đến đốt nhang, chiêm bái, cầu cúng.

Một hôm vua Hùng thứ tư nhân dịp tuần du qua đây, thấy có miếu thờ, lại được dân sở tại kể cho nghe câu chuyện thương tâm kia thì vô cùng cảm động. Ngài bảo lấy trầu cau ăn thử, mới khám phá ra một mùi vị thơm cay nồng ấm, và khi nhỏ nước cốt trầu xuống tảng đá vôi, liền thấy hiện ra sắc đỏ tươi như máu, nhà vua cho là quý, bèn truyền lấy giống về trồng; xa gần bắt chước làm theo. Ngài còn xuống lệnh cho thần dân, từ nay sẽ nhất thiết dùng trầu cau trong các dịp cưới hỏi, và trong các buổi hội họp lớn, nhỏ. Tục ăn trầu ở nước ta có từ đó.

Sau khi đọc sự tích Trầu Cau trong L.N.C.Q., ta nhận thấy, truyện được chép lại không những có kết cấu chặt chẽ, lại phối hợp được cả hai yếu tố hiện thực lẫn huyền hoặc một cách khéo léo. Như thế, tác giả của nó đã khiến một câu chuyện truyền khẩu vụn vặt, còn mờ nhạt trong dân gian trở thành một truyện cổ tích có đầu đuôi, vừa lý thú hấp dẫn, vừa hàm chứa nhiều ý nghĩa thâm thúy. Quả vậy, ở giai đoạn đầu, truyện có tính hiện thực với dấu vết thời đại, với những

tên tuổi rõ ràng có ý nghĩa, với những tình tiết hợp tình hợp lý, tự nhiên. Ở giai đoạn cuối, truyện trở nên huyền hoặc, hai anh em họ Cao và vợ người anh vì không hiểu nhau nên đã tự chia lìa. Chỉ đến khi cả ba người cùng chết đi và chết bên nhau, người em hóa cây cau, người anh hóa phiến đá vôi và vợ người anh hóa cây trầu không, họ mới có được sự cảm thông hoàn toàn; từ nay họ sẽ mãi mãi gắn bó bên nhau và kết hợp thành một quả miếng trầu tình nghĩa. Ở đó, một dòng nước đỏ tươi như máu được tiết ra, tượng trưng cho tình gia đình muôn đời thiêng liêng, bền chặt.

Và cũng vì sự tích Trầu Cau có ý nghĩa sâu sắc như thế nên tục ăn trầu của dân ta đã được thăng hoa, trở thành một mỹ tục, mang tính chất đặc thù của một nền văn minh cổ Đông Nam Á.

Tục Mời Trầu

Tục mời trầu ở xứ ta cho thấy, trầu cau là phương tiện không thể thiếu trước nhất trong những nghi thức giao tế hằng ngày ngoài xã hội. Vì “Miếng trầu là đầu câu chuyện”, là “đầu trò tiếp khách”, nên chỉ vừa gặp nhau, sau mấy tiếng chào hỏi, người ta liền mở trầu mời ăn rồi mới nói gì thì nói, bàn gì thì bàn :

- Có trầu thì giờ trầu ra

Trước là đãi bạn, sau ta với mình.

Người ta còn mời trầu để bắt chuyện làm quen:

- Tiện đây ăn một miếng trầu

Hỏi rằng quê quán ở đâu chẳng là?

- Xưa kia ai biết ai đâu,

Chỉ vì miếng thuốc, miếng trầu nên quen.

Lại nữa, người xưa thường cho rằng, ăn trầu lúc nào là được hưởng chút hương vị cuộc sống lúc đó, kéo thời gian vùn vụt trôi qua, già lúc nào không biết.

- Lại đây ăn một miếng trầu

Nữa mai tuyết nhuộm mái đầu huê râm.

Trong phạm vi tình yêu và hôn nhân, tục mời trầu đã được người bình dân khai thác triệt để. Vì

trầu cau còn là lễ vật cưới xin nên những hình ảnh, màu sắc, hương vị của trầu, cau, vôi... luôn luôn gợi ý cho thanh niên nam nữ liên tưởng tới những chuyện tình yêu, chuyện duyên phận lứa đôi:

*- Vào vườn hái quả cau non,
Anh thấy em giòn muốn kết nhân duyên.*

*- Vôi nồng trầu thắm ai ơi,
Gá duyên chồng vợ ở đời trăm năm.*

*- Trầu xanh, cau trắng, chay hồng
Vôi pha với nghĩa, thuốc nồng với duyên.*

Thế nên, việc mời trầu người khác phải nhiều khi phải hiểu là một cách tỏ tình gián tiếp, và đồng thời, cũng để ước thử xem tình cảm người ấy đối với mình ra sao.

Thường thì người con trai chủ động, mời trầu trước:

*- Gặp nhau ăn một miếng trầu
Gọi là chút nghĩa về sau mà chào.*

và họ đã không quên lợi dụng lúc mời trầu để tán tỉnh các nàng:

*- Trầu lên nửa nọc trầu vàng
Khéo khen phụ mẫu sinh nàng dễ thương.*

Nếu người con gái dứt khoát từ chối không nhận trầu, thì dù sự từ chối ấy lịch sự, tế nhị đến đâu cũng phải hiểu đó là sự từ chối tình yêu:

*- Thưa rằng bác mẹ tôi răn
Làm thân con gái chớ ăn trầu người.*

Còn như người con gái chỉ tỏ ý ngần ngại, vì muốn tìm hiểu thêm tình ý đối phương:

*- Miếng trầu ăn nặng bằng chì,
Ăn rồi em biết lấy gì trả ơn ?*

Thì người con trai trong trường hợp này phải trấn an liền, và thổ lộ rõ tình ý đứng đắn, xây dựng của mình:

*- Miếng trầu ăn nặng là bao,
Muốn cho đông liễn, tây đào là hơn.
- Miếng trầu là nghĩa tương giao,*

Muốn cho đây đây duyên vào hợp duyên.

Một khi thấy ý hợp, lòng ưa rồi người con gái mới nhận trầu. Hành động này hàm ý “chấp thuận”, thật là một cách bày tỏ tình cảm vừa kín đáo, tế nhị, vừa duyên dáng dễ thương.

Từ ngày nhận ăn miếng trầu kết nghĩa tương giao, gán bó trở về, tình yêu của người con gái lớn dần, làm thắm hoa cuộc sống. Nàng trở nên xinh tươi, đậm thắm:

*- Từ ngày ăn miếng trầu anh,
Cho nên má đỏ, tóc xanh đến giờ.*

Và thường để tâm hồn lãng mạn bay xa, mơ tưởng về một ngày mai được sống trong hạnh phúc lứa đôi với chàng, được cùng chàng thân mật dùng chung một hộp trầu, một ống vôi:

*- Ước gì chung mẹ chung thầy
Để em giữ cái quạt này làm thân.
Rồi ra chung gói chung chăn,
Chung quần, chung áo, chung khăn đội đầu.
Nằm thì chung cái giường tàu,
Dậy thì chung cả hộp trầu, ống vôi.*

Trở về hiện tại, giây phút sung sướng nhất hiển nhiên là giây phút nàng được thưởng thức những miếng trầu tình ái do chàng trao tặng:

*- Trầu này đủ vôi, đủ vôi
Đủ cau, đủ thuốc, đủ mùi xạ hương.
Không ăn thì bảo rằng thường
Ăn rồi mới biết người thương thế nào.*

Nhất là những miếng trầu ấy lại được chàng quí hóa, trân trọng bọc trong chiếc khăn tay trắng, dành riêng cho nàng:

*- Trầu bọc khăn trắng cau tươi,
Trầu bọc khăn trắng dải người xinh xinh.
Ăn cho nó thỏa tâm tình,
Ăn cho nó thỏa sự mình sự ta.*

Phần nàng, nàng cũng không quên sửa soạn sẵn những miếng trầu thật đặc biệt:

- Ở giữa đệm quế, hai đầu thơm cay.

rời buộc trầu trong dải yếm đào, đem tới
tặng lại chàng với tất cả tấm lòng triu mến:

*-Trầu em buộc dải yếm đào
Hỏi người tri kỷ ăn vào có say?*

Những kẻ đang yêu ăn trầu dễ say lắm.
Nhiều khi họ tự hỏi, họ say vì trầu hay
say vì tình, vì mê bóng sắc của nhau ?

*-Tay ai như ngọc, như ngà
Đưa trầu ta tưởng đưa ta miếng vàng.
Anh say nhan sắc của nàng
Hay say vì miếng trầu vàng, cau xanh ?*

Tất nhiên cả hai rồi. Họ say vì trầu, vì
trong hạt cau có chất arécoline làm kích
thích thần kinh; đồng thời họ còn say vì
tình, nhưng say vì tình mới là chính:

*-Yêu nhau trầu vỏ cũng say
Ghét nhau cau đậu đầy khay chẳng màng.*

Và:

*-Gặp nhau ăn một khầu trầu
Không mặn vì thuốc, say nhau vì lời.*

Như thế đủ thấy, những kẻ đang yêu
được ngồi ăn trầu bên nhau thì dù trầu
có thiếu vị họ vẫn say như thường, vì họ
say tình nhau, say bóng sắc của nhau,
say lời yêu đương của nhau chứ nào có
xá gì trầu!

Tình yêu khi đã đến lúc đắm say tất
xa nhau sẽ nhớ nhưng, tương tư sâu khổ:

*- Một thương hai nhớ ba sầu,
Cơm ăn chẳng được, ăn trầu cảm
hơi.*

*Nhớ chàng lấm lấm chàng ơi,
Biết đâu thanh vắng mà ngồi thờ than?*

Nàng thờ than những gì đây ?

*-Từ ngày ăn phải miếng trầu,
Miếng ăn môi đỏ, dạ sâu dăm chiêu.
Biết là thuốc dẫu hay bùa yêu*

Làm cho thiếp phải nhiều điều xót xa.

Làm cho quên mẹ, quên cha

Làm cho quên cửa, quên nhà

Làm cho quên cả đường ra, lối vào

Làm cho quên cả dưới ao

Quên sông tắm mát, quên sao trên trời.

Trong vấn đề tình yêu và hôn nhân, không phải
bao giờ người con gái cũng ở thế thụ động , ca dao
đã chứng tỏ, có nhiều trường hợp nếu người con
gái bạo dạn một chút, lạnh lợi một chút, và cũng
phải biết tế nhị nữa, thì có thể lợi dụng tục mồi
trầu để tự kén chọn cho mình một người bạn tình
trăm năm. Thật thế, như khi đã gặp được người
vừa ý rồi mà đối phương lại quá nhút nhát như anh
chàng này chẳng hạn :

*-Thương em chẳng dám trao trầu
Để trên bó mạ, gió nam lâu thổi qua.*

Nếu người con gái cũng lại chấp nê, thụ động thì
cuộc tình này đành để cho gió bay đi. Trái lại, nếu
người con gái khôn ngoan, biết mở lời bóng gió
đưa duyên, thì có thể khích lệ đối phương tiến tới:

*-Có trầu mà chả có cau
Làm sao cho đỡ môi nhau thì làm.*

Đúng ra phải nói là:

*- Có trầu mà chả có vôi
Làm sao cho đỡ môi tôi thì làm.*

Như thế, có trầu đã đành, còn phải ăn thêm với vôi
mới làm đỡ được môi. Cũng như trong tình yêu, một
người đã lên tiếng, kẻ kia có đáp lời, tình yêu song
phương mới thực sự tạo được hạnh phúc lứa đôi.

Lại những khi chưa biết rõ đối phương đối với
mình ra sao, người thiếu nữ cũng đã biết mượn
miếng trầu để dò ý, ướm tình :

*-Trầu đã có đây, cau đã có đây
Nhân duyên chưa định, trầu này ai ăn?
Trầu này trầu tui, trầu khấn,
Trầu này dải yếm, anh ăn trầu nào?*

Nếu người con trai nhận ăn “trầu dài yếm”, là những miếng trầu thiết thân với nàng, thì nàng hiểu ngay, đối phương đã thăm xác nhận có yêu nàng, và những mong được cùng nàng kết mối lương duyên; bằng không chỉ là bạn thường, vì bạn thường thì chỉ được phép ăn “trầu khăn”, “trầu túi” của nàng mà thôi.

Lại những khi người con gái đã lỡ yêu rồi thì nàng cũng dám tấn công trước qua miếng trầu tỏ tình:

*Vào vườn hái quả cau xanh
Bỏ ra làm sáu mời anh xơi trầu.
Trầu này tằm những voi tàu
Giữa đềm cát cánh, hai đầu quế cay.
Trầu này ăn thật là say
Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng
Dù chẳng nên đạo vợ chồng
Xơi dăm ba miếng, kéo lòng nhớ thương.*

Miếng trầu đối với nàng lúc này không chỉ là một vật chất đơn thuần mà là một biểu tượng của tình yêu, nói khác đi, nó chính là tình yêu của nàng đã hóa thân:

*-Trầu này trầu quế, trầu hồi
Trầu loan, trầu phượng, trầu tôi, trầu mình.
Trầu này trầu tỉnh, trầu tỉnh
Trầu nhân, trầu nghĩa, trầu mình, trầu ta.
Trầu này tằm tôi hôm qua
Dấu cha dấu mẹ, đem ra mời chàng.*

Nhưng không phải hề người con gái mời trầu là bao giờ cũng được bọn nam nhi đón nhận sốt sắng đâu. Nhiều chàng trai có tính đa nghi lắm, lại luôn luôn được phụ mẫu nhắc nhở, căn dặn: “Ra đường thấy con gái mời trầu thì chớ có ăn, nó bỏ bùa yêu, thuốc dấu cho là khôn, rồi đến bỏ cả học hành thôi”. Thế nên, nhiều chàng đã tỏ ra rất dè dặt trước những miếng trầu mời mọc của các nàng, bởi vậy mới có cái cảnh mời trầu nài nỉ:

*-Trầu này không phải trầu hàng
Không bùa, không thuốc sao chàng không ăn?*

Hay là chê khó, chê khẫn

Xin chàng đừng lại làm ăn miếng trầu.

Rất may chuyện này xảy ra cũng hi hữu thôi, vì các cụ ta xưa đã dạy cho người thiếu nữ biết cách từ chối nhận trầu, thì cũng lại dạy cho người thanh niên phải biết nhận trầu, có thể mới ra con người lịch sự:

-Tiện đây đưa một miếng trầu

Không ăn, cảm lấy cho nhau bằng lòng.

PHẠM THỊ NHUNG (Paris)

LÃNG DU

Trăm năm còn một con đò

Ngàn năm vọng mãi câu hò bên sông...

Buông chèo ta hát giữa dòng.

Ai hun mây nước cho hồng rắng pha.

Trên sông sương khói la đà...

Vằng trăng nghiêng ngả cho ta giọt sầu.

Mênh mông mây nước một màu.

Cả đời phiêu lãng còn đâu lối về???

THIÊN ĐỨC

(Danville, IL)

nét lãng mạn buồn

mắt xưa mầu thời gian
pha sóng xanh nồng nàn
từ đối hờn vô cố
ưa nhìn đời phân vân
giữa môi trường tự nhiên
khoác mảnh đời sinh viên
chưa lạc vẫn chữ nghĩa
ngôn từ bị thôi miên
trong cơn mưa bụi trần
một phiến hồn độc thân
tìm tình yêu thánh hóa
gục cười thương cố nhân
“sóc con” hẹn đôi sim
đôi mắt đen im lìm
chiếm cứ hồn thi sĩ
rời theo nước buồn chìm (1)
chiến chinh về quê hương
người lính xa khung trường
vẫn nhớ đồng hương chốn
và mắt buồn tây phương (2)
cổng trường và thi nhân
bước học trò phân vân
trên lối về mưa nhỏ
sách ôm nghiêng ngại ngần (3)
lối buồn vào nghĩa trang
người lính không đầu hàng
một dáng buồn lãng mạn
ngồi canh giữ địa đàng (4)

niềm đau trắng quê hương
xao xác đêm vô thường
đã thú vào thành thị
nhe nanh cạo tên đường (5)
những ngày đau xương da
nhìn kỷ niệm băng hà
xác chết đòi lui mộ
người trên đất khóc nhà (6)
má hồng hoen dăm chiêu
gượng lớn trong cơn liều
đem giá nghèo đi đổi
lấy lằm than cô liêu (7)
ngôi mồ ‘giải phóng’ hoang
không khói không mùi nhang
không cả lời kinh nguyện
vốn chỉ là hồn mang
tìm về phía tìm nhau
ghép vội đôi nhịp cầu
trên tuổi buồn lãng mạn
trôi về bến dài lâu

xuân bích

(Oklahoma)

- (1) Hữu Loan và “Mầu Tím Hoa Sim”
- (2) Quang Dũng và “Đôi Mắt Người Sơn Tây”
- (3) Phạm Thiên Thư & “Ngày Xưa Hoàng Thị”
- (4) Tượng “Tiếc Thương” NTQĐ/BH.
- (5) Saigon sau 30/4/75
- (6) Hoàn cảnh người dân tại Việt Nam hiện nay
- (7) Thân phận cô gái Việt dưới chế độ HCNVN.

HÀ NỘI BUỔI ĐẦU THỜI PHÁP THUỘC

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

(Tiếp Theo)

Rue de la Concession, nay là phố Phạm Ngũ Lão, con đường nằm theo trục bắc nam, chia nhượng địa làm hai phần. Phần phía bờ sông mọc lên những công thự đầu tiên, xây theo chỉ thị của Đô đốc Duperré, mang hình dáng các dinh tham biện ở Nam Kỳ, nhà gồm hai tầng, gác có hiên rộng. Đi từ bắc xuống nam ta gặp: dinh lãnh sự, nhà ở các sĩ quan, dinh tổng tư lệnh quân đội, trại lính. Các tòa nhà khác kém quan trọng hơn: nhà ở vừa là văn phòng của chương án, nhà của viên sĩ quan công binh, bệnh xá, nhà kho. Một mảnh đất có tường bao quanh, ở góc phía nam, nằm lẫn ra khỏi nhượng địa, dành làm nghĩa trang cho binh sĩ Pháp. Hải cốt của Garnier và đồng đội được mang từ trong thành về mai táng nơi đây. Tuy nhượng địa là một khu vực kiến trúc châu Âu nhưng chưa được hoàn toàn chỉnh trang, mặt đất còn lầy lội, tường bao quanh còn đầy lỗ châu mai để phòng quân Cờ Đen tấn công.

Bên ngoài nhượng địa, muốn vào thành phố phải qua cửa ô Trường Long (Pháp gọi là Porte de France), chỗ gần Nhà Hát Lớn hiện nay. Cửa bằng gạch, tuy đơn giản nhưng đồ sộ, có vẻ chắc chắn, khung cửa là hai trụ vuông, con nghê đứng trên đỉnh, tường dày tiếp nối hai bên, trên xây hành lang cho tuần phu đi lại. Bước qua cửa gặp đoạn đường rất dốc, luồn vào một phố hẹp, hai bên là nhà tranh vách đất lụp xụp, đây là phố Hàng Khâm.

HÀ THÀNH THẮT THỦ LẦN THỨ HAI

Đến cuối năm 1881, vị cố nhà cầm quyền Việt Nam đón tiếp, dung túng quân Cờ Đen, Pháp theo dõi tình hình và chuẩn bị lực lượng, đến lúc thuận lợi phái Henri Rivière đến Hà Nội, sau đó gửi thêm viện quân từ Hải Phòng. Rivière đến Hà Nội vào năm 1882, định đóng quân trong Trường Thi, nhưng thấy nơi này kém an toàn và thiếu tiện nghi nên mang quân vào nhượng địa. Trại lính ở đây chật hẹp, công binh phải dựng thêm lều trại tạm.

Người dân Hà Thành lại một phen khổ sở, lầm than vì chiến tranh!

Đi vượt quá sức mạng của mình, Rivière cho tấn công thành Hà Nội. Sáng ngày 25-04-1882, đạn pháo từ các tàu chiến trên sông Hồng bắn vào Cửa Đông và Cửa Bắc. Quân của Rivière vượt qua Cửa Bắc tràn vào chiếm thành. Vì có sự phản bội của nhiều quan lại, quân ta không giữ được thành trước sức tấn công của quân Pháp, thành thất thủ chỉ sau vài giờ kháng cự, Tổng đốc Hoàng Diệu tự vẫn. Không như Garnier cho quân trú đóng trong thành rồi áp đặt ngay bộ máy hành chính Bảo hộ, Rivière chỉ để lại một đại đội binh Pháp đóng nơi điện Kính Thiên và trao quyền tổng đốc tạm thời cho Án sát Tôn Thất Bá, phó thác tổ chức hành chính cho một số viên chức người Việt. Toán quân còn lại quay trở về nhượng địa. Rivière cho tu bổ lại rào giậu quanh nhượng địa thêm chắc chắn, riêng phía bờ sông vẫn giữ nguyên vì có các pháo hạm canh phòng. Thực ra, ở rải rác bên ngoài nhượng địa vào thời ấy còn nhiều đầm lầy, rất khó đến gần để tấn công.

Lúc thành thất thủ, quân Cờ Đen đã có mặt tại Hà Nội, sau đó nhiều đoàn quân khác từ Vân Nam kéo xuống. Đời sống trong nhượng địa tạm yên cho đến đầu năm 1883. Sợ bị bao vây, Rivière thị uy bằng cách đưa quân đi đánh Nam Định (27-03-1883, trở về ngày 02-04-1883). Biết lực lượng Pháp suy giảm tại Hà Nội, quân Cờ Đen tấn công nhượng địa, nhưng quân đồn trú cầm cự được. Cùng lúc ấy Pháp biến điện Kính Thiên thành công sự phòng thủ, đặt đại bác để phòng các cuộc phản công. Hàng cột thưa của lan can xinh xắn bao quanh thêm điện bị xây bít làm tường, đầy những lỗ châu mai xấu xí.

Quân Cờ Đen lảng vảng chung quanh Hà Nội, đợi đến ban đêm xâm nhập khu dân cư để quấy nhiễu. Rivière thấy cần có một cuộc xuất quân thật mãnh liệt để giải vây, nhưng cũng chịu chung số phận như Garnier. Sáng sớm ngày 19-05-1883, khoảng 500 người rời tòa thành đi giải tỏa đường đến Sơn Tây đã bị quân Cờ Đen chiếm giữ. Quân Pháp vừa tiến qua khỏi Cầu Giấy, thành linh súng bắn ra dữ dội từ lũy tre dọc theo các ngôi làng bên. Lúc ấy là 8 giờ sáng, ở địa thế không tiện dàn quân đánh trả, Pháp đành rút lui. Thiệt hại của Pháp rất trầm trọng: năm sĩ quan và ba mươi lính bị giết, năm mươi người bị thương.

Quân Cờ Đen phản công, bao vây quân Pháp, vào tận khu phố thương mại đốt phá. Quân Pháp trong khu nhượng địa nơm nớp lo sợ, đốn cây cối, san bằng nhà dân xung quanh để nơi phòng tuyến ra xa 200 m. Toán quân đóng trong thành đã mất liên lạc với nhượng địa, lại thiếu thực phẩm, sống trong căng thẳng cực độ.

Đến cuối tháng 5 năm 1883, hằng trăm quân tiếp viện Pháp từ Hải Phòng, Hòn Gai, Quy Nhơn kéo đến. Lũy cọc được xây lên để bảo vệ phía bờ sông của khu nhượng địa. Những cọc chắn cũng được đóng xuống lòng sông ở phía thượng nguồn, để phòng ngừa các

pháo hạm Pháp bị đánh hòa công. Đến tháng 6, nhượng địa đã đầy lính tráng, chật chội, không thể xây cất gì thêm được. Phần phía tây, dọc đê mỗi khi trời mưa thì đầy bùn lầy, khu đất giữa các tòa nhà và lũy cọc biến thành ao nước. Trong khi ấy đa số nhà cửa dân chúng trong khu phố thương mại, trừ một vài khu vực và phố của Hoa kiều, đều cháy rụi, tiêu điều, khiến nhiều người phải bỏ đi lánh nạn.

Tháng 7, quân tiếp viện Pháp từ chính quốc sang, khoảng 4.000 người đóng rải rác dọc theo Trường Tiền, Trường Thi đến Thành nội. Nhượng địa trở nên chỗ tạm dừng chân cho các toán quân đổ bộ trước khi vào thành, vì từ nay thành là cứ điểm chính của quân đội Pháp.

Đến cuối năm 1883, vòng vây được giải tỏa. Kể từ lúc này Pháp mới thực sự bắt đầu xây trại quân trong thành bằng những dãy nhà tranh tạm bợ. Sang năm 1884, các sĩ quan Pháp cư ngụ trong các dinh số do quan lại triều đình bỏ trống. Pháp ký giao kèo với một nhà thầu Hoa kiều để xây nhà, vừa gỗ vừa gạch, cho một tiểu đoàn đóng trong Trường Thi và một tiểu đoàn khác đóng trong thành. Trại lính trong khu nhượng địa biến thành quân y viện với 80 giường.

Đang lúc nhiều nhượng ấy, tình hình tại triều đình càng thêm rối ren khi vua Tự Đức băng hà (17-07-1883). Quyền hành bất ổn vì trong hai năm có đến bốn vua lên ngôi. Thừa cơ hội đó Pháp pháo kích vào cửa Thuận An, ép buộc triều đình ký hai hàng ước. Hòa ước Quý Mùi (Harmand) thừa nhận chế độ Bảo hộ tại Bắc Kỳ (25-08-1883) và năm sau (06-06-1884), Hòa ước Giáp Thân (Patenôtre), công nhận cuộc Bảo hộ của Pháp ở cả Bắc và Trung Kỳ.

ĐỔI THAY CỦA HÀ NỘI NHỮNG NGÀY PHÁP MỚI CHIÈM

Ngày khi vừa giải vây Hà Nội, quân Pháp bắt

đầu công cuộc xây dựng lớn lao dưới sự điều động của Công sứ Bonnal. Ông ta không có ngân khoản nào để thực hiện nên đã dùng tù nhân bị án nhẹ hoặc nhân công do các phố trường cung cấp. Ông ta còn bắt buộc các chủ nhân phải đào rãnh thoát nước trước nhà và cùng nhau xây vỉa hè. Ông ta cho trải đường bằng đá gạch lấy từ các căn nhà đã bị cháy, sụp đổ trong khu Nhà Chung và khu quanh hồ Gươm. Số vật liệu ấy đủ lót một trăm năm chục con phố và ngõ. Để nối rộng đường phố, những mái hiên, những quày hàng quay ra đường đều bị dẹp bỏ. Chỉ sau một năm, thành phố tái sinh từ những đổ nát.

Đến đầu năm 1885, dân chúng kéo nhau về, khu phố phường xây dựng lại và dần dần trở nên chật hẹp, mỗi ngày có thêm một, hai ngôi nhà mới. Người Pháp chỉ có thể lập khu phố mới trong vùng chung quanh hồ Gươm và dọc theo trục đường Tràng Thi-Tràng Tiền. Pháp dùng trục đường này làm mốc để vạch ra những phố khác nằm song song hay cắt thẳng góc như những ô trên bàn cờ, ví dụ những phố: Rollande (Hai Bà Trưng), Carreau (Lý Thường Kiệt), Gambetta (Trần Hưng Đạo), Đồng Khánh (Hàng Bài), Gia Long (Bà Triệu), Jauréguiberry (Quang Trung) v.v.

Năm 1888, thành phố trải rộng từ hồ Trúc Bạch đến Đồn Thủy, phía đông đến Văn Miếu và tòa thành. Năm 1890, ranh giới thành phố được đẩy xa hơn, trùng với bờ thành cũ đời Lê. Năm 1891, Pháp lập Hội đồng thành phố, chủ tịch là viên công sứ, cũng nắm cả chức vụ thị trưởng (Résident-Maire). Các năm sau đó nhiều cải tiến khác được thực hiện nhưng đáng kể hơn cả là việc xây chợ có mái che, trên các phố: Hàng Tre, Chợ Gạo, Hàng Da, Đồng Khánh. Năm 1900, Hà Nội chia làm 8 quận với khoảng 180 đường phố. Năm 1902, Hà Nội trở thành thủ đô Đông Dương. Công cuộc kiến thiết thành phố cứ

tăng mãi, tiến dần ra ngoại ô, nhưng mức sống ở đây vẫn còn thua kém trong nội thành.

Phố cũ thường hẹp, chỉ đủ cho người đi bộ hay người cưỡi ngựa, sau được mở rộng nên xe có thể qua được. Đầu năm 1884, Công sứ Bonnal đặt mua hai chiếc xe kéo của Nhật Bản, một chiếc dành cho Tổng đốc Hà Nội. Chiếc tramway đầu tiên bắt đầu chạy khoảng giữa năm 1885, đây là chiếc xe bánh sắt do ngựa kéo chạy trên đường ray, chuyên chở hành khách giữa tòa thành và khu nhượng địa (có lẽ chỉ dành cho người Pháp). Cho đến năm 1886, chỉ có hai chiếc xe ngựa. Một chiếc kiểu malabar hai bánh, có mui, của hội Truyền giáo, Giám mục Puginier thường dùng đi thăm các xứ đạo. Một chiếc kiểu victoria, bốn bánh, mui trần, của H. Rivière, chiếc xe ông ta dùng đi ra trận lần cuối vào năm 1883 trước khi bị giết ở gần Cầu Giấy.

Từ 1900 trở đi, khoảng 20 km đường tàu điện giúp cho sự giao thông nội thành càng thêm thuận tiện. Ga Hàng Cỏ và cầu Long Biên góp phần mở rộng giao thông đến các tỉnh, vừa giúp trao đổi mậu dịch với Vân Nam. Những năm đầu, cầu chỉ dành cho xe lửa và người đi bộ. Đến 1924, cầu được xây thêm hai bên chợ xe ô-tô đi lại, tránh được việc vượt sông bằng phà, phiến toái, lâu lác, có khi nguy hiểm hoặc bị gián đoạn vào mùa nước lũ.



Dinh Toan Quyên xây năm 1888

NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG KHU NHƯỢNG ĐỊA ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ 20

Trong suốt 8 năm mở lãnh sự quán trong nhượng địa (1875-1882), người Pháp định lập thương cảng cho tàu ngoại quốc đến buôn bán và tìm cách bành trướng khu vực về phía nam, trên các làng Lương Yên, Vĩnh Tuy. Nhưng họ bị thất bại vì chính quyền Việt Nam vẫn kiểm soát sự lưu thông và thuế quan trên sông Hồng, khiến họ chẳng tạo được vận động kinh doanh nào có sức thu hút các thương gia người Âu đến Hà Nội.



Trường Y Khoa đầu tiên, (1902)

Các công thự trong khu nhượng địa gồm có: Dinh Lãnh sự, dinh Công sứ, dinh Thống sứ, dinh Toàn quyền, bộ Tổng tư lệnh, trại lính, nha Giám đốc quân cảng... Có khi cùng một tòa nhà nhưng tên gọi thay đổi tùy thời kỳ, như dinh Lãnh sự được trùng tu, lần lượt trở thành dinh Thống sứ (1886), dinh Toàn quyền (1888), phòng Tư vấn bản xứ, trường Đại học Đông Dương, Bảo tàng của Viện Viễn Đông Bác Cổ (1908), cuối cùng vào 1926 bị phá bỏ để xây Bảo tàng Louis Finot. Trại lính cũ biến thành các văn phòng thuộc Bộ Tham mưu. Cư xá của sĩ quan biến thành dinh Tổng tư lệnh. Phần phía tây, phố Bobillot (Lê Thánh Tông) chạy men đường đê cũ tức là bờ tường thành Thăng Long, nơi xây Trường Y khoa (1902), tiền thân của Trường Y khoa và Dược khoa Đông Dương (1928). Đi về phía nam, qua

khởi tháp nước chúng ta đến nhà thương quân đội De Lanessan (nhà thương Đồn Thủy), khánh thành 1894.

Sau hai hòa ước 1883 và 1884, quyền lực quân đội giảm đi, nhường chỗ cho quyền lực dân sự. Cuối năm 1884, dưới thời Tướng Briere de l'Isle, hằng tuần trong dinh Tổng tư lệnh có những cuộc tiếp tân, trình diễn quân nhạc, khiêu vũ. Nhưng bước ra khỏi những tòa nhà khang trang ấy chỉ thấy chung quanh toàn đất lầy lội, đường mòn hẹp, lũy cọc và ụ súng thô kệch.

Thống sứ Paul Bert đến Hà Nội năm 1886, ra nghị định tái thiết khu nhượng địa, phá bỏ tất cả các công sự bao quanh, mở nhiều đường thông ra ngoài, biến nhượng địa thành một khu phố mới, hòa nhập với khu vực bên ngoài chứ không còn là một pháo đài riêng rẽ nữa.

Khoảng năm 1900, du khách đến đây không còn thấy vẻ nghiêm trang của một khu quân sự, mà là cảnh vui tươi xinh xắn của những công thự mọc lên giữa hoa viên, sau bờ giậu hay rào sắt thẳng tắp, với gió mát từ ngoài sông đưa vào. Phố Concession (Phạm Ngũ Lão), nằm suốt chiều dài của nhượng địa, được trải đá, làm vỉa hè rộng cho người đi bộ, chẳng bao lâu, hai hàng cây phượng vĩ che bóng mát, vào độ tháng 5 hoa nở đỏ thắm



Tháp nước đồn Thủy, cạnh đài kỷ niệm nghĩa địa Pháp (Khoảng 1905)

khu vực. Đến cuối đường, gần tháp nước, ta gặp một đài kỷ niệm bằng đá hoa cương, đánh dấu mảnh đất từng là nghĩa địa, đã dời về bên phố Huế. Bờ sông ở phía nam Đền Thủy có một nơi đáng chú ý là quân cảng, chỗ đậu các tàu chiến Pháp và ghe thuyền của triều đình. Bãi cát bồi ngay trước Nha Giám đốc quân cảng thường vắng vẻ, chỉ đông người vào những buổi sáng có các viên chức cao cấp đến hoặc đi.

PHỐ HÀNG KHẸM

Phố Hàng Khẽ (rue des Incrusteurs) lúc xưa có sở Trường Tiền, là nơi đúc tiền kẽm của triều đình, chiếm khoảng đất hình chữ nhật, cạnh tương ứng với các phố hiện nay: Tràng Tiền, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Phan Chu Trinh. Chung quanh là hào nước, chỉ có chiếc cầu thông ra phố Hàng Khẽ. Lúc Pháp đánh Bắc Kỳ năm 1873, sở Trường Tiền đã ngừng hoạt động, vì giá kim loại tăng cao.

Phố Hàng Khẽ là con đường được ưu tiên sửa sang vì nó giữ vai trò chiến lược, nối liền nhượng địa với tòa thành và là cửa ngõ mở vào khu phố phường. Hướng nam được bảo vệ an toàn nhờ có đầm lầy, rặng tre, tường, giậu của nhà dân và nhất là những công sự triều đình đã xây trước ngày Pháp đánh chiếm, nay được tu sửa lại thành lô-cốt bằng đá gạch tráng xi-măng. Sau đó các phố khác cũng lần lượt được chỉnh trang là Hàng Thêu (Hàng Trống), Đồng Khánh (Hàng Bài) cùng lúc với các phố trong khu phố phường.

Vào năm 1883, phố Hàng Khẽ còn nhiều chỗ bùn lầy nước đọng, chỉ rộng từ hai đến ba mét. Ở phía nam hồ Hoàn Kiếm, thợ khảm sống trong các ngôi nhà gạch thấp và hẹp, có mái ngói và sân trong, phía trước là mái hiên bằng tranh che lán ra phố, trong khi phía sau xây nhà sàn trên hồ. Chỉ một năm sau nơi đây biến thành đường phố rộng, tuy vậy vẫn chưa thấy nhà cửa kiểu châu Âu. Dọc

hai bên còn những túp lều tranh, vài ba cửa hàng của Hoa kiều, cứ khoảng độ mười mét có một quầy bán rượu cho lính Pháp.

Khách sạn tạm bợ đầu tiên, năm 1884, là những túp lều xếp thành hình chữ U, bao quanh cái sân quay ra ao nước, vách tre trét đất không kín, vách không đụng tới mái tranh, bên trên chừa trống khoảng nửa mét nên thông gió, mùa hè mát mẻ dễ chịu, mùa lạnh khách thăm thía cái rét miền Bắc. Cửa ra vào đầy khe hở vì ván không khớp sát nhau, cửa sổ chỉ có cánh gỗ sơ sài. Đến tháng 11-1885, Grand Hôtel mới là khách sạn thực sự, xây bằng gạch, kiến trúc kiểu châu Âu, mở cửa trên phố Hàng Thêu (Hàng Trống). Bên trong có phòng ăn đủ chứa 150 thực khách, một phòng bi-da (được xem là bi-da đầu tiên nhập cảng đến Hà Nội), phòng nào cũng được trang hoàng bằng kính, buổi tối đèn thấp sáng choang.

Phố Hàng Khẽ, đã mở rộng từ đầu năm 1885, mặt đường trải đá nhuyễn, hầu hết hai bên có các nhà buôn lẻ của người Âu như: hàng nước, bánh mì, tạp hóa, giấy bút, thực phẩm khô, gia vị, đồ gia dụng... Ngoài ra còn có một khách sạn nhỏ, vài tiệm cà phê, phòng cắt tóc (1885), hiệu thuốc tây (1886). Quán cà-phê đầu tiên là Café de Beire, nữ chủ nhân trước làm quản lý căng-tin cho đoàn buôn của Jean Dupuis. Lân hồi có thêm Café de Paris, Café du Commerce, Café Albin, Café de la Place...

Cuối năm 1886, theo nghị định của Công sứ trong vòng một năm, các túp lều tranh trên phố Paul Bert (tên mới của phố Hàng Khẽ từ năm 1886, nay là phố Tràng Tiền) và các phố gần đây như Exposition (Tràng Thi), Hàng Thêu (Hàng Trống) phải dỡ bỏ và thay thế bằng nhà gạch, mái ngói.

Vào năm 1887, phố Paul Bert bắt đầu có vỉa hè viên gạch. Một vị quan ở Hà Nội tặng hai biển chỉ đường khảm xà cừ. Khoảng năm 1890, báo Avenir du Tonkin và báo Indépendance Tonkinoise đặt tòa soạn trên

phố Paul Bert (giữa Hàng Bài và Ngô Quyền ngày nay), vào thời ấy cả hai được xem là báo xuất sắc nhất trong khắp các thuộc địa Pháp, kể cả Sài Gòn.

Ta có thể kể vài hãng buôn hay cửa hàng trên phố Paul Bert trước năm 1900: Hãng Fontaine, thành lập năm 1887, chuyên bán đồ gia dụng, đồ nghề bằng kim loại sản xuất tại Pháp. Hãng Debeaux Frères, bán nhiều loại hàng hóa như: Thức ăn đóng hộp, bóng đèn, nước khoáng, rượu vang, thuốc hút, giày dép, áo quần, súng săn, bát đĩa,... Hiệu thuốc tây Blanc, hiệu thuốc đầu tiên tại Hà Nội, thành lập năm 1886, đến năm 1895 được mở rộng, nằm ở góc hai phố Paul Bert và Henri Rivière (Ngô Quyền). Ngoài dược phẩm còn bán cả nước hoa, xà phòng, hóa chất dùng trong các ngành nhiếp ảnh, nghệ thuật, công nghiệp, dụng cụ và máy móc dùng trong các phòng thí nghiệm.

Nhà Hát Lớn ở phía đông, xây từ năm 1901 đến 1911, bên trên một ao nước. Để sửa soạn xây nền, người ta đóng ba mươi lăm ngàn chiếc cọc rồi đổ lên một lớp bê tông dày gần một mét.



Chợ hoa bên Hồ Gươm, ở góc Paul Bert-Francis Garnier (Hàng Khay - Đinh Tiên Hoàng, khoảng 1930.)

Khoảng đầu thế kỷ 20, đi trên phố Paul Bert (Tràng Tiền-Hàng Khay) đến Borgnis Desbordes (Tràng Thi) chúng ta lần lượt gặp

vài kiến trúc đáng kể :

- Cửa hàng bách hóa U.C.I.A, ba mặt quay ra các phố lớn : Paul bert, Đồng Khánh (Hàng Bài), Rollandes (Hai Bà Trưng). Nơi đây bán từ kim chỉ đến bánh kẹo, nước hoa, yên cương ngựa, nữ trang đắt tiền... Chúng ta có thể đặt may áo quần hoặc đóng đôi giày tùy theo kích thước mình muốn, hoặc thuê người thiết kế phòng tắm, bắt điện trong nhà.

- Bốt cảnh sát Hàng Trống đối diện với trường nữ tiểu học ở góc Hồ Gươm.



Phố Camp des Lettrés (Tràng Thi). Trong khuôn viên Trường Thi xưa, Toà Kinh Lược trở thành Phòng Thương Mại và Canh Nông. Bên kia Phố Jauréguiberry (Quang Trung) hai toà nhà là trường Trung học của Hội Truyền giáo (khoảng 1905).

- Trường Thi, nơi đây trong thời gian Pháp đánh Hà Nội, hai kỳ thi 1882 và 1885 bị xóa bỏ. Thống sứ Paul Bert chỉ cho mở lại các kỳ thi tại Nam Định mà thôi. Năm 1886, Trường Thi vẫn còn bỏ trống, phía đông (góc Tràng Tiền-Quang Trung ngày nay) được chọn làm nơi xây tòa Kinh lược, trú sở của Kinh lược sứ Nguyễn Hữu Độ, đại diện triều đình Huế liên lạc với chính quyền Pháp. Ông Nguyễn Hữu Độ đích thân chỉ huy việc thiết kế theo bình đồ của ông. Tòa nhà khá giản dị, mái cong theo kiến trúc Việt Nam. Sân trong trang trí bằng bể nước, non bộ, nhiều chậu hoa cảnh. Vách ngoài tô nhiều màu. Văn phòng nơi ông làm việc, treo các trường lụa

thêu, các câu đối, tranh sơn mài, ghế bàn chạm trổ sơn son thếp vàng. Tòa nhà vừa xây xong, ông cho Pháp mượn trưng bày trong cuộc đấu xảo đầu tiên tổ chức tại chính Trường Thi vào tháng 3 năm 1887. Trong cuộc đấu xảo ấy, dân chúng Hà Nội lần đầu thấy tận mắt chiếc đầu máy xe lửa Decauville chạy trên mấy trăm mét đường sắt. Tòa Kinh lược này tồn tại mười năm, thay thế bằng tòa Kinh lược thứ hai, xây năm 1896, chỉ hơi chệch về phía sau. Nhưng một năm sau đó chức Kinh lược sứ bị bãi bỏ. Tòa Kinh lược sau cùng chuyển thành Phòng Thương mại và Canh nông vào năm 1897.

- Trại Hiến binh xây năm 1893, trên phần đất phía tây của Trường Thi. Công vào là một tam quan giống như cổng đền, dấu vết của cuộc đấu xảo nói trên.

- Nhà thương bán xứ xây năm 1904, là bệnh viện thực hành của trường Y khoa, sang năm 1906, đổi là nhà thương Bảo hộ (Nhà thương Phủ Doãn). Đối diện là Dòng tu kín Carmel và nhà nguyện. Đến năm 1920, nhà tu này dời về phố Hàng Dẫy, gần bệnh viện Saint Paul hiện nay, nhường chỗ cho Nhà hộ sinh.

- Cuối phố Tràng Thi chúng ta đến vườn hoa Cửa Nam. Từ đời Lê đến đời Nguyễn có Quảng Văn đình, nơi thông báo luật lệ, giảng về điều đạo đức, dạy dân sống lương thiện. Giữa vườn, cho đến 1945, ta thấy pho tượng Nữ thần Tự do, người Hà Nội quen gọi là «Bà Đầm Xòe», được mang về đây sau khi ra mắt công chúng trong cuộc đấu xảo nơi Trường Thi và sau một thời gian đứng trên đỉnh Tháp Rùa giữa Hồ Gươm.

(Còn tiếp)

Tài liệu tham khảo :

Phố phường Hà Nội xưa – Hoàng Đạo Thúy (2000)
Indo-Chine avec les Français – Jules Boissière (1892)

Le Tonkin en 1900 – Robert Dubois (1900)

Hanoi et ses environs – Guide Madrolle (1912)
Hanoi pendant la période héroïque – André Masson (1929)

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH

(Paris)

HẠ BUỒN

*Hạ có buồn khi phượng nở bông !
Mùa xưa còn dịu mát hương nồng
Chia ly là lẽ đời riêng biệt
Màu nhớ xa mờ một bến sông.*

*Bến sông còn đó, thuyền trôi dạt
Tháp thoáng ai kia mãi ngóng trông
Một nắng hai sương, mẹ già khuất
Bơ vơ còn lại những chiều không...*

*Chiều không, thương tiếc người xa vắng
Hè đỏ phai pha cánh phượng hồng
Người ở bên này thương nhớ Hạ
Đêm về phố Hội vẫn chờ mong.*

*Chờ mong mấy thuở tương phùng nhi !
Gặp gỡ, chia ly, thoáng chạnh lòng
Dòng thác thời gian trôi chậm lại
Bên bờ hiu quạnh, mộng tàn đông.*

ĐẶNG NGUYỄN

Maryland, Hè 2011

LIÊN ƠI

TRẦN THỊ HƯƠNG CAU

Xe lửa từ từ chuyển bánh sau khi nhận được hiệu lệnh của người xếp ga huyết lên một còi tàu dài lãnh lớt. Các cửa lên xuống tàu đồng thời đóng sập lại, đẩy tất cả các tiếng động náo nhiệt trên sân ga lùi về phía sau. Liên ngồi yên bất động, cố thu mình nhỏ lại trong chiếc áo măng tô to sụ. Bên ngoài bầu trời mùa đông âm đạm đang từ từ hừng sáng. Liên tiếp những cánh đồng khô lạnh trống trải, các rừng cây trụi trụi như còn ngái ngủ đều đều lướt nhanh qua khung cửa. Liên chợt rầu rĩ nhận ra đời mình cũng đâu có khác gì, cũng tẻ nhạt, cũng xám xịt như khung cảnh bên ngoài, thế thôi!

Liên mừng tượng ra, giờ này chắc cả nhà đã dậy hết và ai cũng vô cùng thắc mắc, nguyên nhân nào đã thúc đẩy Liên bỏ đi mà chỉ viết có mấy chữ vồn vện „*Tôi phải đi, sự có mặt của tôi trong căn nhà này là không cần thiết nữa!*“

Mẹ chồng Liên thích nhất là ăn tàu hủ nóng bỏ thật nhiều gừng mà sáng nào chị cũng chuẩn bị chu đáo cho bà, chắc sáng nay còn đang rền rĩ *Liên ơi, Liên ơi*. Anh Trang, chồng Liên giờ này thì đang bực bội tột độ vì phải tự ủi áo quần, một công việc mà chị đã làm cẩn thận, treo phẳng phiu trên móc để anh thay đổi hằng ngày tới sở từ cả mười mấy năm nay. Thăng Đạt con riêng của chồng thì tha hồ có cơ nằm lý vì không còn ai mỗi sáng hối thúc nó dậy đi học. Còn con bé Châu bé bỏng, cục vàng rờng của chị chắc đang nhăn nhó, thậm chí có khi còn đang nguyên rửa vì

mẹ đã không mang khay trà và bánh mì vào tận giường cho nó điểm tâm như mọi ngày. Tất cả đã bị đảo lộn vì sự vắng mặt của Liên.

Liên thần thờ nhớ lại, gần bốn mươi tuổi chị mới vui được chữ vu quy như bao cô gái khác. Ấy là nhờ mấy bác trong chùa thấy chị vừa hiền lành vừa đạo hạnh, lại chưa có đôi có bạn nên mới hiệp lại nói vô, để anh chị rõ rá cạp lại, chứ tình cờ mà gặp nhau ngoài đường, thì thậm chí loại bị vợ bỏ như anh Trang, Liên cũng không đủ hấp dẫn để anh phải bận tâm dòm dõi. Thực ra Liên không xấu xí, khuyết tật nhưng chị thật thà, chân chất quá, không chịu làm tốt làm tệ gì cả. Sơn phấn, áo quần kiểu cộ mấy nhỏ em mang về cho, Liên cứ chất đống trong tủ, nên nhìn chung trông chị quá ư là tẻ nhạt. Rồi vào các dịp lễ lược, ai đi cứ đi, Liên cứ tình nguyện giữ nhà hoặc trông cháu cho các em đi tung tây đến những nơi hội hè đây những trai thanh gái lịch nên quay qua quay lại, định cư xứ người chưa được năm năm mà cả đàn em sáu đứa bên dưới chị, đứa nào cũng chọn rộn có người đến rước đi hết. Chỉ còn Liên, hết đi làm tiệm may về là lúc thúc trong nhà hoặc theo mẹ lên chùa thì làm sao có dịp mà gặp được ý trung nhân.

Tháng giêng Liên lên xe hoa về nhà chồng mà tháng chạp năm trước cả nhà còn ngồi bàn chắc Liên cao số, có lẽ phải phòng không chiếc bóng suốt đời vì con gái chỉ có thì, mà thì của Liên đã qua mất từ lâu lắm rồi. Vậy mà tự dung sang năm mới, có một người đàn ông từ thành phố bên cạnh dọn đến và đều đặn đưa mẹ anh đến chùa. Các bác thấy anh Trang lúc nào cũng đi có một mình nên gặng hỏi thì mẹ anh cũng chẳng dấu diếm chuyện nhà, chua chát kể lại là anh đã bị vợ

bỏ từ hơn ba năm nay. Mấy năm trước, cô vợ trẻ đẹp của anh sang Mỹ thăm gia đình và tình cờ gặp người yêu cũ bên ấy nên quay về nằng nặc đòi li dị, bỏ lại đứa con chung của hai người để sang với tình nhân, khiến anh, một người đàn ông vừa có địa vị vừa đẹp trai đâm ra thù hận tất cả đàn bà con gái trên hành tinh này. Nay con anh đã đến tuổi đi học mà anh lại bận bịu công việc nên mới dời về ở chung với mẹ để có người trông cháu. Mẹ anh Trang năm đó cũng đã gần 70, đầu được mạnh mẽ như xưa nên mới bàn với mấy bác cao niên trong chùa xem đâu có người hiền thực để nâng khăn sửa túi, chăm chút cho hoàn cảnh neo đơn nhà anh. Gà trống nuôi con vò vớ mấy năm liền cũng thấy cô quạnh, lại thêm nỗi hận tình cũng từ từ phai nhạt nên nghe mẹ bàn tính thiệt hơn thì anh Trang hoàn toàn đồng ý, tùy mẹ định liệu. Con gái trẻ còn xuân sắc thì anh nhìn ai cũng thấy hao hao giống vợ cũ của mình nên quá ngán ngấm, đến khi gặp chị Liên, tuy không bóng sắc nhưng dịu dàng, có thể tin cậy được nên anh xúc tiến chuyện cưới xin chóng vánh. Gà được Liên cho anh Trang, cả nhà chị Liên vui mừng hớn hở như bắt được vàng, mấy con em chị còn phân bì: Bà Liên nhà mình chậm mà chắc, 38 tuổi rồi mà còn được tổ đãi, lấy chồng vừa có chức phận, vừa đẹp trai, còn chồng bọn em toàn thợ thuyền, vai u thịt bắp! Năm đó, Liên nhận toàn được tin vui, đầu năm lên xe hoa, cuối năm sinh ngay con đầu lòng.

Con bé Châu năm nay mới mười ba mà đã đứng cao hơn mẹ cả cái đầu. Con bé thật là bản sao y chang 100% của anh Trang ; Không những giống cha từ khuôn mặt đến bộ đi, mà nó còn thông minh sáng suốt như hệt bố, nhảy băng liên tiếp hai lớp khiến bạn bè thầy cô, họ hàng nội ngoại phục lẫn. Ai gặp Liên ngoài

đường đều khen số chị vượng phu ích tử, chồng thì danh giá còn con thì xuất chúng. Liên lúc nào cũng phải thanh minh, đó là nhờ công lao của anh Trang giáo dục chứ chị mới học xong lớp tám rồi bỏ ngang đi học nghề may, lấy đâu đủ chữ nghĩa mà dạy con bé được. Thậm chí con bé còn cười chế nhạo mỗi khi nghe mẹ nói tiếng Đức khiến chị mắc cỡ không dám nói trước mặt con nữa. Con bé Châu đi đâu cũng đều được nghe lời khen ngợi, được cha tung tiu như từng chút nên đâm ra kiêu ngạo, ngay cả đối với mẹ cũng khinh nhờn. Chị phần thương con, phần nể con nên không bao giờ dám trách mắng hay sai bảo con bé việc gì. Bất cứ có vấn đề gì, học hành giải trí hay bạn bè thầy cô, con bé chỉ bàn bạc với bố. Nó nhớ nhó không muốn chị lui tới trường, họp phụ huynh hay lễ lượt nhà trường có giấy mời thì bố đi đủ rồi, nó không nói ra nhưng chị biết nó xấu hổ vì có người mẹ quê mùa, u tẻ như chị. Còn ở nhà thì nói gì con bé cũng gân cổ ra cãi.

Có lần thấy nó vừa học vừa nghe nhạc ầm ì, chị đã ngăn: *Con nghe nhạc ồn thế thì làm sao mà tập trung học cho được.* Nó biu môi: *Không có gì chi phối con được. Con không phải là mẹ, con có thể làm nhiều việc cùng lúc. Mẹ có biết cái con có mà mẹ không có là cái gì không? Bộ nào trong đầu đấy!* Biết con bé nói trúng nhưng chị vẫn nghe đau nhói trong lòng. Con bé Châu xinh đẹp, sáng láng bằng ngàn lần hồi chị bằng tuổi nó. Trong cái đầu bé nhỏ xinh xinh kia chắt chứa bao nhiêu là kiến thức bao la bên ngoài. Sách trong nhà mấy tủ của nó, sách của bố, sách mượn thư viện về bao nhiêu cũng không đủ thỏa mãn cơn khát tìm tòi học hỏi của con bé. Nó tâm niệm, bao giờ đủ mười tám tuổi, con bé sẽ đăng ký tham gia chương trình "Ai sẽ thành triệu phú", một

chương trình thi đó các kiến thức tổng quát mà nó rất say mê và trả lời vanh vách hầu như gần được hết các câu hỏi. Liên biết mình không bằng cái móng chân của con gái nhưng là người mẹ Việt Nam, trong thâm tâm chị vẫn trông đợi sự biết ơn công lao sinh thành, dưỡng dục mà cha mẹ nào cũng đã hy sinh vô bờ bến, vô điều kiện vì con cái, không một phút giây nao núng.

Chị làm sao quên được lúc sinh con Châu bị thiếu tháng. Khi được phép mang về nhà, con bé đã ngủ li bì cả ngày, không chịu bú mớm gì cả. Đêm nào chị cũng mày mò thức con bé dậy để cho con bú mà nó cứ ngủ gục với núm vú trong miệng. Chị vừa lo vừa khóc, lay con bé mãi không thôi vì sợ nó không chịu ăn uống gì sẽ quy mất. Nuôi con Châu phải chăm chút trăm đường cực khổ vì nó ốm yếu, è oặt, hờ ra một tý là bệnh liền. Hết ho lại sốt, lại nhiễm trùng, sung phổi liên miên. Bao nhiêu đêm chị đã thức trắng bên giường bệnh của con, cầu xin trời phật hãy để chị bệnh thể cho cho đứa con non nớt của mình nhưng bệnh tình nào có buông tha. Đã thế, cha con anh Trang nào có chia xẻ với chị. Hồi con Châu còn chập chững, anh Trang chỉ âu yếm nó lấy lệ vì anh mãi tập trung lo cho thằng Đạt. Anh nghĩ, thằng bé thiếu mẹ nên anh phải bù đắp cho nó nhiều hơn. Đi làm về là anh chỉ quán quít bên thằng Đạt, chơi với nó, làm ngựa cho nó cưỡi, mua cho thằng Đạt không thiếu một thứ đồ chơi nào.

Nói đến thằng Đạt bây giờ chị vẫn còn rùng mình. Thằng bé thật là quá quắt, nó đâm đá, giật từng nắm tóc của chị, có lần còn quăng cả chiếc xe hơi bằng sắt to như cái đĩa vào đầu chị nay vẫn còn vết sẹo khi nó nổi giận, làm sao mà chị quên cho được. Một lần khác, vì lo đỡ cho con bé Châu ngủ nên chị đến trường

đón thằng bé trễ có mười lăm phút, vậy mà nó đã cào cấu chị suốt cả quãng đường, về đến nhà thằng bé leo ngay lên giường chị, tụt quần xuống đái ướt lênh láng tất cả chăn mền. Lần đó giận quá không ghim được, đó cũng chính là lần đầu tiên cũng như lần cuối cùng chị đánh thằng bé, chị đã phát vào mông nó mấy cái. Thằng Đạt khóc tức tưởi chạy ngay ra phen cho bố. Anh Trang vội vã về thấy mông con còn hằn những vết tay của vợ, không cần nghe đầu đuôi tự sự, đã tát Liên túi bụi đến té nhào, mắng mỏ chị là đồ di ghê độc ác, thẳng tay đuổi chị ra khỏi nhà.

Nếu không vì con bé Châu chắc ngày ấy chị đã không trở lại căn nhà ấy. Liên chịu đựng ần ần nuốt tất cả oan trái vào lòng. Nói ra chưa chắc được xẻ chia mà nhiều khi lại trở thành đề tài cho người ngoài đàm tiếu. Chị thành như một người máy, chỉ biết thừa hành những công việc mà cha con anh Trang quyết định. Điều đặn, dù ngày thường hay ngày lễ, dù trong mình có mạnh hay yếu, chị cũng là người dậy sớm nhất nhà để lo lắng điểm tâm, bới xách cho mỗi người tới sở, tới trường, rồi chợ búa, giặt giũ chùi dọn không hở tay. Mẹ anh sau trận cúm vừa rồi gần như nằm liệt nên công việc đổ lên đầu Liên còn nhiều hơn. Anh Trang định đưa bà vào viện dưỡng lão nhưng bà khăng khăng không chịu vì thích nằm nhà có con dâu chịu chuộng cụ từng chút một. Săn sóc mẹ chồng rồi Liên chợt nhớ mẹ mình. Hồi mẹ còn sống, có bao giờ Liên có cơ hội để hầu hạ mẹ tận tình như thế. Vậy mà anh Trang nào có biết nghĩ để biết ơn vợ, ngọt ngào với vợ hơn một chút, một chút thôi như những khi anh ra ngoài mềm mỏng, nhẹ nhàng với một cô tiếp viên, một cô cắt tóc hay thậm chí một cô bán hàng chắc đời Liên sẽ妒 mát hơn biết là bao. Liên

biết mình là người vừa ít chữ vừa thiếu sắc nên đầu óc không nhõ, đòi hỏi yêu sách này nọ như những người vợ khác, thậm chí từ cả mấy năm nay anh Trang còn không sống đôi với chị ngoài đường nữa là, còn cứ về tới nhà là anh lại theo thói quen gia trưởng, bần gắt với chị từ những chuyện nhỏ nhất, ngay cả khi có mặt của khách khứa.

Liên để ý, sau lần về thăm quê hương vừa rồi, lúc trở qua, anh Trang càng lạnh lùng với chị hơn. Anh lấy cớ làm việc khuya nên dọn giường ra ngủ riêng bên phòng máy tính cho tiện. Mấy con em chị hay kể chuyện các ông bên này độ này đâm hư, trước là hãnh tiến, xanh xang áo gấm về làng sau là ăn chơi bỏ bịch lãng nhãng nói không hết. Anh Trang có sa đọa như thế không thì chị Liên không biết. Mà thực ra chị cũng không muốn nghĩ ngợi sâu xa, chuyện gì anh đã muốn làm thì chị có ngăn cũng không được.

Vậy mà nó lại đến thật tình cờ. Đêm hôm qua anh Trang khoe bạn bè trong sở vì được lên chức. Lúc về say mèm, chị phải dìu anh vào giường. Lục ví anh để lấy tiền trả taxi thì chị tìm thấy tấm hình chụp anh đang ôm eo một cô gái trước bãi biển. Cô ta còn rất trẻ, chỉ độ 18, 20 là cùng. Cô đẹp lộng lẫy, toàn mỹ đến độ không tìm ra được một khiếm khuyết trên gương mặt, còn thân hình thì căng tràn sức sống nồng nàn đến biến xanh cát trắng thơ mộng sau lưng cô cũng trở nên mờ nhạt.

Liên trầm ngâm xem hình cả tiếng đồng hồ mà vẫn không gọn lên một cảm giác sôi sục hay tức tối của một người vợ khi bị phụ tình. Chị chỉ cảm thấy cô đơn, trống vắng một cách hoang hoải, lạnh lạnh. Người ta chỉ giận dữ khi bị tước đi quyền sở hữu, còn Liên, chị như một thứ nô lệ mông muội, còn chưa làm chủ được chính bản thân mình thì nào dám

quay lại giận hờn ai.

Trước đây, chị vẫn thường nghĩ đơn giản, mình là vợ, là mẹ, mình hy sinh một chút để chồng con được hạnh phúc thì cũng đâu có mất đi đâu nên mọi người trong nhà tha hồ dầy xéo lên cuộc đời chị. Bây giờ đã có người tình nguyện thế chỗ cho chị rồi, tại sao chị lại không có quyền rũ áo ra đi ? Đáng lẽ chị phải đi từ lâu rồi nhưng chị vẫn hy vọng sau này, khi tuổi già bóng xế, anh Trang sẽ nghĩ lại tình nghĩa vợ chồng bấy lâu, sẽ đóai hoài thương yêu đến chị. Nhưng bây giờ thì anh ấy không cần đến chị nữa, mọi hy sinh của chị sẽ trở nên vô nghĩa, nếu không muốn nói là ngu dại.

Liên thấy như mình vừa trả xong được nợ, đã bơi được qua dòng chảy nghiệt ngã của số mệnh, bỏ lại bao tháng ngày bão táp, nhọc nhằn sau lưng để bước chân lên những bển bờ bình yên, thư thái. Mẹ anh không có tàu hủ nóng để ăn vào mỗi sáng thì viện dưỡng lão cũng có cháo kiều mạch cho bà. Mười mấy năm trước, anh cũng đã tự ủi áo cho mình đấy thôi. Còn thằng Đạt, thức nó dậy đi học mà nó vẫn trốn học la cà ngoài đường thì cứ để nó ngủ còn hơn. Nỗi ray rức khiến chị dùng dằng cả đêm là chỉ vì con bé Châu bé bỏng, cục vàng ròng của chị, ai sẽ hầu hạ nó kể từ nay? Nhưng cuối cùng chị cũng tìm được đáp số cho bài toán của mình, con Châu cao hơn chị cả cái đầu nghĩa là chân nó dài hơn chị cả gang tay thì chỉ cần vài sợi chân là nó có thể ngồi vào bàn ăn sáng như mọi trẻ em khác. Còn chuyện nó có hụt hẫng tinh thần vì thiếu thốn hình bóng của người mẹ, một bóng mát che chở đời đời mà đứa con nào cũng có quyền hưởng thụ hay không thì câu trả lời chưa xót đến ngay với Liên rằng, con bé hầu như đã chối từ vai trò của mẹ, nó đã đối xử với chị không khác gì anh Trang đối xử với

vợ : lạnh nhạt và coi thường.

Thằng Đạt càng lớn càng hư hỏng, vừa lười biếng lại vừa ham mê hút xách khiến anh Trang bao phen giận dữ, hét mắng chửi đòi từ mặt, rồi lại đòi tổng vào trại cai nghiện mấy lần. Niềm thương yêu, tự hào của anh bây giờ đều tập trung vào con Châu. Anh yêu thương tôn thờ nó như đền đài, thần thánh của mình, thậm chí còn hơn cả bản thân anh. Vậy thì tương lai con bé đã một tấm khiêng che chắn vững chãi là cha nó, nó sẽ không bao giờ bị một thiệt thòi nào khi có người đàn bà nào khác đến thay thế chị, còn những công việc phục dịch khác mà nó cần ở mẹ thì lương anh Trang đủ dư đã để mướn người giúp việc, không thua kém gì Liên.

Mẹ muôn đời vẫn là mẹ nên bất cứ khi nào con Châu trưởng thành hơn, có những suy nghĩ chính chắn hơn về mẹ, con bé cứ

đến và chắc chắn chị sẽ luôn luôn mở rộng vòng tay, sẵn sàng tha thứ tất cả để rung rung hạnh phúc ôm con vào lòng. Liên ơi, vậy thì đừng dằn vặt nữa, phải dứt khoát đi thôi, đi đâu cũng được nhưng trước tiên là phải rời khỏi căn nhà này càng sớm càng tốt, trời sắp sáng rồi...

Bây giờ thì trời đã sáng hẳn. Xe lửa vẫn chạy êm ả trên đường ray với tiếng xình xịch đều đều như ru ngủ. Mắt Liên trĩu nặng, đầu chị lơ mơ tự hỏi mình đâu có thói quen ngủ ngày bao giờ vì việc nhà làm chẳng lúc nào hở tay cho được. Nhưng kể từ bây giờ thì không cần làm gì nữa, còn rất nhiều tháng ngày thông dong nhẹ nhõm phía trước, ngủ đi Liên, ngủ đi...

Trần Thị Hương Cau
(Germany)



PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM

591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901

Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG

Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454



VÀO HẠ

(xương)

Mùa mới vừa sang rộn tiếng ve
Em ơi, quên khăn giọng kêu hè
Làng xưa nắng trắng còn vương vấn
Xóm cũ phượng hồng đã tái tê
Từng giọt thời gian theo nước chảy
Bao năm kinh sử đợi tin về
Chất chiu hoài bão người Kinh Bắc
Ánh lửa chan hòa sưởi ấm quê

CAO MỸ NHÂN

Hawthorne 24/4/2011

HẠ BUỒN

(họa)

Nắng vàng hiu hắt để sầu ve
Vừa mới sang xuân lại đến hè
Mối hận non sông nào đã dứt
Vết hằn năm tháng vẫn còn tê
Từng trang lưu bút khơi niềm nhớ
Một cội ly hương khuất nẻo về
Đỏ mắt tìm đầu hoa phượng vĩ
Ép vào trong vở giữ tình quê

NGUYỄN KINH BẮC

Philadelphia mùa hạ 2011

NẮNG HẠ

(xương)

Vô cùng nắng hạ trái non sông
Khiến khách đường xa đỏ má hồng
Ngắm mãi giọt châu rơi lấp lánh
Kết thành lời ngọc vãi mênh mông
Gót son thanh thảo dừng ven biển
Lửa lựu miên man thả cuối đồng
Cứ tưởng mây tô vàng ánh thép
Hóa kim ô sáng rực trời đông

CAO MỸ NHÂN

Hawthorne 24/4/2011

LỬA HẠ

(họa)

Hạ về cách núi với xa sông
Thương mảnh quê xưa rực lửa hồng
Xương trắng bao đời xây Đại Việt
Máu dầm mây trận đuổi Nguyên Mông
Cuộc đau bến lạ đàn thương nữ
Ve xót ngày thơ sáo mục đồng
Bóng ngả chiều rơi vàng cuối bãi
Riêng mình vẫn ước một vùng đông

NGUYỄN VÔ CÙNG

Suối Bạc, Hè 2011

QUÊ HƯƠNG TÔI

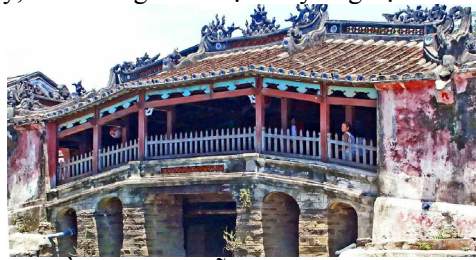
Duy An Đông

Tôi là người Việt Nam, quê hương tôi là đất nước Việt Nam. Người Việt Nam tự hào đất nước mình có hơn bốn ngàn năm văn hiến, có rừng vàng biển bạc, có bà mẹ Âu Cơ, có con cháu trải khắp nước từ Tây Nguyên giáp Lào, Campuchia chạy xuống đồng bằng ra biển Đông đến Hoàng Sa và Trường Sa. Phía bắc từ Ai Nam Quan thông vào Nam đến mũi Cà Mau.

Đất nước tôi thời đại nào cũng có những anh hùng dựng nước và giữ nước: Vua Hùng dựng nước, Nhị Trưng đánh đuổi Tô Định xưng Vương, đức Trần Hưng Đạo đánh bại quân Nguyên, Lê Lợi đánh gục quân Minh, Quang Trung đại thắng quân Thanh; Nguyễn Tri Phương, Phạm Thế Hiển đánh quân Pháp ở Gia Định, Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng, đánh Pháp ở Bắc Kỳ. Trần Văn Dư, Trần Cao Vân, Thái Phiên, Nguyễn Thành, Trần Quý Cáp đánh Pháp ở Trung Kỳ. Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Tường Tam, Tạ Thu Thâu, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thái Học và còn nhiều chí sĩ nữa... đã có công đánh đuổi quân phương Bắc và ngoại xâm với nhiều hình thức khác nhau, mục đích giành độc lập cho Tổ Quốc Việt Nam.

Thời nhà Nguyễn có công mở mang và xây dựng đất nước, nhưng cũng có lúc không khéo hành xử trong việc ngoại giao, Triều Đình bê quan toả cảng, cấm đạo, giết giáo sĩ đã làm cho Pháp và I Pha Nho có lý do tấn công Đà Nẵng, Nam Kỳ, Bắc Kỳ rồi từng bước mất nước. Qua Hoà ước Quý mùi 1883 rồi hoà ước Giáp Thân 1884 Triều đình Huế

chỉ còn giữ cái hư vị mà thôi, khi Triều đình thối đốn đảng cay thì sự đã rồi. Có lúc Đại thần Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Hiệp được thông sứ nước ngoài, các ông ấy nhìn thấy các nước họ duy tân, đất nước họ thịnh vượng, hai ông này mang ý kiến tấu trình nhà Vua, nhưng nhà Vua bảo thủ, thiếu quyết đoán, mang vấn đề ra hỏi triều thần. Các quan trong Triều Đình phần đông muốn làm vừa lòng nhà Vua để bổng lộc mình được an toàn, một số có lương tâm vì quốc gia dân tộc, nhưng cũng còn vương phần cá nhân, ngại cạnh tân cái ghế của mình có thể sẽ bị lung lay, nên không dám mạnh tay ủng hộ.



Triều nhà Nguyễn đặc biệt có Vua Hàm Nghi và Duy Tân đáng đề cập; là Thiên Tử quyền uy tột đỉnh, nhưng thực tế thì không và nhà Vua không vì mình, các Ngài nhìn dân tình khổ cực, đất nước điêu linh bị chia năm xẻ bảy, sáu tỉnh Nam Kỳ là thuộc địa Pháp có viên Thống Đốc Pháp trông coi, Trung - Bắc Kỳ chấp nhận Pháp bảo hộ. Triều Đình Việt Nam ta còn, nhưng thực quyền thì không còn bởi Trung Kỳ có viên Khâm Sứ, Bắc Kỳ có viên Thống Sứ, Toàn Quốc có viên Tổng Đốc toàn quyền Pháp bảo hộ điều khiển. Năm 1888 bắt đắc dĩ Triều Đình ta phải ký nhượng địa cho Pháp Thành phố Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng; từ đây chính trị, kinh tế, xã hội bà thành phố này không thuộc về nước Nam ta nữa. Chính những sự chèn ép và bắt công trên, đêm 5 rạng ngày 6-5-1885 Vua Hàm Nghi cùng đại thần Tôn Thất Thuyết và Trần Văn Dư lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, tấn công

Toà Khâm sứ và đồn Mang Cá của Pháp ở Huế. Còn Vua Duy Tân cùng chí sĩ Trần Cao Vân, Thái Phiên ... thực hiện mưu đồ việc lớn chống Pháp vào đêm 3 rạng ngày 4-5-1916 nhưng bị thất bại; đó là hai vị Vua anh hùng cách mạng được người đời luôn ghi nhớ và kính phục.

Cuộc khởi nghĩa chống Pháp của Vua Hàm Nghi cùng với đại thần Tôn Thất Thuyết tại Huế năm 1885 bị thất bại, Ngài phải xuất thân, dừng chân làng Văn Xá, Quảng Trị, rồi ngày 13-7-1885 Vua hịch Cần Vương kêu gọi các sĩ phu, hào kiệt, các tầng lớp dân chúng đứng lên chống thực dân Pháp. Các sĩ phu và đồng bào yêu nước hưởng ứng nơi nơi như nhóm Phan đình Phùng đảng Văn Thân chống Pháp, Hoàng Hoa Thám một tay kiệt liệt của phong trào Cần Vương, chí sĩ Phan Bội Châu tổ chức đội Nghĩa Quân dưới hiệu cờ” Sĩ Tử Cần Vương “và lập Việt Nam Quang Phục Hội ở Quảng Nam cùng với Nguyễn Thành, cụ Phan Chu Trinh vụ “Đông Kinh Nghĩa Thục”, thủ tướng “dân quyền” và liên hệ với các chí sĩ ở Quảng Nam như Trần Cao Vân, Trần Qui Cáp, Trần văn Dư, Nguyễn Duy Hiệu vv.. tiếp tục vạch đường cứu nước.

Đơn cử Tiên sĩ Trần Văn Dư quê Tam Kỳ, Quảng Nam, ông là công thần của Triều Đình nhà Nguyễn khi biết Vua Hàm Nghi có tư tưởng chống chế độ cai trị của thực dân Pháp, Tiên sĩ Dư hưởng ứng và là đảng trưởng các đại thần và do Phụ Chánh Đại thần Tôn Thất Thuyết trong triều đình tổ chức lãnh đạo; Đại thần Tôn Thất Thuyết đã có mật thư đến từng nhà các khoa bảng có tâm huyết trong đảng này ở các địa phương và giao nhiệm vụ họ hoạt động theo kế hoạch. Phụ Chánh Tôn Thất Thuyết cũng đã mật bàn với tiên sĩ Trần Văn Dư đưa ông về giữ chức Chánh sứ Sơn Phòng Quảng Nam để tiện lập căn cứ ở Tả Kỳ chuẩn bị chống Pháp. Sau đó Vua Hàm Nghi đã ra chỉ dụ quyết định ông

quản lãnh Nha Sơn Phòng Dương Yên Huyện Trà My, nơi miền núi eo hiểm dễ lập chiến Khu, ông đã hăng hái lên đường nhận nhiệm vụ mới. Ông đã lo xong việc lập chiến khu, tuyển mộ và luyện tập Nghĩa Quân ứng chiến. Cuộc khởi nghĩa ở Huế thất bại, Vua ban hịch Cần Vương ở Quảng Trị, Chánh sứ Sơn Phòng Quảng Nam liền ra bản **cáo thị** vận động toàn thể sĩ phu cùng toàn dân Tỉnh Quảng Nam và các nơi nhất tề tham gia phong trào Nghĩa Hội, gia nhập Nghĩa Quân, tập hợp lực lượng, xây dựng căn cứ tiến tới khởi nghĩa đánh đuổi thực dân bảo vệ Triều Đình, giành lại độc lập cho đất nước. Bản Cáo Thị của tiên sĩ Trần Văn Dư được các sĩ phu, hào kiệt hưởng ứng tham gia khắp các tỉnh ở Trung Kỳ như Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận đều noi theo và nổi lên, mạnh nhất là ở hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi. Ở Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An ở đâu cũng có thân hào nhân sĩ lãnh đạo phong trào, xướng lên việc Cần Vương. Vì thế quân Pháp chia binh chống giữ vất vả.

Về phần Vua Duy Tân chủ trương khởi nghĩa không thành, nhà Vua bị lưu đày nơi Đảo Réunion tận bên Phi Châu, còn các yếu nhân như nhà cách mạng Trần Cao Vân, Thái Phiên, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu đồng mưu với nhà Vua xuất cung đêm 3 rạng ngày 4-5-1916, thì bị xử tử hình. Cuộc khởi nghĩa thất bại do Võ An ở Quảng Ngãi, vì tình cảm riêng tư với người em ruột là Võ Huệ, Võ An đã vô tình làm lộ bí mật công việc khởi nghĩa của Vua Duy Tân, quan Án Sát Quảng Ngãi nghe phong thanh cho điều tra biết sự thật, do đó viên Khâm Sứ ở Huế đã hạ lệnh theo dõi đề phòng nên chủ trương của Đảng cách mạng không thành, Hoàng Đế Duy Tân và các chí sĩ tháp tùng bị bắt. Ở Quảng Ngãi có một số người bị khốn khổ lây như ông Tú Ngung, Cử Suy cùng một số đồng chí khác, ở Quảng Nam liên lụy như cụ Phan

Thành Tài, Lê Đình Dương và nhiều chí sĩ nữa, ở Quảng Trị ông Khoá Bảo cũng bị vướng lầy.. Tuy vậy, phong trào Duy Tân vẫn được quần chúng hưởng ứng khắp các Tỉnh miền Trung, mạnh nhất là ở Quảng Nam và Quảng Ngãi dưới sự chỉ đạo của chí sĩ Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Trần Quý Cáp, Trần Văn Dư đã làm cho Pháp lo sợ ngày đêm.

Việt nam trải qua nhiều thời kỳ quá khó khăn, gay gắt như trên đã trình bày, có lúc tưởng chừng dễ bị xóa tên trên bản đồ. Thời đại nào cũng có kẻ chỉ biết vinh thân phì gia, không nghĩ vì lợi ích chung của nước nhà, trong khi đó cũng có nhiều vị anh tài yêu nước, cứu nước, dựng nước một cách hào hùng nên đất nước ta vẫn tồn tại, được phát triển và toàn vẹn lãnh thổ. Những vị anh hùng ấy được Tổ Quốc ghi ơn, Các thế hệ con cháu chúng ta noi gương tiền nhân, vì lợi ích quốc gia mà bảo toàn lãnh thổ và giữ vững chủ quyền đất nước.

Trên đây là vài nét đại cương về đất nước rộng lớn, tôi không dám đi sâu vào chi tiết. Dưới đây người viết xin nói về “Quê Tôi”, nơi chôn nhau cắt rốn trong phạm vi nhỏ hẹp: **Quảng Nam Đà Nẵng**.

Người Quảng Nam Đà Nẵng cũng tự hào về nơi “Địa Linh Nhân Kiệt”, người dân hiền hoà, hiếu học, yêu nước và cũng là nơi có lò cách mạng mạnh nhất ở miền Trung, như tiến sĩ Trần Văn Dư là công thần của Triều Đình đã vâng lệnh Vua Hàm Nghi hăng hái về nhận chức Chánh Sứ Sơn Phòng Quảng Nam để lập căn cứ kháng chiến chống Pháp, cụ đã lập căn cứ, tuyên mộ và huấn luyện nghĩa quân, chờ ngày khởi nghĩa; Chí sĩ Trần Cao Vân cùng Thái Phiên chủ chốt đưa Vua Duy Tân xuất cung lãnh đạo cuộc khởi nghĩa năm 1916. Quảng Nam cũng có lắm anh tài có công bảo vệ xây dựng giang sơn với nhiều hình thức khác nhau như các cụ Huỳnh Thúc

Kháng, Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Hoàng Diệu, Nguyễn Duy Hiệu, Nguyễn Thành, Nguyễn Tường Tam v.v. mỗi nhà cách mạng có một đường lối chống Pháp. Đặc biệt tiến sĩ Trần Văn Dư sau khi nghe Vua Hàm Nghi ban hịch Cần Vương cụ liền ra **Cáo Tri**. Dưới cùng bản **Cáo Tri** cụ ghi: “**Hàm Nghi nguyên niên, ngày 22 tháng 7 năm Ất Dậu (31-8-1885), Quảng Nam Đệ Nhất Sơn Phòng Nha Kiêm Đệ Nhị Viên Tướng-Chánh Sứ Thần Trần Văn Dư**”.

Lời **Cáo Tri** của Trần Văn Dư đã có tác động rất lớn trong giới sĩ phu, các tầng lớp dân chúng từ Quảng Nam đến Khánh Hoà và từ Thừa Thiên ra đến Quảng Bình, Quảng Trị và Trần Văn Dư trở thành thủ xướng của phong trào Nghĩa Hội Quảng Nam, một công lao to lớn của nhà khoa bảng nơi Tỉnh nhà.

Vua Hàm Nghi xuất bôn, Pháp đưa vua Đồng Khánh lên ngôi, thực hiện đường lối chủ hoà với Pháp. Năm Bính Tuất 1886 vua Đồng Khánh tuần du Quảng Trị để cố dụ vua Hàm Nghi trở về đầu hàng Pháp nhưng không thành. Phần triều đình cũng lo ngại sự hoạt động chống Pháp của Chánh Sứ Sơn Phòng Quảng Nam ông Trần Văn Dư. Nếu để ông giữ chức vụ này là điều bất lợi cho đường lối chủ hoà của Triều Đình. Hoàng Thái Hậu Từ Dũ đã hai lần đến Quảng Nam chiêu dụ ông về Kinh, nhưng ông không chịu về. Sau lần thứ 3 Hoàng Thái Hậu Từ Dũ ra chỉ dụ điều phó bảng Nguyễn Đình Tự người cùng quê thay thế ông và rút ông đi nhận chức Bố Chánh Tỉnh Bình Thuận. Lúc đầu ông không chịu nhưng sau ông nghĩ lại cũng khó cho người đồng quê ông giao lại chức Chánh Sứ Sơn Phòng Quảng Nam cho ông Tự và ông không đi Bình Thuận. Ông đứng ra tổ chức một cuộc họp bí mật của các nhà khoa bảng và thân hào trong Tỉnh để thành lập đảng Cần Vương, xây dựng Nghĩa Hội Quảng Nam. Các chí sĩ trong cuộc họp đã đồng bầu Tiến sĩ

Trần Văn Dư làm chủ tướng. Như vậy Trần Văn Dư thành chủ tướng và là chủ soái đầu tiên của Phong trào Nghĩa Hội Quảng nam giữa năm 1885.

Đánh Tinh Thành Quảng Nam: Chủ tướng Trần Văn Dư chỉ huy 1,000 quân, ông Nguyễn Thành là tuý tướng của ông Dư, ông Nguyễn Duy Hiệu dẫn một cánh quân khác gồm 800 Nghĩa quân đến đóng phía Bắc Vĩnh Điện, Điện Bàn; ông Phan Bá Phiến cùng ông Hồ Hợi cũng đưa 700 Nghĩa Quân đến đóng vùng Bàn An, Điện Bàn. Ngày 6-9-1885, ba cánh quân Nghĩa Hội phối hợp tiến thẳng đến La Qua đánh chiếm Tinh Thành Quảng Nam một cách quyết liệt. Quân trong Thành chống cự không nổi, Tuân Vũ Nguyễn Ngoạn, Bô Chánh Bùi Tấn Tiên và Ân Sát Hà Thúc Quán cho quân mở đường để thoát thân. Sau khi chiếm được thành, các thủ lĩnh kêu gọi binh lính Triều Đình gia nhập Nghĩa Quân, một số lớn họ đã nghe theo. Thủ lĩnh Trần Văn Dư hạ lệnh mở kho thóc phát chẩn cho đồng bào nghèo đói chung quanh vùng Vĩnh Điện. Bộ máy cai trị phủ, huyện đến tổng ở Quảng Nam đều do sĩ phu thân hào nắm giữ, trật tự an ninh được bảo đảm. Tinh thành ở La Qua bị chiếm giữ, quân Pháp ở Đà Nẵng không dám vào, lúng túng một thời gian, họ chỉ vào sau khi Nghĩa Quân rút đi vào cuối tháng 9-1885.

Cụ Trần Văn Dư lãnh đạo phong trào Cần Vương một thời làm cho Triều Đình khó khăn và thực dân Pháp phải nể sợ.

Cụ Phan Bội Châu từ Quảng Trị vào gặp các sĩ phu Quảng Nam để trao đổi đường lối cứu nước. Tuy đường lối cứu nước có khác nhau như cụ Phan Bội Châu chủ trương duy tân, đấu tranh bạo lực, dành độc lập canh tân đất nước, cụ Phan Châu Trinh chủ trương đấu tranh ôn hoà, đòi Pháp thay đổi đường lối cai trị. Tuy đường lối có khác nhau nhưng mỗi người đều tôn trọng ý tưởng riêng và giúp

nhau vì lợi ích nước nhà. Còn nhiều chí sĩ khác góp phần xây dựng quê hương cũng với nhiều hình thức khác nhau. Vào triều đại này cũng có lắm công thần đã có công với đất nước.

Người dân xứ Quảng tự hào về danh hiệu “**Ngũ Phụng Tề Phi**” được Vua Thành Thái ban cho khi năm học giả Quảng Nam được ghi danh bằng vàng trong khoa thi Đình năm Mậu Tuất 1898, gồm các ông: Phạm Tuấn, Phạm Liệu, Phan Quang, Ngô Chuân và Dương Tiến. “Ngũ Phụng Tề Phi” biểu tượng sự hiếu học và thành đạt của người dân xứ Quảng.

Ngoài danh hiệu “**Ngũ Phụng Tề Phi**” Tinh Quảng Nam còn có các danh nhân được dân chúng tôn vinh là **Tứ hùng, Tứ hổ và Tam kiệt**.

- **Tứ hùng:** là 4 vị nho sĩ Quảng Nam cùng đỗ cử nhân hàng đầu từ số 1 đến số 4 tại trường thi Hương ở Thừa Thiên năm Canh Tý 1900 đó là các ông Huỳnh Thúc Kháng đỗ thủ khoa 1/42, ông Nguyễn Đình Hiến, vị thứ 2/42, ông Phan Châu Trinh, vị thứ 3/42 và ông Lê Bá Trinh vị thứ 4/42.

- **Tứ Hổ:** Cũng có 4 vị nho sĩ Quảng Nam cùng đỗ Phó Bảng một lần trong khoa thi Hội năm Tân Sửu 1901, đó là Ô Nguyễn Đình Hiến, Võ Vỹ, Nguyễn Mậu Hoán và Phan Châu Trinh.

- **Tam kiệt:** có 3 vị sống cùng thời mà đỗ Thủ Khoa trong 3 kỳ thi Hương liên tiếp như sau: Ông Phạm Liệu đỗ Thủ Khoa trong năm 1894, ông Huỳnh Thúc Kháng năm 1900 và ông Võ Hoàn năm 1903.

Ngoài ra, Quảng Nam còn vinh hạnh được danh hiệu “**Ngũ Tử Đẳng Khoa**” dưới triều Vua Tự Đức cho gia đình ông Nguyễn Công Duệ (tức Đô Sát Viện Hữu Phó Đô Ngự Sử) sinh hạ được 8 người con (5 trai 3 gái). Cả 5 anh em đều đỗ Cử nhân và Tú tài, đã trở thành những nhà giáo mẫu mực, và như thế có công đào tạo nhiều nhân tài cho đất

nước. Nhà Vua ban tặng tám gương bằng đồng có khắc bốn chữ Hán “**Ngũ Tử Đăng Khoa**”. Hiện vật này thất lạc bởi chiến tranh, được tìm thấy vào năm 1958 và đang trưng bày tại Viện Bảo Tàng Sài Gòn.

+++

Sự hiểu học của người dân xứ Quảng rõ nét và thơ sinh xứ Quảng cũng hào hoa, cũng biết thưởng thức nhan sắc đậm đà, có trái tim yêu rung động chân thành, đầy tình cảm, cho nên dân gian có câu:

“Học trò xứ Quảng ra thi/ Thấy cô gái Huế chân đi không đành.”

Bao nhiêu thư sinh xứ Quảng đắm đuối “chiếc nón bài thơ” xứ Huế, đắm đuối cái giọng the the ngọt ngào của các cô nữ sinh Trung, Đại Học nơi Sông Hương, Núi Ngự rồi trồng cây si. Khi đổ đạt rồi “rù rì thêm” và được lập nghiệp ngay tại Thành Đô Huế. -Rồi cũng có những cô gái Huế say mê các thư sinh xứ Quảng hiền hoà, hiểu học mà theo cho bằng được để rồi “lọng anh đi trước vòng nàng theo sau” về sống đầm ấm nơi thị thành Đà Nẵng - Hội An và các Quận Huyện nơi Tỉnh nhà khi được bổ nhiệm công tác hay khi về hưu gởi gắm cuộc đời nơi quê chồng, họ hàng tôi cũng có mấy ông cuu mang che chở, cho nên có câu:

“Học trò xứ Quảng ra thi / Mấy cô gái Huế bỏ đi không đành.”

Bên cạnh người con trai Quảng Nam hiểu học, tài hoa đa tình, say mê người con gái xứ lạ, thì cũng có những người con gái xứ Quảng nhan sắc mặn mà, có học thức, từng có lời trao qua đổi lại chân thật, từng có tiếng hát du dương êm ái dễ thương, nên có lắm chàng trai xứ lạ thiết tha và kết nghĩa trăm năm. Nhiều cô ra học tại Huế rồi bị chôn chân nơi này, cũng có lắm cô vào học ở Sài Gòn rồi theo tiếng gọi con tim quên về nơi chốn cũ. Đặc biệt, người “**con gái hái dâu họ Đoàn**” bên bờ hữu ngạn sông Thu, con gái của Đoàn Công Nhạn, được Hoàng Tử Nguyễn Phước Lan du thuyền cùng

thân phụ là Thụy Quận Công rong chơi trên Sông Thu Bồn đã lắng nghe tiếng hát véo von, mộc mạc của nàng bên bờ sông vọng lại làm Hoàng Tử Phước Lan để ý:

Vua cha đi ngự thuyền rồng

Cảm thương phận thiếp má hồng bơ vơ.

Hay câu:

Thuyền rồng gác phượng đầu đầu/ Cảm thương phận thiếp hái dâu một mình.

Hoặc:

Tại nghe chúa ngự thuyền rồng

Cảm thương phận thiếp lên trông chút nào!

Cảm thương, Hoàng tử Phước Lan cho người tìm kiếm, đến gặp và trò chuyện, quen thân rồi say đắm. Nàng được rước về cung, sau cùng trở thành Hoàng Hậu khi Hoàng Tử Nguyễn Phước Lan lên ngôi Chúa Thượng và rồi thành Hiếu Chiêu Hoàng Hậu, mẹ của Chúa Hiền Nguyễn Phước Tần. - Mộ Hiếu Chiêu Hoàng Hậu (tục gọi Đoàn Quý Phi) được táng tại Chiêm Sơn, Duy Xuyên.

Giọng nói của người con gái xứ Huế thì ngọt ngào, mềm mỏng, dễ thương; còn giọng nói của người Quảng thì cứng cỏi, chững chạc mà chân thật. Nhưng mỗi nơi có một vẻ đặc biệt dễ mến, nên hai con người hai xứ liền nhau có phần dễ chia xẻ ngọt bùi, dễ cảm thông lối đi trong xã hội. Có một số từ ngữ địa phương giống nhau như “răng rứa” có nghĩa là “sao vậy” hay “mô tê” có nghĩa là “ở đâu” hay là ở “kia kia”. Có số người miền trên dùng tiếng “nẫu” nghĩa là “họ, chúng nó”, thì ở Thừa Thiên, Huế có số làng quê họ cũng dùng tiếng “nẫu” tương tự và dễ thương:

Nẫu ở mô tui trông hoài chẳng thấy

Ở đàng tê nẫu có thấy tui không?

hoặc nói lên sự nhay cảm của người Quảng Nam Đà Nẵng:

“Đất Quảng Nam chưa mưa đà thắm

Rượu Hồng Đào chưa nhắm đã say”

Câu ca dao xứ Quảng hay hay, người dân quê ca hát hằng ngày lúc ở bãi dâu, khi trên

khung cử. Người ngay thẳng thật thà ai cũng thương; người ăn nói mặn mà ai cũng mến, cho nên mới có hai câu ca dao dân gian sau đây:

*Người Quảng Nam ái tình trong sáng
Khi đã thương ai cần cũng thương*

Cho nên bao kẻ vui vẻ được đưa đi và cũng có bao người được rước về “đáp lễ”.

+++



- Người Quảng Nam cũng nhận được danh hiệu “Vua Cãi”. Cãi đây không phải cãi bừa cãi bướng mà cãi để tìm ra lẽ phải và luôn luôn thẳng thừng, chân thật.

- Người Quảng không phải ai nói cũng nghe, không khom lưng nịnh trên để có miếng đỉnh chung, không co giò đạp dưới để tiến nhanh trên đường danh lợi. Nói ngay nói thẳng. Sau Cách mạng tháng 8/1945, ông Nguyễn Tường Tam tham gia làm Bộ trưởng trong Chính phủ Liên Hiệp của Hồ Chí Minh thời kháng chiến chống Pháp, nhưng bất đồng chính kiến, ông tìm đường ra đi không cộng tác. Khi vào miền Nam dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông không cộng tác và thẳng thừng bày tỏ quan điểm của mình. Ông bị tù và bị đưa ra Tòa xét xử; ông đã tự tử và để lại bức thư trong đó có ý: Đời ông không muốn để ai xét xử, mà hãy để cho lịch sử



xét xử ...

Cụ Phan Khôi, nhà cách mạng và cũng là tay văn học lỗi lạc hồi tiền bán thế kỷ 20 đỗ Tú tài Hán học năm 1915, lúc 29 tuổi, nhưng sớm chịu ảnh hưởng của những nhà cách mạng như Trần Quý Cáp, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu... ông tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục và viết báo cho “Đảng- cổ Tùng- báo” do phong trào này xuất bản. Khi tờ báo bị cấm ông về Quảng Nam hoạt động cho phong trào Văn Thân cùng cụ Huỳnh Thúc Kháng, rồi ông bị tù tại nhà lao Quảng Nam.. Ra tù, ông vào Nam dạy học và viết tiểu thuyết. Sau 1945 ông được mời ra Hà Nội rồi đưa lên chiến khu địch sách. Vì tính ngay thẳng và không tán thành chính sách của Việt Minh, từ 1951 ông viết báo chỉ trích chế độ miền Bắc. Ông mất tại Hà nội năm 1959. Phan Khôi là người đã khởi xướng phong trào thơ mới. Năm 1932, ngoài các bài viết cổ vũ, ông đã làm bài thơ “Tình Già” và đăng trên tờ “Phụ Nữ Tân Văn” gây nên những cuộc tranh luận sôi nổi: Tình Già: *“Hai mươi bốn năm xưa/ Một đêm vừa gió lại vừa mưa/ Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ/ Đói mải đầu xanh kề nhau than thở/“Ồi!*

Đội ta tình thương nhau thì vẫn nặng/ Mà lấy nhau hẵn là không đặng/ Để đến nỗi tình trước phụ sau/ Chi cho bằng sớm liệ mà buông nhau!...”

- Cụ Phan Ngô tham dự cuộc họp báo của Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ trong thời Đệ Nhị Cộng Hoà, Tướng Nguyễn Cao Kỳ giải đáp thắc mắc của cụ Ngô và chêm vào câu sau cùng có ý giễu tiếng Quảng cho vui, nhưng không ngờ cụ Phan Ngô sau đó đã phản đối trên báo chí, ông cho rằng đùa giỡn với tính cách cá nhân lúc

binh thường thì không sao, nhưng trong cương vị một Thủ tướng Chính phủ khi đang họp báo trước mọi người thì không chấp nhận được và sau đó Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ phải xin lỗi.

- Quê tôi có ông Cửu Cọi, đã có những cái chống đối quan Phủ Nguyễn Sĩ Túc ở Duy Xuyên thời Vua Bảo Đại như việc xâu thuê, việc bắt lính nạp cho Tây; và thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm ông “sửa khéo” quan Quận Trưởng Duy Xuyên. Tôi nghe ông Cậu tôi kể như sau: Một hôm ông Quận cho người đến nhà mời ông Cọi đến Quận đường để ông Quận có việc cần bàn. Biết ông Quận này không vừa, nịnh trên đạp dưới, ông Cọi mặc chiếc áo dài đen, đầu quấn khăn nhiều, chân mang guốc sơn đàn hoàng, nhưng ông mặc “quần xà lòn” không mặc quần dài. Khi vào văn phòng quan Quận, ông chào quan Quận đàn hoàng. quan Quận nhìn thấy ông không mặc quần dài, biết ông Cửu chơi mình (Cửu phẩm do nhà Vua ban tặng người có công), ông Quận điềm nhiên, nhẹ nhàng nói:

“Cảm ơn ông Cửu, mời ông Cửu ngồi dùng nước rồi chúng ta trao đổi đôi việc cần có liên quan đến địa phương ta. Ông Quận nói tiếp: Cảm ơn ông Cửu công việc đa đoan mà cũng vội đến ngay với y phục chỉnh tề nhưng ông quên mặc quần dài.

Ông Cọi cúi xuống nhìn, tỏ vẻ ngạc nhiên, lo lắng và đáp:

- “Dạ.., xin lỗi ông Quận, có lệnh trên đòi, tôi đang công tác đồng áng vội vàng về lo thay y phục chỉnh tề, nhưng chỉ “**chu đáo bề trên**” mà lại quên, “**thiếu sót bề dưới**”, xin ông Quận thông cảm..

Quan Quận hiểu ý đáp: Không có chi, và ông đưa ra số việc cần bàn về địa phương.

Tôi kể mấy chuyện tiêu biểu này để chứng minh người Quảng Nam chân chất, thật thà, người trên biết việc hiểu ý thì được



cộng tác chân thành, góp phần xây dựng quê hương, mà bề trên chỉ dùng quyền lực sai khiến những điều không đúng thì họ lui về nhà nhâm nhí trà rượu, nghĩ chuyện đời bày kế chế giễu như ông Cọi ở Duy Xuyên hay ông Tú Quy ở Đại Lộc v.v.

Nói đến quê hương Quảng Nam Đà Nẵng là nói đến nơi có nhiều danh lam thắng cảnh như:

Phố cổ Hội An, khách đến Quảng Nam Đà Nẵng, vào thăm thành phố cổ này vẫn có một khu còn duy trì được các ngôi nhà cũ kỹ; bên trong nhà có cột, kèo, xuyên, tránh, rui, mè toàn bằng gỗ quý, tường xây bằng gạch đất nung, lợp ngói âm dương, đường sá thì nhỏ hẹp, từng lớp rêu xanh bu loang lổ trên bức tường xây, hay bu quanh trên các vòm của mái ngói cong lâu đời. Tuy trên ba bốn trăm năm rồi mà thành phố vẫn duy trì thành tích cổ và người dân theo nếp sống xưa, họ hiền hoà, lễ lối sinh hoạt rất dễ mến, khách dễ có cảm tình và có cảm nghĩ đẹp. Đến đây khách nhớ dùng món ăn cao lầu ông Cảnh, chè bắp Cẩm Nam, đặc sản nhà hàng nổi câu An Hội và La Nghi, mua lồng đèn phố Hội và nhớ **tắm biển Cửa Đại Hội An**, có thể nói đây là bãi biển đẹp đẽ, sạch sẽ nhất nước, mùa Hè ngâm mình trong vùng nước trong xanh mát mẻ, mùa Thu có những ngày trời lạnh mà lòng nước lại ấm áp làm “ấm lòng” người bơi lội. Khách có thể đến thăm khu **Thánh Địa Mỹ Sơn** ở Duy Xuyên

và Cù Lao Chàm cách thành phố khoảng hơn 20 km để nhìn cảnh đẹp và ngắm chim Yến lượn quanh nơi khung trời xanh biển biếc, sau đó mời quý vị về lại phố cổ chiêm ngưỡng cảnh nhộn nhịp của “**Đêm Rằm Phố Hội**” nơi bờ sông Bạch Đằng đông nghẹt người, nhìn du khách thích thú trên những chiếc thuyền con đang lững lờ trôi nơi giòng nước và họ đùa giỡn với những chiếc lồng đèn nhỏ đang trôi nhấp nhô trên sông Hoài. Còn những thắng cảnh khác nữa như Chùa Cầu, chùa Phước Kiến, chùa Ông v.v..



Khách thăm **Ngũ Hành Sơn** thuộc thành phố Đà Nẵng sẽ vô cùng thích thú trước quang cảnh:

*Mặt trời rọi chiếu Ngũ Hành Sơn
Năm ngọn nhấp nhô sóng nước vờn
Lượn lách từng người lên đến đỉnh
Nhìn quanh tuyệt đẹp dãy giang sơn.*

Đến thăm khu du lịch **núi Bà Nà – Suối Mơ**, có nhiều thắng cảnh thiên nhiên cũng thích thú không kém, đến đỉnh núi Bà Nà-Suối mơ ban đêm nhìn xuống biển, toàn vùng thành phố và phụ cận cảnh trí thật đẹp với những ngọn đèn về đêm nhấp nhô chiếu rọi từ các tàu thuyền qua lại ngoài khơi, tàu thuyền qua lại vào ra ở hải cảng Đà Nẵng không bao giờ ngưng, phi cơ hạ cánh, cất cánh liên tục ở phi trường quốc tế, sự sinh hoạt ngày đêm sôi động, khách du tới viếng Quảng Nam Đà Nẵng cũng ngập đầy,



Đêm Đà Nẵng như bức tranh màu tuyệt đẹp. Chiều về thành phố Đà Nẵng ngắm mình nơi bãi tắm Mỹ Khê, Thanh Khê ... hay tắm nắng trên bãi cát trải dài từ Ngũ Hành Sơn đến Sơn Trà thì tuyệt vời. Tối lại **du thuyền trên Sông Hàn**, ngồi nếm các món ăn hải sản nơi nhà hàng **Thủy Tạ** hoặc ngồi bên bờ Sông Bạch Đằng, có nhiều món nhậu khách thưởng thức mà hài lòng. Ngoài ra khách có thể đi thăm một số thắng cảnh khác tại địa phương này.

Người viết mạo muội kể chuyện quê nhà trong phạm vi hiểu biết hạn hẹp với lòng tự hào hãnh diện mình là người Việt Nam và Quảng Nam Đà Nẵng. Đây chỉ là ý cá nhân, người viết bày tỏ với lòng yêu mến quê hương. Người viết không phải là nhà văn, nhà thơ, viết lách chẳng văn chương bay bướm, không e ngại bạn bè chê cười, chủ yếu là để con cháu hiểu biết cùng tự hào về truyền thống tốt đẹp của ông cha mà noi gương góp phần giữ gìn bảo vệ quê hương mình toàn vẹn. Nếu quý vị nào thấy có điều nào sai sót, bất cập; hoặc người viết có điều gì không phải xin quý vị niệm tình cảm thông và chỉ giáo.

Duy An Đông, Đà Xuân 2011.

Tài liệu tham khảo: - Việt Nam Danh Nhân tự điển của Nguyễn Huyền Anh

- Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim
- Tự hào là Người Việt Nam của Cao Thế Dung - Vua Duy Tân của Hoàng Trọng Thược -Quảng Nam trong lịch sử của Trần Gia Phụng.

Chuyện Người Vợ “Tù Cải Tạo”

Dương Thị Năng (Bà Vũ Đức Nghiêm)



Ngày Cưới (Hà Nội July 1954)

Hình trên: Ông Bà Vũ Đức Nghiêm (1954)

Tháng 4-1975, ngày giặc Cộng vào cưỡng chiếm miền Nam, ngày oan khiên nghiệt ngã nhất trong lịch sử Việt Nam hiện đại. Chồng tôi, một sĩ quan cấp Tá, Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, cũng bị đi tù, và kể từ 15 tháng 6 1975, gia đình chúng tôi bị tan tác, chia lìa, một mình tôi phải chịu trách nhiệm nặng nề nuôi dạy bầy đứa con, đứa lớn nhất, 19 tuổi và nhỏ nhất mới lên 8.

Ngày chồng tôi đi tù, anh đang ở Sài Gòn, gia đình ở Đà Lạt nhận tin anh sẽ đi trình diện ngày 15 tháng 6 và nhắn tôi về Sài Gòn, nhưng thư đi chậm, tôi về tới nơi thì đã quá muộn, anh đã đi trước một ngày. Ta có câu, "Con có cha như nhà có nóc", nay chồng tôi đi xa, 8 mẹ con tôi bâng hoàng trước con lốc thời cuộc, và từ đó, bắt đầu chuỗi ngày thê thảm cùng cực dưới sự cai trị bạo tàn và ngu xuẩn của lũ giặc đép râu nón cối.

Mới đây, tôi đọc "Lối Cũ Chẳng Sao Quên" của Bích Huyền, và ngậm ngùi cảm

thương chị vô cùng. Nếu Bích Huyền không thể quên được những con đường khổ nạn đi đến Trại Tù K1, K2, K3, K4 ở rừng núi Việt bắc chấp chùng, thì những ngày tháng chồng tôi đi tù là “Những Ngày Tháng Không Thế Nào Quên Được”. Tôi ghi lại những dòng này để nhắc nhở cho mọi người, nhất là cho các thế hệ con cháu tôi KHÔNG QUÊN những sự tàn bạo, dã man, đê tiện của bọn giặc Cộng cướp nước đã đẩy đọa dân tộc Việt Nam vào một cuộc sống thấp hèn, khổ cực và người dân bị áp bức, bóc lột nhất trong lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Những ngày đầu tiên, chồng tôi bị giam giữ tại Long Giao, rồi chuyển đến Trại Suối Máu, Biên Hòa. Khoảng giữa năm 1976, tôi được tin V.C đã chuyển tù ra Bắc. Mấy năm không gặp mặt chồng, nhưng tôi đã mừng tượng nhìn thấy thân hình thấp nhỏ và gầy yếu của chồng tôi vì ăn uống thiếu thốn và lao động cực khổ.

Cuối năm 1978, tôi được thư anh cho biết đã chuyển về Trại Tù Nghệ Tĩnh số 6 (NT6) và trại cho tù được thăm gặp gia đình. V.C. không cho tù nói là thăm nuôi, vì trại đã NUÔI tù rồi, gia đình chỉ được thăm gặp, với một số đồ ăn tối thiểu. Tôi lấy vé xe lửa đi Vinh, lòng khấp khờ vui mừng và bồn chồn, mong sao thấy mặt chồng sau hơn 3 năm xa vắng. Ngồi chen chúc trên toa xe chật chội và dơ dáy, tôi vừa co chân lên cho thoải mái, lúc nhìn xuống thì một chiếc dép đã bị lấy mất rồi. Xe lửa tới Vinh, tôi còn phải đi một đoạn đường dài trên 20 km trên một xe hơi cũ kỹ, chạy lắt lư trên đường đầy ổ gà và bụi cát bay mù mịt. Xe chạy lắt mạnh đến nổi đầu hành khách đung mạnh vào trần xe đau điếng.

CÔI NGƯỜI QUÁN TRỢ

Quần quanh trong khúc mộng du
Chợt mưa chợt nắng khói mù thương đau
Đường về một ngõ chiêm bao
Tan như sương sớm, trôi vào hư vô

Mộng xưa ước hẹn đón chờ
Nắng vàng còn thắm, ngẩn ngơ cõi lòng
Hư cũng không, thực cũng không
Trần gian là một ngõ không... vô thường...

Đêm tàn ước nguyện nguyên hương
Cửa thiền vắng lặng, tỏa đường tĩnh tâm
Bến mê nẻo hoặc ướt đầm
Nửa khuya âm vọng, trăng rằm kết thơ

Không buồn nghĩ mối duyên hồ
Không thềm tha thiết mắt mơ, môi hồng
Trở về hai chữ "sắc không"
Mưa rồi nắng đổ... một vòng đất xoay!

Vắng đông lấp lánh sương mai
Hoàng hôn tím nhuộm... trần ai... điệu buồn
Mộng đời mộ khúc tang thương
Cõi người quán trọ... đượm hương ưu phiền...

VA, rằm tháng 9 Canh Dần (22-10-10)

NGUYỄN HẬU
Bùi Thanh Tiên

Đền bờ sông, xe dừng lại, chúng tôi phải khiêng các bao đựng đồ ăn xuống dò ngang. Tôi thuê 3 chiếc xe đạp thò, 2 chiếc chở máy gói bao bị, còn tôi ngồi sau yên xe chiếc thứ ba. Đến những con dốc, tôi phải xuống xe đi bộ trên những đoạn đường gập ghềnh lồi lõm lờm chờm đá dăm nhọn sắc làm chân tôi rướm máu và đau buốt vì một chiếc dép đã bị mất. Lúc lên xe trở lại, tôi hoảng hốt vì không thấy 2 chiếc xe đạp chở đồ đâu cả, tôi lo sợ rằng họ có thể đạp xe vào những lối mòn ở hai bên đường, nếu họ lấy mất đi, làm sao tôi có thể mang đồ ăn cho chồng, thật uổng công nhịn ăn, góp nhặt chút chi từ món ăn trong thời buổi khó khăn này. Tôi cúi đầu thảm nguyện, và, tạ ơn Thượng Đế, một lát sau, qua khỏi khu rừng, tôi thấy 2 chiếc xe ngừng ở ven đường. Chỉ còn hơn 1km nữa thì tới trại Nghệ Tĩnh 6 (NT6), tôi phải mượn hai người gánh mấy bao bị thực phẩm về trại NT6.

Đến khu nhà thăm nuôi, trời đã gần tối, mấy chị em vợ tù chúng tôi được cho tạm trú ở khu nhà thăm nuôi, trong một căn nhà lá ọp ẹp, trong căn phòng nhỏ ngăn vách bằng tấm liếp nửa. Gần khu thăm nuôi, có mấy ngôi mộ mới, đất màu đỏ quạch, nằm chơ vơ dưới nắng chiều, tôi thầm nghĩ, "đây hẳn là mộ mấy anh tù xấu số". Qua một đêm gần như thức trắng vì những con rệp đói nhào ra tấn công, làm chúng tôi ngứa ngáy hầu như khắp mọi chỗ trong người. Chị bannằm gần tôi kể lại là có lần có chị đi thăm chồng ở một trại khác, nửa đêm có người bịt mặt, vào trong phòng, lấy các đồ thăm nuôi rồi rút êm, làm tôi mất ngủ vì lo sợ.

Sáng hôm sau tiếng keng báo thức vang lên, tôi thức dậy cùng các chị bạn, chuẩn bị nấu chín một ít đồ ăn, và nấu một nồi xôi, chờ đợi các anh tới. Một tên cán bộ mặt mũi nghiêm trọng bước đến tự giới thiệu và căn dặn: " Khi gặp các anh ấy, các chị phải động viên các anh học tập tốt "nao động" tốt, trở

thành người công dân "nuơng thiện", sớm được hưởng "nuơng" khoan hồng của cách mạng. Các chị không được khóc, vì sẽ "nằm" các anh ấy" nạt" chí, như vậy, các anh ấy còn bị phạt nữa". Chúng tôi cũng dặn nhau phải can đảm, phải nén lòng, đừng để các anh ấy bị rắc rối; mấy chị em đều gạt đầu, nhưng mọi người đều nước mắt lưng tròng rồi.

Chúng tôi cùng ra cửa ngõ về phía trại, một lát sau, có một toán người tù, kẻ vác bị, người đẩy xe cải tiến, lầm lũi đi về phía nhà thăm nuôi, có một tên V.C vác súng dài đi áp tải. Tất cả đều ăn mặc quần áo lạnh lặn, nhưng phần lớn đều gầy gò, nét mặt tiêu tụy, ảm đạm và chịu đựng. Tôi chăm chú nhìn toán người tù, nhưng không thấy chồng tôi đâu cả; mãi về sau, mới thấy một người gầy ốm, thấp nhỏ bước vào, bước chân lao đảo.

Tôi nhận ra chồng tôi, xưa anh uy nghi mạnh mẽ bao nhiêu thì giờ đây xơ xác, tiêu tụy bấy nhiêu; ý nghĩ đó làm lòng tôi quặn thắt; anh đội chiếc nón lá rách rưới, chỉ còn chiếc chóp nhỏ như nón người lính thú đời xưa; đôi chân mộc meo khằng khiêu lê trên đôi dép râu buộc chằng chịt bằng giấy tếp; nước da anh nhợt nhạt như người sốt rét kinh niên; đôi mắt lơ dờ, tròng trắng đã ngả vàng, không còn vẻ tinh anh như trước. Anh bước đi, lao đảo như muốn ngã, tôi muốn chạy lại đỡ anh, nhưng tên V.C đã ngăn tôi lại.

Tên cán bộ phụ trách thăm nuôi gọi từng tên người tù và thân nhân ngồi ở hai bên một chiếc bàn lớn, và hấn ngồi chính giữa. Tôi cho chồng tôi biết tin tức gia đình, anh lắng nghe, giọng xúc động, hỏi thăm tin tức cha mẹ; anh vui mừng khi biết cha mẹ ở California vẫn bình yên và hằng cầu nguyện cho anh sớm được trở về đoàn tụ. Nhìn mắt anh hướng về phía tên V.C với cái nhìn căm hờn, tôi sợ hãi, xin anh nhịn nhục, "nín thở qua sông" để còn có ngày về gặp lại vợ con.

Chỉ 20 phút sau, tên cán bộ cho lệnh mở

các gói quà để "điểm nghiệm"; mọi món đồ phải tháo giây buộc, đổ ra một cái thau để xem có giấu thư từ, tiền bạc trong đó không; và tôi phải để lại một số đồ ăn, mà chúng cho là quá quy định, mặc cho tôi năn nỉ hết lời. Tôi ngậm ngùi nhìn theo anh chất mấy món đồ lên xe cải tiến đẩy vào trại. Giờ đây, nước mắt tôi mới trào ra, không những tôi, mà các chị em khác cũng khóc thương những người chiến sĩ sa cơ, nay bị lũ giặc đày đọa trong cảnh ngục tù. Trên đường về, tôi gặp mấy anh tù đi làm gàn công trại, tôi tặng hết mấy món đồ còn lại cho các anh.

Về Sài Gòn, tôi đau lòng nhìn lũ con đại bơ vơ vì thiếu bố, tình thân tôi bị suy sụp, không biết phải xoay xở cách nào để nuôi đàn con. Tôi cầu nguyện xin Thượng Đế cho tôi đủ sức mạnh và lòng can đảm để vượt qua chặng đường thử thách cam go này.

Sau những ngày mệt mỏi chán chường và quần trí, tôi đã lấy lại bình tĩnh, suy nghĩ đến trách nhiệm và bổn phận nên tự nhủ là sẽ hết sức phấn đấu, chịu đựng mọi hoàn cảnh thử thách, thay chồng nuôi dạy con nên người. Tôi cũng bắt chước các chị em bạn buôn bán lật vặt ở bên hông chợ Bến Thành. Hồi đó, công an Cộng Sản được lệnh không cho ai buôn bán bất cứ một món gì trên hè phố. Tôi lấy một miếng nylon trải trên lề đường, bày ít đồ lật vặt thường dùng và những quần áo cũ, các chị bạn tôi thường nói đùa là "chà đồ nhôm" (chôm đồ nhà) để sống qua ngày. Mỗi lần công an VC xuất hiện và có tiếng hô: "Bò vàng! Bò vàng!" là tôi túm bao nylon bỏ chạy, văng cả dép, tóc tai xô tung trông chẳng giống ai! Chịu đựng nắng mưa, sớm đi tối về, cuộc sống thật là trăm ngàn nỗi đắng cay tủi nhục. Có những lúc cơn mưa rào đổ xuống thật bất ngờ, tôi ôm túi quần áo cũ, nép dưới mái hiên nhà, lòng buồn nhớ chồng trong chôn ngục tù, thương các con nhỏ đại bỏ bê ở nhà không ai chăm sóc mà căm hờn quân giặc. Con gái thứ

tư của tôi, cháu Duyên Thơ, có viết mấy câu lục bát làm tôi bồi hồi vô hạn:
"Mẹ tôi núp dưới hiên nhà."
"Từng cơn mưa lạnh, xót xa mẹ hiền."

Có những buổi đi chợ về, người rã rời mệt mỏi, muốn nằm nghỉ cho rãn xương cốt, nhưng lại nghe tiếng con gọi: "Mẹ ơi, công an Phường bảo chiều nay đi họp". Trong căn phòng trụ sở phường, một tên cán bộ đứng nói về chính sách của cách mạng, đường lối khoan hồng của Bác, Đảng; những thính giả bắt đầu dĩ, phần lớn là phụ nữ, ngồi lê lét trên sàn xi măng lồi lõm, trong bóng tối mờ mờ, người thì ngủ gật, kẻ thì ngồi ngáp dài vì đã nghe nói quá nhiều.

Cuộc sống trôi qua trong buồn thảm vì thiếu thốn, về vật chất là lẽ đương nhiên, nhưng về tinh thần, sự kiềm chế của Cộng sản làm người dân Sài Gòn cảm thấy ngay từ ngày giặc vào cưỡng chiếm miền Nam là Tự do bị cưỡng đoạt.

Trong hoàn cảnh khó khăn ấy tôi tự nhủ là phải cố gắng sống vì tương lai của các con, nên dù vất vả nhọc nhằn đến đâu tôi cũng cố gắng chịu đựng. Tôi không còn trẻ nữa, lúc chồng tôi đi tù, tôi ở tuổi ngoài 40. Tôi không nghĩ rằng mình còn trẻ, đẹp, nhưng bạn bè đều nói tôi là một phụ nữ khá ái; điều này được chứng tỏ là có những tên VC, có thể chúng là sĩ quan Cộng Sản hay cán bộ cao cấp gì đó, thường đến sạp hàng của tôi ở chợ An Đông, lân la, gọi chuyện, mua chuộc tình cảm, có tên sẵn sàng dám sà vào ngồi cạnh chỗ ngồi bán hàng của tôi, nhưng lần nào cũng bị tôi nghiêm sắc mặt nhưng lịch sự đuổi nó đi chỗ khác.

Những ngày tháng gian khổ, thiếu thốn, một nắng hai sương, tôi hết sức dành dụm, dè sẻn, mua được món gì ngon là tôi để riêng ra cho lần đi thăm tới. Có lần tôi nhận được một lá thư nhỏ bằng bàn tay có viết 4 câu thơ:

"Đã mấy năm nay quàn quai đời,"
"Thèm ăn như đứa trẻ con nghèo."
"Mẹ ơi! Con nhớ thời thơ dại,"
"Những món ăn mà mẹ chắt chiu..."
(thơ Tô Thùy Yên)

Dưới bài thơ, có chữ ký tắt: G. N.Y.D
Tôi bồi hồi đọc bài thơ chỉ có 4 câu và biết chắc đó là chồng tôi nhắn tôi ra thăm, vì bốn chữ G.N.Y.D là viết tắt của "Gọi Người Yêu Dấu" là một bài hát chồng tôi viết trước năm 1975. Tôi lập tức cho cháu Quỳnh Giao ra Nghệ Tĩnh thăm bố.

Cháu Quỳnh Giao được bố cho biết rằng bốn câu thơ trên là của Tô Thùy Yên do bố cháu chép lại, đề địa chỉ người nhận, rồi khi đi lao động, bố cháu bỏ ở bên đường. Đồng bào nhật được biết là của tù, liền mua tem, gửi về cho gia đình. Cháu Quỳnh Giao có viết mấy dòng ghi lại buổi gặp mặt của hai bố con như sau:

"Ngày 17-10-1979... Thế là ta đã gặp bố rồi. Trông thấy bố, ta chạy lại ôm chàng lấy bố, khóc nức nở. Bố vuốt tóc ta: "Nín đi, con gái yêu quý của bố. Lớn rồi còn khóc người ta cười cho! Sau hơn 4 năm ngục tù, bố đã già đi và gầy ốm quá! Những sợi tóc đã bắt đầu lốm đốm bạc, nhưng mắt bố vẫn sáng ngời sau cặp kính long lanh. Bố tháo kính cầm tay, rồi lại đeo kính vào. "Để bố nhìn con gái bố rõ hơn. Xem nào! Con đã 22 tuổi rồi mà vẫn xinh xắn dễ thương như ngày nào". Thấy bố nói vậy, ta thương bố không cầm được nước mắt. Bố nắm tay ta, kể vài câu chuyện vui để làm ta bật cười mà nước mắt vẫn tuôn rơi lã chã. Bố có vẻ vui mừng khi nghe ta nói chuyện này mẹ gửi cho bố các món ăn bố ưa thích. Giờ phút gần bố thật ngắn ngủi. Khi chia tay rồi, ta ngậm ngùi nhìn theo bố cong lưng kéo chiếc xe cải tiến chất đầy quà, hình như bố có vẻ hí hờn lắm! Khi bố ngoảnh lại ở chỗ rẽ, bố có nhìn thấy

con gái bỏ tựa cửa nhìn theo, trên mặt đầm đìa nước mắt không?

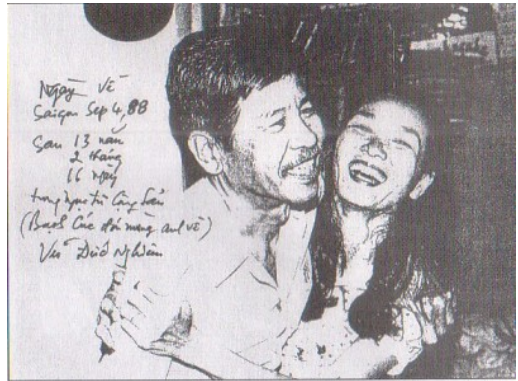
Ta còn nán lại nhà thăm nuôi hai ngày, và đứng ngóng đoàn tù đi lao động xem có thấy bố một lần nữa không, nhưng chẳng thấy. Hẳn là các chú, các bác tù cũng ngạc nhiên thấy một cô bé mắt đỏ hoe, đứng ngóng đoàn tù như muốn tìm kiếm ai... "

Tôi tình cờ đọc mấy giòng chữ của con mà thương chồng, thương con vô hạn.

Hồi đó, phong trào vượt biên làm xô xao Sài Gòn. Tôi suy nghĩ về tương lai các con. Phải đi tìm đường sống cho các con vì nếu ở lại thì sợ có ngày con trai tôi đến tuổi phải đi nghĩa vụ rồi sẽ phải làm bia đỡ đạn cho giặc Cộng ở Cam-Pu-Chia thì khi gặp lại chồng tôi, tôi biết ăn nói làm sao? Và lại, viễn ảnh kinh hoàng khi con một Sĩ Quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa phải đội mũ cối, đi dép râu, mang khẩu AK trên vai cũng làm tôi rùng mình khi nghĩ tới điều sỉ nhục ấy. Cho nên, tôi đã bán tất cả nữ trang và các đồ vàng bạc, đá quý, cho các con vượt biên. Tôi cũng rất e sợ khi nghĩ tới sóng biển, hải tặc, nhưng xin phớt lờ các con tôi vào tay Chúa, với niềm tin các con tôi sẽ tới được bến bờ tự do.

Lần thứ nhất, con gái thứ tư, Giao Duyên, tới Malaysia bình yên, được ông bà nội bảo lãnh về Pasadena, California. Lần sau, ba đứa lớn, Quỳnh, Giao, Dũng bị bắt giam mấy tháng, riêng Dũng bị giam hơn 2 năm. Trong thời gian ấy, tôi phải chuẩn bị nhiều bao bị khác nhau để đi thăm chồng và ba con. Tôi như lên cơn sốt vượt biên, có chút tiền để dành nào cũng gom góp cho con đi tìm tự do; sau hàng chục lần thất bại, nhưng không nản lòng. Rút cục, Dũng cũng đã ra tù, vượt biên qua ngã đường bộ đến Thái Lan và tới Mỹ năm 1983, riêng vợ chồng Quỳnh Giao và Dũng Tuấn, con trai út mãi tháng 9-88 mới đến Mỹ.

Khoảng giữa năm 1986, ở trại tù Xuân Phước một anh tù trẻ được tha về, đưa cho tôi



Người Tù Trở Về (ngày 4 tháng 9, 1988)

Hình trên: Vũ Đức Nghiêm và em gái Bạch Cúc

một ca khúc chồng tôi viết tựa đề là "Đóa Hồng Cho Vợ Hiền". Khi các con tôi đàn và hát bài này, thật là cảm động khi nghe bài hát anh gửi cho tôi. Phần mở đầu, anh viết về một gia đình sống êm đềm ở một thành phố thơ mộng kia, bỗng đâu một ngày trời làm biển dâu, giặc tràn vào, gia đình tan tác chia lìa, nhưng hãy tin rằng mùa đông băng giá rồi sẽ qua đi, đêm tối sẽ tan dần, ngày vui sẽ tới, sẽ không còn nước mắt, không còn ly tan. Anh kết luận :

Xin cho tôi hôn mái tóc điểm sương

Xin cho tôi hôn vàng trán ưu phiền.

Xin cho tôi hôn đôi mắt héo hon

Năm tháng mỗi mòn, chờ người xa vắng.

Cho tôi nâng niu bàn tay chai sần

Thay chồng nuôi con một đời vất vả,

Cho tôi dâng em một đóa hoa hồng,

Đóa hoa tuyệt vời trong đáy lòng tôi...

Tôi nghe bài hát mà lòng xúc động vô cùng vì tôi biết rằng trong tận cùng khổ đau, tâm hồn chồng tôi vẫn lãng mạn, và như nhà văn Duyên Anh đã nói, một thứ "lãng mạn ngục tù", nhờ đó anh vẫn làm thơ, viết ca khúc để nguôi vui những nỗi khổ đau trong tháng ngày tù ngục. Và tôi tự hào về chồng

tôi, cũng như bao anh em cựu sĩ quan, cựu chiến sĩ dù sống hơn 10 năm trong ngục tù Cộng sản, nhưng vẫn vững tin vào chính nghĩa tự do và tương lai dân tộc.

Đầu năm 1988, nhân dịp Tết Mậu Thìn, Sài Gòn xôn xao về tin: sẽ có rất nhiều người được thả về, sẽ đi xe lửa về ga Hòa Hưng Sài Gòn. Lòng chứa chan hy vọng, tôi đi cùng cháu Duyên Thơ ra ga chờ đoàn tàu về. Quả là có khá nhiều người tù vui mừng bước xuống sân ga được thân nhân tiếp đón mừng rỡ. Chờ đợi mãi cho đến khi người tù cuối cùng rời khỏi sân ga, mà không thấy anh, mẹ con tôi mới quay về, cháu Duyên Thơ ôm tôi khóc nức nở, còn tôi thì không khóc nhưng lòng tôi tan nát, không biết có chuyện gì không may đã xảy ra cho anh và tại sao Tết này anh vẫn chưa được về? Đêm ấy trước khi ngủ, tôi cầu nguyện Chúa với một trái tim tan vỡ vì tuyệt vọng, và tôi xin Chúa cho tôican đảm và nghị lực chờ ngày anh về. Chừng nửa tháng sau, tôi được thư anh nói là bị đau nặng, tôi vội gửi gói thuốc men và thực phẩm cho anh.

Cho đến đầu tháng 9/1988, anh mới được trả tự do, một mình một danh sách; anh là người “tù cải tạo” cuối cùng được trở về từ trại Xuân Phước sau 13 năm, 2 tháng, 16 ngày tù ngục. Rốt cục, sau nhiều ngày tháng chờ đợi và làm thủ tục xuất ngoại, gia đình chúng tôi đã tới phi trường San Francisco ngày 1 tháng 11-1990, theo chương trình HO-04. Đến nay chúng tôi đã định cư ở California được hơn 12 năm.

Gia đình chúng tôi được xum họp gần như toàn vẹn, chỉ còn gia đình con gái Duyên Thơ đang xin visa, hy vọng sẽ qua Mỹ trong năm tới. Tôi muốn nói lên lòng biết ơn Thượng Đế đã phù hộ, gìn giữ che chở gia đình chúng tôi trong những ngày tháng khốn cùng, với những cơn sóng gió bão bùng, kinh hãi nhất của đời người. Chúng tôi cũng biết

on Chính phủ Mỹ và dân tộc Mỹ đã mở rộng vòng tay cho chúng tôi được nhập tịch và sống tại vùng đất trù phú này. Dù ở một nơi tương đối thanh bình trong một đất nước giàu mạnh, nhưng lòng chúng tôi luôn hướng về quê hương khổ đau và cầu nguyện cho quê hương và đồng bào sớm được sống trong tự do, thanh bình và no ấm.



Ông Bà Vũ Đức Nghiêm (2011)

Dương Thị Năng
(San Jose, California)

TẬP SAN CỔ THƠM
và sách của
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
có bán tại
Washington Music
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979

Đóa Hồng Cho Người Yêu Đau

Nhạc & Lời : Vũ Đức Nghiêm

Một đóa hoa hồng cho người bạn đời của riêng tôi
Một đóa hoa hồng cho người vợ hiền dâu yêu trọn đời
Khung trời thân yêu đậm ấm yên vui, bỗng dưng một ngày, trời làm biển
đau, giặc tràn vô đây, mười mấy năm trời chia lìa khổ đau.
Nhưng em ơi, xin vững niềm tin, mùa đông băng giá rồi sẽ trôi
qua. Vui lên em, đêm tối dần tan, ngày vui sẽ
tôi, mình hết chia xa. Ngày đó tiếng cười hân hoan sẽ thay cho
dòng nước mắt ly tan, dưới trăng thanh bình, gió reo cùng đàn âm
linh. Xin cho tôi hôn mái tóc điểm sương, xin cho tôi

hôn vàng trán ưu phiền, xin cho tôi hôn đôi mắt héo hon, năm tháng mãi
 mòn chờ người xa vắng Cho tôi nâng niu bàn tay chai sần thay chồng nuôi
 con, một đời vất vả cho tôi dâng em một đóa hoa hồng, đóa hoa tuyết
 rơi trong đáy lòng tôi Một đóa hoa hồng cho người bạn
 đời thủa ngày thơ Một đóa hoa hồng cho người vợ
 hiền sắt son đời chờ. Cho dù thời gian hồ hững qua
 mau, thiết tha nguyện cầu ngày về gần nhau, cuộc đời mai sau sẽ quên chia
 lià cay đắng khổ đau

Trại Tù Xuân Phước 1986



PCE

presents

Special Thanksgiving Concert

A Tribute to

Song Writer

Vũ Đức Nghiêm

Music arrangement by Nguyễn Ngọc Châu

Concert sponsored by

Cổ Thơm Foundation

Organizing Committee:

Nguyễn Ngọc Châu

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Nguyễn Huy Long

Phan Anh Dũng

Tâm Hào

Trương Anh Thụy

Sunday November 20th 2011 at 3pm

Location: Saint John's United Methodist Church
5312 Backlick Road, Springfield VA 22151

TRUYỆN KIỀU QUA ÂM NHẠC

ĐỖ BÌNH

Hành trình vào cõi thơ là làm một cuộc phiêu lưu vô tận. Thơ vốn sẵn trong thiên nhiên, hàm chứa nhiều tính chất trong trời đất. Ngôn ngữ của thơ đôi khi ẩn trong văn, nhạc và hội họa bắt nguồn từ cảm xúc tâm hồn. Trong nền văn học Việt Nam thi phẩm Đoạn Trường Tân Thanh của đại thi hào Nguyễn Du không những là một tác phẩm trác tuyệt hàng đầu của đất nước mà còn là đóa hoa muôn sắc trên thi đàn quốc tế. Thi phẩm được dịch sang nhiều thứ tiếng ở những quốc gia có nền văn học cao như Pháp, Anh, Đức, Ý, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Hoa, Nga, Tiệp, Hung, Ba Lan, v.v., năm 1965, tác giả Nguyễn Du đã được tổ chức Văn hóa Liên Hiệp Quốc UNESCO đ vinh danh là một đại văn hào của thế giới. Rất nhiều văn nhân, họa sĩ, trí thức, học giả, nhà phê bình..vv.. đã viết, phân tích, diễn thuyết, minh họa, biên kịch, cải lương... về giá trị tác phẩm của thiên tài Nguyễn Du qua những nét đẹp về phương diện văn chương, tư tưởng và hội họa..vv... Những ai từng đọc truyện Kiều chắc sẽ bùi ngùi thương cảm cho nàng Kiều bạc phận long đong chịu nhiều bất hạnh. Người đọc không khỏi thắc mắc: Tại sao thi hào Nguyễn Du đã đặt tên cho tác phẩm là Đoạn Trường Tân Thanh, Tiếng Kêu Mới về sự Đau Khổ? Tiếng kêu mới nơi đây phải chăng là quan niệm mới về đau khổ, khác với quan niệm cũ về đau khổ, nhìn sự đau khổ là những chuyện tất nhiên? Hành trình từ đau

khổ dẫn đến giải thoát, từ phiền não dẫn đến Bồ Đề, đó là nội dung tư tưởng mà Nguyễn Du đã thể hiện nơi Đoạn Trường Tân Thanh, ? Nếu thế, nỗi đau đó không còn của riêng Thúy Kiều, mà nỗi đau của nhân sinh.

Những năm gần đây truyện Kiều đã được nhìn qua nét đẹp nghệ thuật âm nhạc, giới nhạc sĩ đã thực hiện phổ nhạc Đoạn Trường Tân Thanh, đã gieo vào vườn hoa nghệ thuật thêm sắc màu.

Thơ và nhạc là hai nghệ thuật riêng biệt nhưng rất khấn khít nhau làm say đắm lòng người». Thơ là nghệ thuật của «lời», nhạc là nghệ thuật của «âm thanh. . « ***Thơ phổ nhạc là nghệ thuật đem thêm âm hòa với âm thanh sẵn có trong thơ, hoặc thay đổi âm thanh của thơ chuyển thể thành những nốt nhạc để hát.***

Trong 3254 câu thơ Kiều, những thanh bằng trắc tạo những nốt trầm bổng cao độ chỉ là “nhạc thơ” có sẵn chứa trong câu thơ. Trong khi “thơ trong nhạc” hay còn gọi là “tính nhạc” gồm những hình tượng, ngôn ngữ được ngắt nhịp theo tiết tấu riêng để diễn tả giai điệu toàn bài chuyên chờ tứ thơ. Trong thi tập Đoạn Trường Tân Thanh gồm khá nhiều câu, chữ, chứa sẵn nhạc thơ tạo nên những tiết tấu, ngắt nhịp, xuống câu. Ví dụ :

Nhịp 2 gồm 3 từ:

“ *Mai cốt cách/ tuyết tinh thần.*

Nhịp 4 gồm 2 từ:

Mỗi người/ một vẻ/ mười phân/ vẹn mười...”

Hoặc có thể phân làm 2 nhịp gồm 4 từ :

«Mỗi người một vẻ / mười phân vẹn mười...»

Hay những câu nhịp 2 gồm 3 từ
“ *Làn thu thủy/ nét xuân sơn*
Và nhịp 2 gồm 4 từ:
Hoa ghen thua thắm/ liễu hờn kém xanh”..vv...

Để đọc, hay hát trọn vẹn toàn thi phẩm Kiều, người nghệ sĩ đã sáng tạo ra cách ngâm lấy Kiều, sa mạc..vv.. giúp giới mộ điệu thưởng lãm những cái hay, nét đẹp của lời thơ ý truyện bằng âm thanh. ». Ngôn ngữ thơ trong truyện Kiều là những hình tượng đặt vào những thanh âm bằng trắc tạo thành những thang nhạc, cung bậc trong thơ diễn tả tinh tiết, tâm lý những khía cạnh độc đáo từng nhân vật trong truyện. người nhạc sĩ sẽ đồng cảm với tác giả hòa vào từng con chữ để thấy cái sâu lắng chất chứa những âm thanh như tiếng kêu ai oán: « Đoạn Trường Tân Thanh »

Nhạc sĩ Phạm Duy là người tiên khởi đem âm nhạc vào Kiều, ông lựa những đoạn, câu thơ chứa nhiều tính nhạc trong Kiều phổ thành ca khúc. Nhạc sĩ đã dung hợp nhạc giao hưởng tây phương với nhạc ngũ cung, trong đó chất ngũ cung để câu nhạc để luyện lấy diễn tả được ý thơ, chất giao hưởng tạo cho câu nhạc được êm, vút cao, trầm bổng theo ý nhạc mà không theo thanh bằng trắc của vần thơ lục bát. Nhạc sĩ Phạm Duy gọi là: Minh Họa Kiều. Mấy năm gần đây dòng thơ phổ nhạc ở trong nước cũng như hải ngoại nở rộ, thơ nương nhạc chấp cánh, nhạc dựa thơ bay cao, cho dù muốn phổ được một bài thơ « đạt » đúng nghĩa là một nghệ thuật rất khó ! Phổ thi tập Kim Vân Kiều thành nhạc là một việc làm rất khó, cái khó nhất là vì đó là một tác phẩm lớn của dân tộc đòi hỏi nhạc sĩ phải có thực tài, nắm bắt được cái tinh hoa của hồn thơ, tính nhạc toàn thi tập. Nhạc sĩ phải dàn trải giai điệu, nhịp điệu, sắp đặt thể loại soạn thành những cấu trúc đoạn nhạc khác nhau; nhưng vẫn hài hòa, tạo ra từng phân đoạn hợp với tinh tiết câu thơ theo nhân vật trong

truyện. Cái khó của thơ lục bát là nhịp mạnh thường rơi vào cuối câu vần bằng, do đó nhạc sĩ phải khéo dùng những biến cung để dòng nhạc chuyển tiếp linh động không nhàm chán, lê thê. Từ trước đến nay những bài thơ lục bát của nhiều nhà thơ, nếu được phổ thành nhạc, hầu hết những bài thơ đó không dài quá 30 câu để nhạc sĩ dễ cảm nhận phổ thành ca khúc. Muốn thực hiện bản trường ca, nhạc sĩ phải bỏ thời gian để phân tích dàn trải cấu trúc toàn thi tập, tạo những thể điệu, những chuỗi hình nốt, giai điệu, tiếp nối nhau diễn tả dựa trên lời thơ không gián đoạn ý mà soạn cấu trúc nhạc theo lối tây phương, nhưng vẫn giữ được chất nhạc Việt. Điểm khó nữa đối với một thi phẩm lớn là không được sửa lời thơ, hay đổi thứ tự chữ để giai điệu, câu nhạc có kết hay. Do đó nhạc sĩ phải dùng nhiều biến cung thăng, giảm để dòng nhạc ít quay về chủ âm (tonique), hoặc khéo léo dùng những thể điệu, tiết tấu, uyển chuyển của dòng nhạc đương đại.. tạo sự biến đổi cấu trúc giai điệu thành từng đoạn khác nhau làm phong phú ý nhạc.

Trong số những nhạc sĩ phổ truyện Kiều ngoài nhạc sĩ Phạm Duy, ở hải ngoại còn có: Nhạc sĩ Quách Vĩnh Thiện đã phổ toàn tập Kim Vân Kiều. Ngoài ra, truyện Kiều còn được chuyển thể thành một vở ca kịch đương đại dàn dựng theo phong cách Broadway, được nghiên cứu từ bản dịch Anh ngữ tác phẩm Kiều “Tale of Kieu” do Nhà soạn kịch kiêm Đạo diễn Burton Wolfe kết hợp cùng Nhà soạn nhạc Scott Gehman, và Giáo sư, Nhạc sĩ Linh Phương chuyên dịch lời ca tiếng Anh ngược lại tiếng Việt. Ở trong nước có nhạc sĩ Vũ Đình Ân phổ những đoạn mang nhiều tính nhạc trong toàn tập, soạn thành một đại hợp xướng Truyện Kiều, với sự cố vấn nghệ thuật Giáo sư nhạc sĩ Ca Lê Thuần.

Trong cõi bất tận của âm thanh, những dòng nhạc hôm nay đi vào lòng người. Thơ

và nhạc quyện nhau, nhạc nhập vào thơ giúp những con chữ thơ nằm bất động trên trang sách được những người yêu thơ thưởng lãm bằng mắt, cảm nhận bằng tâm, nay hồn thơ cất lên giai điệu, tiếng hát truyền cảm, diễn tả tâm trạng, cảm xúc từng nhân vật trong tác phẩm bằng một thực thể sống động, thoát khỏi thế giới ảo, mơ hồ. Người nhạc sĩ hôm nay phổ thơ có nhiều sáng tạo, không chỉ dựa vào cái thanh bằng trắc có sẵn cao độ trầm bổng trong thơ, mà phổ cái hồn thơ, cái tư tưởng, hay những hình ảnh ngôn ngữ trong thơ mang màu sắc hội họa... Chẳng có nhạc sĩ nào nhân danh sự sáng tạo dám viết lệch cảm xúc của thi sĩ? Không ai lại soạn một khúc nhạc thật buồn để mừng ngày vui hội ngộ của gia đình Thúy Kiều, và ngược lại không thể viết những tiết tấu giai điệu của thể loại nhạc kích động, cuồng loạn, khi Thúy Kiều đang gởi mình vào chôn thiên tu?

Những ai cảm tác về truyện Kiều, chắc sẽ

cảm nhận được nỗi cô đơn tư tưởng của Nguyễn Du khi gởi gắm tâm sự vào tác phẩm, tác giả đã than rằng:

«*Bất tri tam bách dư niên hậu,*

Thiên hạ hà nhân khấp Tố như »:

300 năm sau mới có người hiểu mình !

Qua sự thâm thúy của tác phẩm tư tưởng, đượm đầy triết lý nhân sinh, người đọc hôm nay đã hiểu, và khám phá được cái lẽ đạo trong Kiều. Ở một cõi nào đó, thi hào Nguyễn Du sẽ vui, khi biết ở thời đại sau vẫn còn nhiều người ca ngợi, và tưởng nhớ đến ông. Tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh vẫn là nguồn cảm hứng cho đời diễn thuyết, biên khảo, sáng tác ở các bộ môn nghệ thuật, trong đó có giới nhạc sĩ về lại chân dung truyện Kiều bằng âm nhạc. Đó phải chăng là tấm lòng người thời nay nhớ và tri ân người xưa?

Paris 10 04 2011

ĐỖ BÌNH

ART EXHIBIT
SPRING
2011



CONTEMPORARY ART

**ĐINH CƯỜNG
TRƯƠNG VŨ
NGUYỄN
TRONG
KHÔI**

ARLINGTON ARTS GALLERY
5179 Lee Hwy,
Arlington VA22207
703 532- 4350

ADIEU MON PAYS

J'ai quitté mon pays
J'ai quitté ma maison
Ma vie ma triste vie
Se traîne sans raison
J'ai quitté mon soleil
J'ai quitté ma mer bleue
Leurs souvenirs se réveillent
Bien après mon adieu
Soleil ! Soleil de mon pays perdu
Des villes blanches que j'aimais
Des filles que j'ai jadis connues
J'ai quitté une amie
Je vois encore ses yeux
Ses yeux mouillés de pluie
De la pluie de l'adieu
Je revois son sourire
Si près de mon visage
Il faisait resplendir
Les soirs de mon village
Mais, du bord du bateau
Qui m'éloignait du quai
Une chaîne dans l'eau
A claqué comme un fouet
J'ai longtemps regardé
Ses yeux bleus qui fuyaient
La mer les a noyés
Dans le flot du regret.

by Enrico Macias

VĨNH BIỆT QUÊ TÔI

Tôi lìa xa đất nước rồi
Rời căn nhà cũ một thời dẫu yêu
Đời tôi héo hắt đi nhiều
Không còn lẽ sống, sớm chiều dần trôi.
Vàng dương đẹp, biển xanh tươi
Tôi đi bỏ lại cuối trời khuất xa
Bao nhiêu kỷ niệm thiết tha
Giờ đây trời dậy thặng hoa tâm hồn
Mặt trời quê cũ ửng hồng
Xóm làng, phố thị tôi từng vẫn vương
Thân quen bao dáng kiêu nương
Tôi đi bỏ lại người thương vô vàn
Tôi còn như thấy mắt nàng
Long lanh giọt lệ hòa làn mưa rơi
Lệ mưa chia cách lửa đôi
Tôi như thấy lại nụ cười đáng yêu
Kề mặt tôi thật mỹ miều
Gợi cho tôi nhớ những chiều làng xưa
Giờ trên tàu chạy xa bờ
Đưa tôi lìa chốn quê nhà nổi trôi
Sóng hần mặt nước như rơi
Quất vào khung cảnh chia phiêu dăng sầu
Tôi nhìn mãi mắt xanh màu
Lẩn trong khói sóng giang đầu yêu thương
Rồi chìm khuất dưới đại dương
Bềnh bồng tiếc nuối, thể lương cõi lòng.

Tâm Minh Ngô Tằng Giao

(chuyển ngữ 4 - 2011)

Enrico Macias là một ca sĩ Pháp, gốc Algérie, sinh năm 1938. Ông cùng với vợ rời bỏ xứ năm 1961 và xin tỵ nạn tại Pháp sau khi nhạc phụ bị ám sát. Bài Adieu Mon Pays (Vĩnh Biệt Quê Tôi) được sáng tác vào thời kỳ đó và đã trở thành bài tiêu biểu của Enrico Macias và của những người phải miễn cưỡng rời bỏ quê hương xứ sở.

BI HÀI KỊCH BẢO TỒ CỦA SHAKESPEARE

PHẠM VĂN TUẤN

1/ Các nhân vật và vai chi tiết.

Loại truyện: bi hài kịch hay chuyện tình.

Thời điểm: Thế kỷ 15.

Địa điểm: một hòn đảo giữa biển.

Lần đầu tiên trình diễn: 1611.

Lần đầu tiên xuất bản: 1623.

Các nhân vật chính:

Prospero, bá tước chính thức của thành Milan,

Miranda: con gái của Prospero,

Ariel: thần linh, phục tùng Prospero,

Caliban: nô lệ của Prospero,

Antonio: bá tước của thành Milan, em của Prospero,

Alonso: vua xứ Naples,

Ferdinand: con trai của Alonso,

Sebastian: em của Alonso,

Gonzalo: nhà triết học đã cứu sống Prospero và Miranda.

2/ Câu chuyện.

Ngày xưa tại kinh thành Milan có bá tước Prospero là người biết pháp thuật (a magician) lại rất yêu thích sách vở. Ông ta đã bỏ nhiều giờ mỗi ngày để đọc nghiên ngẫm các cuốn sách lạ, phủ bụi, mà quên đi việc cai trị kinh thành Milan, giao quyền hành này cho người em tên là Antonio. Sau nhiều năm trường nắm quyền, Antonio cho rằng chính mình mới thực là bá

tước của kinh thành, nên đã liên lạc với vua xứ Naples tên là Alonso, một kẻ thù của Prospero. Cả hai người này âm mưu ám hại bá tước Prospero.

Vào một đêm tối đen, Antonio đã mở cổng thành cho lực lượng của vua Alonso lẻn vào. Prospero và đứa con gái nhỏ Miranda được đưa đi trốn bằng một con thuyền mỏng manh, rò nước. Trong cảnh bất hạnh này, cha con Prospero còn gặp được một điều may mắn, là một người bạn của bá tước đã bí mật lên dấu trong thuyền không những thức ăn, nước uống, mà cả quần áo đẹp và một quyển sách pháp thuật. Hai cha con gặp nạn này đã trôi giạt trên biển khơi trong nhiều ngày nóng nực và nhiều đêm tối đen, và trong cảnh huống cô đơn này, chỉ có nụ cười thơ

ngây của Miranda là khiến cho bá tước Prospero không bị tuyệt vọng. Rồi cuối cùng vào một buổi chiều, ngọn gió lành đã đưa con thuyền mỏng manh giạt vào một hòn đảo xa lạ, nhiều ma quái.

Bước lên bờ, Prospero tìm chỗ ẩn náu rồi khi màn đêm phủ xuống, bá tước nghe thấy các tiếng kêu ai oán, lạ lùng, xuất phát từ trong khu rừng rậm.



Cũng đưa con gái nhỏ trên lưng, Prospero đi tìm ra nơi có tiếng kêu than. Ở tận bên trong rừng sâu, bá tước nhận thấy có một cây thông bị sét đánh gãy làm hai nhiều năm về trước. Có vẻ như tiếng kêu than xuất phát từ thân cây này. Prospero coi kỹ phần thân cây gãy bị cháy đen rồi cầm nơi tay cây gậy pháp thuật, ông ta đọc mấy câu thần chú. Ngay lập tức trong không gian gần đó hiện ra một thần linh. Prospero ra lệnh: *“Hãy nói đi, thần linh, cho ta biết tên và tại sao mi bị vướng mắc vào nơi này”*. Thần linh lấy hơi, vươn mình lên khoảng không rồi nói: *“Tôi là Ariel, bị cột vào thân cây này do mụ phù thủy tên là Sycorax khi tôi từ chối làm điều ác theo lệnh của mụ ta. Sau đó không lâu, mụ ta qua đời, để lại tôi vướng mắc vào cạm bẫy này trong 12 năm rồi”*. Prospero nói: *“Ta thả mi ra nhưng mi có sẵn lòng phục vụ ta không? Mi sẽ thấy rằng ta không bắt mi phải làm các điều độc ác”*. Ariel đồng ý làm theo lời đòi hỏi của bá tước và được giải thoát khỏi thân cây thông nhưng ngay sau đó, xuất hiện một con quỷ dị hình, lông lá đầy mình, găm rú trong đêm tối.

Dùng cây gậy pháp thuật chỉ vào con quái vật đang xông tới, Prospero ra lệnh: *“Quái vật, dừng lại!”*, rồi trong ánh sáng yếu ớt, bá tước xem xét con quỷ ghê tởm này. *“Ariel, mi biết gì về con quái vật này không?”*. Ariel nói nhỏ vào tai bá tước: *“Đây là đứa con của mụ phù thủy Sycorax. Mụ ta phục vụ cho chúa quỷ tên là Setebos cho tới khi bị đuổi vì các hành động quá độc ác của mụ. Mụ Sycorax trốn ra hoang đảo này và để ra con quái vật mà ông đang nhìn thấy trước mắt. Tên của nó là Caliban và nếu ông lưu tâm tới lời tôi cảnh cáo, thì hãy quăng nó xuống biển cho xong việc”*. Nhưng Prospero cũng là một con người bị lưu đây, nên không nỡ tâm làm điều tàn ác như thế. Bá tước nói: *“Để ta thử thuần hóa con vật man rợ này”*.

Kể từ nay, bá tước kiêm nhà pháp thuật, cô con gái nhỏ, thần linh Ariel và con quỷ bất hạnh sống chung tại một nơi trú ẩn trên hòn đảo ma quái. Do sự chỉ dẫn của Caliban, Prospero đã tìm ra một hang khá rộng, khô ráo, gồm nhiều phòng. Dùng pháp thuật, bá tước đã làm thay đổi nơi này thành chỗ cư trú tiện nghi, an toàn, để đọc sách và nuôi dạy cô con gái.

Khởi đầu Prospero đã đối xử với con quỷ một cách tử tế nên Caliban tỏ lòng biết ơn bằng cách cho biết nơi nào có nhiều trái cây ngon, nơi nào chứa nước uống trong sạch. Cô gái Miranda cũng thương hại con quỷ, đã bỏ ra nhiều thời giờ dạy nó biết nói nên sau một thời gian Caliban có vẻ thay đổi. Nhưng sự phục thiện của con quỷ không kéo dài được lâu, nó ghen tức với tấm lòng thương yêu mà Prospero giành cho cô con gái nhỏ, nó định ám hại Miranda nên bị đuổi khỏi hang và bị bắt làm các công việc thấp hèn. Vì vậy nỗi lòng oán hận bá tước trong lòng con quỷ Caliban mỗi ngày một gia tăng.

Miranda xa lánh dần con quái vật. Với sự che chở của Ariel, cô bé lớn dần, quen chơi đùa trên bờ biển hay chạy nhảy trên các tảng đá, lăn la vào nơi ven rừng. Vào mỗi đêm, cô được cha dạy cách đọc sách, được nghe kể lại nhiều câu chuyện lạ, hấp dẫn. Nhưng trong hoàn cảnh bao che, Miranda bắt đầu cảm thấy cô đơn, cần có người bạn cùng lứa tuổi. Trong thời gian này, bá tước Prospero tiếp tục đọc sách và tài năng pháp thuật của ông cũng tăng thêm. Ông ta vẫn còn bị ám ảnh bởi trí nhớ về người em phản bội và về chức quyền tại kinh thành Milan.

Sau 12 năm sống trên hoang đảo, Miranda đã trở thành cô gái 14 tuổi xuân, xinh đẹp như một bông hồng mới nở. Rồi vào một buổi chiều khi đang dạo chơi trên bờ biển, cô thiếu nữ nhìn thấy một vật lạ xuất hiện ở chân trời. Sau một hồi lâu, cô mới biết

rằng đó là một con tàu. Trèo lên mỏm đá cao, Miranda nhìn ra biển rộng, nhủ thầm trong lòng lời cầu mong “con tàu ơi, hãy ghé lại nơi đây!”. Nhưng có vẻ như con tàu đi xa dần, không hướng về hòn đảo.

Trong lúc đang thất vọng vì bóng dáng con tàu khuất dần nơi xa xa, bỗng một cơn bão tố lớn nổi lên. Nhiều lần chớp chói lòa cắt ngang bầu trời. Các lớp sóng cao đang xô đẩy con tàu chòng chành như sắp lật úp. Miranda nghe được nhiều tiếng kêu than của các người trên tàu dù cho gió mạnh gào thét. Và cô thiếu nữ cũng nghe thấy một tiếng hét khác, giận dữ và tàn bạo, phát ra rất gần nơi cô đứng. Quay đầu lại, cô thấy cha đang đứng trên một tảng đá cao hơn, tay cầm cây gậy phép thuật chỉ lên trời cao, đôi mắt dữ tợn. Miranda quỳ xuống chân của cha cô, năn nỉ “Cha ơi, nếu do phép thuật mà cha đã khiến cho nước biển nổi sóng dữ dội thì con xin cha hãy rủ lòng nhân từ. Tâm hồn con thương xót các linh hồn bất hạnh trên con tàu kia”.

Bá tước Prospero lúc này chỉ chú tâm vào phép thuật, không để tâm tới cô con gái yêu. Miranda lại van xin: “Cha ơi, xin đừng làm hại họ!”. Nhà phép thuật vẫn còn vung cây gậy, chỉ huy các trận cuồng phong vùi dập con tàu biển xấu số. Lần thứ ba, cô gái vẫn van nài: “Cha ơi, hãy tha cho họ!”. Lúc này, bá tước Prospero mới ngừng tay và nói: “Thôi”. Ngay sau đó, mặt biển trở lại yên tĩnh. Cô gái Miranda quay sang tìm kiếm con tàu, xem nó đã được an toàn chưa, nhưng tất cả đã biến mất.

Prospero an ủi con: “Đừng hoảng sợ, cha hứa với con rằng không một ai trên con tàu đó bị tổn hại cả”. Miranda bèn hỏi: “Nhưng tại sao cha đã hành động dữ tợn như vậy?”. Bá tước đã ngập ngừng, rồi qua tiếng thở dài, ông đã kể lại cho con gái nghe câu chuyện buồn vì bị phản bội và bị lưu đày. “Cha phải làm tất cả những gì cần làm. Do

phép thuật, cha biết rõ ai đang ở trên con tàu kia – người em trai đã phản bội cha và nhà vua đã đồng lõa với nó. Đây là cơ hội cha phải trả mỗi hận thù. Miranda thương yêu, hãy ngủ đi con!”. Bằng một câu thần chú, bá tước làm cho cô con gái yêu ngủ say rồi sau đó gọi thần linh Ariel lại và hỏi: “Hãy kể cho ta nghe mọi sự việc đã qua”. Ariel bay trong làn gió, nói nhỏ vào tai Prospero: “Thưa ông chủ, tôi đã làm theo ý muốn của ông. Tôi đã khiến cho vài người nhảy xuống biển đang nổi sóng, và người khác nấp dưới sàn tàu. Nhưng tất cả đều được an toàn theo như lệnh của ông”. Prospero hỏi: “Còn con tàu thì sao?” – “Nó đậu tại phía xa của hòn đảo, nơi an toàn và khô ráo, và các thủy thủ chìm vào trong giấc ngủ huyền bí. Các người khác trên tàu bị phân tán xa nhau nơi bờ biển, nhà vua xa cách con trai, ai cũng tưởng rằng người kia đã chết đuối, mọi người đều than khóc thảm thương”.

Bá tước nói: “Hôm nay mi đã làm việc giỏi nên mi sẽ được tự do như làn gió thoảng. Bây giờ mi hãy tàng hình và dẫn đưa con trai của nhà vua lại chỗ nghỉ của ta và con gái ta”. Thần linh Ariel bèn cưỡi gió, bay tới nơi bờ biển mà hoàng tử Ferdinand đang ngồi than khóc vì mất cha. Bay vòng quanh hoàng tử, Ariel bắt đầu thổi lên một điệu nhạc buồn, cảm dỗ. Nghe thấy tiếng nhạc, hoàng tử đứng dậy và kêu lên: “Tiếng nhạc này từ đâu tới vậy?”. Ariel tiếp tục chơi nhạc. Bị lôi cuốn bởi tiết điệu u buồn, Ferdinand đã đi theo theo thần linh tàng hình, băng qua rừng sâu, vào trong hang động của Prospero. Ngoài cửa hang, Miranda đang ngồi chải tóc.

Lòng thật buồn vì thương nhớ cha, hoàng tử Ferdinand bị ngạc nhiên khi nhìn thấy người thiếu nữ trẻ đẹp, bèn hỏi nhỏ: “Có phải cô là nữ thần đã phát ra điệu nhạc lạ lùng không?”. Miranda nhẹ nhàng trả lời: “Thưa chàng, tôi chỉ là một người con gái

tâm thường”, và nàng hân hoan khi nhìn thấy một chàng trai tuyệt vời, khác hẳn cha nàng và Caliban.

Từ trong hang, Prospero nhìn ra và thấy rõ cảnh ngộ. Bá tước cũng vui mừng bởi vì dự định của ông là khiến cho hai người trẻ này sẽ thương yêu nhau. Nhưng ngay sau đó, Prospero đã do dự. Miranda và Ferdinand không thể yêu nhau một cách nhanh chóng và dễ dàng như vậy. “*Tình yêu vội vã không thể bền lâu*”. Bá tước nói nhỏ “*Mối tình này phải gặp trở ngại để có thêm sức mạnh*”. Vì vậy ông bước ra khỏi hang và hét hỏi chàng trai: “*Anh là ai mà dám quấy rầy con gái của ta?*”. Miranda bèn kêu lên: “*Cha ơi, tại sao lại giận dữ như thế?*”. – “*Hãy im đi con. Tôi hỏi lại, anh là ai?*”. Ferdinand buồn rầu trả lời: “*Tiếc thay, tôi là vua của xứ Naples*”. Prospero bật cười và nói: “*Là vua hả? Anh chỉ là một người thường dân*”. Ferdinand đáp lại: “*Cha tôi là vua, đã bị thất lạc trong cơn bão tố. Do tổn thất này, tôi được vương niệm*”.

Mặc dù câu trả lời đã làm cho bá tước vui lòng nhưng ông ta chưa để cho Ferdinand thoải mái. “*Tôi cho rằng anh là giả, tôi đây để chiếm đoạt hòn đảo của ta và cô con gái của ta. Giờ đây anh phải là kẻ phục tùng của ta*”. Ferdinand rút gươm ra và la lên: “*Nhà vua xứ Naples không phục tùng ai cả*”. Prospero bèn dùng ngón tay, chỉ vào cây gươm của Ferdinand khiến cho nó trở thành quá nặng và hoàng tử không thể nhấc nó lên nổi. Rồi nhà pháp thuật chỉ cho hoàng tử thấy một đống củi lấm bùn và ra lệnh mang củi vào trong hang động. Bá tước cho rằng làm như vậy sẽ khiến cho Ferdinand nhận biết rằng chiếm được Miranda không phải là một công việc dễ dàng.

Sau khi đã sai bảo hoàng tử, Prospero bèn gọi thần linh Ariel và nói: “*Bây giờ hãy dẫn ta tới gần các kẻ thù của ta*”. Vào lúc này trên bờ biển, nhà vua và các người khác

Hạ Hồng

Mưa hạn thấm từng viên đất nhỏ
Vũng đầy tung sóng sánh nước lành
Mùa an khởi cùng niềm hoan hỷ
Hạ kiết hồng mừng đất vỡ xanh.

Ý Anh
(Maryland)

đang đi tìm dấu vết của Ferdinand. Khi tin tưởng rằng hoàng tử đã bị chết đuối, vua Alonso than khóc. Prospero cũng nghe thấy mọi người than đói nên bảo các thần linh của hòn đảo dọn ra một bàn tiệc bày nhiều thức ăn hấp dẫn. Mùi hương thơm ngào ngạt từ các đĩa thức ăn bay tràn trong không gian khiến cho bọn người kia thèm thuồng. Nhưng trước khi họ cầm thức ăn lên thì thần linh Ariel xà xuống mặt bàn, hóa thành một con quỷ có cánh. Bọn người đắm tầu giật mình, lùi lại. Con quỷ bèn vỗ cánh khiến cho tất cả thức ăn trên bàn biến mất. Ariel la lên: “*Này, các người phạm tội*”, rồi chỉ vào nhà vua và người em của bá tước Prospero: “*Bây giờ các người hãy nhớ lại tội ác ngày trước của các người chống lại Prospero, bá tước thành Milan và cô gái Miranda. Hãy nhớ tội ác và hãy ăn năn*”.

Ngạc nhiên trước sự việc con quỷ có cánh biết rõ quá khứ của mình, vua Alonso và Antonio quỳ xuống đất, khóc than vì sợ hãi. Prospero rất vui lòng trước cảnh huống này. Ariel trở lại bên Prospero và bá tước nói nhỏ với thần linh: “*Bây giờ mi hãy bay và xem Caliban đang làm gì, để ta coi chừng*”.

Ferdinand và Miranda”.

Ariel đã nhìn thấy Caliban đi trên bờ biển, nặng nề vác với một khúc gỗ lớn. Bỗng nhiên con quỷ này ngừng lại. Phía trước nó là một người đàn ông ăn mặc kỳ lạ. Sợ rằng đây là một vị thiên thần gửi xuống để trừng phạt nó vì đi chơi lêu lổng, Caliban nằm bẹp xuống đất, chui người nấp dưới tấm vải rách. Nhưng thực ra, đây chỉ là anh hề Trinculo. Anh hề này còn rối trí vì mới thoát khỏi cảnh chết đuối. Anh ta ngã vào Caliban rồi kêu lên: *“Đây là con người hay con cá? Thật gớm ghiếc, một con cá vì mùi tanh quá”*. Một hồi sấm nổ vang trên bầu trời đen đặc. Trinculo kêu lên: *“Nếu một cơn bão tố nữa xảy ra như lần vừa qua, ta sẽ bị chết đuối khi đang đứng đây”*, rồi anh ta bò xuống, chui vào tấm vải rách của Caliban để trú ẩn. Cảnh huống này khiến cho Ariel phải cười thầm: *“Đây quả là một cặp khác thường”*.

Sau đó, anh quản gia Stephano của nhà vua đi tới. Anh ta nổi được trên mặt nước và trôi giạt vào bờ là nhờ một thùng rượu chát. Để an ủi vì đã sống còn, Stephano uống nhiều rượu đến nỗi mất cả trí khôn. Tới lúc này do vấp ngã vào Caliban và Trinculo vì say rượu, anh ta chỉ biết mình gặp một con quỷ hai đầu. Anh quản gia la lớn: *“Đồ khùng, ta không sợ người đâu”*, rồi dơ cao ly rượu chát làm bằng vỏ cây. Caliban sợ quá, năn nỉ: *“Ôi, thiên thần, đừng hành hạ tôi, tôi sẽ mang củi về nhà thật sớm”*. Nghe thấy vậy, Trinculo kêu lên: *“Nó nói cùng một thứ tiếng với mình”*. Trinculo cũng hỏi: *“Anh Stephano đấy hả?”*. Sau đó cả anh hề và con quỷ cùng gỡ bỏ tấm vải rách ra và Stephano truyền ly rượu chát cho hai kẻ này. Rượu chát thật là tuyệt vời đối với Caliban, nó cho rằng người có rượu này phải là một vị thiên thần. Nó bèn quỳ xuống, hôn chân Stephano và nói: *“Tôi nguyện làm đầy tớ của ngài. Tôi sẽ chỉ cho ngài biết kẻ tàn ác đã chiếm giữ*

hòn đảo này của tôi. Tôi biết khi nào hẳn ngủ. Ngài có thể giết hẳn và chiếm đoạt cả hòn đảo lẫn cô con gái”.

Khi Stephano đồng ý, Caliban đã nhảy múa và ca hát, rồi dẫn anh quản gia và anh hề tới hang động của nhà pháp thuật. Ariel đã đưa bọn này vào vũng lầy khiến cho họ bị chậm chễ, trong khi đó bay đến gặp Prospero và báo tin sự nguy hiểm sắp tới.

Trong lúc này Ferdinand phải làm công việc cực nhọc mà Prospero giao phó. Miranda đã khóc lên khi nhìn thấy cảnh này. Cô thiếu nữ bèn tới gần đóng cũi và kêu lên: *“Hãy để em làm việc này thay anh”*, nhưng Ferdinand đã trả lời: *“Không, bộ mặt dễ thương của em đã làm cho công việc trở thành nhẹ nhàng”*. Trong vòng bí mật, Prospero quan sát thấy cảnh làm việc vất vả của Ferdinand mà không than van. Bá tước tin rằng hoàng tử thật sự yêu thương Miranda. Prospero tới gần con gái và nói dịu dàng: *“Lại đây con”*, rồi ông dẫn Miranda về phía Ferdinand, đặt bàn tay của hai trẻ vào nhau. Bá tước nói với hoàng tử: *“Tất cả những gì rắc rối này là cách thử tình yêu của con. Bây giờ ta ban phước lành cho sự đính hôn của hai con”*. Rồi ông ta gọi các thần linh trên đảo xuất hiện thành các nữ thần và ban phước lành cho cặp uyên ương tương lai. Cảnh chúc lành này chưa diễn ra được lâu thì thần linh Ariel đã bay đến, báo tin cho bá tước biết âm mưu của Caliban. Prospero nói: *“Tiếc thay, cảnh vui vẻ của chúng ta phải chấm dứt bây giờ”*, và ông ta vung cây gậy pháp thuật lên khiến cho các thần linh biến vào không gian, rồi sau đó bảo đôi trẻ lui vào trong hang động.

Prospero tìm cách đối phó với Caliban. Ariel ở bên bá tước và nói: *“Kẻ phản bội không bao lâu sẽ dẫn các người kia tới gặp ông”*. Prospero bèn nghĩ ra một kế hoạch và bảo Ariel: *“Hãy mang lại đây các bộ quần áo*

đẹp nhất của ta”, rồi bá tước treo lô quần áo này trên các cành cây, gần nơi bãi trống. Khi tới gần bãi đất trống thì Caliban bảo Trinculo và Stephano: *“Chớ ngừng tại đây, đầu tiên hãy giết Prospero rồi quần áo đẹp, con gái và hòn đảo sẽ thuộc về các ông”*. Nhưng lời khuyên của con quỷ đã không khiến cho hai người kia nghe theo vì họ chưa từng được mặc quần áo đẹp như thế này. Trong khi hai kẻ gia nhân đang thử quần áo thì Prospero ra lệnh cho hai thần linh của hòn đảo hiện thành hai con chó rừng hung dữ, mắt lồi ra, nhe răng nanh đe dọa, khiến cho cả hai tên kia phải bỏ chạy.

Bá tước Prospero tới lúc này mới bảo Ariel dẫn nhà vua và các kẻ tùy tùng tới hang động. Nhà pháp thuật nghĩ tới việc trả mối hận thù xưa. Ông ta mặc áo choàng vào rồi cầm lấy cây gậy quyền thuật nhưng chính vào lúc này, thần linh Ariel trở lại và nói nhỏ vào tai bá tước: *“Ông chủ đã nhìn thấy nhà vua và người em phản bội trước kia than khóc vì tội ác mà họ đã từng làm, trái tim của ông không xúc động sao? Một tảng đá phải nứt ra, một thân cây phải chảy nhựa vì thương xót nỗi ăn năn của họ”*. Prospero bị ảnh hưởng bởi lời góp ý của Ariel: *“Nếu mi chỉ là gió thoảng mà còn biết cảm thông cho những con người này, thì ta đây lại không biết tha thứ hay sao?”* Nhà pháp thuật ngồi xuống, cúi đầu suy nghĩ. Ông ta giữ yên lặng một hồi lâu bởi vì không dễ dàng gì đè nén cơn tức giận. Cuối cùng bá tước nói: *“Ariel, dẫn bọn họ lại gặp ta”*.

Không bao lâu sau đó, nhà vua và các người khác đã đứng trước cửa hang động. Họ ngạc nhiên biết chừng nào khi nhìn tận mắt thấy vị bá tước đích thực còn sống. Họ than khóc và xin tha thứ. Prospero mỉm cười: *“Ta tha tội cho các người, tội làm hại ta”*. Khi nhà vua và người em Antonio tuyên bố từ bỏ mọi

quyền hành của kinh thành Milan thì Prospero nói với nhà vua: *“Để đổi lại, ta hoàn trả bằng một sự việc đáng ngạc nhiên”* và bá tước kéo tấm màn che cửa hang động, sau đó là cảnh Miranda và Ferdinand đang chơi cờ với nhau.

Miranda là con người chưa từng được nhìn thấy nhiều người khác tụ tập đông đảo như lần này nên sửng sốt, cầm lấy tay Ferdinand và nói nhỏ: *“Tại sao lại có nhiều người đáng yêu ở nơi này như vậy? Ôi, một thế giới mới với thật nhiều người”*. Chính vào lúc này, nhà vua khóc lên vì sung sướng khi được gặp lại người con trai còn sống sót và hoàng tử Ferdinand chạy ra, ôm lấy vua cha, đồng thời Ariel cũng làm tăng thêm niềm vui cho mọi người bằng cách mang lại con tàu trước kia đã được giấu tại một nơi kín đáo. Cuối cùng, theo mệnh lệnh của Prospero, thần linh Ariel dẫn anh hề Trinculo, anh quản gia Stephano và con quỷ Caliban tới gặp mọi người. Bá tước nói: *“Tôi cho rằng hai người kia là của các ông, còn tôi đành nhận lãnh con vật u tối này”*. Caliban cũng góp ý: *“Kể từ nay tôi sẽ hành động khôn ngoan hơn trước. Tôi thật là ngu xuẩn khi tôn vinh một gã say rượu làm thiên thần”*.

Cuối cùng, bá tước Prospero leo lên một mỏm đá cao nhất, ông ta giơ cao cây gậy và cuốn sách pháp thuật rồi ném chúng xuống biển. Thần linh Ariel bèn nhận lấy hai món đồ này, đem chôn tại một nơi an toàn, thật sâu trong lòng đại dương. Sau đó bá tước trả tự do cho Ariel, một nhân vật mà ông ta yêu quý chẳng khác gì cô con gái Miranda.

Khi bình minh trở lại, thần linh Ariel đã mang tới một món quà tặng cuối cùng, đây là các làn gió thuận hòa thổi con tàu mang vị bá tước, hai kẻ đang biết yêu và tất cả những người khác, trở về kinh thành Naples là nơi mà Ferdinand và Miranda sẽ cử hành lễ cưới.

CỔ TỜ

Cổ tờ muôn muốt bờ non
Đa tình con mắt đỏ hơn mơ màng
Tối đi sao lại ngỡ ngàng
Trời đang lún phún một làn mưa xuân
Đâu là bướm của giai nhân
Ô hay sao lại hóa thân kiếp người?

Phan Khâm

NHẬN THƠ BẠN*

Đến tuổi hoàng hôn bóng xế rồi
Bôn hành xuôi ngược thuở nào ngơi
Bao lần ly tán thân bầm giập
Mấy cuộc chia lìa phận nổi trôi
Chấp cánh ngõ bay qua lửa bỏng
Mất đà mắc kẹt giữa dầu sôi
Ngổ ngang tâm sự thơ trao bác
Gió mới sao mà chậm tới nơi!

LÝ HIẾU

VA 03/2011

(*) Họa vãn “Buồn đời” của nhà thơ Hoàng Đăng

3/ Vài nhận xét.

Vở bi hài kịch “*Bão Tố*” (The Tempest) được trình diễn trước Vua James I của nước Anh vào ngày 1/11/1611 nhưng trước đó, có thể đã có vài lần ra mắt khác. Nhiều học giả tin rằng Shakespeare đã viết ra 37 kịch bản, nhưng rất khó khăn khi tìm cách xếp hạng các vở kịch này do thiếu các ghi chép về ngày tháng. Tác phẩm đầu tiên do Shakespeare soạn ra là vở kịch Henry VI vào năm 1591, trong khi “*Bão Tố*” được viết vào cuối quãng đời sáng tác, năm 1611, cùng thời với các tác phẩm Cymbeline và The Winter’s Tale (Chuyện Kể vào Mùa Đông).

Giống như nhiều câu chuyện tình khác, “*Bão Tố*” có thể được coi là một truyện thần tiên, gồm các nhân vật xấu và tốt, gồm một tình yêu trong trắng, không phức tạp và nhiều sự việc xảy ra một cách lạ thường như trận bão do pháp thuật, các phù phép làm tê liệt kẻ xấu và bảo vệ kẻ tốt, các thần linh huyền bí...

Các vở kịch danh tiếng thường có chủ đích trình bày cuộc đời, đưa ra các hoàn cảnh đại diện mà không cất nghĩa; vở kịch “*Bão Tố*” cũng theo cách này, đã cho thấy các ý tưởng, nếu nói một cách đơn giản, là sự tương phản giữa thiên nhiên (nature) và xã hội (society), là các vấn đề phạm tội, chuộc tội và hòa giải. Antonio đã âm mưu chiếm đoạt quyền hành cùng với vua Alonso rồi cả hai đã nhận tội. Alonso đau khổ vì sợ mất đứa con, đã nhớ lại tội phạm của mình và sự hòa giải là đám cưới của Ferdinand cùng người con gái Miranda của Prospero. Tình yêu giữa hai người thuộc giới trẻ này đã xóa đi hận thù của thế hệ trước, đã nói lên rằng sự vô tội và niềm tin của giới trẻ thì mạnh hơn tham vọng và ác tâm của thời đại cũ.

Qua vở kịch, Prospero là một nhà cai trị có từ tâm, không báo thù, đặc biệt đối với người em Antonio mà ông ta coi là phản bội,

ám hại mình. Prospero còn là một nhân vật công bằng, chính trực, ngoài đặc tính thông minh, hiểu rộng.

Ariel là thần linh biết từ chối làm điều ác theo lệnh của mục phù thủy Sycorax. Sự tuân lệnh của Ariel rất quan trọng trong việc biểu lộ lòng nhân đạo của Prospero, giúp công vào sự tha tội, và các hành động của Ariel thật là tương phản với việc làm của Caliban, con quỷ với dự mưu ám hại.

Caliban được diễn tả là một sản phẩm của thiên nhiên, giòng dõi của mục phù thủy và tội ác. Bản chất của Caliban là vô lễ, nổi loạn, chỉ bị kiềm chế do pháp thuật. Caliban đã hành động mà không suy nghĩ, không hiểu rõ các sự việc xảy ra và các người chung quanh. Nó tượng trưng cho một đứa trẻ của thiên nhiên, khó giáo dục, hành động như một con vật. Hình ảnh của Caliban có thể là lời bác bỏ ý tưởng cho rằng con người giống như cây cỏ, chỉ có thể phát triển tốt đẹp trong môi trường thiên nhiên.

Miranda là một thiếu nữ mới trưởng thành, ngây thơ, trong trắng, biết vâng lời, chưa từng được biết tới một người nào khác ngoài người cha già. Cô gái này có lòng từ tâm đối với những người đi biển trong cơn bão tố. Do bởi sống nơi cô đơn, Miranda không biết tới cách tán tỉnh của Ferdinand bởi vì cô là con người trong sạch, lương thiện và biết yêu.

Giống như Miranda, Ferdinand cũng lương thiện, tử tế, kính trọng cô bạn gái và biết thương yêu cha. Hoàng tử này đã hứa hôn với Miranda khi tin tưởng rằng người cha đã qua đời trong cơn bão tố, nhưng khi gặp lại cha còn sống, Ferdinand chấp nhận ngay uy quyền của cha và báo tin cho cha rõ về mối tình mới. Ferdinand là một con người

của danh dự, tương xứng với Miranda do nhiều đức tính.

Alonso là vua của xứ Naples, là người chịu trách nhiệm về tội phạm của Antonio bởi vì nếu không có sự thông đồng của nhà vua thì người em Antonio không dám phản nghịch người anh Prospero. Hình ảnh Alonso đau khổ vì không biết tin tức đứa con trai, rồi hối hận về tội phạm đã làm, cho thấy nhà vua này là người tốt và chính đáng.

Antonio là con người bị thúc đẩy do tham vọng. Dù cho run sợ trước các pháp thuật, Antonio chưa tỏ ra đủ hối hận về hành vi tội phạm trước kia.

Vở bi hài kịch “*Bão Tố*” lại được trình diễn vào năm 1613 nhân dịp lễ cưới của công chúa Elizabeth, con gái của Vua James I. Trong vở kịch này, tác giả cũng nhắc tới con gái vua Alonso kết hôn cùng vua xứ Tunis dù cho sự thành hôn ở ngoài ý muốn của công chúa. Vào thời đại của Shakespeare, các đám cưới vương giả thường do nhiều mưu tính chính trị nhưng đối với Miranda và Ferdinand, cuộc hôn nhân này phản ảnh sự ngây thơ của hai nhân vật, họ thuộc vào một thế giới mới, can đảm, và tác giả Shakespeare đã không dùng phụ nữ vào các kế ước chính trị.

Các vấn đề xã hội thường được các nhà soạn kịch đưa lên sân khấu bởi vì đây là một tiểu vũ trụ, một thứ hình ảnh của vũ trụ rộng lớn hơn, và sân khấu là nơi mô tả sự liên lạc giữa các người dân và nhà vua, giữa con người và Thượng Đế. Vở bi hài kịch “*Bão Tố*” còn là một trong các đại tác phẩm mà Đại Văn Hào Shakespeare viết ra để từ biệt sân khấu./.

PHẠM VĂN TUẤN
(Virginia)

CHIỀU SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Hạnh Phúc & Đau Khổ

Trong Âm Nhạc Và Văn Chương Việt Nam

Buổi sinh hoạt Chiều Văn Học Nghệ Thuật của Câu Lạc Bộ Văn Hoá Việt Nam Paris được tổ chức vào ngày 03-04-2011 tại Montrouge. Ngoài việc ra mắt CD Tình Khúc Tha Hương còn có đề tài nói về Hạnh Phúc và Đau Khổ trong âm nhạc và văn chương Việt Nam. Với không khí một buổi chiều xuân đậm ấm, nơi đây hiện diện đông đủ những khuôn mặt trí thức văn nghệ sĩ quen thuộc.

Chương trình bắt đầu vào khoảng 3 giờ được chia làm hai phần. Trước hết ra mắt CD Tình Khúc Tha Hương, sau đó cùng nhau thảo luận về Hạnh Phúc & Đau Khổ trong âm nhạc và văn chương Việt Nam. MC Thúy Hằng và MC Trần Hải Yến giới thiệu Bác sĩ Phan Khắc Tường là Chủ tịch Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris, ngõ đôi lời cảm tạ quan khách đã bỏ thì giờ quý báu để đến tham dự: « *Cứ nhìn vào âm nhạc và văn hóa của một nước ta sẽ biết đến tâm tư của người dân đó như thế nào. Người dân Việt Nam chúng ta trải qua nhiều đau khổ vì chiến tranh xảy ra triền miên. Có nhiều người Pháp hỏi tại sao nhạc của các anh nghe như tiếng khóc? Cũng bởi vì người dân chúng ta đang đau khổ. Nay đến đất Pháp được hít thở không khí tự do, chúng ta có những dòng nhạc mới cũng là những dòng nhạc tha hương, đau khổ của các tác giả mà chút nữa đây các bạn sẽ được nghe những bài ca ly hương cũng là một niềm đau thì tôi nghĩ đề tài Hạnh Phúc và Đau Khổ trong âm nhạc và văn chương Việt Nam là điều rất hữu ích để chúng ta phân tích.* »

Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên trước khi giới thiệu CD Tình Khúc Tha Hương đã dành vài phút để tưởng niệm đến Nhạc sĩ Đan Trường là một nhạc sĩ tiền chiến đã vĩnh viễn ra đi vào đầu

năm 2011. Tác giả nhạc phẩm nổi tiếng « Trách Người Đi » không ai mà không biết đến.

Và với bao nỗi cảm xúc bùi ngùi khi nhớ đến những giây phút đầu tiên cho đến khi hình thành CD là một tình khúc trong đó được lựa chọn 4 bài mỗi người của các tác giả: Đỗ Bình, Phạm Đình Liên, Lê Mộng Nguyên. Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên cho biết: « *Chiều Trên Sông Seine, với giọng ca của Tấn Đạt, hòa âm phối khí của David Đông và Đình Bá Dzu thật lãng mạn: Chiều tà uơm nắng tơ thu về soi bóng sông Seine lững lờ. Chuyen tình như áng mây theo cánh chim xưa em về phương nao ?. Thu Cầm, với giọng hát Ánh Tuyết, hòa âm Quốc Lâm và Ngọc Thế: Chiều thu nơi viễn xứ, tâm hồn ta héo hon, nhìn lá úa rơi đầy lòng sao vấn vương ? Hay ta buồn cho kiếp đời ly hương? Ta như chiếc lá, gió cuốn bay, bay về đâu?- Xin trả lời về cố quốc vì anh viết tha thiết : « Trong tia nắng ấm thoảng lung linh niềm đau làm hồn ta chợt nhớ thương quê nhà ». Song Đỗ Bình cũng như một phân trí thức hiếm hoi ở Paris trung thành với giao ước đã mượn lời Victor Hugo: « Tôi sẽ chia sẻ đến tận cùng cái kiếp lưu vong của tự do. Ngày nào tự do được hồi phục, ngày ấy tôi sẽ trở lại quê hương ». (Quand la liberté rentrera, je rentrerai)...Viễn xứ mây chiều vương dáng mẹ, mắt buồn u uẩn mấy hàng tre. Tuyết rơi tê tái hồn vong quốc, mẹ xá cho con tội muộn về. Trích tập thơ Bóng Quê của nhà thi nhạc sĩ. Một Thoảng Paris do Hương Giang ca, Phó Khuya do Xuân Phú diễn đạt, cả hai được hòa âm phối khí của David Đông đều rất thơ mộng xứng đáng với một nhà thơ và cũng là một nhạc sĩ có biệt tài.* »

Năm 1957 sáng tác tại Paris bài ca đầu tiên « Hẹn Một Ngày Về » để tặng người vợ tương

lai, được ra mắt trong CD Việt Nam Mến Yêu 1, ngày 12-06-2004, bài này do chính phu nhân Minh Cẩm hát, nên sau khi về hưu từ năm 2000, Giáo sư Phạm Đình Liên đã dành hết thì giờ cho âm nhạc. Như Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên đã nói: « *Phạm Đình Liên từ đạo ấy đã bỏ dạng nhà khoa học để bắt đầu ôm mộng trở thành một nhà soạn nhạc, đi sâu vào tình yêu với tình cảm nhẹ nhàng những lời thơ rất đẹp, qua các bài : « Thu » của nhà thơ Quỳnh Liên, « Thương » thơ Phạm Quang Minh (tác giả Hoạn Nạn Ca), « Thu Tình Thương » của Phương Du và bài « Vương Vấn » để thương tặng Minh Cẩm, người vợ hiền yêu dấu. Từ nhạc sĩ của tình thương đến nhạc sĩ của tình yêu vợ chồng, Phạm Đình Liên đã làm cho nhiều kẻ tha hương rung động buồn vui tùy theo hoàn cảnh mỗi người: Em dẫu xa em quá đi nhưng vẫn thấy em quan mình rồi vương vấn biết bao tình...»*

Nhạc phẩm Trăng Mờ Bên Suối, hòa âm của nhạc sĩ Trúc Hồ với giọng ca nhẹ nhàng của nữ danh ca Thanh Trúc được đánh giá là một nhạc phẩm bất hủ vượt thời gian không gian, từ trong nước ra hải ngoại còn lưu truyền mãi đến hôm nay, kể đến là các nhạc phẩm Xuân Về Nhớ Mãi Quê Hương, Quê Tôi, Bến Đồi Không Ước Hẹn: « *Bóng chiều ngày xưa theo làn gió, non nước ngậm ngùi vương trong chiều mơ. Bến đò ơ thờ đợi ai đây? Đợi người đi phiêu bạt bến xuân say. Xé tà đời ta không định hướng...»*. Cho thấy các tác phẩm trong CD Tình Khúc Tha Hương của cả ba tác giả, đều có chung một nỗi ưu tư khắc khoải của những người Việt Nam tuy sống xa quê hương nhưng vẫn luôn luôn hướng về quê cũ với lòng thương nhớ không nguôi.

Rượu sâm banh được khai ra mời nhau chúc mừng vui vẻ, chúc mừng một tác phẩm được hình thành. Ra mắt một tác phẩm là một việc rất khó nhất là những tác phẩm về nghệ thuật, được lựa chọn từ những giọng hát, hòa âm và phối khí thích hợp với tác phẩm của mình. Do đó nhà thơ Đỗ Bình phát biểu:

« *những tác phẩm ra mắt được sự hiện diện của những khuôn mặt nổi tiếng giá trị của Paris hôm nay quả thật là một điều vinh hạnh* ». Trong không khí đầy ắp thân tình đó, mọi người như trẻ lại cùng Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên đồng ca bài «Việt Nam Thắm Tươi: Đây là bài hát mà Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên viết dành cho Hội Y Sĩ Tự Do Quốc Tế. Nhà thơ Đỗ Bình bồi hồi nhớ lại những người bạn đã từng cộng tác như danh ca Thanh Hùng, Giáo sư Bùi Sỹ Thành nay đã không còn nữa để lại nhiều kỷ niệm luyến tiếc.

Bước vào phần thứ hai trong chương trình là một đề tài nói về Hạnh Phúc và Đau Khổ. Thế nào là Hạnh Phúc ? Thế nào là Đau Khổ ? Nguyên nhân nào đưa đến Hạnh Phúc và Đau Khổ ? Ai trong đời không một lần không biết tới Đau Khổ và Hạnh Phúc ? Đây là một đề tài từ ngàn xưa đến nay vẫn chưa có giải đáp toàn mỹ. Buổi thảo luận trong bầu không khí thân mật, hài hòa cởi mở. Mỗi người có một cảm nhận khác nhau: Có người nghĩ về âm nhạc, lấy âm nhạc diễn giải, có người nghĩ về văn chương, lấy văn chương làm thí dụ.

Mở đầu Nhà thơ Đỗ Bình nói qua về quan niệm đau khổ của Tây phương, ông trích câu của P. Syrus trong danh ngôn thế giới:

« *Đau khổ và sung sướng như ánh sáng và bóng tối, cái này nối tiếp cái kia* ».

Sau đó ông chuyển sang văn chương Việt Nam trích đọc câu thơ trong thi tập Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn và Bà Đoàn Thị Điểm:

« *Mượn hoa mượn rượu giải phiền,
Sầu làm rượu nhạt, mượn làm hoa ôi* »

Nhà thơ Đỗ Bình đặt câu hỏi : « Tại sao ít nói về Hạnh Phúc mà chỉ nói về Đau Khổ ? ». Nhà thơ Phương Du đưa ra sự đau khổ trong truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du: « *Qua tác phẩm Kim Vân Kiều, Nguyễn Du đã tỏ ra là một thi hào lỗi lạc về văn chương và tư tưởng, tác giả cho độc giả biết đến 3 triết lý nói về **đau khổ, tình thương** và **đạo trời**. Trong triết lý về đau khổ, Lão giáo cho là **tiên định**, Khổng giáo*

cho là **thiên mệnh**, Phật giáo cho là **ngiệp chương**, ngoài ra còn một nguyên nhân nói về đau khổ là **lòng người**.

Tình thương là đức tính cao quý nhất trong các việc lành. Chúa Kitô đã nói: « Tình thương cao đẹp nhất là sự hy sinh thân xác cho người mình yêu ». Thủy Kiều đã làm tròn chữ hiếu với cha mẹ bằng sự bán mình, tỏ ra luôn luôn thương nhớ cha mẹ:

Xót thay huyền cõi xuân già,

Tắm lòng thương nhớ biết là có người

Sau khi Từ Hải tử trận vì nghe lời mình,

Thủy Kiều đã tỏ lòng thương xót:

Giết chồng rồi lại lấy chồng,

Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời.

Thôi thì một thác cho rồi,

Tắm lòng phó mặc trên trời dưới sông»...

Bà Ts Thu Hương, phu nhân Nhà văn Từ Trì góp ý kiến: « Những người lính đi đánh trận, họ có thể, chết lúc nào không biết. Cái hạnh phúc mà họ phải chịu đựng, cực khổ trong suốt những ngày tháng nơi chiến trường, là cái hạnh phúc vượt qua những nỗi ưu tư của chính họ. Nỗi ưu tư chỉ để dành cho tình yêu, tình thương nhân loại. Hay một người lam lũ, chịu khổ sở làm ăn chỉ vì hy sinh cho chồng con được hưởng, có người nhìn bà cực nhọc suốt ngày không để ý gì đến mình nhưng bà nhìn thấy mình đang hạnh phúc ».

Giáo sư Trịnh Khải tiếp lời: « Nói về Hạnh Phúc, ta nói đến ba điều: văn chương, tín ngưỡng và tâm lý học. Lấy ví dụ trong tiếng Pháp: Gloire à Dieu au plus haut des cieux, et paix sur la terre aux hommes qu'il aime, thì không đâu sâu sắc cho bằng trong tiếng Việt được dịch ra từ tiếng Pháp: Vinh danh Thiên Chúa trên trời, và bình an dưới thế cho người thiện tâm. Chữ An này do An Lạc mà ra. Bình An tức là sống trong hòa bình, chết được bình an, tất cả ai cũng mong được như vậy. Nhưng chữ Lạc gốc do bên đạo Phật nếu nói đi đến Niết Bàn là Cực Lạc thì An Lạc cũng là nói đến Hạnh Phúc rất quan trọng nếu dùng hai chữ đó. Dùng chữ thứ ba là Thiện Tâm nếu nói theo

Không Tử: Nhân chi sơ tính bản thiện. Đối với người Á châu nhất là bên đạo Phật, tất cả những tính cách đạt thiện đó đều có trong người và đạo Phật cũng như Thiên Chúa giáo, nếu chúng ta khai thác được chúng ta sẽ trở nên những người thiện tâm. TẮM lúc nào cũng chỉ làm việc thiện thôi không bao giờ nghĩ đến hại người khác. Cho nên khi Đức Chúa nói đến câu: Aimez vous les uns les autres, chúng ta phải hiểu chữ Amour đó là một « grand A », không phải giữa hai người hay ba người với nhau mà bao trùm hết cả. Thật là hay vô cùng vì hai chữ Thiện Tâm, chúng ta suy nghĩ kỹ sẽ bước từ giai đoạn văn chương tiến đến giai đoạn tín ngưỡng, đi sâu chút nữa sẽ đi vào thế giới triết lý, siêu hình học (philosophique, métaphysique)...». Đến đây tất cả cùng ngừng vài phút để gọi là « giải lao », dùng trà bánh rồi tiếp tục chương trình với giọng hát của Phan Hải Yến do nhạc sĩ Minh Mạch dạo đàn bài Trăng Mờ Bên Suối, nghệ sĩ Thủy Hằng sau đó trình bày nhạc phẩm Chiều Trên Sông Seine với ngón đàn tuyệt vời của Thi nhạc sĩ Đỗ Bình.

MC Trần Hải Yến đưa ra câu ca dao nói về những nỗi đau khổ, nhưng phải chấp nhận để được hạnh phúc của phụ nữ. Có cảnh khổ nào cho bằng cảnh khổ của một người vợ suốt đời tận tụy hy sinh cho chồng con. Ts Phan Hải Yến phụ họa theo:

« Gió đưa bụi chuối sau hè,

Anh mê vợ bé bỏ bè con thơ

Con thơ tay ấm tay bông

Tay dặt mẹ chồng đầu đội thúng bông”.

Không khí trở nên vui nhộn hào hứng. Mỗi người một ý kiến, làm cho tâm hồn trở nên tươi trẻ lại. Nhà thần học Ts Nguyễn Tấn Phước cho rằng: « Đau khổ là do -muốn- mà ra, Thiên Chúa giáo tìm ra gốc của việc đó là tội tổ tông ghi trong sách Sáng Thế ký, ông Adong và bà Evà phạm tội bất phục tùng nên mang họa cho nhân loại. Vậy căn nguyên của đau khổ là do tội lỗi. Đối với người Công giáo, đau khổ là cùng hiệp nhất với sự đau khổ của Chúa Kitô, khi sự đau khổ được thông cảm chia sẻ với

đáng tới cao thì đau khổ của con người sẽ nhẹ bớt đi ». Nói theo Phật giáo và Thiên Chúa giáo là như thế, còn nói theo đời thì : « *Người có Hạnh Phúc là người đã được gì mình muốn và muốn gì mình có* ». Đó là cách nói khôi hài duyên dáng của Họa sĩ Nguyễn Đức Tăng sau khi ngâm hai câu thơ của TTKH :

« *Bao nhiêu đau khổ của trần gian,
Trời đã dành riêng để tặng nàng* »

Liên tiếp theo bằng tiểu sử của Nhạc sĩ Lê Uyên Phương để cho thấy rằng cuộc tình của Lê Uyên Phương là cuộc tình đau khổ đầy nước mắt được thể hiện qua các tình khúc... trong các tuyển tập Khi Loài Thú Xa Nhau (1967-1969) ; Yêu Nhau Khi Còn Thơ (1960-1967)...

Buổi sinh hoạt hôm nay ngoài những khuôn mặt trí thức quen thuộc trong giới Văn Hóa Việt Nam Paris, trong đó có sự tham dự lần đầu tiên của nhà nghiên cứu văn học Marc Hoàng, con học giả Hoàng Minh Tuynh, sang Pháp du học năm 1964 ở thể kỷ trước, cho biết cảm tưởng của mình: « *Nhận thấy rằng qua nhạc và thơ, người ta nói lên những nỗi niềm đau khổ, nhất là sự xa cách nhớ quê hương. Được gặp gỡ các bạn nơi đây thật là một hạnh phúc tuyệt vời gây cho tôi một niềm hy vọng. Tôi không nghĩ rằng tôi đã mất, Việt Nam vẫn còn đó. Các anh chị là những người bằng cách này hay cách khác qua bao gian nan của cuộc đời, di cư, vượt biên, định cư... tới hôm nay vẫn có những cuộc trao đổi rất thân tình hết sức Việt Nam. Tất cả những tâm tình đó tôi rất quý, nếu chúng ta còn thích thơ văn, yêu truyện Kiều, thích ca dao, còn nghĩ tới công lao của các vị tiền bối như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du... thì dù ở trong hoàn cảnh nào đi nữa chúng ta vẫn là người Việt Nam rất hãnh diện và hạnh phúc* ». Với chủ đề Hạnh Phúc và Đau Khổ trong âm nhạc và văn chương Việt Nam, một đề tài rộng lớn được đem ra phân tích trong một thời gian quá hạn hẹp, càng đi sâu vào chi tiết càng thêm sôi nổi hào hứng, có biết bao nhiêu điều để nói vẫn thấy chưa đầy đủ, nhất là được trao đổi trong không khí thân mật cởi mở, mọi người cảm thấy

gần gũi với nhau hơn. Tác giả bài thơ phổ nhạc « Thu », nhà thơ Quỳnh Liên đã ngỡ lời cảm ơn tất cả các anh chị trong ban tổ chức : « *Đều là những nhà văn nghệ sĩ, các anh đã sáng tác thơ, nhạc, bỏ rất nhiều công phu trên con đường văn hóa, có một tấm lòng rất cao quý, nhân hậu trải rộng giữa không gian, để tiếp đón những người bạn Việt Nam của chúng ta đang sống trong cảnh tha phương* ».

Để kết luận, trước khi chia tay nhà thơ Phương Du nhắn nhủ thêm: « *Theo Khổng tử, sinh ký tử quy, đời này là tạm bợ, đời sau là vĩnh cửu. Tại sao lại tìm Hạnh Phúc trong đời tạm bợ này ? Chiến tranh gây ra thảm họa nhiều nhất trên thế giới, chỉ có tình thương quan trọng nhất và nhất là Hạnh Phúc, làm thế nào tìm được Hạnh Phúc ? Đã có những vị triết gia lỗi lạc như Đức Chúa, Đức Phật dạy chúng ta có hai con đường đi đến hạnh phúc vĩnh cửu. Theo Đức Phật muốn đi vào ngõ Hạnh Phúc Vĩnh Cửu của cõi Niết Bàn phải diệt khổ, muốn diệt khổ phải cảm sát sanh, bỏ dục tình, cả hai điều này tuy rằng rất khó. Con đường thứ hai Đức Chúa dạy ta thương yêu nhau thôi, nếu phạm tội ghét người này đánh lừa người khác, muốn vào nước Thiên Đàng hãy thật lòng hạ mình xin lỗi Chúa, sẽ được Chúa thứ tha. Chứng cứ là khi bị đóng đinh trên thập giá, người tù bên trái trách Chúa sao làm gì cũng được mà không tự cứu mình đi. Người tù bên phải nói với người kia, không được trách Chúa vì đã phạm phải nhiều tội lỗi quá chết cũng xứng đáng, Chúa Kitô gặp nhiều hoạn nạn cũng phải chịu tội chết và người ấy xin Chúa về sau ở nước Thiên Đàng hãy thương xót đến con. Người tù bên phải được Chúa trả lời : « *Hôm nay ta sẽ cho người vào nước Thiên Đàng với ta* ». Đó là chỉ cần xin lỗi Chúa, con đường ấy rất dễ.*

Chương trình chấm dứt vào khoảng 7 giờ chiều.

NGUYỄN MÂY THU
(Paris)

NHỮNG TRANG NHẬT KÝ NGÀY XƯA

TÔN NỮ MẶC GIAO

Sài Gòn ngày 30 tháng 4 năm 1975....
Bầu trời xám ngoét, phủ một màu
thê lương tang tóc. Mưa lất phất bay làm
không gian thêm náo nùng, căng thẳng. Mọi
người như đang nín thở, hồi hộp, chờ đợi một
cái gì đó, chắc chắn là lành ít dữ nhiều khi
nghe tiếng của Tổng Thống Dương Văn Minh
tuyên bố trên đài phát thanh : "... buông súng,
đầu hàng vô điều kiện..." rồi thôi, tịt ngóm,
không nói thêm được một tiếng nào nữa. Bố
tôi mở cổng ngõ sang dinh của ông tướng VTC
thì thấy xe của ông không biết ở đâu chạy về
đang từ từ lái vào trong sân nhà ông, trên xe
còn nhìn thấy ông và vợ con, cánh cổng sắt
đóng sập lại một cách nặng nề không thấy gì
nữa. Bố tôi quay vào nhà nói như khóc: ngay
cả ông tướng VTC mà cũng bị kẹt lại thì nói
chi đến nhà mình. Tôi ngã người nằm xuống
trong chán chường, mệt mỏi giữa tiếng khóc
nức nở của bố mẹ tôi vì quá tuyệt vọng khi đã
chạy từ ngoài Bắc vào Nam mà vẫn không
thoát. Ngoài kia súng nổ giòn tan như pháo Tết,
chỉ khác là khi nghe pháo Tết, lòng người ta
rộn ràng, vui sướng, hân hoan chào đón, hy
vọng vào những ngày năm mới sắp đến. Còn
súng nổ giòn tan bây giờ như đe dọa, như áp
đảo tinh thần, như báo trước cho mọi người
biết vận nước đã đổi xoay chiều, miền Nam sẽ
không còn được những ngày nắng ấm tự do
nữa, tôi thiếp đi trong mệt nhọc, hỗn loạn giữa
những giằng co trong thần thức: bình tĩnh...

bình tĩnh... sống thì khó chứ chết thì dễ ợt, chỉ
một viên thuốc là xong và tôi chìm dần vào
trong giấc ngủ nặng nhọc....

Tôi tỉnh dậy giữa bóng tối đầy đặc không
thấy gì, cổ họng tôi khô và chất đắng. Tôi bắt
giác nghe thềm một ngụm nước mát, tôi ngồi
dậy, lần mò tìm công tắc đèn để bật nhưng
không có điện. Chuyện gì đã xảy ra? tại sao
lại cúp điện ngang xương như vậy? Tôi nghe
loáng thoáng tiếng bố tôi than phiền ở dưới
nhà là ban sáng sau khi nghe lệnh đầu hàng
của "Tổng Thống" xong, "lính mình" đã phần
uất nên còn bao nhiêu đạn "nã" hết lên trời,
đã bắn trúng dây điện đường nhà tôi cho nên
cả xóm tối hù. Nghe vậy, tôi lại nằm xuống
chả buồn tìm nến để thắp, chả cần tìm nước để
uống. Cuộc đời mình rồi đây chắc cũng như
người mù lần trong đêm tối, tôi bó gối âm
thầm ngồi khóc một mình. Tôi không biết tại
sao mình lại đau khổ đến như vậy? Hay tại tôi
nhạy cảm quá cho nên dễ buồn dễ khóc? Tôi
chỉ là một đứa con gái ngoài hai mươi tuổi,
chưa chồng chưa con, tình yêu thì đã trôi xa,
những mối tình "lụn vụn" cũng theo "vết lằn
vết lằn trầm..." không đáng kể. Giờ phút này
còn lòng dạ nào mà nghĩ đến tình yêu trong
khi "nước mất là mất tất cả". Ôi! quê hương
tôi, đất nước tôi sao lăm truân chiến, không
biết từ bao giờ, chỉ biết từ khi tôi mở mắt chào
đời đến nay, quê hương không một ngày ngưng
tiếng súng. Bây giờ "hòa bình" đến (?) tôi thấy
lòng hoang mang, ngơ ngác và lo sợ thật sự.
Bởi đầu óc còn đầy ắp những tài liệu đã đọc
được về cộng sản, những tin tức phóng sự

chiến trường còn nóng hổi của những ngày hỗn loạn tháng tư này. Nếu quả thật cộng sản “ngon lành” như câu “không có gì quý hơn độc lập tự do” thì tại sao họ tràn vào đến đâu, dân chúng co giò chạy đến đấy? Và nếu Bộ tôi không vì đã “được” ném sơ mùi cộng sản ở quê nhà ngoài Bắc trước năm 1954 thì tội gì cụ lại bỏ cả gia sản sự nghiệp mồ hôi nước mắt tạo dựng nên để ra Hà Nội lập nghiệp rồi cuối cùng cũng phải trắng tay bồng bế nhau vào Nam sinh sống? Ôi! những ngày mai của tôi, của gia đình và của tất cả mọi người dân miền Nam rồi sẽ ra sao?

Ngày 1 tháng 5, 1975.

Bình minh ló dạng qua khung cửa sổ, một ngày sống với cộng sản đã trôi qua, tôi xuống nhà theo tiếng bố tôi gọi: “Kìa con! họ kêu gọi ai thuộc diện công nhân viên nhà nước thì hãy mau đến cơ quan đi trình diện kìa con!”. Tôi lồm lũi làm sơ vệ sinh cá nhân xong, thay quần áo rồi đi bộ ra bến xe buýt để đến sở trình diện xem mặt mũi “Việt cộng” ra sao? Và cũng nóng lòng muốn biết bạn bè ai còn, ai mất, ai tốt số may mắn đã thoát đi được? Trên suốt dọc đường số 1 của cư xá đô thành dẫn ra đến đường Phan Thanh Giản kéo dài xuống đường Cao Thắng, tôi thấy không biết bao nhiêu là “đống rác”. Nhưng đó không phải là những đống rác thường ngày mà là “di tích” sự sụp đổ của một chế độ, một quốc gia. Miền Nam Việt Nam của tôi đó! Còn đâu những bộ áo trận kiêu hùng của biết bao nhiêu binh chủng với những người lính hiên ngang không sợ chết, ngẩng mặt, ngược cao đầu sẵn sàng hy sinh để bảo vệ tổ quốc. Giờ còn đâu nữa màu cờ chính nghĩa phát phới, ngạo nghễ bay dưới trời tự do, tôi mở xách tay lấy cặp mắt kiếng đen đeo vào mắt để che dấu sự xúc động đang dâng trào không làm sao ngăn được khi nhìn thấy đống “di tích” giờ nằm yên như những nắm mồ vô chủ, và trong những “nắm mồ” đó, ngoài những bộ áo trận nhà binh kiêu hùng

của đủ mọi binh chủng ra, tôi biết chắc chắn rằng, có không nhiều thì cũng là một lá cờ vàng ba sọc đỏ nằm lẫn lộn, nhàu nát ở bên trong hoặc là phủ lên trên như những chiếc quan tài trở về từ chiến trường ở nghĩa trang quân đội được “Tổ Quốc ghi ơn”, mà tôi đã từng hơn một lần chứng kiến đưa tiễn người thân về lòng đất mẹ. Ngày đó tuy có đau lòng vì mất người thân nhưng vẫn thấy trong lòng hãnh diện, người thân đã được hy sinh cho màu cờ chính nghĩa quốc gia. Còn bây giờ? Mẹ Việt Nam ơi! Tổ quốc có còn không? Chính nghĩa có còn không? Sao lại sụp đổ như vậy? Tôi là đứa con gái ghét nhất là chính trị nên chả bao giờ chịu theo dõi và tìm hiểu, vậy mà giờ đây tôi vẫn không cầm được nước mắt khi nhìn thấy quê hương tan tác, màu cờ rũ rưng. Thương cho những người lính miền Nam phải buông súng bắt đấng dĩ vì sự sụp đổ quá bất ngờ của đất nước. Trời ơi! nỗi đau của họ thuộc nào mà đo cho được? Rồi đây liệu họ có tránh được sự trả thù của tập đoàn cộng sản Bắc Việt không?

Sở tôi nằm trên đường Ngô Đức Kế, quận nhất, tên là “Trung tâm điện biến dữ kiện” (TTĐBDK). Thật là tức cười và tiểu lâm vô cùng, trong khi nhân viên hầu như kẹt lại toàn bộ thì ông Tổng giám đốc của chúng tôi và chị lao công lại thoát được. Chị lao công ngoài giờ làm cho sở chúng tôi ra lại còn có nghề làm bánh ngọt cho một công ty Mỹ nào đó, có lẽ vì vậy mà chị được Mỹ cho đi chẳng? Còn ông Tổng giám đốc thì chúng tôi không biết ổng “dợt” bằng cách nào? Cũng có thể ổng quen lớn thì thiếu gì đường đi. Chúng tôi gặp lại nhau mừng mừng tủi tủi, tuy chỉ mới cách nhau có mấy ngày mà cảm tưởng như đã từng bị cách xa nhau từ kiếp nào. Miệng không nói ra nhưng nhìn ánh mắt người nào người nấy, chúng tôi thương cảm vô cùng, mình là “phe ta” mà ỉ! Tên cán bộ tiếp thu trung tâm của chúng tôi, gọi cán bộ cho oai chứ thực ra chỉ là

một tên ngố từ rừng về thành phố. Mặt mày xanh lét, mặc bộ đồ kaki màu lá rừng bám đầy bụi đất, chân mang dép râu, lấm la lấm lét, rụt rè đi vào sở tôi lí nhí hỏi có ai chạy theo “Mỹ ngụy” không? Chúng tôi cũng thật tình trả lời là có hai người “đánh” Mỹ quá đà đuổi theo ra đến tận hải phận quốc tế rồi luôn xuống hạm đội “bị” Mỹ bắt đi rồi. Đó là Tổng giám đốc của trung tâm và một chị lao công. Tên cán ngố chả biết học hành đến đâu mà cũng biết dương cặp mắt vàng ửng màu sốt rét rừng ra ngạc nhiên hỏi: “Tại sao lạ vậy? Tại sao ông Giám Đốc mà lại đi với bà lao công?”. Chúng tôi chả ai buồn trả lời, hỏi chi mà “lạ” rứa? ngu thấy mẹ! chẳng lẽ “nó” nghĩ ông Giám Đốc “bồ” với bà lao công chặc? Đời nào, ông Giám Đốc thì bảnh bao, còn trẻ, đẹp trai mà bà lao công thì nhà quê, già chát, chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên mà thôi! Tôi nghĩ thầm trong bụng: họ đi được bằng cách nào can chi mà “cán ngố” thắc mắc, nếu không vì lão cáo già họ Hồ nhà các người thì làm gì có cảnh nước mất nhà tan, gia đình ly tán như thế này? (xin lỗi vì ức quá nên phát ngôn hơi hỗn).

Ngày... tháng... năm 1975.

Buổi tối bật tivi lên coi, tôi buồn muốn khóc. Trời ơi! miền Nam Việt Nam của tôi ơi sao giờ xa lạ với những con người phục sức xưa như trái đất. Con mẹ kia! Con mẹ đang đọc tin tức “nhảm nhí” kia! Mẹ đọc tin tức cho dân nghe chứ có phải mẹ xung phong ra trận đâu mà sao tiếng nói mẹ kinh thế? Tuy là đàn bà, tóc đã được chải bởi gọng ghê, chẻ lệch hất sang một bên và “búi tóc” xề xề bỏ lửng đằng sau lưng kiểu phụ nữ Hà Nội 54 ngày xưa, mặc áo dài trắng cổ cao cũng xưa lác thời 54, vẫn không dấu được nét khắc khổ, lạnh lùng đầy sát khí với một giọng đọc the thé bằng tiếng miền Nam nhưng sao chẳng ngọt lịm một chút nào hết mà nghe ê cả răng, lạnh cả mình. Thì ra “giải phóng” là như thế đó! Là biến đổi

con người thành khô khan tàn nhẫn, ngay cả tiếng nói cũng bị ảnh hưởng, là giậm chân tại chỗ rồi đi giậm lùi. Bao nhiêu năm cầm quyền miền Bắc, cộng sản chẳng mang cơm no áo ấm lại cho toàn dân mà đã dẫn dắt cả nước đi lần về thời đồ đá, ăn lông ở lỗ. Bố tôi nói Hà Nội 54 như thế nào, và dân chúng ăn mặc ra sao thì bây giờ xem tivi thấy vẫn y vậy, mà có phần còn nghèo nàn xơ xác hơn xưa vì chả có tu sửa gì cả.

Ngày... tháng... năm 1975.

Hôm nay là cuối tuần đầu tiên sau ngày “giải phóng” cho nên vẫn còn hỗn quân hỗn quan lắm! ngoài đường hình như xe cộ đông hơn, ông đi qua bà đi lại như nêm. Tôi xách cái chổi tre mở cửa định quét phía trước mặt tiền nhà tôi cho sạch một chút, nhìn lên phía đầu cổng cư xá, hình như ai giống anh H (người “tình” tìm được giữa chốn IBM ngày xưa mà bây giờ đã thuộc về người đàn bà khác) đang đạp xe đi về hướng nhà tôi. Tôi chống chổi đứng ngó lên chờ đợi, khi tầm nhìn đã được rõ ràng là anh đang đạp xe đi về hướng tôi. Tôi thật như người nằm mơ, lòng tôi rộn ràng vui sướng nhưng ánh mắt không dám biểu lộ vì bây giờ đã khác xưa, anh không phải là của tôi. Lòng tôi vui sướng, cảm động thì đúng hơn bởi gặp lại được một người bạn của “chế độ cũ”, dù gì cũng được thông cảm và an tâm hơn chứ thực tình lúc đó tôi không có ý tưởng gì khác.

H chắc có lẽ cũng vui mừng khi gặp lại tôi (chả biết có đúng không?) tôi thấy anh cười tươi rói dắt chiếc xe đạp vào trong sân nhà tôi, tôi theo sau lưng anh hỏi:

- Ủa! sao còn ở đây? Tưởng IBM rước mấy anh đi hết rồi chứ? Bà xã anh đâu? Sao đi một mình vậy?

H dựng xe đạp xong, vừa cười vừa khoát tay nói:

- Bà đi rồi.

Tôi cười nghĩ anh nói đùa nên cũng láu táu:

- Vào đây! Vào đây! Vào nhà kể chuyện cho G nghe, rầu quá anh H ơi!

H theo tôi vào nhà, cả nhà tôi đổ xô ra vây lấy anh. Mừng cũng có mà ngạc nhiên cũng có, mỗi người mỗi câu khiến H không làm sao mà trả lời kịp. Sau khi đã thỏa mãn tò mò lý do tại sao H bị kẹt lại, mọi người rút vào nhà trong hết chỉ còn mình tôi với H nơi phòng khách. H nhìn tôi nói nhỏ:

- Ê! Nói thật nhé! Bà xã anh đi thật rồi chứ không phải nói giỡn đâu. Trong khi anh chạy đi tìm đường thì ở bên nhà vợ anh có đường đây nên bà theo ông già vợ đi rồi. Bây giờ nhà chỉ còn một mình anh ở.

Tôi chưng hửng không biết nên buồn hay vui giùm cho H. Gia đình cha mẹ H cũng đi, gia đình vợ H cũng đi mà chỉ một mình anh kẹt lại thì quả số anh là số... “nghèo” thật rồi (sống với cộng sản thì nghèo là cái chắc). Thật là một cuộc bể dâu, một sự đổi đời quá lớn làm chia cách không biết bao nhiêu gia đình mà còn làm xáo trộn cả nếp sống sinh hoạt của toàn dân miền Nam không biết rồi đây sẽ ra sao?

Ngày... tháng... năm 1975.

Những chuỗi ngày sau này tôi không còn biết đến ngày tháng năm là gì nữa.

Ngày nào cũng đến sở trình diện học tập chính trị (là môn tôi ghét nhất). Họ gọi chúng tôi là “chuyên viên kỹ thuật”, máy IBM là tài sản của nhà nước. Bốn phận của chúng tôi là phải “bảo quản” làm tốt tài sản của nhà nước. Nào phải họ tử tế gì đâu, từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ, chắc chả bao giờ thấy được cái máy IBM, cho nên khi vào Nam vợ được mấy cái máy IBM mất cứ sáng rực lên mà “đếch” biết sử dụng nên bắt buộc phải giữ toàn bộ chúng tôi lại để truyền nghề cho họ chứ tốt lành gì. Mà họ “kinh” lắm cơ! Vắt chanh bỏ vỏ như chơi, sau này tôi mới biết tên cán bộ đầu tiên tiếp thu sở tôi chỉ là một tên ở rừng của “mặt trận giải phóng miền Nam”, được xài tạm vì

“chiến thắng” quá bất ngờ ăn bọn họ trở tay không kịp. Sau này họ cử dân “chính quy” từ miền Bắc vào, thế là tên “cán cố” bị ra rìa. Buổi học tập nào cũng khô khan và căng thẳng, họ đọc thao thao bất tuyệt như con vẹt những chủ nghĩa ngoại lai của “Các Mác, Lê Nin” gì đó bằng một cái giọng nghe thấy ghét. Tôi chẳng buồn nghe nên kiếm một chỗ ngồi khuất ở cuối dãy trong góc kẹt để lờ có ngu gục họ không nhìn thấy.

Ngày... tháng... năm 1975.

Một ngày như mọi ngày lại bắt đầu, tôi ớn ớn mà không biết phải làm sao, mấy ngày hôm nay tinh thần tôi xuống dốc thậm tệ, tôi đã bắt đầu ho húng hắng và lúc nào cũng cảm thấy ớn lạnh. Sở tôi bắt đầu có những tên nằm vùng đi tố cáo lập công: chị này có chồng đi Mỹ không khai, anh kia có con là “lính nguy”... v...v... họ gọi chúng tôi là “nguy quyền” mà đã là “Mỹ nguy” thì chỉ có khuyết điểm chứ làm gì có ưu điểm mà rút, về viết lại bài kiểm thảo, nhận lỗi và sửa sai. Rồi họ bắt chúng tôi tự ngồi lại thảo luận với nhau để tự giác tìm ra lỗi mình mà sửa sai, nghĩa là chỉ có “phe ta” với nhau chứ không có họ, trong phe ta có một tên nằm vùng muốn lấy điểm đã hỏi một câu trước mặt cán bộ như thế này nghe có tức không cơ chứ lị:

- Mấy anh, mấy chị thấy chúng ta có thể “học tập” để được “cải tạo” trở thành một con người mới của cách mạng được không?

Mọi người trả lời lấp lửng xuôi theo thời thế:

- Được chứ! nếu chúng ta thấy điều đó (điều đó là điều gì bố ai mà biết được, họ muốn hiểu sao thì hiểu) là sai thì chúng ta phải cố gắng học tập cho tốt để sửa lại cho đúng.

Thế mà hần đã lắc đầu trề môi nói một câu nghe rất là lộn tiết:

- Tôi thấy khó lắm! Vì mình đã sống quen mấy chục năm trong miền Nam từ nhỏ tới lớn rồi làm sao mà tẩy ố được.

Mọi người nhao nhao tức giận:

- Nếu anh không làm được thì chính anh là kẻ “ngoan cố” chứ không phải chúng tôi.

Và rồi hẳn là kẻ bị sa thải ngay đợt đầu tiên chung với một số anh chị Trưởng ca, Chánh sự vụ và vợ cấp tá trở lên. Những người kia tôi thật sự thương và buồn cho họ, riêng hẳn tôi không tiếc một chút nào hết, một kẻ xu thời nịnh hương.

Ngày... tháng... năm 1975.

Ngày hôm nay một chị “bộ đội cái” giảng cho chúng tôi nghe về nguồn gốc của loài người. Chị ta nói loài người trước kia là loài khỉ, nhờ được học tập văn minh lâu ngày cho nên được “cải tạo” trở thành loài người giống như bây giờ. Nghe xong tôi tức mình gơ tay lên vờ ngâm thơ phát biểu một câu thật là ngu ngơ:

- Thưa cán ngổ ủa quên cán bộ (lúc này tôi hay “ùa quên” lắm!) ở ngoài lề đường Hàm Nghi họ bán rất nhiều khỉ con thiệt là dễ thương, em có thể mua về một con để dạy dỗ “cải tạo” nó trở thành con người được không ạ?

Mụ “cán ngổ” liếc tôi bằng con mắt lạnh lùng trả lời:

- Không phải loài khỉ nào cũng có thể trở thành con người được cả, phải khôn ngoan và văn minh gần như loài người mới trở thành người được.

Tôi tức mình nghĩ thầm trong bụng: thế thì chắc mấy anh cán ngổ và mấy chị bộ đội “cái” người cứ tròn trùng trục, chân tay cục mịch, thắt cái đuôi sam tròn ten đặng sau lưng như cái đuôi khỉ kia đích thị là khỉ lên làm người rồi.

Buổi chiều, sau giờ cơm trưa chúng tôi lại ngồi thảo luận với nhau, sau đó viết tờ tự kiểm để trưởng nhóm đem nộp. Lúc này tôi thì mạng cùi rồi chả còn biết sợ là gì, tôi viết tờ tự kiểm như sau:

Tôi rất căm thù “Mỹ nguy”, vì khi bị chúng “kềm kẹp” tôi đứng rất vững, bây giờ “giải phóng” rồi, Mỹ “cút” nguy “nhào” (tiếng của bọn cộng sản) sao chân tôi lỏng lẻo, bao tử đói

đứng không vững. Còn về tinh thần giúp đỡ mọi người như cách mạng dạy thì tôi thật là ích kỷ, cái gì tôi cũng nghĩ đến thân tôi trước. Một khi tôi có được ấm no, dư dật rồi tôi mới nghĩ đến người khác...vv... Các bạn tôi đọc cười quá trời nhưng bác trưởng nhóm già không chịu, bác kêu riêng tôi lên khuyên bảo:

- Cô hãy suy nghĩ cho kỹ, viết như vậy được cái gì? Hả giận à? Hay chước họa vào thân? Thời thế thế thời phải thế, mình làm được cái gì bây giờ? Cô hãy về viết lại cái khác, đừng làm khó tôi tội nghiệp, tôi cũng như cô mà thôi.

Tôi nhìn bác trưởng nhóm già tội nghiệp nên nhận lại tờ tự kiểm nhưng không viết lại tờ khác, chẳng phải tôi cố tình trút giận hay khó dễ gì bác mà vì thiệt tình tôi không biết mình mang tội gì để mà nhận lỗi với sửa sai?

Ngày... tháng... năm 1975.

Hôm nay Chúa Nhật tôi không đi đâu hết, tôi buồn và ho nhiều nhưng vẫn không uống thuốc vì tưởng ho bình thường vài ngày là khỏi thôi. Buổi sáng tôi khạc đờm thấy có lợn cợn máu. Kỳ lạ, cứ ban ngày thì không sao nhưng đêm đến đi ngủ thì tôi ho đến rách cả cổ họng, có lẽ tại vậy nên cổ họng tôi bị chảy máu chẳng? Tôi ngủ không được vì buồn và lo nghĩ lung tung nên ban ngày tôi rất mệt, lúc nào cũng khoác cái áo lạnh đen ngồi lù lù một đống nơi phòng khách. Hết ngồi lại lên lầu nằm, mà nằm xuống nào tôi có ngủ được đâu, lại gác tay lên trán, lại suy nghĩ. Trời ơi! Nếu cứ kéo dài như vậy hoài chắc tôi chết mất. Tôi toan tính đến việc tìm mua thuốc trụ sinh uống nhưng chưa biết phải mua ở đâu vì từ hôm cộng sản chiếm miền Nam đến bây giờ cái gì cũng xáo trộn hết. Tiệm thuốc tây đóng cửa chờ “lệnh mới”, thời rất may bạn của chị nhỏ tôi, là dân học Trưng Vương ngày xưa và đang học luật. “Giải phóng” vào chị đi bán thuốc tây chợ trời lo cho gia đình, ghé nhà tôi chơi thường. Thấy tôi ho hoài không hết chị “kê

toa” và bán luôn cho tôi năm ngày trụ sinh, uống thuốc rồi tôi lại lên lầu nằm vắt tay lên trán suy nghĩ.

Một giờ trưa, tôi đang ngồi buồn thiu ở phòng khách thì H đến chơi. Tuần nào H cũng ghé nhà thăm tôi và rủ tôi đi chơi cho dzui nhưng tôi đang “chán đời” muốn chết nên từ chối. Tuần này cũng vậy, H rủ tôi đi xi nê, tôi vẫn ngồi một đống, khoác chiếc áo lạnh đen, mặt mày râu rí lắc đầu từ chối:

- Xi nê Việt cộng chán chết! Coi cái gì?

H nhìn tôi một lúc rồi ân cần nhỏ nhẹ nói:

- Anh nghĩ là G nên đi ra ngoài thay đổi không khí cho nó khỏe, không cứ gì phải đi với anh, đi với bạn b hay với chị em trong nhà cũng được, không nên ngồi một chỗ mà nghiền ngẫm như vậy có hại cho sức khỏe.

Tôi trả lời như cái máy:

- Đi đâu bây giờ?

- Đi đâu cũng được, miễn là đi ra ngoài, xem xi nê chẳng hạn, xem cho biết xi nê của xã hội chủ nghĩa, chứ ngồi một chỗ mà suy nghĩ, chết được đấy!

Tôi suy nghĩ một lát rồi nhận lời H đi xi nê, chúng tôi đón xe buýt đến chợ cũ rồi leo xuống đi bộ dọc theo đại lộ Nguyễn Huệ để đến rạp xi nê. H cho tôi biết cuộc sống của anh bây giờ là vô gia cư chỉ còn nghề nghiệp mà thôi! Nhà cha mẹ của anh ở Thủ Đức đã bị “cách mạng” tịch thu vì gia chủ chạy theo “đế quốc Mỹ”, nhà bên vợ của anh bọn họ cũng vừa “quản lý” nốt. Anh ra khỏi nhà với hai bàn tay trắng và một chiếc xe đạp “mi ni” làm chân chạy đi làm, nhưng cũng bị kẻ trộm lấy mất khi anh dựng xe ở lề đường chợ trời mả mè lưa mấy cuốn sách nhạc “Classic” đang đổ đống bên vỉa hè bán đồ bán tháo. Tôi nhìn anh ái ngại:

- Rồi bây giờ anh ở đâu?

- Thì anh về Thủ Đức ở chung với thằng em trai, cái nhà mà trước kia “chính phủ” đã cấp cho anh ở làng phước binh Thủ Đức đi! Sáng

chịu khó dậy sớm ra đón xe lam đi làm được lúc nào thì hay lúc nấy. Tôi được biết thêm em Thập Lục là tên đứa em trai của H, sáng mồng một tháng năm cũng theo bạn rời nhà đi xuống miền Tây, còn H thì ra Vũng Tàu để tìm đường đi, nhưng chỗ nào cũng toàn là “nón cối” cho nên cả hai đành phải quay về. Trong khi cả gia đình H ở yên một chỗ thì lại thoát được nhờ người anh thứ tư của H bắt được tin một chiếc tàu sắp sửa nhỏ neo tại bến Phạm Thế Hiển. Rất may H còn một căn nhà ở làng phước binh Thủ Đức do chính phủ cũ cấp vì anh là phước binh, giấy tờ còn đầy đủ cho nên hai anh em tạm về đó tá túc qua ngày. Căn nhà đó tôi biết, ngày xưa khi mới quen nhau, có một lần vì chiều tôi, H đã mặc đồ Biệt động quân, đội mũ nâu, cổ đeo hai mai vàng đến nhà thăm tôi vào chiều thứ bảy. Tôi rất thích H mặc đồ nhà binh, tôi yêu những màu áo trận của quân lực Việt Nam Cộng hoà, mặc đồ nổi bật mặt anh “ngầu” dễ sợ. Lúc đó, tuy đã làm cho công ty IBM nhưng vì giấy tờ giải ngũ chưa xong nên H vẫn còn mặc đồ nhà binh được, (anh bị thương ở vùng một, gãy một giò) may mà chưa bị mang chân gỗ, nhưng hai chân chênh nhau đến 7cm cho nên cũng khó mà mua giày, phải đóng một chiếc thấp chiếc cao và anh đã được chính phủ Việt Nam Cộng Hoà cấp cho một căn nhà ở làng phước binh Thủ Đức là vậy. H đã từng đưa tôi đến đó xem và “gạ” tôi hỏi có mua không? H bán cho. Tôi tưởng H nói thật nên cũng thành thật trả lời:

- G làm gì có tiền để mua? Mà khi không mua nhà làm gì? Nhưng anh TR(anh rể lớn của tôi) có ý định mua nhà ở Thủ Đức, để G về hỏi xem anh ấy có muốn mua nhà của anh không...

H lắc đầu ngắt lời tôi:

- Anh chỉ bán cho G, với điều kiện phải để tên anh là gia chủ mới được.

Nghe anh nói tôi cứ thắc mắc mãi trong lòng không biết có phải anh đang “tán” tôi đó không? Rồi sau đó vì “ngu” và tự ái dỏm tôi

đã vô tình đẩy anh vào vòng tay người đàn bà khác. Nếu không có ngày 30 tháng 4 xảy ra, chắc có lẽ chả bao giờ chúng tôi gặp lại nhau. Buổi xi nê ngày hôm đó là khởi đầu cho tình yêu sống lại trong tôi ...

Ngày... tháng... năm 1975.

Bọn Việt cộng đổi tiền liên miên, tôi không nhớ họ đổi đến bao nhiêu lần, chỉ biết cuối cùng lương H là 80 đồng một tháng, còn tôi 30 và mỗi gia đình chỉ đổi được 200 đồng mà thôi! Tội nghiệp bố tôi cứ cầm 200 đồng mà ngẩn ngẩn ngơ ngơ lăm lăm: “không biết ăn hết 200 đồng này rồi thì đào đâu ra tiền để mà sống đây?” Tôi lúc đó đã bắt đầu đỏ da thắm thit trở lại sau khi trị dứt cơn ho ra máu (không phải bệnh phổi, bác sĩ bảo tôi bị ảnh hưởng vì suy nhược thần kinh quá độ). Nhờ vào tình yêu của H, tôi đã từ từ đứng vững trở lại, biết bình tĩnh suy nghĩ chín chắn hơn chứ không đến nỗi cầm 200 đồng mà mếu máo như bố tôi. Đầu óc tôi lúc nào cũng vang lên câu tự nhủ: “bình tĩnh! bình tĩnh! sống thì khó chứ chết thì dễ ợt...” nhưng đầu đến nỗi, vì tôi đã có H, bất cứ chuyện gì tôi cũng chạy đi hỏi anh. Anh ân cần nhỏ nhẹ, chỉ bảo và giải quyết, cho nên cứ có anh bên cạnh là tôi lại yên tâm “ngủ vùi” trong tình yêu của H. Một người bạn IBM của anh đã gọi tôi là “con mèo nhỏ” của anh H khi thấy tôi lúc nào cũng núp sau lưng H dụi dụi cái đầu chứ không dám nói chuyện...

Ngày... tháng... năm 1976.

Nhờ được công là “chuyên viên kỹ thuật” của nhà nước nên tôi và H còn có công ăn việc làm sống lây lất qua ngày. Tôi dù sao cũng còn dựa vào bố mẹ nên còn có được mái ấm gia đình, còn H chỉ có một căn nhà trống rỗng ở làng phước binh Thủ Đức. Căn nhà này trước kia gia đình H dùng làm nhà kho chứa đồ chứ không phải để ở, cho nên khi căn nhà chính do bố mẹ H đứng tên bị “cách mạng” tịch thu thì căn nhà này không còn một thứ gì để có thể dùng được ngoài một cái bếp lò để

đun than đặt chõng chơ trên bàn bếp. Không hiểu anh lượm đâu được một cánh cửa ra vào bằng gỗ, bần thủ phủ bằng một tấm bảng đen của trường học để nằm cho đỡ đau lưng, kê hồng lên khỏi mặt đất bằng mấy cục gạch làm cái giường ngủ đỡ phải nằm đất. Thời gian sau này, sinh hoạt của H càng ngày càng tẻ, vì nhà không có chén đĩa nổi niêu soong chảo để nấu nướng gì cả cho nên anh cứ mì vụn (được mì gói đã phức) anh nhai rồi nuốt cho qua bữa, xong anh kê miệng vào vòi “phòng tên” nước tu ừng ực một hơi rồi đi ngủ, kéo dài từ ngày này qua ngày nọ. Do vì không đủ dinh dưỡng nên H bị sụt ký thấy rõ, trông H buộc nhúm nhó nơi thắt lưng quần tôi vừa thương vừa buồn cười. Có lần tôi bắt gặp anh ngồi nghỉ trưa trước cửa IBM, tháo đôi giầy mang nơi chân ra ngồi bóp lấy bóp để. H tâm sự là làm gì có tiền để mà mua dép khác, đôi giầy này của người em trai thứ Chín bỏ lại, anh mang đỡ đi làm. Vì giầy nhỏ hơn một số cho nên chân anh bị sưng tím hết, phải tháo ra cho máu lưu thông đỡ bị nhức. Tôi nghe nói mà xót xa thương anh ngập lòng.

Phần tôi, tuy vẫn được cơm nóng gạo trắng vì còn ở với cha mẹ, bất quá chỉ dám mời anh bữa cơm thôi chứ đâu dám ngửa tay xin tiền bố mẹ để bù đắp cho anh. Nào ai biết được sau này nhà nào có thân nhân đi Mỹ nhà đó mới giàu, còn bây giờ thì dấu thấy mồ tở đâu dám khai. May mắn thay lúc đó lại nổi lên phong trào móc áo “sú chiêng” bằng chỉ rất thịnh hành, tôi được cái khéo tay nên móc cái nào ra là bán hết cái nấy. Mấy cái sạp bán “sú chiêng” ngoài chợ giành nhau lấy hàng của tôi, do đó tôi đành dùm được một số tiền, việc đầu tiên là mua ngay cho H một đôi dép bata rồi lại phải đi tìm mấy ông thợ sửa giầy để độn đế bên trái vì chân trái của anh bị thương ngắn mất 7cm để H thay cho đôi giầy khỏi bị đau chân nữa. Sau đó tôi thường theo H về Thủ Đức để giúp anh dọn dẹp lại gọn gàng nhà cửa, mua sắm cho anh đồ

gia dụng nhà bếp và nấu cơm cho hai anh em ăn. Trong lòng tôi thật vui, có cảm tưởng như mình là vợ anh vậy.

Ngày... tháng... năm 1976.

Từ ngày cộng sản lên nắm chính quyền, đất nước ngày một khó khăn hơn, chẳng ai có xăng nhớt đâu mà chạy xe gắn máy, cho dù nhà nước có bán xăng đi nữa thì với đồng lương chết đói đâu ai dám chơi sang chạy xe gắn máy đi làm. Phương tiện duy nhất lúc bấy giờ chỉ là xe đạp mà thôi! Mà H thì ngày nào cũng phải đạp từ Thủ Đức về Sài Gòn làm việc rồi lại đạp trở lại Thủ Đức, đến sức voi cũng ngã chứ đừng nói sức người. Xe lam, xe buýt thì vô chừng, mà có đi chẳng nữa cũng không tài nào leo lên nổi bởi dân chúng đu theo xe chẳng khác gì như lúc giành nhau leo lên tàu di tản vậy. Cho nên chỉ một thời gian sau H đành phải bỏ nhà về SG ở ké nhà một người bạn làm chung cơ quan để đi làm cho tiện. IBM cộng sản vì muốn lấy lòng H (lúc này cộng sản “cứng” lắm ông IBM cũ lắm!) Nếu không có những người như H thì lấy ai sửa máy cho họ? Không cứng làm sao được. Vì muốn cho anh được yên tâm làm việc, họ đã cấp cho H một căn phòng nhỏ ngay tại cơ quan IBM để ở và cho luôn em trai anh vào làm việc chung. sau đó H nhận được tin người anh thứ Sáu đã được vinh thăng cố Thiếu Tá nhẩy dù tử trận trong vụ hạ Lào năm 1971 còn chưa chết, chỉ bị cộng sản bắt làm tù binh nay sắp được thả về....

... Sáu tháng sau anh được thả về thật, nhưng IBM không cho anh ở lâu dài tại căn phòng dành cho H nên anh phải về tá túc ở với người cậu ruột ở Tân Định. Thế là trên vai H bây giờ có tới hai trách nhiệm: một với người em trai kẹt lại hôm 30 tháng 4 ở miền Tây trở về nay đang làm chung IBM với H. Một với người anh trai vừa trở về từ cõi chết.

Những trang nhật ký đến đây thưa dần, thời gian sau này tôi dành trọn cho tình yêu

với H. nên không còn thì giờ ngồi “suy gẫm cuộc đời” nữa. Gia đình tôi đã bắt đầu “phấn chấn” trở lại nhờ có “viện trợ” nước ngoài nhưng mấy anh em H thì vẫn nghèo xơ xác bởi gia đình H ở nước ngoài sợ liên lụy đến các con còn kẹt lại nên không dám liên lạc, chỉ thỉnh thoảng lăm người anh “trở về từ cõi chết” mới dám liên lạc với gia đình qua trung gian một người anh thứ Ba đi du học đã lâu ở Canada để xin tiền sinh sống. Coi như cuộc sống hai đứa (tôi và H) tạm ổn định, H ở SG tôi cũng ở SG, đỡ phải vất vả, bôn ba lên xuống Thủ Đức tìm nhau, tôi vẫn là “công nhân viên” nhà nước, những sinh hoạt ở cơ quan làm tôi bực mình, tuy không còn ác cảm với các chị “cán bộ” ngoài Bắc bởi tôi nghĩ, họ cũng chỉ là con cháu những người dân kẹt lại ở ngoài Bắc năm 54 cũng giống như mình kẹt lại ở miền Nam năm 75 vậy. Mai sau nếu những người bên Mỹ về được, cũng sẽ “ngó” mình dưới con mắt giống như bây giờ mình “nhìn” họ vậy. Có cảm thù là cảm thù bè lũ cộng sản, tập đoàn của Hồ cáo già kia. Biết vậy mà sao tôi vẫn thấy tức tức thế nào ấy khi nghe cán bộ “cái” hoặc cán bộ “đực” thuyết giảng chính trị, còn lâu mới “tẩy não” được tôi. Chẳng làm gì được, tôi bất mãn đâm ra phá phách ngầm. Vì còn trong tuổi thanh niên và có lẽ thấy tôi hát “hay” nên họ bắt tôi làm tổ trưởng tổ văn nghệ. Ngày nào cũng phải hướng dẫn nhóm thanh niên “phe ta” tập hát những bài hát nghe thật là “thấy ghét”. Tôi nhớ có một lần, trong ngày kỷ niệm “đại thắng” của họ, họ bắt chúng tôi phải hợp ca một bài hát mà tôi quên tựa rồi, chỉ còn nhớ mang máng trong đó có những câu như:

Kết, kết đoàn chúng ta là sức mạnh

Kết, kết đoàn chúng ta là sắt gang

Điệp khúc: Thà chết không lùi bước, thề quyết không hề lui..., (hay cái gì đó mà tôi quên rồi)

Tôi đã hùng hổ chen vào đứng giữa đám bạn thanh niên phe ta (dại gì đứng gần cán bộ) ưỡn ngực há mồm “hét” to:

Kết, kết đoàn chúng ta là sức mạnh.

Kết, kết đoàn chúng ta là sắt gang. Nghe ra cứ tưởng bỏ tôi là một kẻ ngoan ngoãn, biết nghe lời lắm! Đã điều khiển được một đội văn nghệ thanh niên hát nghe thật hùng hồn, nhưng coi dzậy mà hồng phải dzậy à nhe! Đến điệp khúc nghe bỗng cô nương ca nè! Các bạn tôi ai cũng nghiêm chỉnh cất cao giọng:

Thề chết không lùi bước....., tôi cũng cao giọng gào bằng những lời hát đã bị ai đã sửa đi:

“Người chết đi đằng trước, người sống đi đằng sau, bè lũ kéo nhau vừa khóc vừa mếu...” tiếng ca hòa chung ăn khớp với lời nhạc của họ ở xa nghe tưởng không có gì, nhưng đám bạn đứng quanh tôi nghe rõ mồn một. Chúa mẹ ơi! Thế là đám thanh niên “phe ta” ôm bụng cười muốn “vãi đái” nhưng phải ráng kềm không dám lộ liễu vì đang đứng trên sân khấu trước mặt “văn võ bá quan”. Bọn cán bộ ngồi xa tuy không nghe được gì nhưng nhìn thấy nét mặt “không bình thường” của bọn thanh niên “khó dạy” miền Nam của chúng tôi thì cũng đoán biết là tôi đang dở trò nhưng không làm gì được vì thấy tôi vẫn tỉnh bơ ngoan ngoãn đang “ngoạc” mồm hát trước mặt họ kia mà! Ấy vậy, tôi cứ “lựu đạn” phá phách như vậy đó, mà họ chẳng dám sa thải tôi lại còn năn nỉ nữa chớ! Mỗi lần cơ quan bắt đầu tổ chức văn nghệ là chị Ng (một cán bộ ngoài Bắc được cử vào để “quản lý” bọn thanh niên trong miền Nam chúng tôi) chị còn trẻ, lớn hơn tôi độ một hai tuổi, đến bên tôi nhỏ nhe:

- Hôm nay cơ quan mình có cán bộ cao cấp đến “tham quan”, em hát cho đúng đắn chứ đừng có giỡn nhe! Chị năn nỉ em, nếu để “thủ trưởng” nhìn thấy là chị bị kiểm thảo đấy! Ráng giúp chị nhe!

Bây giờ nghĩ lại thấy cũng tội nghiệp chị, mấy “bà nội” cán bộ này về sau bị chúng tôi

“hũ hoá” hết. Đầu tiên là cắt cái đuôi bím tròn ten đằng sau lưng, uốn tóc cao mặc quần ống xoè, ống loa và áo thun hoặc áo kiểu. Dự đám cưới thì tụi tôi cho mượn áo dài, tụi tôi xúi cái gì cũng làm theo hết, mặt mày hớn hờ lắm. Tội nghiệp! Đàn bà con gái ai không thích đẹp, chỉ tại bọn cộng sản khiến toàn dân miền Bắc đi thụt lùi, vào Nam nhìn thấy cái gì họ cũng mê hết. Không biết đến bao giờ đất nước tôi mới được tự do thật sự đây?

Ba năm sau ngày mất nước, tôi và H chính thức trở thành vợ chồng qua một lễ cưới đơn sơ. Thương nhất là anh Sáu, tên người anh chồng trở về từ cõi chết. Người anh chồng này tôi thương nhất vì đã có một thời gian chia bùi xẻ ngọt với vợ chồng chúng tôi lúc còn nghèo khổ tại VN. Ngay giữa sáng ngày đám cưới tôi, anh chạy đến dúi vào tay H một nắm tiền bảo: “Anh nghĩ H làm đám cưới chắc cần tiền, anh mới xin được bên nhà, H cầm lấy mà tiêu dùng”. Tôi nghĩ mình thật là có phước khi “lọt” được vào gia đình chàng, anh em họ thương yêu và lo lắng cho nhau như thủ túc. Nhưng số tiền đó chúng tôi không dùng đến, vì tôi đã tự lo lấy được bằng tiền “móc” áo “sú chiêng” của tôi rồi, số tiền này chúng tôi cho vào “quỷ” để dành lo chuyện vượt biên cho mấy anh em. Sau này vì muốn gom chung lại một mối để lo chuyện vượt biên cho gọn. Năm 1980 anh Sáu và em Thập Lục dọn về ở hẳn tại nhà tôi, thời gian này anh chồng, chị dâu và em chồng sống rất thuận thảo và vui vẻ. Lúc này sự liên lạc giữa người trong nước và thân nhân nước ngoài đã bớt khó khăn, gia đình H đã “mua” được 4 chỗ vượt biên bán chính thức cho chúng tôi, vì không có vàng trong tay mà chỉ trả ở bên Mỹ sau khi người nhà vượt thoát cho nên chúng tôi bị mất ưu tiên. Sau vài lần gạn qua lọc lại rồi đình luôn không tổ chức nữa, thế là một lần nữa chúng tôi bị kẹt lại. Đầu năm 1981, anh Sáu và em Thập Lục thoát khỏi VN bằng đường biển do một người bạn

của chồng tôi tổ chức, sợ dĩ chúng tôi không dám thắp tùng theo là vì sợ nhỡ đi không lọt, bị bắt cũng còn có H ở ngoài lo chạy gỡ. Người bạn của H sau này vẫn còn tổ chức thêm vài chuyến nữa, nhưng vợ chồng chúng tôi không có số vượt biên nên đi hoài không lọt, Sau đó tôi lại có bầu thằng cháu đầu lòng, chồng tôi sợ nguy hiểm nên quyết định nộp đơn đi chính thức do bố chồng tôi bảo lãnh chứ không vượt biên nữa.

Mười một năm sau ngày cộng sản chiếm đóng miền Nam, vợ chồng tôi và đứa con trai 5 tuổi đặt chân đến đất Mỹ giữa vòng tay mở rộng thương yêu của bố chồng và kế mẫu (má lớn đã mất từ lâu) với sự hân hoan chào đón của đại gia đình anh chị em bên H. Gia đình H có tất cả 24 anh chị em (má lớn 12, mẹ kế 12) nay chỉ còn 17 chưa kể dâu rể và cháu. Ba năm sau bố mẹ và các anh chị em còn lại ở VN của tôi cũng đi đoàn tỵ nạn do anh chị lớn tôi bảo lãnh ở TX. Vui hơn nữa là khi gặp lại chị Cả (người vợ trước của H) nay cũng đã hạnh phúc và yên ấm với một gia đình mới của chị, chị thương và coi tôi như em gái nhất là ba má chị (bố mẹ vợ của H) đã thật tình thương và coi tôi như con gái trong nhà. Bố mẹ tôi đã lần lượt qua đời nên tôi rất cảm động với tình thương ông bà dành cho tôi, và tôi cũng rất thật lòng coi ông bà như là bố mẹ ruột của tôi vậy! Thank you ba má (tôi gọi ông bà là ba má giống như chồng tôi và chị Cả vậy!)

Tôi thầm cảm ơn Trời Phật đã ưu đãi tôi quá nhiều, tôi cảm thấy mình thật là hạnh phúc và đầy đủ, nhưng không phải vì vậy mà tôi hết căm thù cộng sản. Mọi người đọc đến đây chắc nghĩ thầm: con nhỏ này tức cười, nếu không nhờ 30 tháng 4 thì nó làm gì có được tình yêu mà căm với hận? Mọi người lầm, tôi tin tưởng vào duyên số. Nếu thật sự có duyên vợ chồng với nhau thì cho dù không có 30 tháng 4, cái số đưa đẩy rồi tôi với H thế nào cũng phải “trả nợ tình nhau”. Cho nên không vì hạnh phúc riêng tư của

chúng tôi mà tôi phải suy tôn “cách mạng”, phải cảm ơn bọn họ. Cái nhục 30 tháng 4 là cái nhục chung của cả nước, tôi không thể nào quên, lại càng không thể nào đứng đưng được khi thấy đồng bào tôi bị khổ nạn, tổ quốc tôi đi xuống. Đại nạn chung của cả nước, cái nghiệp của nước tôi, tôi chỉ biết dốc một lòng cầu xin mẹ Việt Nam hãy linh thiêng phù hộ cho quê hương tôi sớm được có ngày trời quang mây tạnh. Không còn bóng dáng cộng sản để dân chúng được hưởng thái bình tự do thật sự, xây dựng đất nước tiến lên, bắt kịp đà văn minh của thế giới.

TÔN NỮ MẶC GIAO (San José)



Muốn có thi phẩm **Giữ Mãi Giùm Anh**,
xin liên lạc Tác giả
Uyên Phương Minh Nguyệt:
ttmn2nguyet@yahoo.com, (469)644-5947.

Ảnh Trắng Đen

Le Văn Khoa 

Người ta thường tiếc nuối những gì không còn nữa và cảm thấy lo lắng cho những gì sẽ không còn nữa. Ở đây tôi muốn nói đến loại ảnh trắng đen. Theo đà tiến bộ của kỹ thuật tân thời, loại ảnh trắng đen đang lui dần trong bóng tối. Những kỹ thuật tuyệt vời để dùng màu trắng với vô số đọt xám chuyển qua đen, đã được người làm ảnh khéo léo áp dụng cho tác phẩm của để nói lên ý nghĩ của mình, phải chăng rồi sẽ không còn nữa? Không ai còn kiên nhẫn tự giam mình trong phòng tối với các loại hóa chất nhiều tiếng đồng hồ để o bế cho một ảnh đen trắng ưng ý.

Nhưng mà, tại sao người ta gọi đen là màu đen, trắng là màu trắng, nhưng chỉ gọi là ảnh đen trắng? Còn màu xám nữa thì sao? Black and White mà không có danh từ màu đi kèm. Còn loại ảnh thật nhiều màu chỉ được gọi là ảnh màu mà không phân tách, không liệt kê màu gì.

Người ta gọi ảnh đen trắng (black and white) theo từ thông dụng, nhưng trong các cuộc thi ảnh người ta dùng từ monochrome (đơn sắc), theo tôi từ này cũng không chính. Nhưng thôi, mọi người quen dùng vậy, ta cũng dùng vậy cho xong.

Với tên “Vào Đời”, tác giả **Ngô, Hồng N.** cho ta một ảnh đẹp, chân dung một em bé da đen rất dễ thương. (Tại sao người ta gọi em bé này là người da màu mà ảnh thì không phải là ảnh



“Vào Đời”, tác giả **Ngô, Hồng N.**



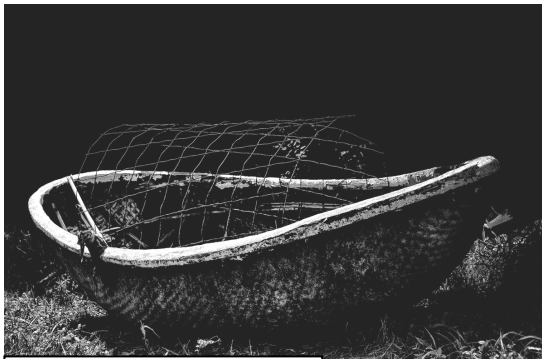
“Trang Trại Vào Thu” của **Đông Phương**

màu?) Hãy nhìn cặp mắt em bé, sáng rực, tinh anh. Tròng trắng của mắt sáng nhờ đối chiếu với da mặt và bối cảnh xám, tạo sự tương phản mạnh. Ảnh có đầy đủ chi tiết đáng khen. Tuy nhiên hai điểm bên hông mũi trái vì bắt ánh đèn quá mạnh nên vô tình làm yếu điểm chính là hai mắt. Nếu tác giả cho phần sáng đó - và phần gò má bớt sáng thì ảnh sẽ giá trị hơn nhiều.

“**Trang Trại Vào Thu**” của **Đông Phương** đưa ta vào một thế giới mộng ảo với sự tương phản giữa trắng và đen không kém ảnh “Vào Đời” bên trên. Dùng kỹ thuật đen trắng, tác giả Đông Phương đã chuyển những cây lá vàng thành trắng,

nổi bật trên nền xám sậm đầy đe dọa. Nếu là ảnh màu, ta thấy nét rực rỡ của mùa Thu rất thật, nhưng ở đây ảnh đen trắng, nó biến thành huyền ảo, tôi tin ảnh hấp dẫn hơn ảnh màu.

Thường thường người ta chờ nắng lên để chụp ảnh, nhất là ảnh phong cảnh. Có ánh sáng đầy đủ Màu sắc trong thiên nhiên mới nổi lên hết. Có bóng đổ mới tăng nét bên có nắng v.v. . . Nhưng đâu phải lúc nào trời cũng có nắng, vì như thế ta sẽ chết khô, chết cháy. Chụp ảnh lúc không nắng, sáng sớm, chiều tà hay lúc có sương mù dày, ta sẽ có những ảnh đẹp bất ngờ. Đó là loại ảnh khí quyển (atmospheric), không thường thấy vì ít người chụp và cá nhân ta cũng ít khi chụp loại ảnh này.



Abandoning - Vũ, Phú

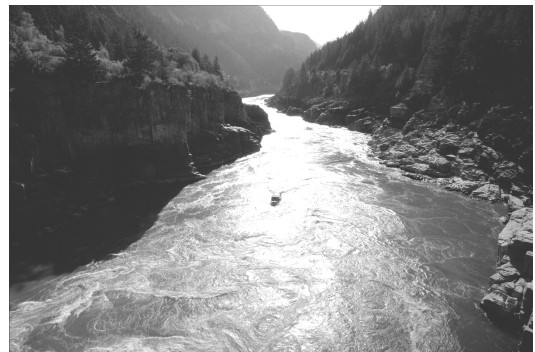
đôi vợ chồng già còn bên nhau trong khi đó ở xa xa, đôi uyên ương trẻ sung mãn ngã vào nhau thật tình tứ.

Một chiếc thuyền thúng bị bỏ rơi trên bãi cỏ cũng đủ làm đề tài nhiếp ảnh cho ông Phú. Ta thấy trong khía cạnh nào, trong hoàn cảnh nào cũng có thể chụp ảnh được, mà là ảnh đẹp nữa. Với ảnh này tác giả chia sẻ với ta ảnh chụp khi nắng từ trên cao ụp xuống làm sáng vòng thúng và tác giả dùng viền sáng ấy làm đường bố cục cho ảnh. Ảnh rất đơn sơ nhưng chính sự tương phản giữa trắng và đen làm cho ảnh thành lý thú.

Nói đến sự tương phản giữa trắng và đen, mời bạn xem thêm ảnh “**Ngược Dòng**” của **Trịnh Hạnh**. Sự tương phản gắt này tạo sức mạnh cho ảnh. Nước gặp đá ngâm cuộn cuộn vòng

Ảnh “**Trong Sương Sớm**” của **Trần, Tuấn A** cho ta hình ảnh mờ nhòe vì sương mù che phủ mọi cảnh vật. Những gì ở gần thì ta thấy rõ hơn vật ở xa hơn, nhưng không thể sắc nét như ảnh chụp cùng cảnh đó khi trời nắng. Sương mù có điều lợi là che mờ hết mọi cảnh vật ở xa có thể là rất luộm thuộm. Nó như bức màn chắn, không cho ta nhìn đến tận chân trời. Nó che hết rác rưởi, giúp cho ảnh sạch hơn. Nó cho ta cảm giác lạnh lạnh, mờ ảo, nhiều suy nghĩ vẫn vơ.

Trong ảnh này ta nhận cách hóa thì thấy



Ngược Dòng - Trịnh Hạnh

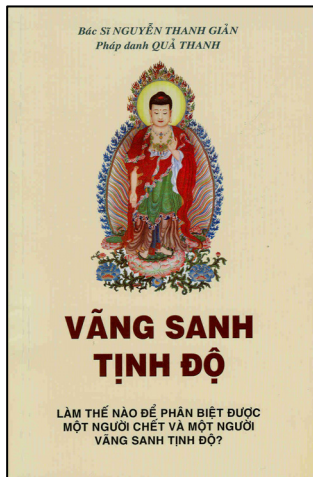
lên gây ấn tượng cuồn cuộn làm ta cảm thấy khiếp hãi. Một chiếc thuyền nhỏ chơi vui giữa dòng nước trong cảnh hùng vĩ của thiên nhiên là một tương phản lớn khác. Nắng từ trên cao đổ xuống làm dòng nước ngời sáng. Một chút bầu trời bên trên ảnh dùng làm lỗ thở cho ảnh, nhưng nếu tác giả thui cho sậm lại, hoặc cắt xuống thấp hơn, hoặc cắt bỏ đi luôn, ảnh sẽ cho ta cảm giác hãi khiếp hơn vì con thuyền không lối thoát.

Hôm nay chúng ta đi ngược dòng - như chiếc thuyền con này - là chỉ dùng ảnh trắng đen trong thế giới muôn triệu màu sắc. Ta cô đọng lại chỉ còn đơn sắc, dùng đơn sắc ấy đánh động tâm hồn, khơi nhiều suy tư. Ta đi ngược dòng thời gian, dùng ảnh trắng đen để sống lại trong bối cảnh của một thời đã qua, âu cũng là một việc đáng làm trong thời đại này. Cảm ơn các bạn ảnh Houston.

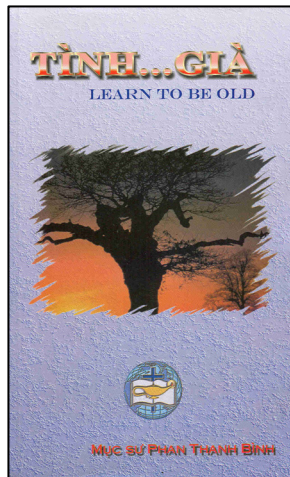
Le Văn Khoa 

GIỚI THIỆU SÁCH

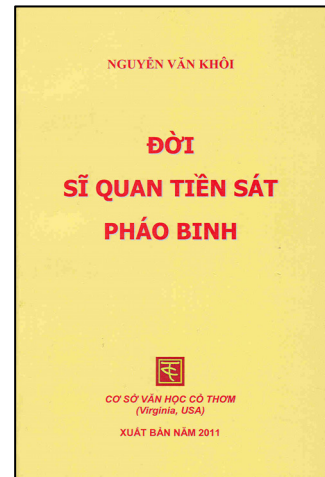
Cảm ơn quý tác giả đã gửi tặng sách và xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả.



Liên lạc Tác giả
Dr. Nguyễn Thanh Giản
2304 Monte Vista Drive
Pinole, CA 94564
(510) 758-0346



Liên lạc Tác giả
Mục Sư Phan Thanh Bình
660 S. Third Street
El Cajon, CA 92019
(619) 444-1106



Liên lạc Tác giả
Nhà Văn Nguyễn Văn Khôi
1212 Connecticut St.
San Francisco, CA 94107
(415) 821-0652
khoivnguyen@yahoo.com

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

ĐIỀU TRẦN CANH TÂN ĐẤT NƯỚC

(1828 – 1871)

Nguyễn Quý Đại

„Đất nước sơn hà ai đó chủ
Biết đem tâm sự hỏi trời thôi“

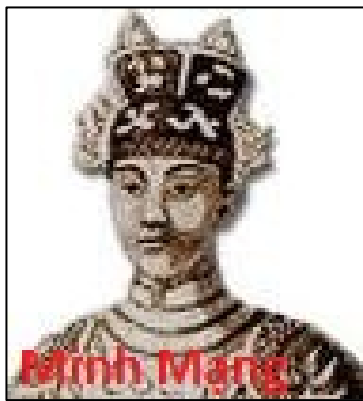
Nguyễn Trường Tộ sinh năm 1828 tại làng Bùi Chu, xã Đoài, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Thân phụ ông Nguyễn Quốc Thư hành nghề Đông y sĩ, xuất thân gia đình ảnh hưởng Nho giáo, theo Thiên Chúa Giáo. Lên mười tuổi thân phụ dạy học chữ Hán cho đến năm 14 tuổi theo học với thầy tú Giai ở Bùi Ngõã, bản chất thông minh xuất chúng, năm 1855 được Giám mục xứ Đoài, người Pháp Gauthier, tên Việt Nam là Ngô Gia Hậu, mời dạy chữ Hán cho các Giáo sĩ và ngược lại ông học tiếng Pháp và La Tinh, ảnh hưởng Văn hóa Tây và Đông Phương. Nguyễn Trường Tộ ảnh hưởng các tư tưởng mới lạ, uyên bác, ông rất tích cực hoạt động có trách nhiệm với Quê hương và một lòng vì Đạo.

Người Việt vốn sống hiền hòa trọng lễ nghĩa, trung dung sinh hoạt về tôn giáo Phật, Lão, Khổng vv... dù khác nhau tôn giáo nhưng

đoàn kết, tín ngưỡng đều được tôn trọng. Giáo sĩ người Bồ Đào Nha (Portugal) vào Việt Nam truyền giáo vào khoảng năm (1522-1533) cho đến năm 1615, Giáo sĩ F. Buzoni (1576-1639) người Tây Ban Nha (Spain) đến Hội An truyền đạo. Trong số này hai Giáo sĩ Francesco de Pina và Alexandre de Rohdes (1593-1660) với sự tiếp tay của người Quảng Nam hình thành chữ Quốc ngữ.



Nguyễn Trường Tộ tin đồ Thiên Chúa Giáo, trưởng thành trong giai đoạn lịch sử bị thực dân Pháp chiếm các nước Đông Dương và Việt Nam. Từ đó triều đình vua quan Việt Nam không thích việc truyền Đạo. Mặc dù có một số Giáo sĩ Thiên Chúa giúp vua Gia Long trong thời gian khôi phục lại sơn hà, đóng góp vào sinh hoạt Văn Hóa Việt Nam. Đào tạo lớp người mới Paulus Huỳnh Tịnh Của, Petrus Trương Vĩnh Ký để lại hơn 100 tác phẩm Văn học biên khảo, có công mang hội giống, cây, hoa quả lạ như: sầu riêng, măng cụt, măng cầu, lôm chôm từ Pinang Malaysia về trồng tại miền Nam



Lịch sử đổi thay qua nhiều triều đại, từ đời vua Minh Mạng (1820-1840) Tự Đức (1847-1883), Thiệu Trị

(1840-1847) đều nghi ngờ các Giáo sĩ thân Pháp đến truyền giáo tại Việt Nam. Thiên Chúa bị gọi là „tả đạo“ lúc bấy giờ không phải chỉ riêng Vua mà quan lại, sĩ phu ít người hiểu về giáo lý của Thiên Chúa, chỉ thấy việc truyền đạo nhiều điều trái với Nho giáo và phong tục tập quán



Giáo luật Tòa thánh La Mã còn khắc khe trong khuôn khổ, khó phù hợp với xã hội Việt Nam? Nguồn gốc người Việt lâu đời thờ cúng ông bà Tô Tiên, mỗi nhà có bàn thờ tượng trưng như một truyền thống văn hóa của Dân tộc Việt Nam, không ai có quyền cấm. Phật giáo, Nho giáo cũng du nhập từ Trung Hoa, Ấn độ hay Nhật bản nhưng luôn tôn trọng tập tục của người Việt.

„Giáo luật Thiên chúa thời đó ngăn cấm tín đồ thờ cúng tổ tiên, ngày kỵ giỗ tưởng nhớ ông bà hay làm tang lễ cho thân nhân, Giáo dân chỉ xin lễ tại nhà thờ, không được làm lễ tại nhà? Việc thờ cúng tổ tiên là nền tảng truyền thống tinh thần xã hội và triều đình Việt nam. Nên không thể tránh được những mâu thuẫn.“

„Kể từ đầu thập niên 60, Công đồng Vaticanô II Giáo hội Thiên chúa giáo La mã (Roma) mới có những thay đổi để phù hợp với văn hóa các nước trên thế

giới. Riêng tại Việt nam giáo dân có thể thiết lập bàn thờ và tổ chức cúng kỵ ông bà cha mẹ tại nhà“

Triều đình ban hành các Dụ cấm đạo, việc làm hơi „vơ đũa cả nắm“, trong giai đoạn cần phải đoàn kết Lương-Giáo cùng nhau bảo vệ độc lập, không phải ai theo

Đạo đều tiếp tay cho giặc. Giết Giáo dân, trục xuất Giáo sĩ không khác gì đổ dầu thêm vào lửa. Triều đình không thống nhất kế hoạch ổn định nhân tâm, đem lại các giai đoạn đen tối nhất trong lịch sử. Nhật Bản áp dụng chính sách bế môn năm 1620 vì lo ngại việc truyền đạo vào nước Nhật, nhưng họ sớm canh tân, mở cửa đón nhận văn minh thế giới, đã trở thành cường quốc. Triều đình Việt Nam bế môn toả cảng không bang giao với Tây Phương, bởi vậy không tránh được sai lầm trong chính sách cai trị, vốn từ lâu chịu ảnh hưởng Trung Hoa. Nước Việt Nam đã gần 100 năm làm thuộc địa, kéo dài cuộc chiến khổ đau cho dân tộc..



Quốc gia không được canh tân, chọn người tài đức ra giúp nước, không cải cách sửa đổi sai lầm trong việc cai trị, độc tài, độc đảng đã đưa đất nước đến bên bờ vực thẳm. Dân chủ là môi trường phát sinh ra những tư tưởng mới, khoa học, kỹ thuật phát

triển đưa đời sống nhân dân tiến bộ căn bản gồm: dân sinh, dân quyền và dân trí. Các vua thời phong kiến, không tôn trọng ý kiến của Nguyễn Trường Tộ và những người yêu nước khác, để canh tân đất nước. Thế hệ chúng ta sinh sau Nguyễn Trường Tộ hơn một thế kỷ, có thể rút ra được những bài học từ sự kiện lịch sử đó hay không? Đó là một bài học lịch sử giá trị con cháu chúng ta không thể quên.

Năm 1825 tàu chiến Pháp Theles tới Đà Nẵng. De Bougainville đem thư vua Pháp xin vào yết kiến, vua Minh Mạng không tiếp, sai đem phẩm vật biếu tặng. Năm 1825, Giáo sĩ Roggerot sang xin giảng đạo, trong lúc vua Minh Mạng cấm đạo (dụ cấm đạo lần thứ 1) Năm 1826, Pháp Hoàng sai Chaigneau sang xin đặt lãnh sự, vua Minh Mạng từ chối

Năm 1833 ra dụ cấm đạo lần thứ 2.

Năm 1836 cấm đạo lần thứ 3 từ năm 1834-1838 có 7 Giáo sĩ bị giết

Năm 1838 Vua sai sứ sang Pháp, Hoàng Đế Louis Philippe không tiếp vì Hội Truyền Giáo quốc tế phản đối những dụ cấm đạo tại Việt Nam.

Năm 1847 đại tá Lapiered sang Việt Nam yêu cầu Vua bỏ lệnh cấm đạo 15-04-1847 chiến tranh bắt đầu, vua Thiệu Trị cho giết Giáo dân và Giáo sĩ, trục xuất người Tây phương.

Tháng 7-1858 Rigault de Genouilly đem liên quân Pháp đánh hạ thành An Hải và Điện Hải tại Đà Nẵng

Năm 1859, Pháp đánh chiếm thành Gia Định. Ngày



01.11.1859, ông Page đến xin vua Tự Đức ký Hòa ước ngoại giao, buôn bán và truyền đạo, nhưng các điều kiện trên đều bị từ chối. vua Tự Đức thông minh nhưng nhu nhược, sống đóng khung trong cung, sợ sự chống đối của quan lại, không quyết định được vận mệnh đất nước. Người Pháp lợi dụng việc cấm đạo gây chiến tranh xâm chiếm Việt Nam

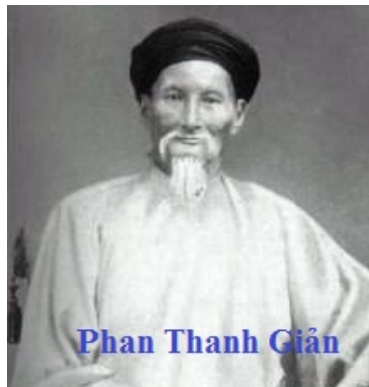
Nguyễn Trường Tộ nhờ Đạo tiên thân, là một công dân Việt Nam tài ba lỗi lạc, nhưng không được triều đình trọng dụng. Khó có cơ hội thăng tiến trong cử nghiệp, có thể lý do ông không tham dự khoa thi năm 1848 (canh tý). Năm 1858 ông theo Giám mục Gauthier vào Đà Nẵng tránh

nạn „*phân pháp*“ đàn áp tôn giáo cấm đạo của Triều đình. Sau đó sang Pháp bằng đường thủy, trong thời gian lưu lại Pháp ông tiếp xúc được văn minh, khoa học kỹ thuật cao.

Ông bỏ nhiều thì giờ đọc sách học hỏi thu thập tinh túy, chọn lọc làm hành trang trở lại quê hương, mong đóng góp được cái hay đẹp, hữu ích canh tân đất nước. Trên đường trở về ông ghé Roma tiếp kiến Đức Giáo Hoàng, sau đó đến Hồng Kông. Về Sài Gòn nhiều đổi thay, Gia Định thành thất thủ tháng 02.1861

bị quân Pháp chiếm đóng. Ông được bổ dụng làm thông ngôn tại Sứ phủ Sài Gòn, dịch các văn bản giấy tờ làm gạch nối giữa triều đình và Pháp.

Năm 1861 ông gởi cho triều đình Huế qua đại thần Nguyễn Bá Nghi, văn bản hòa từ đề nghị triều đình nên hòa với Pháp tránh chiến tranh gây khổ đau cho dân tộc. *“sự thế hiện nay chỉ có*



hòa, hòa thì trên có thể thuận ý trời dưới dân, có thể làm cho dân khỏi đau khổ, chấm dứt sự dòm ngó của gian nghịch,,

Năm 1862 Đô đốc Bonard mở rộng cuộc chiến, trước thái độ hung hãn hiếu chiến khát máu. Ông bắt miễn không cộng tác, xin thôi việc tại soái phủ Sài Gòn. Nguyễn Trường Tộ tự khép mình trong bốn phạm Đạo và Đời, trách nhiệm cao cả người con của Chúa, và người con của dân tộc Việt Nam. Ông phục vụ cho Giáo hội và nghiên cứu viết những điều trần kế tiếp giá trị, để góp ý trong việc canh tân đất nước, có thể nói Nguyễn Trường Tộ nhà tu, một chính trị gia lỗi lạc. Ông kêu gọi phải chấn chỉnh lại học thuật „*Học tức học cái chưa biết, biết để mà làm, làm tức là làm những công việc thực tế trong nước việc làm hữu dụng đó cho đời sau nữa*“. Trước đó Nguyễn Lộ Trạch viết nhiều điều trần, mong đất nước được canh tân, đến ngày nay chúng ta phải ngưỡng mộ, nhưng triều đình bỏ quên trong ngăn tủ nào đó.

Các điều trần dưới thời phong kiến, như một ánh sáng lóe lên trong đêm tối của lịch sử, mong muốn triều đình thay đổi cách cai trị, mở rộng ngoại giao, tiếp xúc với Tây phương, bỏ lối học từ chương, ngâm thơ vịnh nguyệt. Nên học hỏi văn minh tiên bộ, gởi sinh viên, học sinh ra nước ngoài, học về khoa học kỹ thuật, hy vọng học xong về nước phát triển về kỹ nghệ, nhưng triều đình luôn giữ chính sách bế môn tỏa cảng. Phan Thanh Giản từng than thở khi đi sứ sang Paris về nói chẳng ai nghe.

*Từ ngày đi sứ tới Tây-kinh
Thấy việc Âu-châu phải giạt mình
Kêu tình đồng-bang mau kíp bước
Hết lời năn-nỉ chẳng ai tin*

Nguyễn Trường Tộ giống như Phan Thanh Giản viết lên nỗi lòng:

- Khi trong nước cái Đạo bị diệt, tôi vượt sông lợi biển để giữ lấy cái chân lý ở nước
SỐ 55

*người, trước những người quyền quý, tôi luôn nói thận trọng, làm việc nghĩ trước suy sau nhằm giữ thể diện cho nước mình...Tôi tuy là Giáo, nhưng dòng máu trong tôi vẫn là con Lạc cháu Hồng. Tuy nhà Vua chưa tin tôi, đình thần còn e dè tôi, song ai làm nhục đến các bậc công khanh nước ta, tôi đều biện bác ngay không một chút sợ sệt. (Trang 145 Phan thanh Giản nổi đau trăm năm)****

Nguyễn Trường Tộ sinh bất phùng thời. Các triều đại theo truyền thống vua trị vì cha truyền con nối, tiếc thay quan lại trong triều không sáng suốt, cương trực để lắng nghe những điều trần của Nguyễn Trường Tộ, các quan sống bảo thủ yên phận, đôi khi tỏ ra ganh ghét đối với Nguyễn Trường Tộ.

Chúa Giêsu từng phán dạy

- nếu các ông mù, thì các ông đã chẳng có tội nhưng vì các ông nói „chúng tôi nhìn thấy được“, nên tội các ông vẫn còn đó. (Ga 9, 41)

Quan lại trong các triều đại Việt Nam không mù, nhưng họ không sáng suốt mở mắt nhìn xa trong việc giúp vua trị nước, để đưa Dân Tộc Việt Nam khỏi cơn nô lệ !! Nguyễn Trường Tộ viết trong di thảo số 27:

- Phàm kẻ trong thiên hạ là người không phải không có làm lạc ban đầu, mà là người biết thay đổi hành động, biết sửa điều sai thành đúng đắn, không xấu hổ vì phải sửa đổi cái cũ, mà xấu hổ vì không làm được điều gì mới, không nhìn lui dĩ vãng mà chuyên mưu việc tương lai, không nghĩ đến bảo toàn tên tuổi riêng mình mà lo lợi ích chung cho đất nước, thế mới gọi là trí

Thời gian đó Pháp và Anh đang gặp các việc rắc rối bên Trung Hoa, nên chủ trương của thực dân Pháp muốn trì hoãn, đề nghị ký hoà ước với Việt Nam để đối phó với Tàu.(1) Phó đề đốc Page tiếp tục việc thương thuyết của Rigault de Genouilly. Với nội dung không đòi đất, chỉ đòi binh phí, tự do truyền

giáo, khai thương ba cửa biển và đặt trú sứ ở Huế (Quân sử tập 3 trang 82) Triều đình có hai phe hòa và chiến. Phe chủ chiến nhiều hơn vì lúc nào cũng tự hào, truyền thống đánh đuổi được ngoại xâm. Nhưng họ quên rằng lối chiến tranh cổ điển, bằng gươm giáo, súng điều thương, bắn từng phát đạn không còn thích hợp với cuộc chiến tranh mới.

Đoàn quân viễn chinh Tây Phương được huấn luyện, vũ trang hiện đại với súng đại bác, chiến hạm chạy nhanh trên sông, biển. Nếu so sánh cân bằng, lực lượng quân đội Việt Nam quá lạc hậu và yếu kém, dù có lòng yêu nước với tinh thần chiến đấu cao, không thể đối đầu với đội quân tinh nhuệ của liên quân Tây phương. Đồn Chí Hòa dưới quyền chỉ huy Kinh Lược Sứ Nguyễn Tri Phương, quân số hơn 12.000 quân, không thể chống cự lại với liên quân Pháp, Tây Ban Nha.

Nguyễn Trường Tộ, trong Thiên Hạ Phân Hợp Đại Thế Luận, đối với tình hình thế giới, ông chủ trương nên hòa hơn chiến, lợi dụng kế hòa hoãn để kiện toàn quân đội, canh tân đất nước. Thay đổi chính sách đối ngoại và đối nội, cải cách Văn hóa, Kinh tế, Khoa học, khai mở, mở mang dân trí tiên bộ. Khi đất nước Việt Nam mạnh, phú cường có thể dành lại những gì đã mất. (*từ thời nhi ững biển*) thật là một diệu kế.

- Hàn công nói: biết mà không nói là kẻ bất nhân, nói mà không nói hết là kẻ bất nghĩa. Thế cho nên tôi ở chốn giang hồ mà lòng gợi lại lãng miếu. Tôi thật không nỡ nhìn thấy nước nhà đổ nát trăm họ lưu ly, cho nên không xét phạt hèn mọn mà dám phạm vào lỗi nói ngay thẳng. Nếu cho lời tôi là khi trá hoặc là có ai xúi giục thì xin đem biểu này treo ở quốc môn để sau này làm chứng. (Điều trần thời sự)

Nguyễn Trường Tộ dù được vua Tự Đức mời về Huế tiếp kiến tại nhà Tả Vu, ông đệ trình lên vua văn bản khuyên dùng Giám

mục, Linh mục vào việc canh tân đất nước. Ngày 10.01.1867 vua cử Nguyễn Trường Tộ cùng Giám mục Gauthier, Lm Nguyễn Điều, phó tế Nguyễn Hoàn và Joannes Vĩ và các quan triều đình: Nguyễn Tăng Doãn và Trần Hiếu Đạo, thành phái đoàn ngoại giao đáp tàu L'orne đến Paris cuối tháng 3 năm ấy.

Đến Pháp lần thứ hai, ông có cơ hội đi thăm tiếp xúc với tinh cách ngoại giao. Từ đó ông thấy những việc cần phải làm, đưa đất nước sớm vượt qua cảnh nghèo khổ, lạc hậu và viết điều trần „*Tế cấp bát điều*“ tập dày giá trị bậc nhất trong các điều trần của Nguyễn trường Tộ về văn chương và tư tưởng .

1/ Sửa sang võ bị

2/ Hợp tỉnh huyện giảm quan lại

3/ Cải cách tệ lạm để cứu vãn tài chánh

4/ Chinh đốn học pháp

5/ Điều chỉnh thuế ruộng

6/ Kinh lý bờ cõi

7/ Điều tra dân số

8/ Lập Dục anh viện và Tế bản viện

Về nước ngày 29.02.1868 phái đoàn đến Huế, tường trình kết quả trong việc ngoại giao, Nguyễn Trường Tộ và Giám mục Gauthier được ban thưởng nhiều phẩm vật. Ông về quê nhà giúp xây cất cơ sở nhà Chung xã Đoài, tiếp tục viết nhiều điều trần, triều đình muốn mời ông tiếp tục đi với phái đoàn sang Paris xin giảng hòa, thương nghị về 6 tỉnh miền Tây. Thực dân Pháp chiếm ngày 24.06.1867, Phan Thanh Giản phản đối trong tuyệt vọng kiệt thực và uống thuốc độc qua đời ngày 04.08.1867. Trước tình hình bất lợi Nguyễn trường Tộ viết bản điều trần gửi “*lục bộ đại thần*“ xin bãi bỏ việc cử sứ bộ đi Pháp, ông nêu lý do sau:

-Xưa nay việc giảng hòa đều ở dưới THÀNH (các trận đánh) chứ không ở Kinh Đô. Ta trong thế yếu, địch chưa gặp khó khăn ... bây giờ chính lúc triều đình nên tính kế lâu

dài, dần dần nuôi dưỡng sức dân, chinh đốn
võ bị, mở rộng giao thiệp..

Những Di thảo của Nguyễn Trường Tộ
viết về nhiều lĩnh vực: khoa học, xã hội, quốc
phòng, ngoại giao. Ông xứng đáng được coi là
người kinh bang tế thế, góp những ý tưởng
khai sinh ra rất nhiều ngành khoa học ở nước
ta, như Nông nghiệp, Thiên văn, Địa lý, Luật
học, Ngoại giao, Thương mại, Giáo dục, nhiều
đề tài khác nhau về quốc kế, dân sinh, kinh tế.
Cái cách về chương trình học đưa ra đề nghị
các khoản

- 1/ Đặt khoa nông chính
- 2/ Đặt khoa thiên văn địa lý
- 3/ Đặt khoa cơ xảo
- 4/ Đặt khoa luật pháp

Đề nghị mở khoa nông chính dạy những môn:

- 1/ Thiên văn nông nghiệp
- 2/ Địa lý học nông nghiệp
- 3/ Thực vật học
- 4/ Địa văn khí tượng học
- 5/ Tổ chức nông nghiệp trong nước

Ngoài ra, về Công nghiệp nước Việt Nam
“*tiền rừng bạc biển*”, đó là những nguồn lợi
lớn đem lại lợi ích, phú cường cho đất nước,
phải khai thác với phương pháp khoa học, cần
máy móc hiện đại, đó về khai thác mỏ
(khoáng lợi); Hải lợi cá muối; Lâm sản cây
gỗ, Thổ lợi gai, tơ lụa. Nguyễn Trường Tộ
trong bản điều trần gửi Tự Đức ngày 10. 04.
1871, cảnh cáo nguy cơ tham vọng của người
Trung Hoa trên biển Đông vì quyền lợi kinh
tế, lúc yếu họ làm giặc cướp biển nhưng đến
lúc họ mạnh sẽ xâm chiếm bằng vũ lực, nếu
Việt Nam không có Hải quân hùng mạnh để
bảo vệ.

“*Mấy năm trở lại đây, sở dĩ nước ta mỗi
ngày một thêm nhiều nạn cướp biển là vì ở
Trung Quốc hiện nay ngành mậu dịch mỗi
ngày một thịnh. Họ đã tạo được nhiều tàu
tuần dương chạy bằng máy và các tàu buôn,
tàu nhà binh của phương Tây qua lại đường*

SỐ 55

*biển như mắc cửi. Người Pháp cũng tuân
hành nghiêm ngặt suốt từ Bình Thuận đến Hà
Tiên. Do đó thuyền phi khó bề phóng tủng
hoành hành ở hai mặt biển ấy được mà phải
trốn sang tá túc nơi hải phận nước ta. Nay
nếu ta mua được năm, sáu chiếc thuyền máy
chắc chắn, mỗi thuyền có độ mười khẩu đại
pháo lớn nhỏ. Rồi lại thuê người Anh người
Pháp mỗi thuyền một người trông nom máy
móc và bốn người tập bắn, hợp cùng lính của
ta vừa đi tuần vừa tập luyện dần thành chữ
nhất đi từ Nam ra Bắc, từ Bắc vào Nam, gặp
thuyền phi đều bắt hết đưa về xử trí còn
thuyền thì sung công. Nếu giặc biển dòn tụ
thành sào huyệt thì thuyền máy của ta hợp lại
tiêu diệt, giặc sẽ tan vỡ, mất chỗ tụ tập khó
có thể xâm nhập nội địa được”.*

Điều trần của Nguyễn Trường Tộ, được
các quan đại thần như Phan Thanh Giản, Trần
Tiền Thành, Nguyễn Bá Nghi ghi nhận.
Tuồng trình về triều đình, tiếc thay triều đình
không ứng dụng vào việc canh tân đất nước.
Nếu triều đình các vua không bảo thủ, biết
canh tân đất nước, không cấm đạo mở rộng
cánh cửa bang giao với thế giới, có thể tránh
chiến tranh tang tóc và nô lệ! Việt Nam đã
phát triển có thể không thua gì Nhật Bản hay
Nam Hàn.

Tháng 7 năm 1864, Nguyễn Trường Tộ
bị tai nạn té gãy vùng xương chậu trong khi
xem xây cát Giáo đường, từ đó bị tật đi khập
khểng và bệnh thấp khớp nặng phải nằm viết
trên giường bệnh, qua đời 22.11.1871 hưởng
thọ 43 tuổi. Ông để lại mấy câu thơ bất hủ.

*Nhật mộ tuy vô hồi chiếu xứ
Qui hoa tự hữu hương dương thân
(Vùng nhật dù không quay dội lại
Lòng quỳ vẫn cứ hướng mà theo)*

*Nhật thất túc, thành thiên cố hận
Tái hồi đầu, thị bách niên cơ...
(Một kiếp sa chân, muôn kiếp hận)*

(Ngoảnh đầu cơ nghiệp ấy trăm năm...)
Nguyễn Trường Tộ ra người thiên cổ trong nước Chúa, nhưng Lịch sử không quên ông đã góp công trong việc xây dựng Quê hương, được ca tụng qua những câu thơ sau:

*Non sông thiêng sáng đức nên tài
Nhưng ước ra tâm giúp giống nòi
Lấy đạo nghĩa xưa làm mực thước
Dem khoa học mới để trao đời
Bao phen xuất ngoại lòng nuôi mộng
Mấy độ trần tình lệ nhỏ rơi.
Hôn ám kẻ chi phường sống tạm
Nghìn thu luống để tiếc thương ai*
Á Nam Trần Tuấn Khải

Nhà nho Huỳnh Thúc Kháng vinh danh Nguyễn Trường Tộ, một chỗ đứng trân trọng trong Văn Học Việt Nam

*Vô đoạn vật sắc đão trần ai
Mãn phúc kinh luân bát diệu tài
Tiền nghịch ngẫu thừa tuyền thất triệu
Hận nhan trường kỉ sinh đo ai
Di văn thương hải châu do tại
Kì khí phong thành kiếm vĩnh mai
Thông uất giang sơn kim thị tạc
Tao hôn ứng phục quốc hôn lai*

Bản dịch

*Bông dung vật sắc đến trần ai.
Đầy bụng kinh luân tám đầu tài
Tiệc trước tình cờ vua triệu đến
Người sau nhớ mãi chuyện bi ai
Biển xanh ghi lại châu còn đó
Vùi kiếm phong thành có một ai?
Nghẹn uất non sông ngay chính đó
Li tao xưa đuổi quốc hôn lai*

Thương tiếc Nguyễn Trường Tộ mất sớm, ước mơ của ông không thực hiện được dưới thời quân chủ chuyên chế. Nhưng ông thể hiện tinh thần của một kẻ sĩ yêu nước, trọn vẹn cho đến hơi thở cuối cùng. Thật là một

tấm gương trong sáng, mọi người phải tôn kính và noi gương. Những điều trần tâm huyết của ông vẫn còn giá trị cho quê hương Việt Nam ngày nay.

Nguyễn Quý Đại
(Germany)



1/ chiến cuộc giữa Tây và Tàu chấm dứt hiệp ước Bắc kinh được ký vào ngày 25-10-1890. Đè đốc Charner, người chỉ huy mặt trận Hoàng hải của Pháp, được giữ chức Tổng tư lệnh quân đội Pháp, rảnh tay ở Tàu quyết định đánh chiếm Việt Nam

Tài liệu tham khảo
Tự điển danh nhân Việt Nam
Hình và tài liệu trên Internet

**** theo tác giả Thanh Đạm NxB Văn Nghệ viết “ vào khoảng năm 1868, Nguyễn trường Tộ trở về Xã Đoài giúp xây nhà chung và trong thời gian này cưới người yêu Vũ Thị Cam quê Xuân Mỹ, cưới vợ, có một người con tên là Nguyễn Trường Cửu ,, sđd trang 274*

TÌNH LÊN XANH KÍN LÒNG

Tặng Hà Thị Dung

Anh về thăm quê cũ
Nắng rím vàng mái trang
Luống cải ngồng quẩy rũ
Lòng bươm xa không đành

Đường mịn màng đất bột
Mát êm lòng, chân anh
Trong lùm tre chim hót
Tiếng quê hương ngọt lành

Ơ ! đôi chim tha cỏ
Xây giuồng loan trên cành
Đêm đêm nằm đầu mỏ
Mớm mật tình ngọt thanh

Dòng sông len lỏi chảy
Giữa đôi bờ cỏ xanh
Dòng đời con nước xoáy
Đâu cuốn tình Em, Anh...

Anh về thăm quê cũ
Như thuyền về với sông
Cây rơm vàng áp ủ
Hương cỏ nội hoa đồng

Bao năm Em vẫn đợi
Anh về thôi nhớ mong
Màu lên xanh kín nội
Tình lên xanh kín lòng!

HÀ NGUYÊN DŨNG

(California)

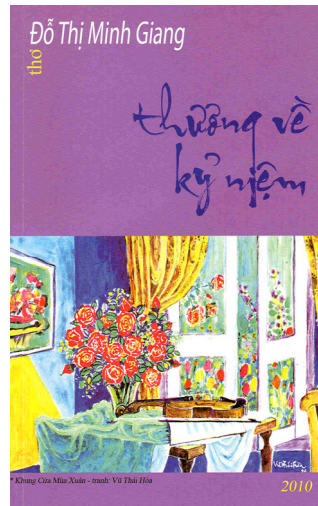
PHƯỢNG MƠ

*Phượng tím vẫn là phượng tím mơ
Màu hoa diu diu mảnh hồn thơ
Buồn dâng man mác chiều hoang vắng
Kỷ niệm tìm về bóng ngấn ngờ.*

*Phượng hồng nở thắm mái hiên xưa
Ứng má hồng ai nắng buổi trưa
Nón lá che nghiêng làn suối tóc
Nụ cười e ấp mắt đong đưa.*

*Xuân sắc xa rồi thương nhớ ơi
Màu hoa loang tím cả khung trời
Em đi hồn vỡ từng mảnh nhỏ
Lệ ứa hoen mi nhạt tiếng cười.*

*Cánh phượng bay theo làn gió thổi
Dòng đời trôi nổi tận phương nào
Xin hãy cho nhau lời tạ lỗi
Duyên tình ngày cũ vẫn thắm trao.*



ĐỖ
THỊ
MINH
GIANG
(Louisiana)

Bài tình ca trong ngày

Thanh Trang

Chậm vừa

Những nỗi nhớ khi vui khi buồn Những dĩ
vãng xoay trong tâm hồn Có nỗi nhớ đắng cay muôn
phần Thà như mình quên Thuyền xưa rời bến Mang theo nỗi
niềm ! Qua sân nắng nhớ nhau khi
về Qua sông vắng nhớ khi chia lìa Lòng chiều
mưa Dàn thưa màu nắng Lòng chiều vắng nhạt phấn hương
xưa ! Một thời để nhớ tin yêu còn
đó ! Thuyền đời dạt bến yêu thương triu mến ! Rồi lòng rộn
rã Yêu như vội vã không mong ngày qua Kỷ niệm còn
đó Nên xui lòng nhớ Kỷ niệm còn đây Chưa xa là
mấy Lòng nào bình yên dẫu có tìm quên lớp sóng triều
miên vọng về trên bến ? Những nỗi Lòng chiều vắng nhạt phấn hương xưa !

D.C. **2** *Sost.*

Về "Bài tình ca trong ngày"

Trong CD "10 ca khúc Thanh Trang- Vol. II" do Quang Tuấn hát với tựa đề cho CD là "Bài tình ca trong chiều" thì cũng có luôn bài hát "Bài tình ca trong đêm".

Nội dung nơi "Bài tình ca trong chiều" là kể chuyện một cô gái có anh bạn trai quen nhau đã lâu thế nhưng anh ta vẫn ngại ngần chưa dám tỏ tình, cho nên phải chờ một chuyến đi xa,

("Càng đi xa anh càng nhớ em", theo như lời bài hát "Thủy thủ và biển cá" của Y Vũ trong Nam trước năm 75), vì "nhớ em quá" cho nên chàng ta mới có đủ sự nhớ nhung cùng sự dạn dĩ nhờ khoảng cách để thu gom hết can đảm mà gọi "phone" tỏ tình với cô nàng!

Nội dung nơi "Bài tình ca trong đêm" thì lại là tâm sự của một anh đàn ông con trai cùng hẹn hò với người yêu mình nơi một thành phố lạ nào đấy đối với cả đôi bên, rồi khi ai về nhà nấy ở khác địa phương (bên này là khác Tiểu Bang) thì cứ thế mà đêm về lại nhớ nhau ! (Phải chờ đến đêm vì ban ngày còn phải đi làm! Làm thơ, viết bài hát mà bỏ đi những chuyện thực tế ở ngoài đời

thì cho dù có là thơ thần hay ca hát thì vẫn đều là chuyện "thêu dệt"!)

Vậy thì một hôm có anh bạn hỏi tôi: "Ban chiều hay ban đêm gì đấy thì ông cũng có bài "Tình ca". Thế thì ban ngày

ông có "tình ca" gì hay không vậy?"

Tôi đáp: "Mấy năm trước đây tôi còn đi làm cho nên, chiều đến, lái xe về nhà thì có "Bài tình ca trong chiều", còn tới đến thì có "Bài tình ca

trong đêm". Còn bây giờ tôi đã nghỉ hưu thì ban ngày tất nhiên có khá rộng rãi thời giờ để mà nhớ đến khá nhiều kỷ niệm buồn vui trong đời. Chỉ có khác là khi nhớ đến những kỷ niệm buồn vui trong đời thì không chỉ còn là của riêng mình nữa mà có lẽ cũng đều là chung cho mọi người!"

Anh bạn tôi nói: "Như vậy tức là nếu ông có thêm "Bài tình ca trong ngày" thì từ sáng đến khuya, lúc nào ông cũng "tình ca" hết?"

Tôi đã trả lời anh bạn: "Thì chẳng nào giờ này tôi cũng không đến nỗi phải lo lắng cho lắm về chuyện "Tiền Ca" !



Thanh Trang

Nam Cali. , cuối Đông 2011

TRƯỜNG PHÁI ẨM TƯỢNG

HAY LÀ

NGÔN NGỮ HỘI HỌA SÁNG TẠO

NGUYỄN BẢO HÙNG

Ngày 15-4-1874 tại cơ sở của nhiếp ảnh gia Nadar số 35 đại lộ Capucines – Paris đã khánh thành cuộc triển lãm tranh của một nhóm họa sĩ ly khai khoảng 30 người trong đó có Monet, Renoir, Degas, Berthe, Morisot, Pissarro... Gọi là *ly khai (dissidents)* nghe cho xôm tụ, chứ thời bấy giờ họ bị liệt vào nhóm họa sĩ bị *khước từ (les refusés)* vì tranh của họ không được nhận trưng bày tại *Phòng Triển lãm chính thức*. Phòng Triển lãm chính thức, được biết dưới tên gọi *Le Salon officiel* và đặt trụ sở tại Viện bảo tàng Louvre, là nơi hàng năm tổ chức trưng bày các tác phẩm nghệ thuật hội họa hoặc điêu khắc được đánh giá là có mỹ thuật. Đây chính là cơ hội để tác giả được quần chúng biết đến và đem lại cho họ danh vọng tiền tài. Nhưng muốn vậy họ phải có tác phẩm lọt được vào mắt xanh của một Ban Giám Khảo mà thành viên hầu hết đều là hội viên của Học Viện Mỹ Nghệ (Académie des Beaux-Arts). Tiêu chuẩn đánh giá và chọn lựa, cho tới giữa thế kỷ 19, vẫn là dựa trên mỹ học kinh viện (académique) và truyền thống Phục Hưng La Mã (La Renaissance romaine). Bởi lẽ cách sử dụng màu sắc và đường nét cách tân của nhóm không hợp nhãn Ban tuyển trạch nên tranh họ đã bị loại

bỏ. Đó cũng là lý do khiến bọn họ đứng ra tổ chức riêng cuộc triển lãm từ 15-4 đến 15-5-1874 đúng hai tuần trước ngày khai mạc Phòng Triển lãm chính thức. Với kỳ vọng sẽ cạnh tranh được với Phòng triển lãm kỳ cựu, một thành viên đã không ngần ngại phát biểu một câu xanh rờn : « Cuộc triển lãm lưu vong này là một thắng lợi lớn và tranh của bọn ta sẽ là một cạnh tranh chí tử với đám khựa lão đui chột góc nghếch ấy... ». Nhưng cuộc trưng bày của họ lại hầu như là một thất bại. Suốt một tháng trời mở cửa chỉ có khoảng 3500 khách vãng lai, chưa bằng một phần mười tổng số người kéo đến coi Phòng Triển lãm chính thức. Về phần giới phê bình chính thức cũng chỉ bình phẩm qua loa hoặc nhắc chiếu lệ về phòng tranh mà thôi. May thay, một vài nhà phê bình thuộc loại nghiệp dư, không mấy tiếng tăm lại « đánh hơi » được tính khai phá cách tân của đường lối hội họa mới này, như nhận xét của nhà phê bình nào đó trên tờ RAPPEL : « *Bạn ơi, khi tới đây bạn hãy vứt bỏ mọi thành kiến cố lỗ sĩ đi. Hẳn một thời đã có những họa sĩ khờ khạo cứ tưởng rằng khi muốn cho ta ý niệm về một cái cây là phải vẽ đúng một cái cây đủ cả thân lẫn cành và lá. Tội nghiệp thay, họ đâu biết rằng hội họa phải đem lại cho ta trước hết « ẨM TƯỢNG » về các sự vật, chứ không phải cái chúng là hiện thực.* » (... Vous qui entrez,

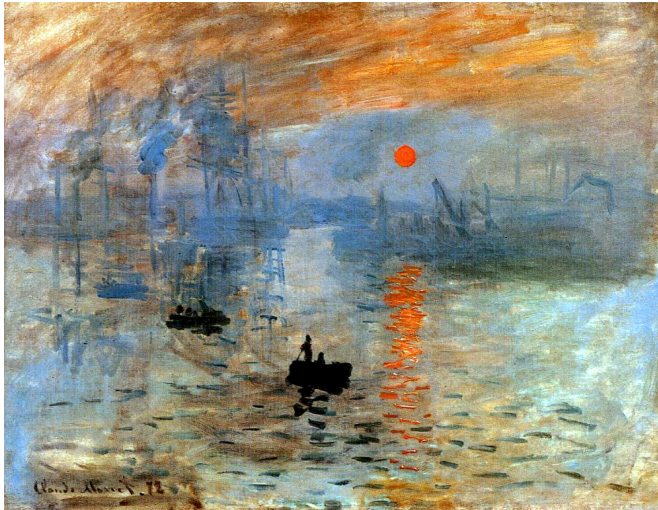
laissez tout préjugé ancien. Il fut un temps sans doute où des peintres naïfs, lorsqu'ils voulaient donner l'idée d'un arbre, peignaient un arbre en effet avec un tronc, ses branches et ses feuilles. Ils ignoraient que la peinture doit donner avant tout « l'impression » des choses, non leur réalité même » Theo J.J LÉVÊQUES – *Les Années Impressionnistes _ 1870 - 1889*, ACR Éditions Internationales 1990, tr. 284)

« Hội họa phải đem đến cho ta cái ấn tượng về các sự vật chứ không phải cái chúng là hiện thực. » : Nhà phê bình nào đó, khi phát biểu như trên, hẳn đã nắm được ý nghĩa mang tính chất sáng tạo của từ **Impression** đặt trước hai chữ **Soleil levant** dùng làm tựa cho bức

« RẠNG ĐÔNG » (**Impression, soleil levant**-1872)

của Claude Monet. Đó cũng là cảm nhận của nhà phê bình Louis Leroy, cha đẻ ra từ **Impressionnisme**, trong bài tường thuật « L'exposition des **impressionnistes** » trên tờ « LE CHARIVARI » số ra ngày 25-4-1874 khi, đứng trước bức « RẠNG ĐÔNG », ông đã phải thốt lên :

« *Bức tranh này phô bày cái gì ? Ấn tượng ! Ấn tượng, phải rồi. Tôi thậm chí bối rối vì chính tôi cũng bị ấn tượng, quả là đã có ấn tượng trong đó.* » (« Que représente cette toile ? Impression ! Impression, j'en étais sûr. Je me disais aussi, puisque je suis impressionné, il doit y avoir de l'impression là-dedans... » - Laure-Caroline SEMMER .- *Les œuvres-clés* SỐ 55



de l'Impressionnisme, p. 84 – Coll. *Comprendre & Reconnaître*, Edit. LAROUSSE, Paris 2007). Vậy là cũng như đồng nghiệp của mình trên tờ Rappel, nhà phê bình nghiệp dư Louis Leroy, không ngờ lại tỏ ra có cặp mắt tinh tế hơn người vì đã sớm phát hiện những đường nét cách tân trong bức họa của Monet. Trong khi ấy, hầu hết giới phê bình chính thức được mô tả là có thẩm quyền và uy tín, có lẽ còn say sưa với hào quang của danh hiệu trao tặng, nên vẫn miệt mài trên những lối mòn khiến chưa biết nhìn ra tính sáng tạo của bức tranh báo hiệu một bình minh rạng rỡ cho hội họa.

Vậy tính cách tân sáng tạo ấy là gì ? Để

có được câu trả lời thích đáng không gì bằng quan sát và tìm hiểu từng đường nét của bức tranh được coi là cái đỉnh của buổi ra mắt và đã trở thành đầu đề tranh luận bàn tán trong suốt thời gian phòng tranh mở cửa.

Nhưng trước hết, tường cũng nên nhắc lại một sự kiện nay được coi thuộc loại bên lề, nhưng với chúng ta có thể lại hữu ích. Trong thư sau này gửi cho một người bạn, Monet cho biết bức tranh, thực hiện năm 1872 tại Le Havre, là cảnh tượng đã đập vào mắt ông một sớm mai khi, vừa mở cửa sổ, ông nhìn ra bến tàu. Sau đó bức tranh đã được gửi tới Ban Triển lãm mà không có thêm tựa đề. Tới khi được Ban Tổ chức đề nghị chọn cho nó một cái tên, ông đã chỉ đáp lại bằng một chữ ngắn

nguồn : « *Impression* ». Với từ này, hẳn Monet muốn lưu ý mọi người rằng tranh của ông không phải là một *hình ảnh về cảng Le Havre (une vue du Havre)* theo quan niệm hội họa cổ điển. Trái lại điều ông muốn phơi bày trên tấm bố chính là cái cái cảm nhận do ánh sáng cảnh vật bên ngoài đã ủa tới đập vào mắt ông một buổi sáng khi , vừa mở cửa sổ, ông nhìn ra bến cảng. Và điều mà ông muốn truyền đạt, qua bức tranh, chính là cái *ấn tượng* hay đúng ra cái cảm nhận qua thị giác của riêng ông trong khoảnh khắc đó và ở vị trí đó. Có lẽ muốn tránh cho khách viếng thăm khỏi ngỡ ngờ, Edmond Renoir, em của họa sĩ Auguste Renoir và cũng là người phụ trách lập danh mục các tác phẩm trưng bày, đã thêm vào hai chữ *soleil levant* thành cái tựa « *Impression, soleil levant* » nhằm giúp cho khách coi tranh hình dung được cụ thể nội dung bức tranh hơn. Dần dà, khi mỹ quan ấn tượng đã trở nên quen thuộc, người ta mới cắt bỏ từ « *Impression* » để chỉ còn lại hai chữ « *Soleil levant* » mà thôi. (Sdd, tr. 84). Sự kiện này, ngày nay chẳng còn được mấy ai quan tâm đến ; đôi khi nếu có đem ra nhắc lại, thì cũng chỉ như là giai thoại thêm mắm thêm muối cho vui câu chuyện tại các buổi tiệc tùng hay trong những lúc trà dư tửu hậu mà thôi . Nhưng đặt vào thời điểm bức tranh được đem ra trình làng thì sự hiện diện của từ « *Impression* » mới quan trọng và cần thiết làm sao. Nó chính là chìa khóa giải mã, là câu niệm chú giúp ta lọt được vào thế giới hội họa ấn tượng và nắm bắt được ý nghĩa của sự tìm tòi sáng tạo cách tân của Monet cùng các đồng môn của ông.

Trước hết, khi đề nghị từ « *Impression* » làm tựa cho tác phẩm của mình, Monet hẳn muốn nhắc nhở rằng tác phẩm của ông không phải là một họa lại hiện thực theo mỹ quan cổ điển. Bởi vậy ta đừng trông mong tìm thấy ở đây một bức tranh về bến cảng Le Havre vào lúc bình minh : quang cảnh rạng đông tuyệt

mỹ với các đường nét rõ rệt trong một bố cục phân đối hài hòa, những hình thể, những khối thể hiện lộ nhờ vào sự pha trộn màu sắc khéo léo tạo ra những khoảng sáng tối đậm nhạt đem lại cho ta một ảo giác về chiều sâu không gian. Trái lại ta phải luôn tự nhủ rằng điều mà nhà danh họa muốn truyền đạt tới chúng ta chính là cái *ấn tượng* mong manh, bất chợt hay đúng ra là cái *cảm xúc* trong khoảnh khắc trước cảnh tượng ánh sáng chói lọi đã ủa tới tác động vào thị giác ông một buổi sáng khi ông nhìn ra bến cảng. Le Havre, như chúng ta cũng biết, là một hải cảng trên biển Manche thuộc vùng Normandie tây bắc nước Pháp nên buổi sáng ở đây thường ướt đầm sương mù. Khi vừa mở tung cửa sổ, nếu ông đã bị chói mắt bởi mặt trời như một đĩa lửa xuyên thủng màn sương dày đặc và phản chiếu lấp lánh trên mặt biển, thì ánh sáng chói lọi đó vẫn chưa hội đủ nội lực để làm tan loãng bầu khí quyển còn đậm đặc hơi nước. Bởi vậy đồng thời với mặt trời đỏ chói và cũng do tác động của ánh sáng chói lọi này, trước mắt ông còn lại chỉ là một khung cảnh mơ hồ : một bầu trời ửng hồng còn nhập nhòa với biển cả, bóng dáng của một số ông khói nhà máy và một vài cây cần trục chập chờn ần hiện trong bầu không khí vẫn đục, dăm ba chiếc thuyền nhấp nhô mập mờ trên mặt nước... Ngăn ấy thứ cùng một lúc ủa tới tác động vào thị giác khiến, trong khoảnh khắc ấy, ông chỉ có *ấn tượng* về các sự vật chứ không phải là một *hình ảnh* của cảnh vật. Làm sao để nói lên cái ấn tượng gây cho ông một cảm xúc mạnh mẽ trong khoảnh khắc bất chợt đó ? Thấy rằng không thể dựa trên các phương pháp bài bản cổ điển được, Monet cũng như các đồng môn của ông đã phải đi tìm một *ngôn ngữ hội họa (language pictural)* mới bằng một phương pháp tiếp cận mới với những kỹ thuật biểu thị mới. Cái ngôn ngữ hội họa mới ấy chính là

thành quả của một tìm tòi học hỏi về tác động của ánh sáng trên màu sắc và cảnh vật.

Trong một chừng mực nào đó, ta có thể nói hội họa ấn tượng là hội họa *của* ánh là hội họa *về* ánh sáng, là kết quả của tìm tòi về tác động của ánh sáng trên vạn vật. Ứng dụng qui luật quang học Newton về di động ánh sáng, Monet cũng như các đồng môn của ông đã bỏ công sức và thời giờ quan sát ngoại cảnh để ghi nhận rằng: Cùng một cảnh vật nhưng, do tác động của ánh sáng, nó lại cho ta nhiều cảnh tượng khác nhau, nhiều hình ảnh khác nhau, nhiều *ấn tượng* khác nhau về cảnh vật đó tùy theo điều kiện thời tiết khác nhau, thời điểm khác nhau trong ngày, thậm chí có khi còn cả tùy theo vị trí đứng quan sát nữa. Bởi vậy các bức họa được coi là *hoàn mỹ* theo quan niệm cổ điển chưa hẳn đã *toàn bích* vì nó chỉ cho ta hình ảnh một thực tại cứng nhắc, im lìm, bất biến. Mà đời sống lại là một giòng chảy không ngừng. Và chỉ những cái thuộc về *hiện tượng*, tức là những cái chợt hiện trước mắt ta rồi biến đổi, những ấn tượng của ta trong khoảnh khắc ấy mới là phản ánh đích thực của giòng chảy đời sống luân lưu. Nghệ thuật, do đó, phải biết nói lên tính sinh động của hiện thực trong từng khoảnh khắc biểu hiện của nó. Bởi vậy các họa sĩ ấn tượng không lấy *chủ đề* (le sujet ou motif) tức là cảnh vật hay nhân vật làm đối tượng chính cho bức tranh của họ. Chủ đề hay đúng ra là đối tượng hội họa, với họ, chính là tác động của ánh sáng trên cảnh vật chứ không phải bản thân cảnh vật. Cũng vì thế các họa sĩ ấn tượng đã hướng về ngoại cảnh nhiều hơn, thay vì thu mình trong xưởng vẽ, để tìm cảm hứng sáng tạo cho các tác phẩm của mình. Và cũng trong chiều hướng nghiên cứu này Monet đã để lại cho ta hàng loạt các bức tranh về cùng một chủ đề nhưng ở các thời điểm khác nhau trong ngày hay trong các mùa thời tiết khác nhau. Thí dụ như loạt tranh về

Thánh đường Rouen (série « Cathédrales de Rouen »), về các Đổng rạ (série « Les Meules ») hay về các Bông súng (série « Les Nénuphars »).

Không chỉ suu tầm tác động của ánh sáng trên cảnh vật, trường phái ấn tượng còn khai thác một phát hiện khoa học mới mẻ khác, đó là qui luật về « tác động tương phản đồng thời của màu sắc » của Eugène Chevreul (*De la loi du contraste simultané des couleurs*, 1839). Theo qui luật này, không hề có vật nào giữ được một màu nguyên thủy (couleur primaire) bất biến. Trái lại màu của nó luôn biến đổi do tác động của màu sắc cảnh vật xung quanh. Do đó khi ta có hai màu kề cận nhau, do tác động tương phản của chúng, mắt ta lại nhìn ra thành một màu thứ ba. Thí dụ như đỏ đứng cạnh vàng, ta lại nhìn ra màu cam hoặc màu xanh lơ bên cạnh màu vàng sẽ cho ta màu xanh lá cây. Kết hợp qui luật Newton về di động ánh sáng với qui luật Chevreul về tác động hỗ tương giữa các màu sắc nhóm họa sĩ ấn tượng đã đề xuất một phương thức biểu thị mới (nouveau mode d'expression) để hình thành ngôn ngữ hội họa ấn tượng. Phương thức biểu thị ấy dựa trên nguyên lý được biết dưới tên gọi là *mélange optique* mà chúng tôi xin tạm dịch là *nguyên lý hòa nhập hình ảnh và màu sắc do di động của ánh sáng* hay, để cho ngắn gọn, *nguyên lý điều hợp quang học*. Theo nguyên lý này, khi ta có nhiều hình ảnh tách biệt với những màu sắc khác nhau nhưng tiếp giáp nhau, các hình ảnh và màu sắc ấy lại có khuynh hướng hòa nhập với nhau do tác động của ánh sáng di động lên cặp đồng tử của ta, và sự hòa nhập ấy gia tăng theo tỷ lệ thuận với khoảng cách và với tốc độ ánh sáng. Nguyên lý này chính là phương thức tìm kiếm để Monet thể hiện cảm quan của mình lên bức tranh, và tiến hành cuộc cuộc cách mạng ấn tượng như là một nhãn quan mới về hiện thực, một quan

niệm mới về hội họa đánh dấu một đứt đoạn với mỹ quan cổ điển.

Giả dụ ta là một khách tới dự buổi khai mạc cuộc triển lãm hội họa ấn tượng với một nhân quan cổ điển. Tiến về phía bức tranh « **Rạng Đông** » (*Impression, soleil levant*) đang được mọi người xúm xít chỉ trỏ bàn tán, ta đã thấy gì? Ngoại trừ cái vòng tròn đỏ cam phía trên gần chính giữa là tương đối rõ nét, còn lại chỉ là những khoảng loang lổ những quệt sơn khi thì chồng chất lên nhau, khi thì quệt dọc, khi thì quệt ngang nom chẳng ra hình thù gì cả. Bức tranh này về cái quái gì đây nhỉ? Ta tự hỏi. Tìm đọc cái tựa « Impression, soleil levant » : « A, thì ra đây là một bức họa phong cảnh bình minh. » Thế nhưng, ngoại trừ cái vòng tròn màu đỏ cam và phần không gian nhuộm hồng ở đỉnh bức tranh cùng vài vết quệt loang ngoảng màu cam ngay phía dưới là gợi cho ta ý tưởng về mặt trời mọc ; còn lại toàn thể bức tranh chỉ là một hình ảnh nhập nhòa, hình chẳng ra hình, nét chẳng ra nét khiến ta khó hình dung nổi phong cảnh đó ra sao cả. Cảm nghĩ này của ta chắc cũng là cảm nghĩ chung của đa số khách tới coi tranh bữa đó còn ôm theo nhân quan cổ điển. Và cái cảm nghĩ này đã được nhà phê bình bảo thủ Emile Cardon nói lên dùm bằng những lời lẽ châm biếm trên tờ *La Presse* (29-4-74) như sau : « *Cái trường phái này loại bỏ hai điều : đường nét là cái không thể thiếu được nếu ta muốn đem lại cho một sinh vật hay một sự vật một hình thể, và màu sắc là điều giúp cho hình thể đó được hiện ra như thực. Hãy lấy sơn trắng hay sơn đen bôi lên ba phần tư một tấm bố, và phần còn lại màu vàng. Sau đó chỉ việc lấy cây cọ quệt những vệt xanh vệt đỏ trên đó, thế là là anh đã có một bức tranh ấn tượng về mùa xuân để các đệ tử tha hồ trầm trồ tán tụng.* » (Cette école supprime deux choses : la ligne sans laquelle il est impossible de reproduire la

forme d'un être animé ou d'une chose, et la couleur qui donne à la forme l'apparence de la réalité. Salissez de blanc ou de noir les trois quarts d'une toile, frottez les restes de jaune, piquez au hasard des taches rouges et bleues, vous aurez une impression de printemps devant laquelle les adeptes tombent en extase. Theo Dominique LOBSTEIN .- *Au temps de l'impressionnisme 1863-1886*, p.63 _ Gallimard 1993/ Réunion des Musées nationaux). Vậy là, mặc dù đã có sự cảnh báo của Monet với từ *Impression*, nhà phê bình Emile Cardon đã không chịu mở rộng tầm nhìn để đón nhận tính cách tân sáng tạo trong bức họa. Cứ khur khur ôm lấy các chuẩn mực của mỹ quan cổ điển, ông vẫn muốn đi tìm ở « Rạng Đông » một bức tranh hoàn chỉnh với chủ đề là một phong cảnh, một chân dung, một điển tích trong đó người nghệ sĩ thể hiện tài năng của mình bằng những hình thể, đường nét cân đối trong một bố cục pha trộn ánh sáng, màu sắc hài hòa. Do tầm nhìn còn bị giới hạn bởi lập trường bảo thủ ấy nên ông ta mới đánh giá bức họa của Monet bằng những lời lẽ mỉa mai riếu cợt. Ông đâu biết rằng điều mà ông cho là những vết sơn quệt của một thủ pháp lố lăng để lèo thiên hạ ấy, lại chính là kết quả của một khổ công tìm tòi của Monet dựa trên các phát hiện khoa học mới mẻ để thể hiện cái nhìn khai phá và thổi một luồng sinh khí mới cho hội họa.

Như đã trình bày ở trên, các họa sĩ ấn tượng không lấy *chủ đề* (le sujet ou motif) tức là cảnh vật hay nhân vật làm đối tượng chính cho tác phẩm của họ. Cũng như chất xúc tác để gây ra một phản ứng hóa học, ngoại cảnh hay chủ đề, với các họa sĩ ấn tượng, chỉ được coi như một thứ nền tạo điều kiện hay cơ hội cho họ phô bày các *ấn tượng*, *cảm xúc* chủ quan trong một khoảnh khắc và ở vào một thời điểm nào đó mà thôi. Mà muốn biểu thị các sắc thái biến đổi chập chờn thoáng hiện

ấy : bầu không khí ẩm ướt sương mai, sóng nước long lanh, chân trời mặt biển nhập nhòa, cảnh vật nhòe nhoẹt ... Monet, cũng như các đồng môn của ông, đều thấy rằng không thể tiếp tục vay mượn các thủ pháp cổ điển được. Trái lại chỉ có phương pháp dựa trên *nguyên lý điều hợp quang học (le principe de mélange optique)* mà họ đã chịu khó bỏ công nghiên cứu và tìm hiểu mới giúp họ vững bước trên con đường sáng tạo. Cũng vì vậy các họa sĩ ấn tượng đã từ bỏ việc minh họa các hình thể với những đường nét ước lệ (conventionnel) cứng nhắc. Thay vào đó là những quét sơn kế cận, khi dọc, khi ngang, khi ngắn khi dài, có khi chồng chéo lên nhau để tạo ra những bóng dáng mơ hồ... Nhìn gần, những lát sơn quét này chỉ cho ta một hình ảnh nhòe nhoẹt chẳng rõ hình thù ra sao. Nhưng với khoảng cách, do tác động của ánh sáng, chúng lại hòa hợp với nhau và đem lại cho ta hình ảnh của một cảnh vật không ngừng chuyển động. Ngoài ra, cùng với việc bỏ rơi các hình thể đậm nét, họa sĩ ấn tượng cũng thay thế cách pha trộn màu sắc bài bản để tạo ra các khoảng không gian sáng tối, đậm nhạt bằng những quét sơn màu tiếp cận nhau hoặc chồng chất lên nhau. Hệ quả là, với khoảng cách và do tác dụng của truyền bá ánh sáng, những quét sơn màu này, thay vì là những vệt loang lổ, lại truyền đạt cho ta cái ấn tượng của một bầu khí quyen với ánh sáng đang nhảy múa trên mặt biển *lung linh sóng nước* ; hoặc đem lại cho ta cảm giác đang đứng trước một thực tại sinh động như khi ta *đưa mắt lắng nghe tiếng gió reo vui trên cánh đồng rực rỡ hoa mào gà*. (coi Monet, *Les Coquelicots 1873*).

Trên đây là trình bày sơ lược về ý nghĩa nội dung và về một vài bí quyết thủ thuật trong ngôn ngữ sáng tạo của hội họa ấn tượng. Chúng tôi xin dành cho quý độc giả phần quan sát bức « *Impression, soleil le-*

vant » (1) để thưởng lãm và đánh giá công trình nghiên cứu và học hỏi của trường phái ấn tượng đã đóng góp cho sự cách tân hội họa như thế nào.

NGUYỄN BẢO HÙNG

(Février – Avril 2011)

(1) Có thể truy cập dễ dàng trên Google bằng cách gõ : « *soleil levant monet* ». Ngoài ra quý vị nào có dịp viếng thăm Paris có thể tới coi tận mắt bức tranh của Monet trưng bày tại Le musée Marmottan Monet 2, rue Louis – Boilly, 75016 Paris. Mở cửa từ 10 giờ tới 18 giờ mỗi ngày, ngoại trừ thứ hai hàng tuần và hai ngày 1-5 và 25-12.

Tài liệu tham khảo :

- Elisabeth LIEVRE-CROSSON : *Comprendre la peinture* – Les Esentiels Milan , Editions Milan 1999.
- J.J LEVEQUES : *Les Années Impressionnistes 1870-1889* - ACR Editions Internationales 1990.
- Nadeije LANEYRE-DAGEN : *Lire la peinture dans l'intimité des œuvres* – Collect. Comprendre et Reconnaître, Edit. Larousse 2002.
- Patricia FRIDER-CARASSAT & Isabelle MARCADE : *Les Mouvements dans la peinture* – Collect. Comprendre et Reconnaître, Edit. Larousse 2003.
- Nicole TUFFELLI : *L'art au XIXè siècle* – Collect. Comprendre et Reconnaître, Edit. Larousse 1987.
- Dominique LOBSTEIN : *Au temps de l'impressionnisme* – Gallimard 1993/Réunions des Musées Nationaux.
- Laure-Caroline SEMMER : *Les œuvres-clés de l'Impressionnisme* – Collect. Comprendre et Reconnaître, Edit. Larousse 2007.
- Isabelle CAHN : *Comment regarder Monet* – Edit. Hazan, Paris 2010.

Những câu chuyện tình ... như lan rừng tỏa hương

Đỗ Phú

Tặng anh Nguyễn Văn Trí

Nói chuyện về tình người thì kể như không bao giờ cạn. Con người có tư duy mà tư duy khởi đầu có thể khởi nguồn từ những đòi hỏi của các nhu cầu cơ bản để sống như ăn no, mặc ấm, yêu đương giận hờn, gồm tình yêu đồng loại, yêu thương sinh vật, yêu thiên nhiên, yêu súc vật sống chung quanh hay cùng đồng hành với mình. Luận về hoa, các loài hoa thì hết sức thi vị, cũng gần như những chuyện dài vô tận, nhất là nói chuyện về hoa lan rừng, nhiều màu sắc, hương thơm cũng nhiều cường độ, bông thì thơm ngát, bông thì dịu dịu, nhẹ nhàng thanh thoát.

Hàng năm, chúng tôi thường tìm dịp nghỉ hè đi chơi một đôi nơi, vừa để nghỉ ngơi, thư giãn vừa để xem cảnh xem người, chúng tôi đưa các con đi du lịch, năm đi gần, năm đi xa tùy theo túi tiền để dành được. Năm ngoái chúng tôi đến Hawaii, đi tắm biển Waikiki, đi chơi thăm công viên bách thảo, sinh thái, công viên mưa ẩm ướt quanh năm (rain for



Nguyễn Văn Trí khoá 4/70
Trừ Bị Thủ Đức

est), được ngắm một bờ rào dài 30,40 thước đầy đặc hoa lan, nhiều loại khác nhau, đủ màu, đủ loại nhưng lan trắng nhụy hồng, tím nhiều hơn cả. Lần đầu tiên chúng tôi thấy hoa

lan nhiều như vậy. Nhà tôi thì vừa xem vừa hết trầm trồ khen ngợi chỗ này đến chỗ kia. Nhìn thấy hoa lan rừng nở nhiều như vậy chúng tôi mới hiểu người Hawaii đã dùng hoa lan nhiều trong vùng của họ và khi vừa bước xuống máy bay, chúng tôi đã được nhân viên tiếp đón bằng một nụ cười tươi, câu chào Aloha và một vòng hoa lan chèoang vào cổ. Rồi một đoàn

vũ nữ chừng 10 cô mặc váy lá gồi (bây giờ họ thay lá làm bằng tơ lụa hay nylon), đeo

vòng cổ hoa lan tươi thật đẹp nhẹ nhàng nhảy uốn lượn chào đón du khách theo vũ điệu Hula Hawaii thật đẹp. Thấy họ dùng nhiều hoa, bây giờ chúng tôi mới hiểu dân Hawaii giống được nhiều hoa lan và có thể nói là đủ loại dễ dàng và nhiều vô kể. Hoa lan thường giữ được vẻ tươi đẹp nhiều ngày, có khi đến cả tháng, nhưng đến khi tàn, cắt cuống, chăm nom, tưới bón cho đến ngày có được một vài bông mới rất lâu, thật là trần ai, vất vả, một phần có lẽ chúng tôi ở xứ lạnh, không hợp với

hoa lan. Hoa lan đòi hỏi khí hậu nhiệt đới, ẩm ướt, nhưng không quá nhiều nước, khí hậu mát mẻ, lan có nhiều loại hết sức đẹp, nói chung lan khó trồng, buộc người chơi hoa phải học hỏi, tìm tòi cho thấu hiểu về đời sống của lan, bỏ nhiều công sức chăm sóc chúng thì mới mong thành công trồng nó cho ra hoa đẹp được. Ở Việt Nam trước những năm 1970, thú chơi lan chỉ dành cho thiểu số người thích hoa lan. Nhiều người chỉ biết có ngọc lan, hoàng lan, mộc lan sau thêm nhiều loại lan rừng. Ngày nay phong lan, địa lan lên đến hàng trăm loại với muôn vẻ, muôn màu, hương sắc thắm tươi, việc phổ biến cách trồng tia lan được rộng rãi nhưng trồng được một bông lan vẫn còn là cả một công trình lớn. Nhiều người đi tìm cắt những cụm bông lan rừng hiếm quý về treo với cả niềm thích thú say mê. Lan là hoa được nhiều người ưa thích nên việc trồng tia cũng đã được phổ biến sâu rộng, nhưng trồng hay săn sóc hoa cho thành công vẫn đòi hỏi nhiều trí lực. Tôi được biết tới hoa lan khi đọc các bài viết của nhà văn Nhất Linh về thú chơi hoa lan, ngày ông dọn nhà lên Đalat sống ẩn dật vào những năm đầu 1960. Cùng vào thời gian này tôi có ông chú họ rất thích trồng hoa, hoa ông trồng gồm nhiều loại, bày la liệt trên sàn gỗ phía sau nhà, mỗi khi có một bông lan nở là ông lại gọi tôi sang uống trà, ngắm hoa nghe ông kể chuyện về loài hoa lan rừng mà ông sưu tập được. Ông nói về hoa lan say sưa như một nhà truyền đạo, tôi ngồi chăm chú nghe tuy có thích nhưng tâm hồn chưa đạt tới đích của một tín đồ. Hình ảnh hoa lan và những câu chuyện kể về lan đã được cất giữ sâu trong đáy trí óc của tôi.

Gần đây nhà tôi thích hoa lan, nên trong nhà tôi lúc nào cũng có hai ba chậu hoa lan tươi và sau nhà thì hàng chục chậu lan đã hết hoa đang được chăm sóc chờ hoa nở vào dịp tới. Hoa lan đủ màu sắc, vàng, trắng, đỏ, tím... hai màu tôi thích nhất là vàng và tím. Ngắm nhìn những cành hoa lan mọc dài, uyển chuyển, nhẹ nhàng tinh khiết, màu sắc tươi sáng, tinh xảo, đẹp huyền ảo gọi cho tôi nhiều cảm nghĩ về hình bóng đẹp của tâm hồn người phụ nữ Việt. Họ đã phải trải qua thời ly loạn 1960-1975, sau đó dù chiến tranh không còn nữa nhưng số kiếp con cò lận đận bờ sông của họ vẫn không giảm. Biết bao nhiêu thảm cảnh mà người dân Việt đã gánh chịu trong thời gian qua và còn tiếp tục trong hiện tại. Một điển hình về sự cần cù, tấm lòng yêu thương chồng con vô vàn của chị Trí đưa tôi về một đoạn đời nhiều biến động đã qua. Cuộc đời của anh Trí trải qua nhiều gian truân như người ta thường nói cuộc đời nổi trôi như vận nước, và những cuộc tình của anh cũng trôi nổi theo mỗi nhịp đập của cuộc chiến VN, và nó phản ánh những điểm chung của nhiều người cùng sống và lớn lên trong giai đoạn bi thảm này. Vì vậy mà tôi, mỗi lần có dịp ôn lại tình bằng hữu của quá khứ, tôi lại nghĩ đến anh chị Trí. Anh chị Trí và chuyện tình của anh chị là những chuỗi tình đẹp nhưng cũng đượm buồn vì không khí chiến tranh tại Việt Nam. Bạn Trí đã được hưởng những mối tình trong sáng, tình cảm, yêu thương nhau với tinh thần chồng vợ thiêng liêng và anh đã sống trọn vẹn cho những cuộc tình này.

Tôi gặp anh Nguyễn Văn Trí lúc anh mới vào làm cho trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Việt Nam trên đường Nguyễn Du vào khoảng 1957-60, anh làm thư ký nhưng

sớm được coi như tổng thư ký vì anh được ông Giám Đốc Nguyễn Phụng trọng dụng và giao cho gần như mọi việc từ thư ký đến phụ tá riêng của ông. Mỗi lần về Sài Gòn tôi lại thăm anh, tôi thường gặp anh bên cạnh ông Giám Đốc. Khi được anh giới thiệu, ông Phụng đón tiếp tôi rất niềm nở, thoải mái. Anh Trí tính tình cởi mở, luôn luôn nở nụ cười vui vẻ với mọi người, anh cũng rất khéo léo, một điều mà tôi học được nơi anh là mỗi lần gặp bạn bè, anh lúc nào cũng nhớ một điểm đẹp nào đó của người bạn hay một câu nói ý nghĩa của họ để nhắc lại. Tỉ dụ như gặp Hải, Trí nói Hải ơi bạn bè ai cũng nhớ lời khuyên vô giá của bạn là còn trẻ đừng quên học hành. Học càng cao trí óc càng mở mang và giúp cho chúng ta có công ăn việc làm tốt, có tấm lòng cởi mở hơn. Thời gian đó 1954-1960 là thời gian miền Nam đang chuyển động, phát triển mạnh, mở rộng của nền giáo dục, tuổi trẻ ai cũng lo đi học, đi làm. Gặp tôi thì anh nói hôm nọ cậu nói câu đó ... đúng quá, làm tôi suy nghĩ hoài, tôi thật sự cũng không nhớ là mình đã nói điều đó hay không. Nhưng tôi vẫn cảm thấy thoải mái lâng lâng về lời khen của Trí trước bạn bè. Còn đối với mấy cô gái trẻ, các cô sinh viên của Học Viện thì anh hình như không bao giờ thiếu lời khen họ, mỗi người mỗi câu và lời khen được chọn lọc, thực tế không quá thố lộ làm nhiều cô chắc không khỏi thỏn thức vì được khen đúng người, đúng vẻ. Anh có cái hay là nhớ và biết ai thích gì, ưa nói chuyện như thế nào. Mỗi lần chúng tôi gặp lại nhau, anh lại kể cho tôi nghe, anh mới quen cô này cô nọ, toàn là mấy cô gái trẻ đẹp, con nhà gia thế. Anh thường kể cho chúng tôi nghe cô này học Gia Long, cô nọ học Marie Curie, anh đang làm việc ở

trường Quốc Gia Âm Nhạc, nơi thu hút nhiều thanh nam, thiếu nữ trẻ đẹp, nên có nhiều cơ hội chỉ dẫn cho họ rồi đi đến chỗ quen biết dễ dàng. Anh ăn ở ngay trong trường, căn nhà ngang được chia làm nhiều phòng, phòng đầu cấp cho anh, anh dùng làm phòng làm việc và ở luôn tại đó. Ba, bốn phòng kế cận được dùng làm các lớp dạy cổ nhạc. Bạn bè đến chơi với anh đều thấy thoải mái, anh lúc nào cũng tiếp bạn bè niềm nở, có sẵn một vài món quà tặng bạn bè lưu giữ làm kỷ niệm. Những món đồ tặng thường nhỏ nhưng có ý nghĩa. Một lần anh gắn vào túi tôi cây viết Bic loại bấm lên xuống, nói bây giờ ai cũng đeo hai ba cây bút trước ngực để tỏ ra mình là trí thức, cậu có dáng vẻ thư sinh, đeo kính cận nếu thêm cây viết trước ngực thì đúng là nhà trí thức trẻ tuổi. Có lần tôi nói chuyện với anh là anh cũng giống tôi, có cái gì hay đẹp mình lại thích dành cho bạn bè. Anh rỉ tai tôi: của cho là của được, mình cho ai hay tặng ai cái gì là mình được thêm nhiều thứ đáp lại, thấy tôi có vẻ chưa hiểu, anh nói mình cho ai một món quà mình nhận ngay được lời cảm ơn, nhận được đáp lễ và nhiều khi những đôi mắt triu mến của những người mình muốn làm quen. Vào năm 1959,1960, anh giới thiệu với tôi nhiều bạn gái trong đó có hai cô đã dành nhiều cảm tình với anh là Mậu Hải và Thục Đoan, cả hai đều trẻ đẹp, tính tình dễ thương. Mậu Hải đang học đệ nhất Gia Long, tuổi chừng 17, 18 nhí nhánh thơ ngây. Bạn Trí kể cho tôi nghe nhiều về Mậu Hải, có lần dẫn tôi tới thăm gia đình Mậu Hải, cả gia đình đều quý mến anh. Anh cũng thường đến chỗ mọi người đi chơi. Hồi đó anh mua được chiếc Simca9 cũ nhưng còn tốt, có xe hơi vào những năm 60 là biểu tượng của dân giàu có,

của giai cấp cao, quyền thế. Anh Trí đã bước vào giai tầng thượng lưu này. Với chiếc xe hơi, tôi thấy anh hết sức bận rộn, hết chỗ người này đến người khác, đi chơi đi công việc ai cũng muốn nhờ anh, tôi cũng đã vài lần mượn chiếc xe của anh để chở bạn bè vào những dịp cưới hỏi. Anh cho biết anh đã có hai cuộc tình đến gần như cùng một lúc. Một người nhí nhảnh, tươi mát, hồn nhiên, xinh đẹp và trẻ trung lúc nào cũng nói chuyện líu lo như chim hót, đó là Mậu Hải đang học lớp đệ nhất ở vào tuổi 17, 18. Gia đình thuộc giai cấp công chức trung lưu, yêu anh cuồng nhiệt, còn một người thì chững chạc, đoan trang, giáng đáp quý phái, gia đình khá giả, công chức bậc trung, cô ăn nói từ tốn, chín chắn, cô đang học được khoa, ngày đó ai vô được y dược được coi là thành phần học giỏi, gia đình gia thế hay sung túc mới có thể yểm trợ cho con cái ăn học đến nơi đến chốn như vậy. Trí nói anh nghĩ rằng anh không thể lấy Thục Đoan dù anh biết cô yêu anh vì giai cấp hai gia đình quá chênh lệch, gia đình anh thì nghèo, anh không được ăn học đến nơi đến chốn. Anh đã chọn Mậu Hải, Mậu Hải thông minh, bình dị không có nhiều tham vọng và hai người kết hôn vào đầu năm 1961, anh đã mời tôi làm phù rể. Hai vợ chồng dọn về ở trong Trường Quốc Gia Âm Nhạc. Sau khi lấy nhau, thực tế của đời sống với nhiều nhu cầu thiết yếu đã làm cho cuộc sống của vợ chồng anh gặp nhiều khó khăn. Lương của anh không đủ cho một gia đình nhỏ. Mặc dầu anh là người có nhiều sáng



Nguyễn Văn Trí
năm 2010

kiến, nhiều chương trình làm ăn để cầu tiến, để vươn lên, nhưng tất cả còn trong lý thuyết, anh chưa thực hiện được điều sở ước nào thì hôn nhân đã tới. Anh nói tình yêu đến với anh quá cuồng nhiệt và gia đình nhà gái muốn anh chị sớm đi đến hôn nhân. Một túp lều tranh, hai trái tim vàng nhưng vẫn bị sáo trộn bởi thiếu hụt tiền bạc, cơm gạo. Năm sau cháu trai Trí Khôi ra đời, cuộc sống của anh chị lại khó khăn thêm. Tôi nhớ anh có mở một quán giải khát có ăn sáng cho chị làm để kiếm thêm thu nhập tại trường nhưng cũng chẳng được là bao. Ít lâu sau anh bị gọi nhập ngũ, anh lên đường với 9 tháng quân trường rồi nay đây mai đó, tình hình chiến sự càng ngày càng gia tăng, do việc Cộng Sản đòi hỏi bầu cử theo như qui định bởi Hiệp Định Geneve, nhưng không được vì chính phủ miền Nam chấp thuận vì biết rõ bộ mặt thật lừa gạt dân của chúng. Chúng bày ra mặt trận giải phóng miền nam, lấy chiêu bài dân chúng nổi dậy tự phát để xâm lấn miền Nam. Anh đã lên đường, lương lính không đủ trợ giúp gia đình nên Mậu Hải phải bế con về ở với bố mẹ.

Sau một thời gian xa cách, cuộc tình sôi nổi của anh chị một thời cũng nguội dần rồi tan vỡ, Mậu Hải ôm cầm sang thuyền khác, trao trả lại cho anh đứa con trai, anh nhờ bên nội nuôi nấng dùm. Cuộc chiến ở miền Nam đã làm cho những giấc mộng làm giàu, sống thoải mái với vợ đẹp con khôn của anh đứt đoạn. Thuyền tình vừa rời bến đã gặp sóng lớn làm vạt vờ rồi tan vỡ. Mỗi lần gặp anh,

anh đều kể chuyện về mối tình đẹp của anh chị, rồi nói số trời đã định, nên anh chị chỉ có thể sống với nhau được 6 năm. Bây giờ hai người vẫn là bạn, xem gia đình hai bên như gia đình của mình.

Khi trở về Sài Gòn làm việc, anh gặp lại Thục Đoan, cô cho hay tình cảm của cô dành cho anh vẫn như xưa, nghĩa là vẫn yêu anh dù thời gian đã qua 12 năm. Cô và cả gia đình vẫn dành cho anh mọi cảm tình yêu quý. Đã nhiều người quen hay do mai mối nghĩ ý muốn lấy cô, nhưng cô đều từ chối. Trí nói: trước tình cảm âm thầm và chung thủy của Thục Đoan suốt 12 năm qua, anh đã xóa bỏ được mặc cảm thua kém về học vấn, về giai cấp và ý thức môn đăng hộ đối. Hai người đã đi đến hôn nhân vào tháng giêng năm 1968. Thục Đoan là cô gái thùy mị, duyên dáng, Ý tứ, lại học giỏi. Cô bỏ ngành dược, đi dạy học hai môn Pháp và Anh Văn, đến 48 giờ một tuần, để cuộc sống gia đình không bị thiếu thốn. Dù cho cuộc chiến càng ngày càng tàn khốc, gia đình anh chị càng bồng bênh, Thục Đoan đã mang lại cho anh một niềm vui sống yêu đời, yêu quê hương đất nước, một tình yêu chân chất. Cô luôn coi anh như một người anh và cũng sẵn sàng ngăn cản anh khi thấy anh có làm điều gì sai trái. Anh chị được hai người con, một trai và một gái, cộng cháu trai đầu là ba. Ra hải ngoại được ít lâu, Thục Đoan lâm bạo bệnh và ra đi vào năm 1989 để lại cho anh bầy con nhỏ. Anh kể rằng 21 năm chung sống, rồi 22 năm ly biệt, kỷ niệm yêu thương tràn đầy vẫn còn trong anh. Gặp lại anh cách đây ba năm, bước vào tuổi ngoài bảy mươi, tôi thấy anh vẫn hoạt bát, vui vẻ, trẻ trung và khỏe mạnh. Anh đã tìm thấy sự bất tử trong tình yêu. Anh sống với đầy kỷ

LA SOLITUDE

Le jour où j'ai vécu cette colère
Après avoir pleuré comme un enfant.
J'ai pris l'habitude d'aimer la solitude.
Quand tout est complexe et bruyant
La solitude est ma seule amie
Elle m'apaise
Au bord du lac des pensées solitaires
Elle m'emmène
Et y reflète mon visage ébréché
La solitude est affectueuse
C'est l'intimité sélective
Si difficile à approcher.

No Chon Myung

No Chon Myung: (1912-1967) Nữ thi sĩ Đại Hàn. Bà sinh tại Whang-Hal, ký giả về văn học cho nhật báo Chosun Ilbo, Giáo sư Đại học Mỹ Thuật Séoul.)

CÔ ĐƠN

Ngày tôi đã sống gặm hờn,
Sau khi khóc như đứa trẻ,
Tôi mang thói yêu cô đơn.
Mọi thứ ồn ào phức tạp,
Cô đơn là bạn duy nhất.
Bạn làm xoa dịu tâm hồn,
Bên hồ suy tư quanh quẽ
Bạn dẫn dắt tôi đến nơi
Phản chiếu mặt tôi nứt mẻ.
Cô đơn rất đổi triu mến,
Đó là thân mật chọn lọc,
Rất khó để mà tới gần.

Nguyễn Mây Thu

Dịch
(Paris, 27-04-2011)

niệm. Anh tự hào kể rằng mỗi ngày đã qua là một kỷ niệm êm đẹp. Cuộc đời của anh là đáng sống, anh đã làm những công việc mà anh không ngờ tới là mở được một nhà hàng ăn ở Marseille và nuôi được cả ba con nên người. Từ ngày chị Thục Đoan ra đi, anh không nghĩ đến chuyện lấy vợ nữa, anh cho là anh còn bốn phận với con cái, nay chúng đã học hành xong, đã có công ăn việc làm tốt, có gia đình, thế là anh mãn nguyện. Gần đây anh có làm một cuốn băng khá công phu nói về đời sống của anh qua hai cuộc tình mà anh cho là buồn nhưng đẹp và cuộc sống của các con anh. Nếu có những gì xảy ra không hay anh cho đó là số trời mà không oán trách, giận hờn ai cả. Tôi coi cuốn băng anh thực hiện là một công trình đáng khen, coi nó như một cuốn hồi ký về đời mình, cuộc đời của anh mà tôi thấy cả một thời gian dài có tôi cùng những người cùng lớp tuổi trong đó. Thời đại anh sống là thời chiến tranh khắc nghiệt, tàn khốc đầy oan khiên ngang trái, làm cho nhiều người đau đớn, bệnh tật, chia lìa mà với anh sự đau khổ làm cho tâm hồn con người thêm nhẹ nhàng và thanh cao. Bạn Trí đã được hưởng hai mối tình đẹp mà ít ai có được, khi cuộc tình mất, anh chỉ cho đó là số mệnh, và nâng niu những ngày tháng cũ qua những ngày lao động vất vả chăm lo cho các con nên người. Ghé thăm anh ở Marseille, anh chỉ cho chúng tôi xem hình ảnh của gia đình anh, nơi ăn chốn ngủ của chị Thục Đoan anh còn giữ nguyên vẹn, anh nói như vậy anh không phải đập cổ kính ra tìm lấy bóng. Hình bóng của người anh yêu luôn luôn ở bên anh, phù hộ cho anh như lời chị nói lúc còn sống, là sẽ cố gắng mãi mãi bên nhau.

Sau tháng tư 1975, chúng tôi đã là chúng nhân của nhiều đổi thay, nhiều câu chuyện nhân gian nó đến rồi đi như mình không hề tưởng tượng ra được. Có vài anh bạn, lúc vợ chết anh tỏ ra đau đớn, buồn phiền, có anh khóc buồn thảm như có thể ra đi theo vợ ngay được, vậy mà không ngờ chưa đến một năm sau, tôi đã thấy anh đang hoan hỉ với cuộc tình mới. Có bạn ngày xưa rất giàu, có đầu óc kiếm tiền, nhìn đâu anh cũng thấy có thể moi ra tiền, bây giờ ở hải ngoại phải làm ăn thực sự mới có cuộc sống dễ chịu thì anh sợ, anh chê, rồi đi đến buồn phiền, chán đời đưa gia đình đến chỗ suy sụp. Cuộc chiến miền Nam thay đổi là một sự đổi đời của mọi người, tôi nghĩ là một bài học lớn cho nhiều người trong chúng ta. Bạn Trí của tôi đã tỏ ra người biết sống, anh tranh đấu để vươn lên suốt cuộc đời nhưng chiến tranh đã lấy đi hết cả và anh chấp nhận những gì đã gặt hái được, sống trọn vẹn với nó rồi lưu giữ nó trong ký ức như những kỷ niệm buồn nhưng đẹp trong cuộc đời mình. Một triết lý sống cao mà mấy ai đã nhìn thấy.

Đỗ Phú
(Virginia)

**XIN ĐỌC
và
CỔ ĐỘNG
TẠP CHÍ CỎ THƠM**

Tình Khơi Sóng Vỗ

© 1969 Huy Lâm

Nhạc & Lời:
Huy Lâm

Slow ♩ = 56

Làn sóng — ngoài biển xa vờn bóng — chiều sắp qua,
trời mây bao la một bóng ta. Hàng cánh — bướm nhấp nhô đùa trước — làn gió đưa,—
— chân trời nhạt nắng bên bờ đại dương. Nhạc sóng — trầm tiếng ca, chiều
xuống — buồn vắng xa, — khung trời xanh biếc một màu dịu hiền. Nàng đến — cùng với
ta, tà áo — màu ước mơ, khóc tình duyên thiếu mặn mà. Ngày
nào — môi hồng chưa biết sầu, — mơ tình duyên thắm màu, và mắt chưa hoen lệ
sầu. Nhưng thôi em buồn làm chi, quên đi âu sầu biệt ly, nào ai hay

The musical score is written in treble clef with a 4/4 time signature. It features a tempo marking of 'Slow' and a metronome marking of '♩ = 56'. The melody is characterized by a series of eighth and quarter notes, often grouped in triplets (indicated by a '3' above the notes) and accented (indicated by a 'v' above the notes). The lyrics are written in Vietnamese and are aligned with the notes of the melody.

TÌNH KHỜ SÓNG VỖ (trang 2)



ngờ tình chóng phai tàn! _____ Cuộc đời còn nhiều niềm vui, mộng đời còn



nhieu đẹp tươi, rồi một ngày mai em bước đi trên đường dưới ánh nắng ấm, quên



kiếp người bao đắng cay, ai biết tình ai đổi thay, làn sóng kia bao giờ dứt khúc ca thiên



miên? Ngày nào _____ bên hàng cây liễu già _____ em cùng ta nô đùa, lòng trắng trong bên cuộc



dời. Đêm nay em tôi u buồn, mai đây nắng lên chân trời bùng tươi trăm



ngàn ánh dương hồng. _____ Làn sóng _____ ngoài biển khơi lùa bước _____ nàng với tôi,



rạt rào ru ai vào giấc mơ. Làn sóng _____ hòa tiếng ca, ngàn



ánh _____ vàng nhấp nhô _____ dưới trời sao Thái Bình Dương. _____

DI CHUYỂN TÌNH CẢM

VIỆT BẰNG

[1]

Xuân đã đi dạy học tỉnh lẻ 7 năm vẫn chưa được chuyển về Sài Gòn, trên nguyên tắc chỉ cần 5 năm.

Một ngày đầu tuần của tháng 8 -1970, Xuân đến Bộ Quốc gia Giáo Dục hỏi tin tức về Danh sách chuyển chuyển giáo sư Đệ Nhị cấp trong niên học mới 1970 - 1971 .

Trên bảng kê bên ngoài Văn phòng thứ trưởng, một cô gái Huế nhỏ nhắn cũng kiên nhẫn ngồi chờ như chàng. Bất chợt cô gái nhìn đồng hồ và nói với Xuân:

- Sáng thứ hai thường họp giao ban, mấy GS Nha Du học nói giai hơn mấy giáo sư ở sở Tu Thư. Đã đến đây, dù sao cũng phải chờ đợi anh nhì.

- Cô xin du học hay xin chuyển về Sài Gòn?

- Xin chuyển, em mới ra trường Đại Học Sư Phạm Huế, ban Pháp Văn năm ngoái, năm nay xin về Sài Gòn, thử thời vận xem sao?

- Thảo nào cô còn giữ được nhiều nét nữ sinh, nếu để mất đi sau này cô sẽ tiếc vô cùng những nét đẹp ấy.

- Cảm ơn anh... Tên em - Tôn nữ Nguyệt Thu, cựu học sinh Trường Đồng Khánh Huế, còn anh?

- Lê Trường Xuân, GS Trung học Tổng hợp Kiến Hòa.

- Vậy tên anh ghép với tên em là tên một bộ sách rất nổi tiếng của Trung Quốc - Kinh Xuân Thu.

- Cũng là cái duyên của Thu và anh, nếu buổi họp giao ban chấm dứt sớm để gi anh đã gặp được Thu.

- Anh nói vợ vào khéo lắm, con trai Bắc Kỳ có khác.

- Không phải vợ vào mà hâm mộ người đẹp xứ Huế đó thôi.

- Nói thật với anh, em đã có tên trong Danh sách chuyển năm nay, hôm nay đến Bộ để biết rõ nhiệm sở ở trường nào.

- 7 năm công vụ rồi, kết quả của đơn xin chuyển, anh còn chưa biết, chưa dám nghĩ đến nhiệm sở.

- Anh cứ yên tâm, em nhận anh là thầy của em khi gặp Thứ trưởng, kết quả sẽ khá quan hơn. Chẳng dẫu gì Anh, Chú của em – Tỉnh trưởng Thừa Thiên là bạn thân của Thứ trưởng.

- Xong vụ này, Anh mời em dùng bữa cơm chiều ở Mỹ Cảnh, nhà hàng nổi trên sông Sài Gòn.

- Chịu liền.

Ngay lúc đó, cửa Văn Phòng Thứ trưởng mở rộng, một số người từ trong đi ra, Thứ trưởng ra hiệu bằng tay, bác tùy phái mời khách vào trong. Thu vội đứng lên đi vào phòng và quay lại nói:

- Kết quả sẽ tốt thôi, anh ngồi chờ, không cần lo lắng.

- Cảm ơn người đẹp đất thần kinh.

Khoảng 20 phút sau, Thu ra khỏi phòng tươi cười và hẹn chờ Xuân ở phòng khách dưới nhà.

- Mời vị kế tiếp, bác tùy phái nói.

- Có tôi.

Thứ trưởng đang ngắm nghía bức tranh lập thể, vừa được đóng lên tường, thấy khách, ông trở lại bàn giấy.

- Mời giáo sư ngồi.
- Cảm ơn Thứ Trưởng.
- GS Nguyệt Thu, vừa ra khỏi phòng, nói với tôi GS là thầy cũ của cô ấy khi còn học ở Trung Học Duy Tân Phan Rang.

- Dạ, cô ấy mới nhận ra người thầy cũ khi ngồi chờ trước cửa văn phòng thứ trưởng.

Cô thư ký riêng của Thứ Trưởng đến bên Xuân hỏi vài chi tiết để tìm hồ sơ, Chưa đầy 5 phút sau, cô trình Thứ Trưởng hồ sơ của Xuân, trên tờ bìa có ghi vắn tắt những điểm chính cần giải quyết.

Nhìn vào hồ sơ, Thứ trưởng nói:

- GS nộp đơn xin chuyển về Sài Gòn năm học 1966-1967 khi vừa đủ 5 năm thâm niên công vụ. Năm học 1967-1968, GS có tên trong Danh sách chuyển GS Đệ Nhị Cấp nhưng năm ấy có vài GS ở vùng nước độc hay vùng hòa tuyến được ưu tiên hơn giáo sư. Năm nay, GS có tên trong danh sách chuyển về Sài Gòn sau 2 năm đảo hạn, tôi giải quyết cho GS ngay bây giờ.

Cô thư ký đến bên Thứ trưởng đệ trình bản danh sách các trường có nhu cầu nhận GS, trong đó có ghi rõ bộ môn chưa có giáo sư giảng dạy.

- GS dạy bộ môn nào? Thứ trưởng hỏi.

- Dạ, Triết học.

- Thời còn ở Đại học Sorbonne, Paris, tuy là sinh viên ban Khoa học nhưng tôi mê Triết học hiện sinh của J.P. Sartre. Nên rất có cảm tình với những GS dạy môn này. Ngoài Triết học, GS còn dạy được bộ môn nào nữa?

- Dạ, Anh Văn hay Pháp Văn.

- Nếu vậy, dễ xếp hơn. Theo báo cáo của Nha Trung học: Trung học Kiều Mẫu Thủ Đức cần 1 GS Triết. Trung học Nguyễn Trãi Khánh Hội, 1 giáo sư Pháp Văn lớp 11 và Trung học Đô Thị Hùng Vương, 1 GS Anh Văn lớp 10. Vậy GS chọn trường nào?

- Tôi ở Quận 5, xin chọn trường Trung học Đô Thị Hùng Vương.

- Tốt lắm, năm học này, trường Hùng Vương chỉ có 12 lớp 10, năm tới sẽ có 12 lớp 11, năm kế tiếp có 12 lớp 12. Lúc ấy giáo sư có thể dạy đúng bộ môn của mình.

- Cảm ơn Thứ trưởng đã quan tâm đến trường hợp của tôi.

- Không có gì phải cảm ơn, đó là nhiệm vụ của tôi. Trong 3 ngày GS nhận được Nghị Định chuyển. Hiệu trưởng Trung học Kiến Hòa sẽ nhận được Công điện của Bộ về việc chuyển của GS ngay trong ngày hôm nay.

Thứ trưởng đứng dậy vui vẻ bắt tay, trước khi Xuân ra về.

Khi vừa bước xuống bậc chót cầu thang, gần cửa phòng khách tầng 1, Thu chạy đến ôm lấy vai Xuân và lắc nhẹ.

- Xong việc rồi chứ anh?

- Xong, rất mỹ mãn và rất cảm ơn em.

- Em chưa chịu về đâu.

- Anh mời em đến La Pagode, bên kia đường Tự Do để nói chuyện, ăn kem và bánh ngọt.

- Rõ ràng anh lúc nào cũng hào ngọt.

- Không hào ngọt mà chỉ hào Trăng Thu để làm thơ.

- Chịu thầy rồi! trò sao cãi nổi thầy.

Khi đến La Pagode, Thu chọn bàn cuối phòng trong, nơi ánh đèn mờ mờ. Người bồi bàn đến, Xuân đặt 2 Cacao nóng, 1 đĩa bánh ngọt và 1 ly kem cho Thu.

- Anh thường lui tới tiệm này?

- Cũng thường, mỗi khi có việc đến Bộ Giáo Dục.

- Em đã quen với thành phố này chưa?

- Chưa, còn lạ nước lạ cái.

- Hôm nào đi ăn ở nhà hàng nổi Mỹ Cảnh, anh đến đón em nhé!

- Sẵn sàng, sẽ đón em ngày thứ sáu tuần này, khoảng 6 giờ chiều, em nhớ chuẩn bị trước.

- Anh nhớ lên lầu chào Má em và xin phép người dẫn em đi chơi. Chẳng lẽ vác con

gái người ta đi chơi khơi khơi mà không nói một lời nào.

- Em đừng lo chuyện đó, anh lịch sự có thừa. Nhìn đồng hồ, đã gần 3 giờ chiều, Xuân trở lại Bộ Giáo Dục lấy xe đưa Thu về nhà.

[2]

Vài ngày sau, đúng 6 giờ chiều thứ sáu, Xuân ăn mặc chỉnh tề ra mắt Má Thu nhưng vừa đến nhà, Thu cười và nói:

- Má miễn cho anh ra mắt, cứ để tự nhiên, hôm nào gặp người sẽ nói chuyện với anh đổi điều. Hôm nay em muốn đổi chương trình.

- Thu sợ dị ứng với đồ biển của nhà hàng Mỹ Cảnh?

- Không, Em xin phép Mẹ đi ciné với anh xuất 9 giờ đến nửa đêm thì phải về đúng giờ đó. Vé em đã mua rồi để trong ví. Bây giờ em mời anh đi ăn bò viên ở hẻm Casino rồi dạo phố trước khi vào rạp xem film LA VALSE DANS L'OMBRE.

- Phụ nữ muốn là trời muốn, trước hay sau cũng phải chiều em thôi.

- Chỗ này là đường Thi Sách ra hẻm Casino cũng không xa, anh để xe ở nhà em, mình cùng đi bộ tới đó.

Chẳng bao lâu đã đến tiệm bò viên, Thu luôn đi trước dẫn lối và chọn một bàn hai ghế ở góc phòng mời Xuân ngồi.

- Em không cần chạy đi order, người phục vụ đang đi về hướng mình, Xuân vừa nói vừa giữ tay nàng, mắt thẳng băng, nàng ngồi xuống ghế.

- Cho 2 tô phở bò viên và 1 đĩa phá lấu cho 2 người, chỉ lấy tim, gan, bao tử heo... và 2 chai xá xị ướp lạnh, nàng nói với người phục vụ khi vừa bước tới bàn.

Chưa đầy 5 phút, các món đồ ăn, đồ uống được dọn trên bàn, nàng cầm chai tương ớt nhỏ xuống tô bò viên và đĩa tương nhỏ trước mặt Xuân và nhanh nhẩu nói:

- Làm giai tể gia đình người Huế, nhất là Hoàng tộc phải biết ăn thiệt cay! bây giờ mời anh dùng khi món ăn còn nóng, vừa ăn vừa nói chuyện.

- Mời em.

- Em hỏi vài câu về đời tư của anh có được không?

- Cứ hỏi, không dám dấu diếm, “học trò” đâu.

- Anh nói ra đây nhé, em tin tưởng lời nói của “thầy”, cho dù thầy không nói thật nhưng trực giác của con gái bén nhạy lắm đó!

- Thôi! đừng rào trước đón sau nữa, em cứ đi thẳng vào câu hỏi.

- Anh sống một mình hay với gia đình? Hôm nào em còn đến thăm anh đáp lễ chứ!

- Ở Kiến Hòa, anh share phòng với một đồng nghiệp – Tôn thất Hi, cũng dòng “Tôn thất” như em, hai đứa cùng chung một giường, một chiếu, một mền, một mùng... nhưng không phải “gay” đâu.

- Không sợ “gay”, sống với em, hết “gay” ngay, bệnh ấy dễ chữa mà. Này anh, Tôn thất Hi là chú ruột của em đây! Ngoan đi, từ giờ quá khứ của anh, em nắm trọn trong bàn tay nhỏ bé này rồi.

- Gớm thật! con gái chưa chi đã đi sâu, đi sát thế.

- Còn ở Sài Gòn, đã có nhiệm sở mới, anh dự định sống với ai?

- Với em! Có chịu không?

- Chưa tiến hành một thủ tục nào mà đòi sống với em, anh muốn gây sự với ông Không Tử và thuần phong mỹ tục Việt Nam phải không?

Thấy anh vui nói đồn chút thôi, đừng để tâm nhé!

- Còn em, chuyện tình cảm thế nào?

- Em có một tình nhân, gọi là vị hôn phu cũng được – giáo sư Pháp Văn, trung học tư thực Thiên Hựu Huế, người công giáo. Cách đây ba năm, anh Hân đến nhà kèm Pháp Văn cho em, anh khá điển trai nên em có cảm tình

nhưng vì khác tôn giáo nên hôn nhân trục trặc ngay từ buổi đầu.

- Bây giờ anh ấy ở đâu?

- Đang ở Thiên Đàng với Chúa, Anh ấy bị động viên khóa 26, Võ Bị Sĩ quan Thủ Đức, khi ra trường được đưa về Đơn vị bảo vệ Vòng đai Phi trường Tân Sơn Nhất, chưa đầy 3 tháng đã hi sinh vì dẫm phải “mìn”.

Sau khi rời quần thịt bò viên, Thu và Xuân đến rạp Casino đúng giờ, người kiểm soát vé đưa họ đến một góc tối trên lầu, vé thượng hạng, một “lot” chỉ có 4 ghế, hàng ghế sau 2 ghế lại trống, nơi đây thật lý tưởng cho những cặp tình nhân.

Ngồi bên người đẹp, thời gian trôi quá mau, chẳng bao lâu xuất chiếu đã vãn, đèn bật sáng, cầm tay Thu, Xuân kéo nàng đứng dậy.

- Để em vào W.C. sửa sang lại quần áo ngay ngắn cho ra dáng con nhà lành. Chờ cho họ về bớt đi, mình thoát khỏi cái nạn nhích từng bước một ở cầu thang.

- Em đi đi, anh chờ ở chỗ này.

- Chịu khó một chút nhé, nàng vừa nói vừa đặt nhẹ một nụ hôn trên môi chàng.

Xuân đang suy nghĩ mừng lung, giọng nàng từ phía sau:

- Thôi về đi anh, kéo má trông.

Về khuya, trăng thượng tuần đã lặn, những ngọn đèn đường phụ họa với ánh sao chiếu đủ sáng cho lối đi của hai người trên vỉa hè. Đường phố thật vắng lâu lâu mới có ánh đèn xe hơi lao vút đi.

Chẳng bao lâu đã đến nhà, Nàng ôm chầm lấy Xuân:

- Thứ sáu, em gọi điện thoại về trường hẹn anh đi chơi cuối tuần.

- Aurevoir.

[3]

Cuộc tình cứ như thế kéo dài theo năm tháng, một đôi lần, nàng muốn có một kết quả cụ thể để làm vừa lòng Má và đề nghị làm lễ ra mắt trước họ hàng, nhưng Xuân khất lại ít

nhất một năm sau khi trả hết tiền mua căn nhà đang ở. Nàng đồng ý.

Từ đó, nàng thường xuyên đến thăm Xuân hàng tuần. Cuối tuần, nàng thường rủ đi Lái Thiêu mua trái cây để có dịp gần gũi nhau hơn trong vườn cây Chôm chôm, Mãng Cụt um tùm. Nhiều lúc nàng sẵn sóc chàng như một người vợ nhưng Xuân vẫn giữ cho nàng.

- Anh giữ cho em vì yêu em chân thành hay không muốn ân hận khi rời bỏ em một ngày nào đó.

- Em là người ơn của anh mà, chẳng lẽ trên đời này lại có một kẻ đối xử với ân nhân bạc bẽo thế sao?

Một lần trong vườn cây ăn trái Lái Thiêu, nàng trái khấn nylon dưới gốc cây và bắt chợt dùng chân trái ngáng Xuân, chàng mất thăng bằng té xuống, cả hai cùng nằm nghiêng trên một mặt phẳng.

- Em làm gì vậy.

- Thử Anh coi có ngang sức với em không? Em Judo đai đen, anh thua là cái chắc.

Từ đó, nàng càng tin tưởng và không muốn giữ cho mình một chút gì nhưng Xuân vẫn giữ cho nàng.

[4]

Ngày 20-04-1975. Thu hót hải chạy đến Xuân mếu máo:

- Tướng Vĩnh, anh của em đã được trực thăng Mỹ bốc đi từ Usaid, hiện đang trên mầu hạm của ham đội 7. Kế hoạch vượt biên của gia đình em đa bị bẻ rồi. Người ta đã trả lại tiền cọc để nhận người mới trả giá cao hơn.

- Em hãy bình tĩnh, tìm chỗ khác cũng chưa muộn.

Ngày 26-4-1975, Tình hình chiến sự diễn biến quá mau, ngoài sự dự đoán của dân Sài Gòn, sau khi thất thủ Long Khánh, lần lượt đến Phi trường Biên Hòa, Bộ Tư lệnh Quân Đoàn III. Long Thành, Bà Rịa, Long Bình v.v....

CÂY TRÂM LÔNG NHÍM

Cây trâm lông nhím kẹp làm nơ
Biết cách giữ gìn láng lấm cơ
Dắt mái tóc thể đen óng mượt
Gội dòng suối chảy đẹp như mơ
Nguyệt cầm lấy khúc đồng giao nhịp
Bầu rượu ngâm nga xướng họa thơ
Đẹp ý say mê từng vũ điệu
Bàn tay thắt bím nét xuân thơ

Phi Hồng Trân

(Maryland)

THẮT NƠ

Họa

Nhìn trộm dáng người đứng thắt nơ
Làm sao chớp lấy được thời cơ
Mong cầu hoa mãi tươi trong mộng
Ước muốn duyên còn thắm giấc mơ
Con suối mùa xuân ôi diễm tuyệt
Cỏ cây ong bướm quá nên thơ
Phải chăng duyên nợ đang kỳ ngộ
Thêu sợi chỉ hồng buộc mối tơ

Phan Khâm

(Maryland)

Phi trường Tân Sơn Nhứt bị pháo kích nặng nề và liên tiếp, hàng loạt tên lửa 122 mm rớt xuống khu Bẫy Hiên và Trương Minh Giảng. xác người nằm rải rác trên đường phố.

Sáng 28-4-1975, Cầu Rạch Chiếc bị các đơn vị phòng thủ giật sập, các đơn vị tiền phương của bộ đội đã tiến sát cửa ngõ Sài Gòn từ nhiều mặt.

Sáng 30-4-1975, các chiến xa từ phòng tuyến ven đô rút về hướng trung tâm thành phố, súng thép, giầy sô ném dọc đường!

Đúng 9 giờ, Tổng Thống Dương Văn Minh đọc nhật lệnh đầu hàng vô điều kiện. Sài Gòn không rơi loạn nữa, người Sài Gòn bình tĩnh nhìn Tank T54 và những đoàn quân xa chở bộ đội, kéo theo những dàn tên lửa phòng không Sam3, mũi hướng lên trời. đang chạy vào thành phố.

[5]

Đang ngồi đốt những giấy tờ của chế độ cũ như bằng khen từ thời Đệ 1 Cộng Hòa, những hình chụp chung với đồng đội trong quân trường và hình chụp với các bạn nước ngoài khi tham dự khóa tu nghiệp Anh Văn tại Sydney, Úc Châu, Xuân chợt nghe có tiếng gõ cửa:

- Cửa không khóa, cứ đẩy vào.

- Em đến đây giữ anh ở nhà, khoảng 12 giờ trưa có xe đến đón. Anh hãy vào phòng chuẩn bị giấy tờ và 2 bộ quần áo.

- Em ở nhà mấy hôm, trắng đẹp ra và hơi có da có thịt một chút.

Xuân ra sân đập tắt ngọn lửa và trở vào ôm lấy Thu xiết chặt. Một hàng khuy áo trên ngực bung ra làm hở cả tầng ngực trắng muốt của khu vực núi đồi. Xuân cúi xuống hôn lên chỗ ấy.

Nặng cong người, vòng tay qua lưng bám chặt lấy vai Xuân, nhịp tim đập mạnh, bờ mi cong khép lại...

- Thôi anh! vô phòng trong sửa soạn những thứ cần thiết kẻo người ta đến phải chờ mình, ký quá.

Xuân vừa bỏ tay xuống, nằng đặt lên môi Xuân một nụ hôn ấm đượ trước khi Xuân đi vào phòng trong.

Ra sân thấy một số hình chưa cháy hết, nằng ngồi xuống châm lửa, đốt giùm. Khi ngọn lửa đã tàn, nằng cẩn thận lấy gáo nước lạnh đổ xuống đồng tro tàn cho tắt hẳn.

Sau khi đã bỏ giấy tờ và 2 bộ quần áo vào Ba lô, Xuân rón rén bước ra, ôm lấy nằng từ phía sau và hôn lên má, lên môi...

- Gớm! anh làm em hết hồn, bây giờ anh lảng tai nghe những gì cần biết để chút nữa khỏi bối rối nhé. Cách đây 1 giờ, chị Thu buộc em phải đến anh ngay để giữ anh khỏi đi đâu. Lỡ khi xe đến đón không đủ người, phải rời lại ngày khác.

- Thế em là ai nếu không phải là Thu hay em muốn dẫn để anh đứng tim.

- Em là Nguyệt Thường, em song sinh của Nguyệt Thu, học Y, năm chót, ở Nhà Di Năm, đại lộ Hùng Vương sát bên trường Đại Học Y Khoa, vì vậy anh đến nhà thăm chị Thu và Má không gặp em.

- Sao em không nói ngay từ đầu để anh tránh được thái độ sàm sỡ với em, thật ngượng quá!

- Thái độ này không có ý, tha cho anh.

Từ thừa dạy thì, em không để cho người con trai nào cầm được tay hôn, mà lần này hệ thống phòng thủ bén nhạy của em sụp đổ quá mau trước sự tấn công bất chợt của anh, ngoài dự liệu của em. Tiếp theo, những ngọn triều cảm giác đã xóa mờ lý trí em, do đó không còn một phản ứng nào nữa cho dù là một lời nói. Còn bây giờ đã quá muộn, anh biết tất cả về em, nói gì được nữa.

- Chuyện lỡ rồi, cả hai người phải giữ bí mật, sống để dạ chết mang đi, không được nói với bất cứ ai dù là người đầu gối tay ấp với mình.

- Chỉ sợ anh thôi, người con gái phải giữ thể diện chứ, đâu có nói bừa bãi như con trai các anh.

- Từ giờ trở đi hình ảnh của Nguyệt Thường khắc sâu trong trí nhớ anh.

- Anh cũng yêu em như chị Nguyệt Thu?

- Đúng vậy, yêu em không kém đâu, những kỷ niệm vừa qua không dễ gì quên được trong cuộc đời này. Vấn đề là hoàn cảnh có cho phép mình sống bên nhau không?

Khoảng nửa giờ sau Thu mở cửa bước vào, Thường đang ngồi đốt những giấy tờ thấm nước chưa cháy hết của Xuân...

Thu đi thẳng vào phòng trong nói với Xuân:

- Má đã liên hệ được với Bác Ba, người hẹn đúng 12 giờ trưa nay tập trung tại Bến Lê Quang Liêm, cách cầu chữ Y 200m về hướng Chợ Lớn, khu vực người Hoa. Cứ đến nơi hẹn đúng giờ, sẽ có người hướng dẫn lên tàu.

- Má đã làm thủ tục đầu tiên chưa? anh góp bao nhiêu?

- Rồi, anh không phải lo chuyện đó, ra nước ngoài sẽ tính sau. Miễn cho anh cũng được.

- Em làm như vậy, Anh rất áy náy, để anh về lấy "Kim Thành" chồng cho má.

- Không còn thì giờ nữa. Nay anh, em sai Thường, người em gái song sinh của em sáng nay đến sớm để giữ anh khỏi đi chơi. Hai người đã thân nhau chưa?

- Rồi, hai chị em giống nhau như hai giọt nước, lắm thì khổ một đời.

- Việc gì mà khổ! em nhường anh cho Thường luôn nếu cô ấy chịu. Thái độ chú tâm của Thường vào việc đốt những tấm hình cháy giờ và giấy tờ của anh đã nói lên tình cảm của Thường với anh.

Như nhớ ra một điều gì, Thu chạy vào bếp lấy chai dầu lửa rồi bước ra sân đưa cho Thường:

- Em rưới dầu, giấy tờ ẩm ướt mới cháy được chứ ngồi mà đốt thế này đến bao giờ mới xong mà khói bay vào phòng ngộp thở. Làm lẹ lên, cũng sắp đến giờ rồi đấy.

- Chị lúc nào cũng tháo vát - đáng phục thật.

[6]

Đã hơn 2 giờ trưa, người trên tàu chờ tài công nhưng vẫn bật tắt. Dưới hầm tàu nóng nực quá, Xuân trôi lên sàn tàu, chợt thấy mấy em nhỏ đang tắm, chỉ cách nơi tàu cắm neo chừng 100m, chàng đến nói chuyện với mấy đứa trẻ và cùng tắm với chúng.

Sau 15 phút, Xuân trở lại, tàu đang rời bến chỉ cách bờ 30m, chàng cởi giầy định nhảy xuống nước bơi theo, một cô gái lạ mặt giữ tay chàng lại và nói:

- Tàu vừa bị cướp, không nên theo... em là người duy nhất trên tàu nhảy xuống bến. Cả hai chị em Nguyệt Thu do dự nên bị đòn xuống hầm tàu.

- Em, bà con với Nguyệt Thu?

- Không, em là bạn cùng lớp với Nguyệt Thường, sinh viên y khoa nội trú năm chót, thực tập ở khu Tai Mũi Họng bệnh viện Chợ Rẫy, trưởng khoa BS Lê Hùng - người thường khám Polyp mũi cho anh và cũng là người thân của anh.

- Em tập sự với BS Hùng đã bao lâu?

- Gần 3 tháng. Người giữ vai anh để BS Hùng đưa ông nội soi từ hốc mũi qua họng là em đó. Nhớ ra chưa?

- Nhớ, lúc đó đang khó chịu, không còn khả năng chiêm ngưỡng nhan sắc giai nhân.

- Còn bây giờ?

- đang ngắm em môi mắt.

- Gớm Anh quá, được đăng chân lên đăng đầu.

- Nói ngược lại mới gần đúng - được đăng đầu lên đăng chân.

- Chỉ được cái ăn hiếp em, không nói chuyện với anh nữa đâu.

- Không ăn hiếp nữa, Em hãy kể lại chuyện tàu bị cướp.

- Khi Anh vừa xuống bến vài phút, Hưng - người tài công dẫn hai người lên tàu gặp chủ tàu, bác của Nguyệt Thu. Hưng cho biết y chỉ

là tài công đưa tàu ra đảo Phú Quốc lấy nước mắm về Sài Gòn, không có kinh nghiệm lái tàu viễn duyên vì vậy y giới thiệu Trung úy Hải và Thiếu úy Phú, trước khi giải ngũ, lái HQ tuần duyên, có thừa kinh nghiệm đưa tàu đến Songkla Thái Lan hay Bidon Malaysia.

- Trung úy Hải có thêm điều kiện gì không - cứ nói. Chủ tàu hỏi.

- Da không, chỉ xin bác cho Thiếu Úy Phú cùng đi để phụ lái.

- Còn điều gì nói thêm?

- Xin cho tôi được trọn quyền chỉ huy, mọi người phải triệt để theo lệnh tôi nhất là những lúc gặp sóng lớn hay hải tặc.

- Đồng ý, tôi trao toàn quyền chỉ huy cho Trung úy ngay từ phút này.

Chủ tàu vừa dứt lời, Trung Úy Hải ra lệnh mọi người xuống hầm tàu Người đưa tiễn thân nhân cũng được đi luôn, không ai được xuống bến.

Ngay lúc ấy, Em nhanh chân nhảy xuống bãi trước khi Hải rút cầu ván.

- Em thông minh quá, người nào có phước gặp em đỡ khổ.

- Anh nói vậy mà không phải vậy. Câu nịnh đầm của anh khéo quá!

-Lỡ chuyện này, chuyện sau mình còn gian khổ hơn nhiều.

-Anh cứ yên tâm, má em hiện nay ở Pháp, nếu tiến hành thủ tục bảo lãnh sẽ không lâu vì Tòa lãnh sự Pháp Sài Gòn vẫn hoạt động như thường lệ chứ không đóng cửa như Tòa Đại Sứ Mỹ.

Thôi mình về đi anh kéo thiên hạ nhòm ngó. Em sẽ thường đến thăm anh.

Cách bến không xa, dòng xe và dòng người trên cầu chữ Y vẫn di chuyển vội vã và tấp nập như mọi ngày.

VIỆT BẰNG

(San José)

BÁ NHA TỬ KỶ TRI ÂM

Thăm kịch hai hồi

Nhân vật

Bá Nha, Tử Kỳ, Cụ Già, Tỳ Tùng

Hồi I

Cảnh 1 (*Bá Nha và tên tỳ tùng đi đến một nơi núi non hùng vĩ*)

Bá Nha: Ta đi từ sáng đến giờ cũng đã chồn chum, hãy dừng lại đây nghỉ giây lát.

Tỳ tùng: Xin tướng công đến chỗ tảng đá lớn, mặt phẳng như bàn thạch, ngồi nghỉ giải lao, tiểu sinh sẽ dọn thức ăn và rượu cho tướng công dùng.

Bá Nha: Từ ngày ta treo ấn từ quan, đi châu du thiên hạ, chưa thấy nơi nào phong cảnh hữu tình như ở đây. Đưa cây đàn cho ta dạo vài bản.

(Tỳ tùng dâng cây đàn cho Bá Nha. Bá Nha lên dây và dạo bản LƯU NGUYỄN NHẬP THIÊN THAI.

Tỳ tùng ngồi chăm chú nghe. Xong bản đàn tỳ tùng thưa.)

Tỳ tùng: Tướng công chọn bản đàn này thật là hợp với tình cảnh.

Bá Nha cười: Nhưng rồi LƯU NGUYỄN phải biệt thiên thai. Bây giờ ta đàn tiếp bản LƯU NGUYỄN biệt thiên thai.

(Bỗng nhiên Bá Nha ngưng đàn, dây đàn bị đứt.)

Bá Nha: Ta thay dây rồi sẽ gảy tiếp.

(Thay dây xong Bá Nha gảy tiếp, nhưng vài phút sau dây lại đứt nữa.)

Bá Nha: Quái lạ chưa bao giờ dây đàn

đứt hai lần như thế này, và mí mắt trái ta giựt lia lia. Chắc là có bọn đạo tặc đang rình rập quanh đây.

Tỳ tùng: Xin phép tướng công, tiểu sinh đi rào chung quanh đây xem có gian phi nào hay không.

Bá Nha gật đầu: Nhưng người phải cẩn thận đấy nhé.

Cảnh 2 (*Giây phút sau Bá Nha đang gảy đàn thì tỳ tùng trở lại dắt theo một gã tiểu phu.*)

Tỳ tùng: Bẩm tướng công, tiểu sinh bắt gặp tên gian phi này cầm mác đứng núp trong bụi rậm.

Bá Nha: Gã kia, tên họ là chi? Tại sao người núp trong bụi rậm? Người mưu việc gì?

Tiểu phu: Bẩm đại nhân, kẻ hạ dân họ CHUNG tên Tử Kỳ, ở làng bên, hằng ngày đến đây đốn củi đem về bán để độ nhật và nuôi phụ thân già. Vừa rồi nghe đại nhân đàn, núp để thưởng thức tiếng đàn của đại nhân.

Bá Nha: Người thích âm nhạc à ?

Tử Kỳ: Thừa đại nhân, thân sinh của kẻ hạ dân là nhạc công, kẻ hạ dân cũng có tập tành chút ít âm nhạc, nhưng nơi xứ nghèo này thì nhạc công không sao sống nổi. Họạ hoẵng chỉ khi có yến tiệc, đình đám, thì thiên hạ mới cần đến nhạc công. Bởi thế nên kẻ hạ dân này phải đi đốn củi độ nhật và nuôi phụ thân già.

Bá Nha: Người cũng là nhạc sĩ ? Vậy người cảm tưởng thế nào về ngón đàn của ta ?

Tử Kỳ: Thừa đại nhân, tiếng đàn của đại nhân tỏ ra đại nhân là người có độ lượng, khoan hồng, nhưng phảng phất một nỗi buồn man mác của người bất đắc chí.

Bá Nha: Tại sao người dám nói càn như vậy ? Ta làm quan đến chức thượng thư, sao gọi là bất đắc chí ?

Tử Kỳ: Vì đại nhân là người nhân ái, muốn đem công lý mà trị thiên hạ, muốn cho thiên hạ sung sướng, nhưng đại nhân chưa

đạt được mục đích ấy nên tiếng đàn của đại nhân còn phảng phất một nỗi buồn khôn tả.

Bá Nha: Người nói láo! Ai cấm cản ta khi ta muốn đem công lý trị dân?

Tử Kỳ: Thưa đại nhân, một người trong sạch khó mà chen lấn với đám người ô trọc.

Bá Nha: Ý người muốn nói gì ta chưa hiểu rõ?

Tử Kỳ: Thưa đại nhân, người quan trọng sạch khó sống giữa triều đình ô trọc, vì thế đại nhân từ quan đi chu du thiên hạ.

Bá Nha: Người chỉ đoán mò. Ta chưa tin hẳn rằng người nghe tiếng đàn mà biết được tâm sự người đánh đàn. Bây giờ ta dạo một bản khác người thử đoán tâm trạng của ta qua bản đàn.

Tử Kỳ: Xin phép đại nhân cho kẻ hạ dân được nhắm mắt lại để đem hết tâm trí vào tiếng đàn.

(Bá Nha dạo bản Lưu Thủy. Tử Kỳ nhắm mắt chăm chú nghe. Xong bản đàn Tử Kỳ thưa.)

Tử Kỳ: Bẩm đại nhân, tiếng đàn của đại nhân phảng phất một nỗi buồn mệnh mông như người đang nghĩ đến thời gian đã qua.

Bá Nha: Đúng! Trong lúc dạo đàn ta nhìn lùm cây trước mặt, lá vàng rơi tả tơi ta chạnh nghĩ đến thời thanh xuân đã qua, ta đang ở tuổi già như chiếc lá vàng và đời tàn sắp đến. Bây giờ ta dạo một bản nữa, người thử đoán xem tâm trạng ta như thế nào?

(Bá Nha dạo bản Hành Vân. Tử Kỳ nhắm mắt chăm chú nghe. Xong bản đàn Tử Kỳ thưa.)

Tử Kỳ: Tiếng đàn phảng phất tấm lòng nhân từ muốn giúp người trong cơn hoạn nạn.

Bá Nha: Đúng! Trong lúc đàn, ở giữa triền núi ta thấy một con chồn hung tợn rượt bắt một con thỏ tơ măng xinh xắn. Ta mong cho con thỏ chạy thoát. Cuối cùng thỏ chun xuống hang thoát khỏi nanh vuốt của chồn. Khá khen người còn ở tuổi vị thành niên mà đã hiểu biết nhiều về âm nhạc. Ta muốn đưa người về triều sung vào đội nhạc công của

hoàng thượng, nhưng thông minh và trẻ trung như người nên chí công đèn sách sau này sẽ thành người hữu dụng cho quốc gia.

Tử Kỳ: Thưa đại nhân, kẻ hạ dân này cũng có tập tành nghiên bút, nhưng ở cảnh nghèo nàn phải đi đốn củi độ nhật và nuôi cha già, làm thế nào chăm lo đèn sách cho được.

Bá Nha: Ta giúp người ba lượng bạc đủ chi phí để độ nhật trong ba năm. Người chí công xôi kinh nấu sủ. Ba năm nữa sẽ có hội thi. Ta mong sẽ gặp người ở kinh đô, nếu không đạt được Trạng nguyên thì ít ra cũng Bằng nhãn, Thám hoa.

(Tử Kỳ quì xuống chấp tay thưa.)

Tử Kỳ: Kẻ hạ dân này làm thế nào đền đáp được tấm lòng nhân từ, hào hiệp, của đại nhân. Hạ dân sẽ chí công đèn sách để khỏi phụ tấm lòng ưu ái của đại nhân.

HỒI II

Cảnh 1

- (Ba năm sau cũng chốn cũ, Bá Nha và tên tùy tùng đi đến nơi dừng lại nhìn quanh.)

Bá Nha: Đúng là nơi đây rồi, tảng đá kia, lùm cây nọ vẫn còn y như năm xưa.

Tùy tùng: Xin tướng công đến bàn thạch kia ngồi giải lao, tiểu sinh dọn rượu thịt cho tướng công dùng.

Bá Nha: Đưa đàn cho ta dạo vài bản.

(Bá Nha dạo luôn hai bản, rồi nói một mình)

Bá Nha: Quái lạ! Tại sao Chung Tử Kỳ vắng mặt ở trường thi, và ta đã dạo hai bản đàn mà chung quanh đây vẫn yên lặng như tờ?

Tùy tùng: Tướng công cho phép tiểu sinh bộc bạch đôi lời.

Bá Nha: Người muốn nói chi?

Tùy tùng: Tiểu sinh biết tên Chung Tử Kỳ là một tay lưu manh. Năm xưa hẳn cầm mác núp trong bụi rậm, chờ cơ hội để hành thích tướng công được cướp của. Tướng công quá rộng lượng với nó. Tiên tướng công ban cho nó, nó đi tiêu hoang, đánh bạc

rượu chè, chớ có đâu mà đi học. Nó trốn biệt tướng công rồi. Bây giờ dầu nghe tiếng đàn của tướng công nó làm sao mà dám ló đầu ra.

Bá Nha: Người chớ nói càn. Ta trông người không lầm. À xa xa dưới chân núi có bóng người. Người nhanh chân xuống dẫn người ấy lên đây cho ta hỏi tin tức Từ Kỳ.

Cảnh 2

- *(Giây lát sau tùy tùng trở lại dắt theo một cụ già, lưng khom chống gậy, tay cầm nhang đèn.)*

Bá Nha: Chào lão trượng, lão trượng có phải ở làng bên cạnh không ?

Cụ già: Thưa đại nhân phải.

Bá Nha: Thế lão trượng có biết Chung Tử Kỳ không ?

Cụ già: Ngài có phải là quan thượng thư Bá Nha đây không ?

Bá Nha: Phải.

Cụ già: Từ Kỳ là con tôi. Từ ngày Từ Kỳ được ngài chu cấp tiền bạc, nó học ngày học đêm, quên ăn quên ngủ, kinh sử nó đã lầu nhưng trước ngày thi ít lâu vì kiệt sức nên sanh bệnh và đã qua đời. Đến nay đúng một tháng và hôm nay tôi ra mộ đem nhang đèn cúng nó. Nó có giao tôi bức thơ tuyệt mạng bảo trao lại cho đại nhân nhưng tôi không biết làm thế nào gởi đến đại nhân, tôi vẫn giữ khư khư bên mình.

(Cụ già lấy trong túi áo bức thơ trao cho Bá Nha.)

Bá Nha đọc:

Kính gởi Thượng thư Bá Nha đại nhân,
Hạ dân là Chung Tử Kỳ lấy làm hổ thẹn vì không làm tròn sứ mệnh của đại nhân giao cho. Hạ dân nguyện kiếp sau làm thân khuyến mã để đền đáp tấm thanh tình của đại nhân.

Chung Tử Kỳ kính thơ.

Cụ già: Trước kia cha con tôi sống trong cảnh nghèo khổ mà vui sướng. Có đình đám, yến tiệc, dân chúng mời đến giúp vui, tuy

không được đền công bao nhiêu nhưng rất hân hoan vì thiên hạ biết thưởng thức tài nghệ của mình. Hằng ngày cha con chúng tôi đi đốn củi bán để độ nhật. Sống không dư giả nhưng không thiếu thốn. Sống giữa thiên nhiên rừng núi, gió mát trăng thanh, chúng tôi được khoẻ mạnh không hề đau ốm.

Danh lợi chúng tôi không biết mà cũng không màng. Nhưng từ ngày Từ Kỳ bắt đầu mơ đến khoa cử thì nó cứ chú đầu vào sách đèn ngày. Ai mời đánh đàn giúp vui nó chẳng đi. Nó không lên rừng núi đốn củi. Nó cứ mơ áo mũ cựa đai, quyền cao tước trọng mà làm hỏng cuộc đời.

Gót danh lợi bùn pha sắc xám

Mặt phong trần nặng nám mùi dàu

Nghĩ thân phù thế mà đau

Bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê. (1)

(Ngừng một lát cụ già tiếp:)

Mùi phú quý như làng xa mã

Bả vinh hoa lừa gã công khanh.

Giác Nam Kha khéo bất bình

Bùng con mắt dậy thấy mình trắng tay. (2)

Bá Nha: Lần đầu tiên có người hiểu được tiếng đàn của ta, thì ta lại đem mùi công danh phú quý ra cám dỗ.

Tại sao ta không khuyến khích Từ Kỳ trên đường nghệ thuật, hoàn hảo âm nhạc. Danh lợi, vinh hoa của quan trường làm sao sánh được với vinh hạnh của người nghệ sĩ.

Từ nay còn ai hiểu được tiếng đàn của ta. Ta cắt dây, tự hậu không gảy đàn nữa. Người tri âm không còn thì tiếng đàn ta còn ai biết thưởng thức.

Hạ Mản

(1), (2): Cung Oán Ngâm Khúc.

Văn Bá
(Paris)

BIỂN MẶN

Về đâu thương những con đường
Lê thê phố cũ nghe buồn hè xưa ...
(pct)

PHẠM BÁ

Tôi sinh ra từ một vùng biển mặn, bốn mùa đón gió biển Đông hòa nhịp cùng những âm thanh rì rào của sóng, êm đềm như một điệp khúc tình yêu. Nhưng rồi một ngày, bỗng cơn gió bụi từ đâu trút xuống quê hương tôi, đã khiến chúng tôi phải xuôi Nam tìm miền đất hứa - Thành Phố Biển - nơi tôi sau này đã ước mơ chọn làm trạm dừng chân cuối đời. Nhưng vận nước nổi trôi lại thêm một lần đổi chủ đã đưa đẩy chúng tôi tới một miền đất lạ: lạ cảnh, lạ người... mà từ hơn ba mươi năm qua, lòng những trở trăn về một quê hương vào chiều tắt nắng... những bản khoăn, khắc khoải ngày đêm về hình ảnh một quê hương còn mịt mờ tử phận bên kia bờ đại dương cùng những đợi chờ một cuộc đời không còn những bóng đen... Hôm nay tôi trở về trong cái lặng lẽ giữa lòng biển mặn: vẫn sóng biển như ngày nào xô vào bờ đá, vẫn gió biển Đông nhẹ lướt qua những hàng dừa trên bãi cát mênh mông, nhưng tâm tư đã đổi thay trước những tuổi đời chất chiu còn lại chông chênh lên một dĩ vãng xa xăm của đời mình... Đời người đã biết bao lần trôi theo giòng lịch sử...

Tôi đã có nhiều may mắn gắn bó với Vùng Biển Mặn - Vũng Tàu - trong những năm khói lửa ở Miền Nam, nay xin một lần được trở về thành phố thân yêu, được tâm sự với bạn về một Vùng Biển Xanh của quê hương miền Nam đã mang nhiều dấu ấn của một thời kiêu hãnh.

Chuyến bay Eva từ Taipei thêm ba giờ uest oải đã an toàn đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất nơi mà thành phố có tới gần mười triệu người. Mặc dầu cư dân Sài Gòn nói rằng thời tiết đã mát mẻ sau mùa mưa, nhưng đối với tôi, quả thực trời vẫn còn oi bức khủng khiếp. Từ sáng sớm tinh mơ đến lúc leo lên giường không một lúc nào là mồ hôi không đổ ra nhễ nhại. Người dính nham nháp ... thật khó chịu ...

Theo như chương trình đã định, sau khi về tới Sài Gòn, chúng tôi sẽ phải tìm phương tiện ra Vũng Tàu để được hít thở một làn khí biển. Nếu cách đây hơn ba chục năm, phần đông người ta chỉ biết dùng đường bộ để ra Vũng Tàu thì đây là lần đầu tiên chúng tôi dùng Tàu Cao Tốc (High Speed Hydrofoil) mà nay người ta gọi là Tàu Cánh Ngầm, khá tiện nghi, phòng hành khách có máy điều hòa không khí với một trăm hai mươi ghế ngồi có số như trên máy bay.

Tại bến Bạch Đằng, đã đậu sẵn hai tàu chở khách. Một cho tuyến Sài Gòn-Cần Thơ và một cho tuyến Sài Gòn-Vũng Tàu. Chúng tôi chưa có dự tính chương trình đi Cần Thơ dịp này, nhưng được biết tuyến Sài Gòn-Cần Thơ, thời gian mất chừng 4 tiếng, mỗi ngày tàu chạy một chuyến, rời Sài Gòn lúc 7:30 sáng và trở lại Sài Gòn lúc 4:40 chiều. Riêng tuyến Sài Gòn-Vũng Tàu, do ba hãng chính Greenlines, VinaExpress và PetroExpress chạy, mỗi ngày có 6 chuyến khứ hồi, cứ đúng hai giờ lại có một chuyến rời bến bắt đầu từ 6:30 sáng và chuyến chót lúc 4:30 chiều, giá vé từ đầu năm 2010 một lượt là 200.000\$/người lớn và 100.000\$/trẻ em. Du khách Sài Gòn có thể ăn lót dạ Bánh Cuốn Tây Hồ rồi nhẩn nha ra Vũng Tàu ăn hải sản nơi Quán Tre, quán Gành-Hào bãi trước, tắm biển và trở về quán Bà Cả Đợi Sài Gòn ăn cơm chiều mà vẫn còn dư giả thì giờ để tối dẫn nhau đi nhảy đầm hay nghe nhạc. Do đó, chúng tôi lựa đi chuyến thứ ba trong ngày cho thanh thoi, và

lại chúng tôi cũng tính lưu lại Vũng Tàu ít bữa để có đủ thi giờ đi vãng cảnh nên chẳng có gì phải hấp tấp. Đúng 10 giờ 30, tàu rời bến Bạch Đằng trực chỉ một mạch dọc theo Sông Sài Gòn ra Cáp. Nhưng có một điều làm tôi ngạc nhiên không ít là vừa khi tàu rời bến được chừng năm phút thì bỗng dừng lại rồi chạy giật lùi; rồi khoảng năm phút sau, tàu lại cũng chạy thụt lùi và cú thế cả thảy tới ba lần. Tôi chợt nhớ đến một người bạn nói với tôi bữa trước là anh ta đã một lần đi tàu này và bị neo giữa Sông Sài Gòn hơn một tiếng đồng hồ để tài công sửa máy. Tôi nhủ thầm, chắc chuyến đi bị trục trặc rồi. Tôi liền hỏi cô tiếp viên phải chăng máy tàu bị nóng nên phải chạy giật lùi để làm mát máy?. Cô tùm tùm cười và vô tư trả lời là sở dĩ tàu chạy giật lùi là để nhả rác vì cánh quạt quán phải rác và lục bình trôi lênh bênh trên sông. Hừ hờn!... Với một tốc độ đều đều lướt trên mặt nước, tàu nhô ra cửa Biển Đông. Hòn Lớn rồi Hòn Nhỏ hiện ra trước mắt tôi. Vũng Tàu đây rồi! Sau đúng một tiếng hai mươi phút, tàu cập vào bến đậu ngay trước khách sạn Hải Âu - Bến Đá.

Vũng Tàu là một địa danh du lịch khá lớn với dân số khoảng trên hai trăm ngàn dân. Dưới triều các Vua Nhà Nguyễn, Vũng Tàu có tên là Tam Thắng gồm ba làng Thắng Nhất, Thắng Nhì và Thắng Tam. Khi những người khai phá Bồ Đào Nha đầu tiên tới đây đã gọi Tam Thắng là Cap Saint Jacques. Sau này người Pháp đặt tên là Au Cap và người Việt chúng ta cũng thường quen gọi là Ô Cáp.

Vũng Tàu có ba mặt giáp biển. Địa hình gồm hai Núi Tương Kỳ (Núi Lớn) và Tao Phùng (Núi Nhỏ) ghép theo hình vòng cung tạo thành nơi trú ẩn rất an toàn cho tàu bè khi gặp gió bão nên tên Vũng Tàu được gọi cho tới ngày nay.

Với một diện tích chừng 170 Km² thuộc tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu cũng có nhiều danh lam thắng cảnh cho du khách thưởng ngoạn sau

những giờ phơi mình trên bãi cát.

Trước tiên phải kể tới Bạch Dinh - nơi mà ngày xưa chưa mấy ai được bước chân vào. Bạch Dinh nằm trên triền Núi Lớn dọc theo bãi trước được người Pháp xây dựng từ năm 1898 đến năm 1910 mới hoàn thành và được làm nơi nghỉ mát của các quan Toàn Quyền. Bạch Dinh còn mang một dấu ấn lịch sử ít ai biết đến. Đó là nơi thực dân Pháp đã giam giữ Vua Thành Thái vào những năm 1909-1910. Sau này là nơi nghỉ mát của Vua Bảo Đại và các Tổng Thống nền Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa Việt Nam. Do đó Bạch Dinh còn có tên là Dinh Ông Thượng. Chúng tôi phải mua vé vào tham quan nơi đây, nay là Nhà Bảo Tàng trưng bày các cổ vật tìm được ở Hòn Cau - Côn Đảo. Vật trưng trông rất là sơ sài, không quyến rũ lắm. Ngoài ra cũng có vài phòng còn bày biện thêm giường ngủ đôi bằng gỗ, tủ để quần áo và bộ salon nói là của gia đình Vua Bảo Đại ngày xưa (?). Trông thật là hoang phế. Đại để lối trưng bày không được mát mắt cho lắm như khi vào Dinh Bảo Đại ở Đà Lạt. Có lẽ, hôm đó là ngày thường nên ngoài chúng tôi ra, chẳng thấy một du khách nào khác ngoại trừ vài công nhân viên đang sửa soạn ăn trưa ở sau hè. Không người hướng dẫn cho du khách tham quan. Chúng tôi tự đi một mình, hết lầu dưới rồi lại lên lầu trên... Phía sau sân cũng có vài quầy bán đồ lưu niệm mà tôi đoán là của nhân viên bày bán.

Bạch Dinh vẫn sừng sững trông ra biển Đông như đã từng chứng kiến biết bao thăng trầm của lịch sử từ hàng trăm năm nay.

Kể đến là Thích Ca Phật Đài nằm về phía Đông của Núi Tương Kỳ, đối diện với cù lao Bến Đình, cách trung tâm thành phố khoảng hơn hai cây số. Phật Đài được xây cất từ năm 1961 đến năm 1963 mới hoàn thành trong một khuôn viên trên triền núi rộng 6 ha. và là một trong những ngôi Chùa lớn nhất Vũng Tàu.

Chánh điện có thờ Ngọc Xá Lợi. Ngoài ra bên cạnh còn có nhiều công trình kiến trúc và điêu khắc độc đáo như tượng Phật Nằm, Tòa Bảo Tháp và Bát Chánh Đạo. Người Phật tử khi đến Vũng Tàu chắc không thể không thăm viếng nơi thờ phượng Đức Thế Tôn. Bước qua cổng Tam Quan để vào khu chánh điện, du khách đã được thoảng nghe tiếng mõ, tiếng chuông tụng niệm đều đều từ các am thất vọng xuống. Nhưng một phản ảnh rõ rệt được ghi nhận nơi đây là Phật Đài nằm đối diện với Cù Lao Bến Đình nên luôn luôn phảng phất một mùi tanh hôi từ bên cá đũa lên nhất là gặp khi thuận gió trong cái cô tịch của cửa Thiền.

Trên đường Hoàng Hoa Thám dẫn từ bãi trước tới Đường Thủy Vân bãi sau cũng còn có ngôi Linh Sơn Cổ Tự. Đây là ngôi Đạo Tràng cổ nhất Vũng Tàu có tượng Phật bằng đá, cao 1.2m rất tiện đường cho Phật tử đến lễ bái. Cũng trên đường này còn có Lăng Cá Ông, Đình Thánh Tam và Miếu Bà Ngũ Hành là những nơi du khách thường tới tham quan và cúng bái.

Đi xa xa một chút về phía bên phải Bạch Dinh có Chùa Quan Âm Bồ Tát, nơi đây có Tượng Phật Bà cao 16 mét hướng ra biển Đông. Du khách không khỏi thấy lòng lắng dịu, thanh thoát khi chiêm ngưỡng tượng hình tử bi của Ngài để sớm được quên đi những bon chen hối hả của sống cuồng nhiệt nơi thị thành.

Nếu cứ tiếp tục đi dọc Đường Hạ Long, du khách còn được viếng Niết Bàn Tịnh Xá, ở đây ngoài ngôi bảo tháp cao 21 mét gồm 42 bậc tượng trưng cho 42 trang Kinh Phật đầu tiên được nhập vào Việt Nam, còn có tượng Phật nằm chiều dài 12 mét.

Còn một nơi nhang khói nữa là Miếu Hòn Bà ở bãi sau. Thắng cảnh là một cù lao nhỏ cách chân Núi Nhỏ khoảng vài trăm mét, trên đỉnh có một ngôi miếu nhỏ xây năm 1881 và được trùng tu lại năm 1971. Khi nước thủy triều rút xuống,

khách thập phương có thể đi bộ ra ngoài thắp nhang chiêm bái. Nhưng khi nước thủy triều lên, phải đi ra miếu bằng thuyền. Tối đây người viết xin được mở một dấu ngoặc để kể sơ về một chuyện tình nơi Miếu Bà. Số là năm ấy, năm 71, 72 gì đó, khi tôi mới đáo nhậm nhiệm sở Vũng Tàu được ít lâu thì câu chuyện có người tự thiêu tại Miếu Hòn Bà giữa lúc thủy triều lên cao cũng được phát hiện vào thời điểm này mà anh tùy phái của Ty, một buổi sáng hót hải vào gặp tôi, kể lại đầu đuôi sự tình. Ít ngày sau, tôi ra viếng Miếu Bà một lần. Đó là một phòng thờ rộng chừng 4mx5m được ông chủ nhà hàng Thần Phong bãi sau hồi đó đứng ra lo việc nhang đèn sớm tối mà huyền thoại nói đó là miếu thờ con gái Vua Thủy Tề. Trong điện thờ luôn luôn có sẵn một thùng dầu hôi để châm đèn dầu. Anh chàng thất tình chán đời ra đó lúc chập tối khi nước thủy triều xuống thấp rồi chờ cho đến khi nước lên thật cao thì lấy dầu hôi sẵn có trong Miếu thờ tẩm đầy mình rồi châm lửa tự thiêu ngay phía ngoài cửa Miếu để lại một lá thư tuyệt mạng trách cứ người yêu phụ tình. Nhưng cũng may, đêm hôm ấy gió thổi ngang và anh ta tự thiêu ở phía ngoài cửa miếu nên Miếu không bị cháy lây. Khi ngọn lửa lên cao thì nước thủy triều cũng lên cao và khu vực ấy hoàn toàn không kiếm đâu ra một thứ phương tiện nào có thể ra Miếu vào ban đêm, mà dù cho ban ngày cũng chẳng kiếm đâu ra thuyền bè nào để chèo ra trừ khi nước cạn. Dân chúng bãi sau đổ ra xem nhưng chỉ đứng nhìn ngọn lửa vùn vụt ngoài xa, tay chấp, miệng lẩm bẩm van vái... mà không biết là chuyện gì và cũng chẳng ai có thể làm gì được trong lúc đó. Sáng hôm sau, chánh quyền địa phương, vào thời Đại Tá VDT làm Thị Trưởng, ra tận nơi thì anh chàng thất tình chỉ còn là một xác cháy đen.

Ngoài ra cũng xin được kể đến lịch sử ngọn Hải Đăng trên đỉnh cao nhất của Núi Tao Phùng

do người Pháp xây từ năm 1911. Tháp có đường kính 3 mét, cao 18 mét. Đèn pha Hải Đăng rọi xa được 35 hải lý để hướng dẫn tàu bè. Ngay dưới chân tháp còn có bốn khẩu đại bác trước kia được dùng để bảo vệ những nơi trọng yếu. Trèo lên Hải Đăng du khách có thể nhìn bao quát hết cả Thành phố Vũng Tàu.

Bây giờ xin mời bạn đọc lần lượt dạo qua các thánh cảnh của Giáo Hội Thiên Chúa Giáo Việt Nam như nhà thờ Bến Đá, nhà thờ Sao Mai và Tượng Đài Đức Mẹ thuộc khu Núi Lớn. Ngoài ra còn có Nghinh Phong Đài cao 136 mét, nơi có tôn tượng Đức Chúa Kitô cao 31 mét được xây dựng từ năm 1972 nhưng mãi đến năm 1994 tượng mới thực sự hoàn thành với chiều dài cả hai cánh tay sải ngang của Ngài là 18.4 mét. Bên trong thân tượng có 133 bậc thang leo lên tận đỉnh và cũng từ đây du khách có thể quan sát toàn thể thành phố Biển, nhất là Đường Hạ Long bãi trước uốn khúc tiếp nối với Đường Thùy Vân bãi sau tạo cho bờ biển Vũng Tàu một vẻ đẹp độc đáo, có thể nói, nhất vùng Đông Nam Á.

Người viết vừa đưa du khách dạo quanh vòng ngoài của thành phố Biển, nay xin mời quý bạn trở về đường nét chính của một địa danh đã mang nhiều dấu ấn hàng trăm năm lịch sử ...

Vũng Tàu có rất nhiều bãi tắm. Bãi trước có tên gọi thật là thơ mộng: Bãi Tầm Dương (có người còn gọi là Thùy Dương). Nơi đây có nhiều hàng quán: quán ăn, quán nhậu, quán bán đồ lưu niệm, khách sạn, nhà hàng... mà khách sạn nổi tiếng một thời phải nói tới là khách sạn Palace. Sóng bãi Tầm Dương êm hơn sóng bãi

sau nhưng nước lại dơ bẩn vì cách đó không xa là bến Cầu Đá, thuyền đánh cá đậu tùm lum, xả rác, xả dầu nhớt xuống biển nên nước luôn luôn có váng dầu. Sở dĩ cũng có nhiều người đến tắm vì tiện hàng quán giải trí và các phương tiện chuyên chở. Nhưng phần đông du khách có xe hơi thích



thuê phòng ở bãi sau và cũng thích tắm ở bãi sau - người ta còn gọi là bãi Thùy Vân vì bãi nằm dọc theo đại lộ Thùy Vân. Bãi dài khoảng 8 km tính từ cửa Lấp đến chân Núi Nhỏ, sạch sẽ hơn, thơ mộng hơn. Nơi đây tập trung nhiều khách sạn hạng sang và ít ồn ào về ban đêm.

Bãi Ô Quán gần Mũi Nghinh Phong, tuy sóng mạnh nhưng sạch sẽ và đẹp. Ngày xưa dân nhà giàu Sài Gòn vẫn coi bãi này như là một khu tắm riêng của cư dân Sài Thành. Các con tôi ngày trước cuối mỗi tuần ra thăm tôi cũng thường thích tắm ở đây. Chúng tung tăng đùa rồn với sóng nước, đuổi bắt dã tràng thập thò nơi miệng lỗ, thích vùi chân xuống cát ướt hay đắp nặn những lâu đài... Chao ôi, vui thích làm sao! Nhưng tuổi thơ đã vội vã đi qua... khi Miền Nam lại thêm một lần... thay da đổi thịt...

Bãi Dứa, nơi trước đây có nhiều dứa gai mọc, có nhà nghỉ mát của Tổng Thống Đệ Nhị Cộng Hòa, sóng êm hơn, khá an toàn, sạch sẽ và có nhiều đá lớn. Ngày trước 75, ít người dám ra đây tắm mặc dầu không ai cấm nhưng vì là khu vực có tư dinh của Tổng Thống, các Bộ Trưởng và Tướng Lãnh VNCH lúc nào cũng có lính canh dù không nghiêm ngặt lắm, nhưng đám dân đen cũng ngại ít ai dám lại gần... Hơn nữa bãi không tiện đường xe đi xe đến.

Bãi Dầu nằm về phía bên phải của Bạch

Đình, cách bãi Tầm Dương khoảng 3 cây số, xưa kia có một làng chài nhỏ cư ngụ tại đây. Bờ biển lởm chởm toàn đá và không phải là bãi tắm. Vậy mà nay lại là bãi tắm yên tĩnh và đẹp.

Ngày nay, sau bao chặng đường nói là đổi mới, chung quanh Núi Nhỏ, Núi Lớn, chỗ nào cũng là bãi tắm được cả. Hiện còn có vài khu dành cho người nước ngoài, muốn vào phải trả tiền. Thực tình tôi không muốn đến những bãi này vì tôi không thể sống xa cách được dòng sông văn hóa của mình: những nơi này vắng tiếng rao bán ghẹ, bán hột vịt lộn, măng cầu dai và nhân... là những đặc sản của Vùng Biển Xanh. Nhất là thiếu vắng những âm thanh rao hàng của các em bán đồ lưu niệm, bán vé số, tranh nhau đi năn nỉ khách mua. Những hình ảnh này đã in vào tâm khảm tôi từ những ngày xa xưa ấy... Bảo tôi hãy quên đi, nhưng quên sao được, khi mình sinh ra lớn lên trong cái nôi nghèo nàn của một quê hương ngập tràn khói lửa... Về thăm quê hương là để tìm lại cái dĩ vãng ngày nào, là để nghe lời rao bán hàng rong, để nghe tiếng sóng biển rì rào như lời ru của Mẹ... Vũng Tàu quả là nơi đã làm sống lại cái hồn quê hương Hạ Long của tôi.

Nơi tôi đang sống, bên kia bờ Thái Bình Dương, cũng được nghe sóng biển rì rào tấp vào bờ đá, cũng một bầu trời xanh thẳm, cũng được ngắm những hàng dừa xanh lá dọc bên bờ cát, mà tôi đã bao lần lê bước thẫn thờ nhìn ráng chiều thoi thóp nơi phía trời quê hương tôi. Chao ôi! Cảnh đẹp làm sao ! Thơ mộng làm sao! Nhưng vẫn mãi mãi thiếu vắng những âm thanh của Mẹ ... Triều nước ở đây, bốn mùa lạnh ngắt như vào những ngày đông tháng giá. Chúng tôi về đây để tìm lại những hình ảnh tình yêu đầu đời mà thời gian đã vùn vụt qua mau hơn một phần ba vòng quay thế kỷ.

Chúng tôi thuê khách sạn thuộc hệ thống một công ty du lịch ở bãi sau và cũng để đón

nắng ở bãi sau. Đây là một quyết định có tính toán. Cổ nhân đã dạy: đi một ngày đàng, học một sàng khôn. Đúng thế. Lần này, chúng tôi có nhiều kinh nghiệm trong việc lựa chọn khách sạn hợp ý, không khờ khạo như lần về trước đây. Như nhiều người đã biết, Vũng Tàu ngày nay ngoài một số nhà ngủ, quán trọ, mini-hotel của tư nhân, phần lớn khách sạn lớn đều thuộc hệ thống của Công Ty Du Lịch như Cty Du Lịch Dầu Khí Việt Nam, Cty Du Lịch Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu hay Cty Liên Doanh Khách Sạn Vũng Tàu Sammy... Và cũng còn một số khách sạn khác trực thuộc các cơ quan của chính phủ như KS Mỹ Lệ - 4 sao, thuộc Bộ Công Nghiệp; KS Sài Gòn - 2 sao, thuộc Bộ Công An v.v... Tuy nhiên, bạn đọc cũng dự hiểu, những dòng tôi biết ra đây chỉ với mục đích chia sẻ với các bạn những chặng đường "lạnh căng run tay" mà chúng tôi đã đi qua, không mang một ngụ ý quảng cáo cho khách sạn nào cả. Bởi lẽ mình về chơi là để tìm cái an lành thoải mái. Bá nhân bá tánh, dĩ nhiên. Nhưng nhất định các du khách đều cùng có chung một mẫu số, đó là mẫu số chung lớn nhất: mẫu số an toàn.

Cũng vì an ninh của du khách, các khách sạn này đều có nhân viên trực cổng, trực văn phòng 24/24. Nếu như tại các phòng ngủ hay tại vài khách sạn tư nhân mà chúng tôi đã qua trong chuyến về thăm nhà trước đây, trai gái ngày đêm tấp nập nọ kia... thì ở các khách sạn thuộc các Cty Du Lịch, không ai để cho các hình thức trao đổi trắng trợn này tiếp diễn. Tại khách sạn chúng tôi ở, cứ sau 12 giờ đêm là nhân viên trực đóng cổng chánh lại. Du khách đi bộ tự do ra vào qua một cổng đi nhỏ. Có đêm, chúng tôi đi chơi mãi đến 1, 2 giờ sáng mới về. Người trực cổng ngày đầu bước ra chào dường như để nhận diện khách vô... Nhưng từ ngày hôm sau trở đi thì người gác đã quen mặt chúng tôi rồi. Rất thân thiện và không có gì thắc mắc cả. Do đó

không thể có người lạ mặt vào ra mà không qua ban gác cổng. Nếu chúng ta cùng đi với gia đình và nhất là có con cái đi theo, thì nên ngụ tại các khách sạn này nếu như chúng ta muốn hưởng một ngày an toàn, một đêm tĩnh lặng. Còn không, các bạn trẻ muốn quậy, xin cứ thoải mái ra ngoài khách sạn mini. Nhớ lại ngày chúng tôi ra Cấp, cũng có hai chú Việt Kiều vừa từ South Carolina về, gặp nhau trên tàu Cánh Ngầm và câu đầu tiên các chú hỏi chúng tôi là thuê khách sạn nào để các chú ấy được tháp tùng cho có bạn. Tình đồng hương trời dậy - Việt Nam hay Mỹ?- lúc này mới thấy thấm thiết và cao đẹp làm sao! Chúng tôi ở cùng một khách sạn và đi ăn đi uống với nhau suốt thời gian ở đây. Thiển nghĩ, an toàn vẫn là hàng đầu trong các chuyến đi. Như vậy làm gì có chuyện quậy...

Nói cho cùng, không gì tiện lợi cho bằng thuê khách sạn sát ngay bãi biển. Sáng dậy thật sớm lúc trời vừa hồng đông, jog một vòng trên bãi cát về phía cửa Lấp, rồi quay về, nhào xuống biển tắm trước khi mặt trời lên cao làm cháy da nám mặt. Chao ôi, thích thú là sao! Nhưng tắm biển riết rồi cũng phải đói bụng, chúng ta hãy tìm đến quán ăn có các món đặc sản quê hương. Muốn ăn bún bò Huế, xin mời các bạn đến đường Nguyễn An Ninh, nơi tập trung món bún tinh hoa miền Sông Hương Núi Ngự. Muốn gặp bà Ba Béo để thưởng thức bánh Bèo, chả giò, xin ghé vào quán Tuyết Mai dù có phải đi vòng vèo một chút qua ngõ hẻm. Riêng các bạn khoái nhậu thịt dê, và hải sản có thể đến đường Lê Hồng Phong - Võ Thị Sáu; thịt rừng xin đến quán Cây Bàng. Các bà các cô thích món miến gà Bắc Bộ, bún sáo măng, xin đến đường Lê Văn Tám và Quán Ốc trên đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Cuối cùng, về phần giải trí của các Việt Kiều con, xin đưa các cháu đến Công Viên Đồi Sứ nằm trên đường Trần Phú. Dĩ nhiên, chúng ta phải có nhiều thì giờ. Ít nhất là

trọn một cuối tuần mới có thể thưởng thức hết được. Cũng nhờ có người bạn trước đây đã về dẫn đường chỉ lối nên chúng tôi mới được dịp ghé qua những nơi này và xin được chia sẻ với các bạn. Hài lòng hết chỗ chê!

Nhưng đã hết đâu !

Khi những giọt nắng cuối ngày rớt vào lòng biển rộng thì cũng là lúc thành phố bắt đầu lên đèn. Đường Hạ Long bãi trước vào chiều thứ bảy, chao ôi! thật là nhộn nhịp, tưng bừng như một đêm Hội Hoa Đăng. Đứng là "dập diu tài tử giai nhân, ngựa xe như nước áo quần như nêm " **(Kiều)**. Du khách đi ngắm cảnh biển đêm ngồi đông nghịt trên kê đá. Phía đường sát núi bên kia là khách sạn và nhà hàng đủ loại: Karaoke, quán nhạc sống, nhạc máy, nhà hàng ăn, và dĩ nhiên không thể thiếu vắng quán bia ôm... Do đó có câu vè, nghĩ cũng hay hay:

Đi chơi cho biết Vũng Tàu,

Có đi mới biết nó giàu hơn ta

Hotel trai gái vào ra

Bia ôm tăng sáng, mát sa xé chiều...

Chúng tôi ghé vào Café Biển để thưởng thức cà phê được pha bằng nước giếng và nghe nhạc sống do một ban Văn Nghệ Giao Lưu. Nghĩa là cứ sau một bản ca sĩ nhà hàng biểu diễn, MC lại mời một khán giả lên giúp vui cho chương trình văn nghệ cuối tuần thêm phong phú. Có rất nhiều bạn trẻ hằng say đóng góp bằng những bản nhạc vàng thời VNCH như Cát Bụi, Tình Xa của TCS... Phải công nhận rằng các em hát rất vững nhạc, giọng ca mạnh và phong cách trình diễn khá điêu luyện. Con gái anh bạn tôi vốn là một ca sĩ nghiệp dư tại California đã mạnh dạn bước lên sân diễn trong nhạc phẩm *Áo Ảnh* của Y Vân. Khi cháu vừa cất lời đầu tiên "Yêu cho biết sao đêm dài ..." thì tiếng vỗ tay và tiếng gõ ly đã ào ào nổi lên như để cổ vũ một nhạc phẩm đã đi vào lịch sử tân nhạc Miền Nam, mà hầu như những người yêu

nhạc cũng ít nhất một lần đã được nghe qua. Rồi đến khi nốt nhạc cuối cùng vừa dứt, tiếng vỗ tay và gõ ly lại thêm một lần dội vang cả trần núi. Quả thật chúng tôi cũng được chia sẻ niềm hân diện này với cháu. Đó là một đêm vui khó quên trong đời...

Nhưng cũng có một tối ngày thường chúng tôi ghé vào Khiêu Vũ Trường Khách Sạn Sammy như để thăm dân cho biết sự tình một sinh hoạt về đêm dưới ánh đèn màu sàn nhảy. Nhưng quá thất vọng... Mười giờ tối rồi mà Vũ Trường vẫn vẹn chỉ có dăm ba người khách ngoại quốc, hình như là người Đại Hàn, mặc quần short áo ngắn tay bước vào sàn nhảy trông mới thô kệch làm sao..., cùng với khoảng hơn 20 vũ nữ trẻ măng tuổi từ 18 đến 25. Các cô ăn mặc đủ kiểu, đủ màu trông thật là mát mắt... Có nhiều mới mới rất ư là thiếu vải... Nhất là kiểu váy ngắn không thể ngắn hơn được nữa, với hai dây thắt chéo sau lưng. Phòng nhảy thật mỹ lệ được trang bị bằng một hệ thống âm thanh có công suất cao cùng dàn ánh sáng khá tân kỳ. Nhưng ế ẩm quá! Vắng khách quá! Có lẽ khách sạn chỉ sống vào mấy đêm cuối tuần đón du khách từ Sài Gòn ra. Khi chúng tôi bước vào bên trong, dưới ánh đèn mờ ảo, các vũ nữ đang ôm nhau nhảy, mà phần đông là bước đi trông còn cứng đơ và trật nhịp, vội vã tan hàng như để nhường sàn nhảy cho bọn khách chúng tôi. Chúng tôi cảm thấy hơi ngỡ ngàng... Một vài tờ báo Sài Gòn hiện nay gọi các cô vũ nữ này là những người "kinh doanh vốn tự có" mà không còn là những vũ nữ chuyên nghiệp như ngày xưa. Có lẽ cũng đúng. Bộ môn khiêu vũ nhạc tour bây giờ đã chuyển sang một hình thức khác... Ngày nay không còn thấy ai đổ vạ cho Mỹ Ngụy đã để lại những rác rưởi, những tàn dư xã hội sau một cuộc chiến tranh dài... Thật đáng thương!

Thế rồi, tôi dành một buổi chiều ra ngồi bên bờ đá nơi ngày xưa đã không biết bao nhiêu lần ngồi nghe biển khóc về một vùng trời quê

hương lửa đạn đang rực ánh hỏa châu hòa cùng tiếng đại bác tiền đồn ngày đêm vẫn vọng về thành phố át cả tiếng sóng biển đêm. Có đôi khi nghĩ đến bạn bè người còn, kẻ mất... như nhìn đã trắng đang xe cát dưới chân mình mà lòng thấy ngậm ngùi, se sắt...

Rồi... để ra một ngày nữa, tôi trở lại bước trên những con đường ngày xưa đã bao lần những giọt nắng chiều vô tình đan qua kẽ lá làm óng ả mái tóc Em, để cố tìm lại chút dư hương của những ngày xưa ấy. Nhưng đường phố đã thay tên. Và hàng cây bên đường đã bao lần thay lá... Bâng khuâng lần theo hè phố cũ, tôi đã dừng hỏi nhiều người, nhưng nào ai biết. Thời gian hơn ba mươi năm qua đã biết bao lần vật đổi sao rời. Những ước mong đi vắng một ngày nào được trôi theo con nước một dòng sông sau những năm tàn cuộc chiến để rồi được giạt vào một bến bờ nào đó bên kia bờ đại dương... mà tôi không biết. Thôi xin đành đưa niềm riêng vào niệm khúc...

Đối với nhiều người, thời gian luôn luôn là một liều thuốc lãng quên để sớm bước vào vườn quên lãng. Nhưng với tôi, đi vắng dường như đã sống lại cho dù chỉ trong một thời gian ngắn ngủi được trở về giữa lòng Biển Mặn. Ánh-sáng-thời-gian quả đã đưa trả tôi về cái quá khứ ngày nào... Thành phố thân yêu nay đã khác xưa và tôi không còn được gặp Em, nhưng sóng biển muôn đời vẫn thì thào như tiếng khóc thầm của biển...

Phạm Bá
N. Potomac, 2011



Giữ Mãi Giữm Anh

Nhạc: VŨ THÁI HÒA
Lời Thơ: UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT

SLOW ROCK

Giữ mãi dùm anh suối tóc dài Để mây ngơ ngẩn đậu bờ
vai Để hoa thắm mãi tươi màu áo Để gió xuân về hôn má
ai Giữ mãi dùm anh ánh mắt nhìn Để trong cơn mộng tình mê
say Để trăng rũ bóng soi niềm nhớ Để khúc giao tình tựa giấc
mơ. Đây em yêu dấu Giữ mãi dùm anh làn da trắng
Để tuyết dừng ghen khi giá băng Đây em yêu dấu Giữ mãi dùm anh đôi cánh
tay Để giữ mộng yêu trong đêm dài Để má em hồng tình ngát
ngây -Giữ mãi dùm anh bước chân hồng Để anh đi tìm đường tình
xưa Để anh thơ thẩn trong chiều gió
Để dáng em về đẹp ước mong./.

TỪ MỘT VÙNG KÝ ỨC:

ANH TÔI ...

Ỡ NGUYỄN



... Lúc đó, vào năm 1958, anh tôi đang học lớp Đệ Tam trường Cộng Hoà trên đường Pasteur, Sài Gòn. Anh muốn tiếp tục con đường học vấn, lo lấy xong tấm bằng tú tài toàn phần rồi có thể còn học lên cao nữa. Nhưng hoàn cảnh tài chính của gia đình eo hẹp đã làm đảo lộn mọi dự tính của anh. Lương tháng mà bố tôi đem về từ một hãng thầu xây cất không đủ trang trải mọi chi tiêu trong gia đình, nói chi đến việc trả học phí cho anh em chúng tôi. Tôi phải làm thợ may bán thời gian để lo học phí cho riêng mình, còn anh tôi cũng kiếm được mấy chỗ kèm trẻ tại tư gia, nhưng số tiền này không thể bảo đảm cho một tương lai lâu dài. Ước mơ bất thành, anh đành phải xoay chiều, tìm hướng đi cho cá nhân mình. Cuối cùng anh bỏ học để thi vào khóa 12, Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức. Anh tính vậy cũng phải. Thời buổi chiến tranh, chạy đâu cho khỏi, nên phải sửa soạn cho mình một đường hướng khác. Thế mà hay. Mãn khóa, anh chọn ngành Dù và báo tin cho bố mẹ tôi. Bố mẹ choáng váng, lo sợ khi biết là anh chọn binh chủng này. Anh an ủi bố mẹ là trường họ tuyển chọn để song thân khỏi buồn lo. Thực ra anh tôi thích ngành Dù từ lâu, ngay lúc còn ở nhà, anh thường tâm sự: "*Nếu phải dang lình chắc chắn anh sẽ đi ngành Dù vì anh thích màu đỏ của chiếc mũ biểu hiện nét hiên ngang, lẫm liệt, oai hùng của người chiến binh Cộng Hoà*". "*Nguy hiểm thì ngành nào cũng nguy hiểm. Con*

người ta sống chết đều có số cả. Người anh hùng Mũ Đỏ nếu phải hy sinh vì đại sự thì cũng là hy sinh trong danh dự và kiêu hãnh". Anh chia sẻ với bạn bè như thế. Tôi lại nghĩ khác, lúc bấy giờ ngành này được trả lương cao nhất so với các binh chủng khác. Có thể như vậy mà anh chọn ngành Dù chăng. Thấy sốt xa trong lòng làm sao.

Cũng chỉ tại đồng tiền mà anh tôi phải dấn thân vào con đường sinh tử.

Từ ngày anh gia nhập binh chủng nhảy dù và phải đi hành quân liên miên tại các vùng chiến thuật thì sự thương yêu của cô em gái đối với người anh trai lại tăng lên gấp bội. Lúc nào tôi cũng lo lắng phập phồng vì sợ hung tin đem đến. Biết bao kỷ niệm của tuổi ấu thơ đâu đó chợt về ... những ngày gia đình chúng tôi tản cư về tỉnh Thanh Hóa (1946-1951). Lúc đó anh tôi 9 tuổi. Hơn tôi một tuổi. Anh em luôn luôn quấn quít bên nhau, lúc lên đồi hái sim chín, lúc lội suối, lúc tắm sông, đuổi cào cào, bắt chuồn chuồn, bắt bướm ... Có khi vào rừng nhặt củ khô, quét lá khô về nấu bếp... Mẹ tôi thường gọi anh là "ông cạp", vì anh sinh vào năm Dần mà tính tình thì nghịch ngợm và phá phách khỏi chê. Con trai mà. Cái tính bướng bỉnh và lì lợm của anh cả nhà ai cũng ngán. Có lần anh bị bà ngoại trừng phạt trói vào cột nhà, nhìn mà thương nhưng chẳng biết phải làm sao để gỡ tội cho anh vì mình còn bé quá. Hồi còn nhỏ, anh ngang ngược để sợ nên hễ khi muốn một cái gì, anh đòi cho bằng được, nếu bị từ chối không cho là anh khóc gào lên, đòi "tè" ra nhà, thế là mẹ tôi lại phải chiều anh. Chỉ quen bắt nạt mẹ, còn đối với bố anh sợ một vành. Tôi kém anh một tuổi, nhưng hình như lúc nào tôi cũng bị lép vế, thua anh, khi phải dàn xếp bất cứ một chuyện gì ở trong nhà. Có thể anh là con cạp,

tôi là con mèo nên bị bắt nạt là phải.

Đã hơn 40 năm qua, nhưng hình ảnh người anh thân yêu của tôi vẫn còn đó. Vẫn hiền lành với ánh mắt tinh anh nhìn tôi triu mến. Chiếc mũi cao và nụ cười hiền hoà, tươi tắn để lộ hàm răng trắng ngà đều đặn. Mái tóc cắt ngắn trên khuôn mặt chữ điền, khôì ngô tuấn tú là điển hình nét bô trai của anh. Anh thực xứng đáng với những lời khen tặng của bạn bè. Các bạn của anh đã từng nói: "*Thằng Kỳ nó bảnh trai và ăn diện thế hẳn gì mà các cô không mê một cô chú.*" Anh tôi lúc nào cũng ăn mặc chỉnh tề tươm tất, đúng thời trang, đúng mốt, hợp với nếp sống mới, với trào lưu mới của thanh niên Sài Gòn hồi đó. Nhà của thì chật hẹp nhưng anh vẫn sắm tạ, đóng ghế dài để nằm tập mỗi sáng. Ngoài tướng mạo bảnh bao anh còn có một thân hình cân đối, vạm vỡ, hấp dẫn. Anh mặc áo sơ mi thật chặt, sát vào người, in rõ bộ ngực nở nang trông rất lực sĩ. Anh tôi có khuôn mặt và dáng dấp y chang nam ca sĩ Quang Dũng ngày nay (tuy nhiên anh tôi si bo hơn QD). Từ nụ cười đến sống mũi cao cao của QD đã làm tôi luôn luôn nghĩ về anh mỗi khi coi ca sĩ này xuất hiện trong các phim ca nhạc của Paris By Night. Thời kỳ đó anh đã mặc quần Jean, ống bó, đi học. Chính điểm này đã làm bố tôi bất mãn cho đó là không đúng đắn, cao bồi du đãng. Cũng như bố đã từng cấm không cho tôi uốn tóc vì không muốn tôi đua đòi, hoặc giả bố muốn tôi giữ mái tóc thề nguyền của tuổi 17-18 hơn là uốn tóc quần teo? Cho nên khi có chút hơi men vào, ngà ngà say, bố lôi anh ra trách cứ, la rầy và dọa đốt những thứ quần áo ngoại lai này. Bố thì lúc nào cũng muốn con cái phải theo đúng phép tắc và giữ cương thường đạo lý gia phong, vậy mà có nhiều trường hợp bố lại rất thông cảm cho con cái và rất xuề xòa.

Trước kia, ngoài việc học, anh tôi còn tham dự vào Hội Quyền Anh. Anh đã từng đấu

nhều trận ở Đà Lạt, nhưng chỉ là cỡ "Hạng Ruồi" thôi, chắc chắn là thất bại vì khi trở về, thấy anh êm ru. Anh thua là phải, vì một lực sĩ tranh tài phải có điều kiện tài chánh tương đối để hỗ trợ phần vật chất, chẳng hạn như phải được ăn uống đầy đủ dinh dưỡng, trả thù lao tập dượt hàng ngày cho huấn luyện viên. Anh thiếu đủ mọi điều kiện căn bản nên sự thất bại phải là hiển nhiên thôi. Thực sự anh tham dự môn boxing như là một môn thể thao để tiêu khiển cho nên chơi rất tài tử. Anh cho coi những bức hình mà anh bị đối phương đấm thẳng (direct) vào mặt, xẹp cả mũi trông thực thương hại. Hội họa cũng là thú giải trí mà anh đam mê nhất, nên lúc nào rảnh rang là anh lại đắm chìm vào sơn cọ, hí hoáy điểm tô những bức tranh anh cho là ưa thích nhất. Tôi luôn luôn tự hào vì có người anh thông minh và rất khéo tay, chỉ tiếc là chưa có hoàn cảnh thuận tiện để anh phát huy tài năng.

Về chuyện tình cảm của anh, phải nói là dài lê thê ... Năm 1955 lúc còn ở Hải Phòng, trước khi di cư vào Nam. Anh yêu Tú Khôi, một người bạn gái của tôi. Cô có cái tên thực đẹp, đẹp như cô vậy. Cô có tất cả những nét đáng mỹ miều, kiêu sang của một thiếu nữ đang xuân mà trời đã dành riêng cho cô. Với khuôn mặt trái soan, hai núm đồng tiền xinh xinh làm tăng vẻ đẹp của cô mỗi lần cô mỉm cười. Sống mũi thanh thanh thẳng muốt cùng cặp mắt bồ câu đen nhánh rất ư là quyến rũ. Bước đi thanh thoát nhẹ nhàng. Mái tóc huyền óng mượt phủ lướt trên lưng ong thon nhỏ, trông thực duyên dáng, làm mê mẩn ai kia góc sân trường... Anh tôi có cảm tình sâu đậm với Tú Khôi, nhưng không dám thổ lộ. Đây là tình yêu đầu đời của anh, tình yêu của một người non trẻ. Tình yêu của tuổi 16, tuổi dậy thì. Lúc đó anh học đệ lục, còn Tú Khôi học lớp đệ thất cùng với tôi tại một trường tư thực trên đường Trại Cau,

Thành phố Cảng Hải Phòng. Những ngày sinh nhật của hai anh em tôi đều được bố mẹ cho tổ chức tại nhà. Thường là tiệc trà đơn sơ thân mật, văn nghệ văn gừng, cây nhà lá vườn chung vui với nhau giữa đám bạn bè cùng trường. Bố mẹ tôi rất dễ dãi trong việc chúng tôi có bạn bè họp mặt tại nhà như thế và mẹ cũng không nề hà nấu những món ăn đơn giản cho bữa tiệc. Mỗi lần có tiệc tùng như vậy anh đều nhờ tôi mời Tú Khôi tới dự. Tú Khôi cũng chưa một lần từ chối, có thể "nàng" cũng ưa "chàng" và tôi cứ bị là cánh én đưa tin. Thời kỳ ấy trai gái còn bên lèn, không bạo dạn như bây giờ. Yêu trong thầm lặng. Yêu mà không dám thổ lộ cùng người mình yêu.

Sau này di cư vào Nam, anh đã liên lạc với Tú Khôi nhưng vì công danh sự nghiệp của anh còn là một bóng mờ trong đêm nên anh đành ôm mối tình ảo và dặt thơ "Hàn Mạc Tử!" Vốn là một thanh niên đa tình đa cảm và lãng mạn nên "*thua keo này*" anh "*bảy keo khác*". Và những mối tình lẻ tẻ mãi đuổi theo anh dường như không dứt.

Lúc còn học Anh văn tại Hội Việt Mỹ ở Sài Gòn, anh có quen Ninh, một cô bạn gái cùng lớp. Chiều nào, sau khi tan học, hai người đều đi tản bộ tới tận nhà bố mẹ tôi ở dốc Cầu Bông, Gia Định. Anh chẳng dấu diếm cô em gái bất cứ chuyện gì vì tôi thường là sứ giả hoà bình cho anh mà. Bẵng đi một thời gian khá lâu, không thấy anh nhắc tới tên cô ta nữa. Thế là tính tò mò đã khiến tôi tìm ra nguyên nhân... Ninh biết nhà tôi nghèo, anh tôi học hành chưa đi đến đâu nên cho anh de luôn. Tội nghiệp! Nhưng đối với anh thì đó cũng là chuyện bình thường, "*Con trai mà, lo gì. Mình không có điều kiện để chinh phục phái nữ thì rút lui có gì mà nản lòng chứ?*". Anh luôn luôn phát biểu như vậy để tự an ủi.

Thế rồi, ngày qua ngày, giây tơ hồng bỗng

đâu vương vấn, ông tơ bà nguyệt thương tình se duyên ... và anh tôi đã gặp được người yêu lý tưởng cũng tại Trung Tâm Anh Ngữ này. Một người con gái miền Nam thực hiện lành, duyên dáng và dễ thương đã nằm trong trái tim của anh. Chị đã đến với anh bằng một tình yêu chân thành. Chị thương anh thực sự. Giàu nghèo không là ranh giới với mối tình Nam Bắc này. Chị đã nguyện đi suốt quãng đường đời cùng anh. Anh tôi thương chị cũng thực nhanh chóng vì đã tìm được ở chị một tình yêu mộc mạc, chân thật và chất phác. Chị mồ côi cả cha lẫn mẹ từ hồi thơ ấu. Chị và người chị gái duy nhất có tên là Vân đã được một người cậu ruột nuôi dưỡng và thương yêu nhất mực từ lúc còn tấm bé cho đến lúc trưởng thành. Ông Sáu, tên người cậu của chị, đã ưng thuận gả chị cho anh tôi khi bố mẹ tôi đến cầu hôn với gia đình ông. Một đám cưới đơn sơ đã được tổ chức trang nghiêm để chứng minh cho cuộc tình đẹp nhất của anh trai tôi và chị Huỳnh-thị-T- Hồng.

Thế là anh tôi đã thực sự lấy vợ lúc vừa tròn 23 tuổi. Chị dâu tôi lúc ấy mới 19 cái xuân xanh. Hai người rất xứng đôi vừa lứa. Tuy chẳng giàu có bằng ai nhưng anh chị ăn diện thì khỏi chê. Đi đâu cứ như ông tây bà đầm. Mỗi lần anh chị về thăm bố mẹ tôi thì thôi hàng xóm trâm trờ, nhòm ngó vì thấy lúc nào hai người cũng ăn mặc sang trọng và kiêu cách. Bà chị dâu tôi có dáng dấp bề ngoài rất ưa nhìn, thân hình cân đối, cặp giò thẳng vo rất hấp dẫn, mặt đầm đẹp hết chỗ chê, đẹp hơn cả mấy cô đầm thú thiệt. Chị thường mặc mini jupe ngắn tới đầu gối mới gỗ ghề chú! Tôi thương bà chị dâu ở chỗ là lúc nào chị cũng mỉm cười tươi ráo, chưa thấy chị ấy rầu rĩ, buồn bực bao giờ. Gia đình nhà tôi là người gốc Bắc, mẹ tôi răng đen nhánh, vấn khăn trần, ăn trầu đỏ môi, vậy mà mẹ tôi lại không giống các bà mẹ chồng cổ xưa ngoài Bắc, thường khó tánh, cay nghiệt,

hành hạ con dâu chỉ vì lòng ghen tị nhỏ nhen. Hình như cái phong tục quái gở mẹ chồng nàng dâu ở thôn quê miền Bắc lúc xưa phải diễn tiến như thế, đời đời, kiếp kiếp chẳng đổi thay, nên mới có câu "*mất tiền mua mâm thi đấm cho thủng*", bỏ tiền ra cưới con dâu thì phải la rầy và hành hạ cho bõ công bõ cửa, nghe sao dữ dằn, ghê gớm quá! Với gia đình nhà tôi, mấy năm trời về làm dâu, chị chưa từng bị mẹ tôi la rầy hay phiền hà bất cứ điều gì. Hay có thể chị không phải làm dâu, không ở chung một nhà nên không bị đụng độ, lời qua tiếng lại như nhiều mẹ chồng nàng dâu khác. Tôi và cậu út lúc nào cũng quý mến chị như người chị gái của chúng tôi. Mỗi lần chị em gặp nhau tôi thường pha trò làm chị cười ngất. Nói chung, bà chị dâu người Nam của tôi thực dịu hiền để thương hết chỗ chê.

Trước khi lấy vợ, anh tôi đã thi vào Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức để mong có một chỗ đứng trong xã hội mặc dù điều đó không phải là mục đích và tương lai mà anh hằng mong ước. Chẳng qua chỉ là một quyết định bất đắc dĩ mà các thanh niên cùng trang lứa lúc bấy giờ cũng đều thực hiện như thế, dù rằng họ rất sợ phải đăng vào lính. Trong giai đoạn này, những gia đình có con trai đến tuổi quân dịch đều rất lo lắng, cho nên các bậc cha mẹ phải chạy đâu này, đâu kia, biếu xén, dứt lốt các ông to, bà lớn để con mình khỏi phải bị động viên, hoặc khỏi phải đi chiến đấu ngoài trận mạc. Đôi khi họ đã dùng mọi khổ nhục kể cho con trai mình huỷ hoại phần nào thân thể, như chặt đứt ngón tay bấm cò súng, hoặc uống nhựa đu đủ xanh để làm cho người xưng phù khiến Bác Sĩ khó có thể định bệnh (chuyện nghe được từ một Bác Sĩ Quân Y) hầu được miễn dịch khỏi bị động viên; hoặc cha mẹ lo chạy cho con trai mình làm lính kiểng, lính ma hay thuê người làm lính thay cho con mình. Sự thực, nếu lo chạy tiền được như

thiên hạ thì bố mẹ tôi cũng chẳng từ, nhưng khôn nổi tiền ăn lúc bấy giờ còn thiếu hụt thì làm sao bố mẹ có thể lo lót để chạy chọt cho anh được. Anh tự an ủi: "*Ai sao mình vậy - chạy đâu cho khỏi phần số.*" Cũng chính vì tình trạng day dứt này mà thanh niên miền Nam trong giai đoạn ấy đã lần sả vào các cuộc vui chơi bừa bãi. Họ đã đắm chìm trong rượu chè, cờ bạc, hút sách, trai gái để mong được hưởng thụ trước khi phải đương đầu với trận tuyến mà họ nghĩ rằng: "*Trai trong thời loạn, một đi mấy người trở lại.*" Cuối cùng lớp trẻ bị cuốn vào guồng máy chiến tranh. Anh tôi cũng là một trong từng lớp thanh niên ấy, đã đáp lời kêu gọi của non sông và đặt mạng sống của mình trong may rủi mà thôi.

Anh tôi, sau bao lần trực diện với quân thù trên bốn vùng chiến thuật, được gửi đi tu nghiệp tại Hoa Kỳ và khi trở về được vinh thăng cấp bậc Trung Úy. Chị dâu tôi lúc nào cũng lo ngại cho anh. Ba tháng anh đi tu nghiệp là ba tháng chị mừng trong lòng. Nay anh đã về và chỉ vài ngày nữa đây, anh phải trình diện ở tiểu đoàn và chắc chắn là sẽ phải đi hành quân. Những ngày tháng này là giai đoạn bốn vùng chiến thuật đang sôi động, vậy nên sự lo lắng của chị lại tăng lên gấp bội. Chị dâu tôi đề nghị nhờ anh Bình con trai cậu Sáu giúp anh biệt phái về Tổng Tham Mưu làm việc tại văn phòng, dưới quyền Tướng Dư Quốc Đống. Lúc này Tướng Đống là Tư Lệnh Sư Đoàn Dù. Nếu anh tôi không muốn làm việc tại văn phòng thì anh có thể làm tuý viên cận vệ cho ông tướng. Hoặc xin được biệt phái về làm huấn luyện viên tại quân trường nào đó. Chung quy là khỏi phải đi chiến đấu ngoài trận mạc.

Trường hợp của anh tôi, thâm niên quân vụ còn ít lại không bị thương tích gì thì chắc chắn khó mà được biệt phái, nhưng anh Bình rất thân cận với tướng Dư Quốc Đống thì việc xin chuyển chắc cũng dễ dàng thôi. Anh

Bình rất thương mến anh Kỳ như một người em trai trong gia đình mặc dù anh chỉ là em rể, nên muốn nâng đỡ anh tôi trước khi anh ta đi tu nghiệp ở Đức quốc. Vẫn cái phong cách khí khái và tin tưởng vào định mệnh của mình, nên anh tôi không chịu nhận sự giúp đỡ của anh Bình, để rồi không tránh khỏi những điều đáng tiếc xảy đến. Anh tôi thường nói với vợ, "*Làm việc ở văn phòng hoặc về Tổng Tham Mưu bó chân buộc cẳng lắm. Mất tự do thấy mờ. Còn ở sư đoàn, lâu lâu mới phải đi hành quân lễ tế ăn nhằm gì, rồi sau đó về nhà xả láng, tha hồ gần gũi vợ con, có phải là thích thú hơn không?*"

Khi những dòng ký ức này gần hoàn tất thì tình cờ tôi đọc được trang Nhật Ký của anh tôi. Anh đã viết trong thời gian đi tu nghiệp tại Hoa Kỳ. Tôi thực bồi hồi xúc động về tình yêu chân thành và sâu đậm của anh đối với chị T- Hồng. Đọc đến đâu, nước mắt tôi rơi đến đó. Những lời tâm sự dạt dào tình cảm và thấm thiết của anh đã dành cho người vợ trẻ, nghe như xoáy tận tim gan.

Trong suốt hơn 40 tuần lễ học tập tại Mỹ Quốc, anh tôi đã không một lần quên ghi vào trang nhật ký ân tình. Mười tuần lễ nhân lên với 5 là 50 ngày. Trong 50 ngày anh đã ghi đậm những nét nhớ mong về người vợ yêu dấu ở quê nhà. Nhìn tên chị ngập tràn trang giấy của cuốn nhật ký này, chắc hẳn anh tôi đã thương nhớ chị T-Hồng ngoài mức tưởng tượng của tôi.

Có đoạn anh ghi: "*Vợ anh, em yêu ...Anh đã đi xem mấy món đồ, nhiều thứ đẹp lắm...mũ áo, đồ trang sức v.v...Khi nào về, anh sẽ mua làm quà tặng em, nhất là chiếc máy hi-fi. Anh sẽ hà tiện như lời em đã dặn. Xa em mới thấy nhớ thương em nhiều. Em ơi, anh nhớ em quá đổi, chỉ mới có mấy ngày mà sao anh tưởng lâu quá là lâu! Không biết ở đây tới ba tháng thì làm sao anh chịu nổi. Anh tự hỏi nếu vì nhiệm vụ mà anh có thể quên em trong chốc lát được*

chẳng? Không đâu, không sao quên được hình ảnh em yêu, nó cứ lớn vốn trong tâm trí anh, ám ảnh anh hoài. Chỉ vì nhớ thương em mà anh hết làm gì được! Ghi nhớ vợ yêu quý của anh vài hàng như vậy là tạm đủ, để tối nay đi tới Fort Benning, có địa chỉ sẽ viết thư về cho em, anh mong thư em. Hôn vợ anh ngàn cái ... Chồng nóng tính."

Anh tôi thường thì hiền khô, chỉ hơi cục tính chút chút nhưng đâu đến nỗi phải nóng nảy và khó khăn với bà chị dâu hiền lành của tôi cơ chứ. Bây giờ đọc lại những dòng tâm sự của anh tôi mới cảm thấy thương và mến phục bà chị dâu của mình đã từng chịu đựng và chớ hề than thở gì với mẹ tôi và chúng tôi về ông chồng nóng tính của chị.

Ngày 15 tháng 6, 1963, anh ghi: "*Thứ Bảy học mệt, mong lãnh lương. Có lẽ Thứ Hai mới lãnh. Tiếc quá. Thôi đành để đến Chủ Nhật sau mua đồ cho vợ cũng được. Minh sẽ kiếm đồ thật đẹp, cho bồ lúc xa nhau!*

Thương yêu vợ nhiều quá ... Minh ơi, T-Hồng yêu quý của anh ơi! Anh nhớ em quá ... Nhớ em nhiều lắm. Anh thèm hơi thở, thèm những chiếc hôn. Thèm những gì thơm tho ở người vợ yêu quý của anh. Ở đây, anh cố giữ mình cho trong sạch. Cố hà tiện để có tiền mua đồ đem về cho em.

Xa em, anh nhớ em quá. Không biết em có nhớ anh không? Hay em lại không nghe lời anh mà đi đây đó. Nhưng anh tin ở lòng em, tình yêu của em đối với anh. Còn anh, lòng anh hoàn toàn ngay thẳng, chỉ biết yêu thương em mà thôi. Đôi lúc vì bận bẻ, đi ăn nhậu là để khuấy khoa, cho khoẻ khoản trong người hay để cùng vui với họ, chứ anh lúc nào cũng nghe lời em dặn. Anh không quá đam mê đâu mà em sợ. Anh mong chúng mình sớm có con. Tội gì anh lại đi chơi bởi cho tốn tiền. Anh biết chúng mình sẽ có con. Anh đi qua mấy tiệm bán đồ

chơi con nít, anh định sắm ít thứ như quần áo cho con của chúng ta mai đây, nhất là cái nôi trông đẹp mắt và dễ thương làm sao. Mọi thứ đều xinh xắn hấp dẫn quá. Anh ao ước có em ở bên để em biết thứ nào cần mua. Nhưng anh thấy hơi sớm vì em chưa có thai nên anh lại ngần ngại là vì đem những thứ đồ này về Việt Nam rất cồng kềnh và bất tiện."

Những câu nói phát xuất từ đáy lòng anh tôi, những nét chữ chân tình sâu đậm còn phôi bày rành rành nơi trang nhật ký từ ngày xa xăm đó, vẫn mãi nồng nàn, chan chứa yêu thương của anh đối với chị T-Hồng và đứa con mong đợi của hai người.

Cũng trong tập nhật ký ngắn ngủi này, tôi tìm thấy một bài thơ tự do của anh:

Xa quê

Hôm ấy, bước chân đi ...

Vợ tiễn chân, bụi ngùi bảo ...

Anh đi hãy chịu khó học hành ...

Dùng uống rượu, chơi bồi ...

Anh nhớ lời em dặn...

Chẳng có bao giờ quên ...!

Nguyễn Trọng Kỳ



Di ảnh Cố Đ/U Nguyễn Trọng Kỳ

Qua bao thăng trầm của đất nước, qua bao nghiệt ngã của cuộc đời, giờ này nhìn lại dòng chữ thân yêu của anh tôi, ngắm những bức hình bạc màu hoen ố của anh hơn 40 năm về trước, lòng tôi quặn đau, cổ họng khô cứng, chát đắng. Tôi thấy nuối tiếc cuộc đời quá ư ngắn ngủi của anh. Những dòng tâm sự, những nét chữ ngày ấy vẫn mãi ẩn hiện trước mắt tôi. Ngày đó anh đang sống trong hạnh phúc với một tương lai hứa hẹn chờ đón. Khi gần bên chị, anh muốn quên đi những gì mà thực tế đã làm anh lo sợ, vì sự chết chóc của đời binh nghiệp có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Anh muốn tránh né những ý nghĩ bất an đó để tận hưởng cuộc sống bình dị đầy tình cảm bên người vợ trẻ. Nhưng rồi định mệnh khắt khe mà anh thường lo ngại đã thực sự đến với anh. Anh Kỳ ơi! Em gái anh lại khóc, khóc vì đi vắng vẫn mãi mãi đưa em gần lại với anh!

Sau khi tôi lập gia đình thì anh em chúng tôi ít gặp lại nhau vì anh đi hành quân liên miên, còn tôi mãi lo chuyện con cái và chuyện bên chồng. Một lần có biểu tình ở Sài Gòn, đầu năm 1965, anh phải theo tiểu đoàn dù về bảo vệ thành phố, tôi gặp anh ở đầu hẻm, lối vào nhà vợ chồng tôi, ngay trên đường Phan Thanh Giản và Nguyễn Thiện Thuật. Anh em chuyện trò ngắn ngủi rồi chia tay. Bây giờ tôi vẫn còn muông tượng ra khuôn mặt rần rỏ, oai phong không thiếu nét khôi ngô tuấn tú của anh trong bộ quân phục rằn ri với chiếc mũ đỏ xạm màu, tượng trưng cho nét oai hùng, dũng cảm của người chiến sĩ dù. Rồi những hoài niệm gắn bó tuổi ấu thơ giữa hai anh em bỗng chợt hiện về trong tâm khảm...

(Còn tiếp)

Ỗ NGUYỄN

North Potomac, 2011

Cảm Dạ Quỳnh Hương

Hoàng Dung

Một ngày hè không oi ả, một ngày hè thấy lòng nhẹ nhàng thoáng mát, Duy cảm thấy nên làm một điều gì đó thật vui vẻ, nhìn ra sau sân nhà như một khu rừng nhỏ đầy bóng mát, à... sao không tổ chức một đêm lửa trại như hồi còn trai trẻ nhỉ?

Ed, người bạn lâu năm vui mừng hưởng ứng trước nhất, chàng ta lật đật chạy ra Target mua ngay một cái gì trông như cái đĩa của cái Satellite có bốn chân thấp để ngay giữa sân, Ed nói để đốt lửa trại cho khỏi hư cỏ, cho khỏi cháy nhà và... bla...bla... Ed tíu ta tíu tít. Ô... thế thì thú vị quá chứ, thế là hôm nay mọi người sẽ được cùng ăn cùng ngủ với đất với trời. Linh Chi, người vợ thân yêu cũng rộn ràng lo ướp gà ướp thịt, chuẩn bị vài thứ hoa quả. Duy loay hoay đốt bếp lên để nướng thịt. Vui nhất là Andy thằng con nhỏ của Duy, cậu bé chạy khắp xóm kiếm cho được những đũa bạn cùng qua chơi chung. Việt thằng trưởng nam định cùng chúng bạn đi biển cũng hồi lại ở nhà chung vui, để gì có mấy dịp vui vẻ như thế này...

Đêm đã khuya... Mọi người đã no say... Đêm đã khuya... Mọi người đã yên ngủ. Giấc ngủ thật êm ấm trong những căn lều đã được căng lên từ buổi chiều...

Chỉ còn lại một mình... Duy ngồi soãi người trong chiếc ghế vải, nhìn đồng lửa đang tàn lụi dần, lòng nao nao không biết nên nghĩ đến điều gì... Duy ngửa cổ nốc cạn ly rượu trong tay, nhìn lên bầu trời như có ngàn vì sao đang thấp nền lung linh. Gió nhẹ nhẹ lay những cành những lá lao xao. Đêm thật huyền

diệu, đêm thật êm ả... Bỗng dung Duy ngửi thấy một hương thơm rất lạ đánh vào khứu giác mình.

Duy nhòm người dáo dác nhìn quanh, mùi hương đang toát ra từ một khóm hoa. Khóm hoa có những chiếc lá rất dài và đường như đã bị bỏ quên từ lâu, hôm nay bỗng nhiên từ một nhánh lá tươi tốt nhất, xuất hiện một búp hoa trắng hồng, thon dài, nõn nà, búp hoa đang vẫy mình run lên nhẹ... đang từ từ khai hoa nở nhụy. Từng cánh hoa trắng muốt đang cố vươn cánh bung ra, mỗi cái chớp mắt đã thấy hoa nở lớn hơn một chút, thời gian dường như cũng muốn ngừng lại để âu yếm nhìn hoa khai hoa nở nhụy. Duy ngồi đấy, thần kinh căng cứng theo từng cơn vẫy mình của hoa, những sợi nhụy màu vàng mỏng manh cũng cố vươn dài ra, để rồi run rẩy tươm ra một mùi hương thật nồng nàn, mùi hương nương theo cơn gió lan vào không gian, len vào khứu giác Duy, thảo nào người ta gọi là... Dạ Quỳnh Hương.

Hoa Quỳnh đã nở rộ, đã bót run rẩy, nhưng vẫn dướn lên đong đưa theo từng cơn gió lay, mùi hương vẫn cứ tuôn ra thơm ngát, bầu trời thật trong, không gian thật sáng. Quỳnh phải tận hưởng hết những điều tuyệt diệu của đêm nay, vì một chút nữa đây, chỉ một vài giờ nữa thôi, khi ánh bình minh chưa kịp ló dạng, thì Quỳnh sẽ gục xuống, Quỳnh sẽ rũ ra, và hương thơm cũng không còn nữa...

Vì vậy cho nên... Duy hứa với Quỳnh sẽ cùng Quỳnh tận hưởng những "hương vương không gian", sẽ cùng Quỳnh "mơ say mộng ngát tình"... cho hết đêm nay...

Duy khẽ gọi "Dạ Quỳnh Hương, em ơi ... Dạ Quỳnh Hương".

Quỳnh hân hoan dướn lên, dướn cao lên, rùng mình... bước ra khỏi khóm hoa, trên thân hình éo lá Quỳnh khoác một bộ áo trắng thật mỏng manh, nhánh lá thon dài lúc này đã trở thành mái tóc dài óng ả, cứ kéo dài ra... dài ra theo từng bước chân nhẹ nhàng của Quỳnh. Trên kia chị Hằng cũng nghiêng người ghé mắt nhìn xuống, ánh sáng của chị rọi vào Quỳnh sáng lóng lánh. Quỳnh nhẹ bước đến ngồi dựa vào Duy, ghé đôi môi sắc thắm lên bờ môi của Duy, một làn hương thơm ngát tỏa ra, Duy hé miệng đón lấy vị ngọt mát tuôn ra từ đầu lưỡi trắng hồng của Quỳnh, Duy ngã người nhắm mắt tận hưởng, cảm thấy toàn thân mình lâng lâng, Quỳnh trườn người úp lên thân thể Duy, hai cánh tay soãi dài, mười ngón tay của Quỳnh đan lấy mười ngón tay của Duy siết lại, mái tóc dài óng ả của Quỳnh đờ

xuống, biến thành những vòng tay của sứa biển luồn ra sau lưng Duy siết chặt lại, chặt lại, hai bầu thiên nhiên căng cứng phập phồng của Quỳnh áp lên ngực Duy khiến Duy ưỡn mình lên hưởng ứng, đôi chân Quỳnh quỵện chặt lấy chân Duy, Duy cảm thấy toàn thể con người mình tê cứng như dần dần biến thành đá...

Linh Chi khẽ đánh thức. Duy cựa mình mở mắt, ánh bình minh đang nhảy múa xuyên qua các kẽ lá xanh, bầy chim Uyên đang lao xao hót vang, chồn sóc đang nhảy nhót tung bưng... Duy nhìn về phía khóm hoa, Quỳnh vẫn còn đó, nhưng đã ủ rũ ứa tàn... Duy buột miệng "đời Quỳnh ngắn ngủi đến thế sao..."

Hoàng Dung
(Virginia)



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

GẶP GỠ HOẠ SĨ VI-VI và CÁT ĐƠN SA

Phong Thu

Mỗi năm khi Tháng Tư về, tại Washington D.C thường rộn ràng, náo nức vì tiết trời mùa xuân, ấm áp, hoa anh đào và các loài hoa nở rộ dọc theo tất cả các con đường. Nắng đã sưởi ấm vạn vật sau những ngày đông giá rét. Năm nay, thời tiết thay đổi, mưa nhiều, trời u ám buồn và ít nắng nên hoa anh đào nở muộn. Lá chưa kịp đâm chồi nảy lộc và chim muông lười cất cao giọng hát. Thế nhưng cuộc triển lãm tranh của đôi uyên ương họa sĩ Vi-Vi và Cát Đơn Sa làm giới văn nghệ sĩ cũng như giới hâm mộ tranh vẽ xôn xao tìm đến Nhà Việt Nam nằm trên đường 308 Hillwood Ave, Falls Church, VA 22046, từ ngày 10/4/ đến 13/4/2011.

Họa sĩ Vi-Vi tên thật là Võ Hùng Kiệt, sinh trưởng tại Vĩnh Long. Ông say mê hội họa từ khi còn bé. Năm 1958 đã có truyện vẽ bằng tranh trên báo Tuổi Xanh do ông Bùi Văn Bảo làm chủ Nhiệm. Ông tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn, nhập ngũ và phục vụ tại phòng 7 Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH. Ông cầm cọ đã trên 50 năm. Bút hiệu Vi-Vi được ông ghép lại từ hai chữ Việt Nam và Vĩnh Long. Trước năm 1975, nhiều người biết đến họa sĩ Vi-Vi không chỉ về tài

vẽ tranh của ông, mà giới trẻ cũng hâm mộ và say mê những bức tranh vẽ của Vi-Vi dành cho thanh thiếu niên trên các tạp chí Tuổi Xanh, Tuổi Hoa (Hoa Xanh, Hoa Tím, Hoa Đỏ), xuất bản tại Sài Gòn. Ông còn cộng tác vẽ truyện tranh cho hai nhật báo Dân Chủ và Độc Lập. Ngoài tài vẽ tranh, ông còn nổi tiếng về vẽ mẫu Tem Thư bưu điện. Từ năm

1965 đến 1975, ông đã liên tiếp đoạt 33 giải Tem Thư, có 27 mẫu tem chiếm giải nhất được Tổng Nha Bưu Điện VNCH tổ chức hàng năm. Những mẫu Tem Thư này được in ấn, phát hành và sử dụng trên toàn Miền Nam. Không chỉ vẽ tranh, người họa sĩ tài hoa Vi-Vi còn có tài điêu khắc. Ông đã tạc nhiều pho tượng tại nhiều tiểu bang Hoa Kỳ và Canada.

Sau 1975, ông bị cộng sản bắt bỏ tù hai lần. Năm 1981 ông vượt biên và được định cư tại Montréal, Canada. Sau khi kết hôn với nhà văn Diễm Châu, ông sang định cư tại California từ năm 1995 cho đến nay.

Theo giới cầm cọ nhận xét, thi họa sĩ Vi-Vi vẽ tranh hiện thực, tái hiện sự vật, con người, khung cảnh qua cảm quan nhạy bén, tinh tế bằng màu sắc hài hòa và trí tưởng tượng phong phú. Trong những bức tranh ông mang sang triển lãm lần này, có một số bức tranh làm giới thưởng ngoạn ưa thích là “Thế Giới Hội Hoạ của Frida Kahlo”,



Tranh *Cô Gái Việt*
của Họa sĩ Vi Vi

tái hiện nguyên thủy hình ảnh của nữ họa sĩ người Mỹ Tây Cơ với những bức họa cô đã vẽ trong suốt thời gian cô bị bại liệt do một vụ tai nạn xe hơi; “Thiếu Phụ Mũi To” của danh họa Picasso, chân dung của Tổng Thống Ronald Wilson Reagan, chân dung họa sĩ Edward Munch. Ngoài ra, những họa phẩm sáng tạo linh động và sâu sắc lôi cuốn người xem như: Chuối Bò Đề, Sen Pha Lê, Hương Lài-Hoa Sen, Đèn Sen Bông Bênh, Bơ Vơ, Đêm Hội An... Những bức họa này lập tức đã có người đặt mua ngay. Trong đó số những người mê tranh của họa sĩ Vi-Vi có nhà thơ Hoàng Dung trong nhóm Văn Chương Phụ Nữ (VNPN) của chúng tôi. Hoàng Dung mua hai bức tranh “Chuối Bò Đề và Cùng Mỹ Quốc.”

Người bạn đời của họa sĩ Vi-Vi là Cát Đon Sa cũng đã triển lãm những bức tranh ngộ nghĩnh và sáng tạo như: “Đi chợ, Người Mẹ H’mong, Tình Mẹ Bao La, Ruộng Sen, Hoa và Chim, Tình Bạn, Trên Lung Mẹ, Lá Mùa Thu, Tôi Chờ Nửa Tôi, Em Yêu Mẹ Quê... Tranh của chị biểu hiện nữ tính rõ nét qua màu sắc và bố cục. Chị gói vào tranh hình ảnh người Mẹ, và làng quê Việt Nam bằng nét cọ chân phương, mộc mạc và gây cảm xúc cho người xem.

Nói về Cát Đon Sa, tôi cũng cần phải nhắc lại mối duyên hạnh ngộ giữa tôi và chị. Tôi thường nghe nhà thơ Quốc Nam nhắc về chị. Khi tôi tổ chức Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ vào tháng 8 năm 2010, tôi đã gọi thư mời họa sĩ Vi-Vi và Cát Đon Sa. Nhưng anh chị không thể tham dự. Và từ đó, họa Sĩ Cát Đon Sa vẫn thường xuyên liên lạc với tôi bằng

email. Tôi rất thích xem trang website www.hoasivietnam.com do anh chị thiết kế. Nơi đó, giới thiệu nhiều họa sĩ, điêu khắc gia của Việt Nam và thế giới. Qua tìm hiểu, tôi được biết chị là ca sĩ Diễm Châu, tên thật là Nguyễn Thanh Hương, sinh ra tại Đon Sa, Quảng Bình, thành phố Huế. Ngoài tài ca hát, chị còn viết văn. Trước 1975 tại Sài Gòn, chị cộng tác viết tiểu thuyết cho báo Phụ Nữ Mới, Phụ Nữ ngày Mai do bà Bút Trà làm Chủ Nhiệm. Rồi Việt Nam sang Hoa Kỳ định cư từ năm 1975, Diễm Châu vẫn ca hát và cộng tác các báo chí hải ngoại. Sau đó, chị chính thức rời ánh đèn sân khấu và trở lại cầm bút. Chị cộng tác với nhiều tạp chí hải ngoại và viết tiểu thuyết và truyện ngắn.

Tôi đang bận chương trình tập huấn trong những ngày cuối tuần. Nhưng may là ngày 10/4, ông Phó Giám Đốc họp với các xếp lớn từ lúc 10:00 sáng đến 1:30 chiều. Thế là tôi được phép đi rong với bạn bè trong 2 giờ. Email của tôi gửi đi để rủ rê các quý nữ lưu trong nhóm Văn Chương Phụ Nữ. Tôi nhận được email phúc đáp của nhà thơ Phương Thúy (chủ xị diễn đàn Văn Chương Phụ Nữ), nhà thơ Cung Thị Lan, nhà thơ Hoàng Dung, tác giả Ngọc Hạnh. Chúng tôi hẹn gặp nhau tại Trung tâm Eden. Tôi được dịp chạy vòng vòng đón Cung Thị Lan và chị Phương Thúy sang Virginia. Vừa đến nơi đã thấy Hoàng Dung mở cửa xe. Làm như mười năm chưa gặp, ai cũng í ới, tíu tít gọi



Tranh *Sen Đồng* của Đon Sa

nhau, tay bắt mặt mừng. Rồi cả nhóm rủ nhau vào

quán Nha Trang ăn sáng. Mọi người tìm chỗ ngồi, còn Hoàng Dung thì nháp nhòm đi ra ngoài chờ chị Ngọc Hạnh. Chị Phương Thúy gọi hai phần bánh cuốn nem nướng. Ăn xong mà chị Ngọc Hạnh vẫn chưa thấy xuất hiện. Tôi lại tự thưởng cho mình một tô bún rêu, còn Hoàng Dung và Lan Cung thì thích ăn mì Quảng. Lúc chị Ngọc Hạnh xuất hiện thì cuộc vui ăn uống đã tàn. Tôi thích chơi kiểu Mỹ là ăn xong tiễn ai nấy trả để khỏi mich lòng nhau (bởi tôi có kinh nghiệm xương máu từ dịp đi Paris năm 2009). Nhưng chị Ngọc Hạnh lại rộng lòng xí trả tiền. Cảm ơn sự rộng lượng của chị.

Khi chúng tôi đến Nhà Việt Nam, quan khách đã đến rất đông. Những khuôn mặt quen thuộc của cộng đồng và giới truyền thông đã có mặt như: ông Võ Thành Nhân (Giám Đốc đài truyền hình VATV), bà Kiều Thu và ông Đậu Thanh Vân (SBTN), ông bà Bùi Dương Liêm và phu nhân (đài truyền hình Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn), ông bà Lưu Lệ Ngọc (đài truyền thanh), ông Đoàn Hữu Định và phu nhân (Chủ Tịch Liên Hội Cựu Chiến Sĩ Washington. MD, VA), ông Đỗ Hồng Anh và phu nhân (Chủ Tịch cộng đồng vùng D.C. MD và VA), nhà thơ Hà Bình Trung, nhiếp ảnh gia Kỳ Sơn, thân hữu Hoàng Long (Hiệp Hội Thâm Mỹ), nhà thơ Bùi Thanh Tiên và nhiều quan khách mà tôi không quen biết. Nhà văn Sơn Tùng đang đứng giới thiệu về họa sĩ Vi-Vi và Cát Đơn Sa. Khi họa sĩ Vi-Vi được mời phát biểu anh nói rất ít về mình. Anh nói rằng anh triển lãm tranh ở Washington D.C là do sự sắp đặt của họa sĩ Cát Đơn Sa. Do tình cảm của mọi người ưu ái

cho anh trong suốt nửa thế kỷ, nên anh vẫn tiếp tục cầm cọ. Anh sẽ vẽ cho đến khi nào anh không còn vẽ được nữa. Anh cảm ơn Ban Tổ Chức, thân hữu và quan khách đã hỗ trợ cho anh.

Nhà văn Sơn Tùng mời nữ họa sĩ Cát Đơn Sa phát biểu thì chị nói rằng chị chỉ vẽ tài tử. Chị đến với hội họa như một cơ duyên. Khi chị dọn dẹp phòng vẽ cho anh Vi-Vi và thấy nhiều vải bố anh bỏ đi. Chị tiếc nên đem cắt và xin màu của anh quét chơi. Ban đầu vẽ lung tung rồi đâm ra say mê vẽ như anh Vi-Vi. Từ đó người ta gọi chị là họa sĩ.

Trong căn phòng nhỏ, gọn, ấm cúng tôi đã thấy một cái bàn dài trưng bày tem thư và những bức tranh anh vẽ bia cho các tạp chí



Phong Thu, Vivi và Cát Đơn Sa

Tuổi Hoa, Tuổi Xanh, Tuổi Đỏ trước năm 1975. Những bức tranh dễ thương này thu hút và hấp dẫn tôi từ khi tôi còn là cô bé mới chín, mười tuổi. Nhiếp ảnh gia Kỳ Sơn, Hoàng Long và Hoàng Dung cũng mãi mê xem những bức tranh được đóng thành tập cẩn thận. Một cái bàn dài sát bên là một bình hoa, những món đồ tranh sức cho phụ nữ như

vòng đeo cổ và bông tai. Bên cạnh là những đĩa thức ăn gồm trái cây, bánh, xôi, thạch... và nước uống. Trên tường là những bức tranh của Cát Đơn Sa và Vi-Vi treo xem kẻ. Tôi đến chào họa sĩ Cát Đơn Sa. Tôi ủng hộ chị bằng cách mua sách và đồ trang sức Swarovski Crystal bằng cẩm thạch và đá do chị làm ra. Chúng tôi muốn tâm sự với nhau nhiều hơn nhưng thấy chị bận nên đành phải hẹn nhau vào ngày khác. Lan Cung thì mua sách và CD. Tôi cũng đến chào họa sĩ Vi-Vi.

Khi nghe tôi giới thiệu tên, anh nói: “Nghe tên tưởng là một bà già nào đã sáu, bảy chục tuổi. Ai ngờ PT còn trẻ măng.” Tôi nghe xong nở lỗ mũi (một giây thôi vì tôi cũng đã già rồi). Tôi cảm ơn anh và nói về một vài bức tranh tôi thích. Anh vui vẻ đáp rằng: “Người bên ngoài đẹp và sống động hơn tranh. Vì người thực mình còn tâm tình, trao đổi và tạo tình bằng hữu.”. Anh ít nói nhưng nói rất chân tình.

Nhóm phụ nữ thấy tranh đẹp nên cũng mê chụp hình. Lan Cung, Hoàng Dung, Phương Thúy, phóng viên Bé Bảy, và tôi thay phiên nhau làm dáng cạnh những bức tranh của Cát Đơn Sa và Vi-Vi. Chúng tôi bắt cóc chị Ngọc Hạnh làm duyên để được chụp hình chung. Cô Jackie Bông xuất hiện và nhóm phụ nữ đã trở thành “Lục Long Hậu”

(tự phong chức mà...ha..ha...). Trên đường về, Lan Cung kể cho mọi người nghe về tình bạn của anh Lan Cung và họa sĩ Vi-Vi. Cô nàng còn xuất khẩu thành thơ “... Người ấy thường hay nói với tôi. Đừng làm chi hết để mình tôi thôi...” Nàng mượn hai câu thơ của TTKH và sửa lại thành

thơ tếu lâm. Hoàng Dung gọi Lan Cung là “TTKH phẩy phẩy” làm mọi người một phen cười bể bụng. Ai bảo già rồi là không còn vui nhộn. Các chị cười và trêu chọc nhau như còn tuổi đôi mươi. Chia tay nhau lúc đã 1:15pm. Tôi đưa Lan Cung và chị Phương Thúy về nhà. Tôi trở lại sở đã gần 3 giờ. Ông Phó Giám Đốc thấy tôi trợn mắt hỏi: “Sao bà về trễ vậy?” Tôi cười cười khoe với ông mấy tấm hình tôi chụp ở phòng triển lãm tranh. Ông xem xong khen họa sĩ vẽ đẹp... và dĩ

nhien người cũng đẹp. Tôi thoát nạn nhưng bù lại học tới 6:00 pm mới rời sở.

Ngày thứ tư 14/4, họa sĩ Cát Đơn Sa gọi điện thoại mời tôi đến nhà một người thân dự tiệc. Nhưng xa quá tôi phải từ chối. Tôi mời anh chị đi ăn sáng vào ngày Chủ Nhật 17/4 tại quán Nha Trang. Chúng tôi có dịp tâm sự riêng về những vấn đề trong cuộc sống, văn học, hội họa và những sinh hoạt trong cộng đồng. Anh chị cho biết đã đi triển lãm ở nhiều tiểu bang khác nhau và được giới yêu tranh chào đón nồng nhiệt. Đó là niềm an ủi lớn nhất cho người họa sĩ. Họa sĩ Vi-Vi có nhà ý vẽ chân dung cho tôi. Và anh đã đem giá vẽ, bút chì phác họa hình tôi tại chỗ. Chỉ trong 10 phút là anh đã vẽ xong. Anh ký tên và tặng tôi. Chị Cát Đơn Sa nói hình đẹp lắm. Tôi nói anh vẽ tôi đẹp hơn bên ngoài. Anh cười hiền



Phong Thu, Vivi và Cung thy Lan,

hậu đáp: “Đó là kỷ niệm ngày anh đến Washington D.C. Đâu có gì tặng PT. Chỉ có tấm lòng.” Chị Minh Nguyễn xuất hiện và chúng tôi lại có dịp nói chuyện lâu hơn. Tôi phải chia tay sớm vì trở lại sở học tiếp chương trình tu nghiệp.

Chia tay đôi uyên ương Vi-Vi và Cát Đơn Sa, tôi vẫn còn nhớ nụ cười ấm áp, cử chỉ ân cần của chị. Và tôi vẫn nhớ khuôn mặt hiền lành, chân thật của anh nấp dưới chiếc nón dạ bằng nỉ che khuất vầng trán. Vi-Vi và Cát Đơn Sa đã mang lại hơi ấm tình văn nghệ sĩ cho tất cả chúng tôi.

Cầu chúc đôi họa sĩ Vi-Vi và Cát Đơn Sa bình an, hạnh phúc và sáng tạo thêm những họa phẩm giá trị cho đời, cho người.

PHONG THU (Maryland)



THE RAIN STILL FALLS IN
SAIGON
Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM

Giới thiệu tác phẩm song ngữ
SÀI GÒN MƯA VẪN RƠI
THE RAIN STILL FALLS IN SAIGON
của Nhà văn **PHONG THU**

5 giờ chiều Thứ bảy 30 tháng 7, năm 2011
tại Hội Trường James Lee Community Center
2855 Annandale Road; Falls Church, VA 22042

LIÊN LẠC

Phong Thu (202) 657-8654; Ngọc Dung (571) 926-8962
Phan Khâm (301) 592-8608; Phan Anh Dũng (804) 276-7960
Mỹ Hạnh (240) 912-9301; Thái Phương (804) 639-6137 Cover Photo by LL
Đèo Văn Sách (703) 981-2612; Hoàng Dung (703) 978-3532

Short Stories

PHONG THU

Văn Hóa Chậm Tiến

Nguyễn Quốc Khải

Phản tóm tắt

Nguồn gốc sâu xa của sự giàu mạnh hay chậm tiến của một quốc gia không có gì khác hơn là văn hóa. Những năng khiếu và tập quán thụ đắc bởi mỗi dân tộc sống chung lâu đời trong cùng một xã hội tạo nên văn hóa của dân tộc đó.

Những nước phương đông phần lớn chú trọng vào khoa học nhân văn, với sở trường nhấn nại, cũng như phát huy sức mạnh tập thể trong điều hòa và tiến tới thăng bằng. Những nước phương Tây giỏi về khoa học tự nhiên, đề cao tính tự lập và tài năng cá nhân, có tinh thần khai phá, mạnh về sản xuất và quản lý, có tầm nhìn xa và quốc tế. Do đó mới có những quyết định khác nhau, cho ra kết quả khác nhau, nên mới có nước giàu, nước nghèo.

Tôn giáo là một phần của văn hóa. Theo triết lý của Công giáo, con người không nên chạy theo giàu sang phú quý và nên có một cuộc sống bình dị. Đạo Tin Lành khuyến khích làm việc nhiều để có một cuộc sống tiện nghi thoải mái. Người Âu châu, đặc biệt những tín đồ Tin Lành, có khả năng và ý chí phù hợp với nền kinh tế tư bản. Hoa Kỳ đã tiến vượt bậc vì văn hóa của người Mỹ hướng về tương lai so với Âu châu có một văn hóa nặng về phần bảo tồn quá khứ.

Văn hóa của Nhật Bản và những con rồng Á châu đều chịu ảnh hưởng sâu đậm của Khổng giáo. Triết lý của Khổng tử đề cao trung trực, đức tin, trung thủy, hòa đồng, hiếu thảo, và trí tuệ. Những giá trị tốt đẹp này giúp cho hệ thống xã hội và kinh tế của các quốc gia này vận hành một cách

trật tự và có hiệu quả.

Dân tộc Việt Nam chịu ảnh hưởng của Tam Giáo, yêu chuộng hòa bình, tuy nhiên cũng rất năng động. Thuyết Trung Dung của Khổng Tử rất được thực hành ở Việt Nam, giúp con người tránh được những thái độ và hành động quá khích nhưng lại làm thui chột sáng kiến và óc mạo hiểm.

Tại các nước giàu, phần đông dân chúng tuân thủ theo những nguyên tắc tích cực trong đời sống hàng ngày bao gồm một số nguyên tắc như đạo đức, chính trực, trách nhiệm, tôn trọng qui tắc và pháp luật. Trong khi đó ở những nước nghèo chỉ có một thiếu số tuân theo những nguyên tắc này.

Nước Việt Nam nghèo vì một nguyên nhân sâu xa là chúng ta thiếu một nhân sinh quan đúng đắn và thiếu ý chí để tuân theo những quy luật vận hành mà những nước giàu và phát triển đã sử dụng. Muốn tiến bộ phải vứt bỏ những cái xấu, bảo tồn những di sản đẹp, và tiếp thu những cái hay và xây dựng một tinh thần dân tộc coi trọng danh dự và trách nhiệm.

oo0oo

Những chứng cứ thực tế cho thấy rằng tuổi của một quốc gia, tài nguyên thiên nhiên, sắc tộc, và kiến thức không phải là những yếu tố tối hậu ảnh hưởng đến sự giàu nghèo của một nước (1). Bài phân tích này sẽ trình bày rằng con người mới là yếu tố quyết định. Nhiều con người cùng một văn hóa tập hợp thành một dân tộc. Nguồn gốc sâu xa của sự giàu mạnh hay chậm tiến của một quốc gia không có gì khác hơn là văn hóa.

Văn hóa là những năng khiếu và tập quán thụ đắc bởi mỗi dân tộc, một tập thể con người sống chung lâu đời trong cùng một xã hội. (2) Yếu tố văn hóa gián tiếp và lặng lẽ ảnh hưởng đến cách suy nghĩ và quyết định của những người có quyền thế trong mọi lãnh vực và phản ứng của những thành phần bị trị trong quốc gia đó.

Văn hóa tạo cho mỗi dân tộc một triết lý, một nhân sinh quan về cuộc sống và giáo dục tạo cho dân tộc một số kiến thức để thực hành triết lý đó. Từ thế kỷ này qua thế kỷ khác, văn hóa đặc thù của mỗi dân tộc trở thành một di sản của dân tộc đó. Nó vô hình chung điều khiển cách suy nghĩ và lối hành động của mỗi thành phần sống trong xã hội. Thật là khó khăn nếu chúng ta muốn cải tiến văn hóa tức là thay đổi cách suy nghĩ và những thói quen lâu đời. Tuy nhiên văn hóa không bất di bất dịch mà chuyển biến theo thời gian do giáo dục và môi trường xung quanh.

Văn hóa ảnh hưởng đến kinh tế

Yemen là một nước Hồi giáo ở Trung Đông. Phần đông đàn bà Yemen thường phải ở nhà. Khi ra đường họ phải che mặt chỉ để hở hai con mắt. Đặc biệt đàn bà con gái Yemen không được làm ở những nơi như khách sạn, quán ăn, cơ sở du lịch, ca nhạc giải trí, v.v. Do đó để cung cấp những dịch vụ này, chính phủ Yemen phải cho

nhập cảnh những đàn bà ở các nước khác mặc dù nạn thất nghiệp của Yemen ở vào khoảng 35% (2003 là con số mới nhất) và tổng sản phẩm nội địa mỗi đầu người tính theo mãi lực quân bình là 2,600 Mỹ kim (2010). Đàn ông xứ Yemen lại thích nhai một loại lá có chất kích thích gọi là “khat”. Khoảng một giờ sau khi chắt “khat” thấm vào người rồi, không ai muốn làm việc nữa. Chất “khat” còn làm cho người ta không cảm thấy đói. Ngoài ra, vì bán lá “khat” có lợi tức cao, nên nông dân dành một số đất để trồng “khat” thay vì trồng thực phẩm, trong khi đất đai ở Yemen rất hiếm vì phần lớn là sa mạc.



(VietnamNet): Tục lệ đốt vàng mã.

Thí dụ trên đây cho thấy rằng văn hoá hiển nhiên ảnh hưởng đến kinh tế của Yemen. Không những thế sự kiện này xảy ra ở mọi quốc gia. Trước đây đã có người hô hào dân Việt Nam bỏ tục lệ đốt vàng mã vì nó vô nghĩa và phí phạm tài nguyên. Nhưng sau gần một nửa thế kỷ, tục lệ đó

vẫn còn. Một thí dụ khác là lên đồng, một hình thức tế lễ của Lão giáo. Có một thời gian lên đồng bị coi như một hủ tục. Nhưng lại có người cho lên đồng là một đặc sản của nền văn hóa Việt Nam và là một sinh hoạt có tính cách dân gian. Những người theo tục lệ này nâng nó thành một tôn giáo và gọi là đạo Mẫu. Một số người ngoại quốc nghiên cứu văn hoá Việt Nam gọi sinh hoạt thờ Bà Chúa Liễu Hạnh này là đạo Bản Địa Việt Nam. Đây là một bằng chứng rằng vai trò của phụ nữ Việt Nam được đề cao một cách độc đáo trong xã hội trọng nam khinh

nữ dưới sự ngự trị của Nho giáo. Bởi vậy mới có hai câu “Lên đồng sướng hơn lấy chồng làm quan.” và “Tháng Bảy giỗ cha (Đức Thánh Trần Hưng Đạo), tháng Ba giỗ Mẹ (Đức Thánh Mẫu Lữ Hạnh). (3) Tục lệ lên đồng vẫn tồn tại ở Việt Nam và nay còn được xuất cảng ra nước ngoài theo chân của người di dân Việt Nam.

Học giả Đỗ Thông Minh phân tách sự liên hệ giữa kinh tế và văn hoá như sau: “Kinh tế bao gồm các yếu tố cụ thể thuộc khoa học tự nhiên, được coi như phần cứng kiện (hardware): nhân lực, tri thức, kỹ thuật, tài nguyên và nhất là vốn tức tư bản... Văn hóa bao gồm các yếu tố trừu tượng và phức tạp hơn nhiều, thuộc khoa học nhân văn, được coi như phần mềm kiện (software): tinh thần học hỏi, tinh thần khoa học, tinh thần kỹ luật, tinh thần mạo hiểm, tinh thần tích cực, trí thức cho đến quản trị, tiếp thị... và những yếu tố này đôi khi bị chi phối bởi những yếu tố thoát nhìn



có vẻ không liên hệ như phong tục, tập quán...”

(Công Luận): sinh hoạt lên đồng.

“Kinh tế bao gồm các yếu tố được coi như ‘tĩnh’, rất dễ chuyển giao và tiếp thu còn văn hóa bao gồm các yếu tố được coi như ‘động’, thuộc bản chất con người, có tính cách riêng tư không dễ chuyển giao và tiếp thu. ‘Động-tĩnh’ như cặp lưỡng nhất thể ‘âm-dương’, tương khắc mà tương sinh. Do đó, điểm đáng nói trong tương quan văn hóa và kinh tế là ở chỗ dù có cùng một số vốn, cùng một kỹ thuật, cùng một tài nguyên... nhưng mỗi người hay mỗi quốc gia có cách vận dụng riêng. Do đó

mới có khác biệt tư tưởng ‘đông-tây’. ‘Đông’ như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam... phần lớn chú trọng vào khoa học nhân văn, với sở trường nhấn nại, cũng như phát huy sức mạnh tập thể trong điều hòa và tiến tới thăng bằng... ‘Tây’ như Hoa Kỳ, Đức, Anh, Pháp... giỏi về khoa học tự nhiên, đề cao tính tự lập và tài năng cá nhân, có tinh thần khai phá, mạnh về sản xuất và quản lý, có tầm nhìn xa và quốc tế...” Do đó mới có những quyết định khác nhau, cho ra kết quả khác nhau, nên mới có nước giàu, nước nghèo. Tóm lại sự khác nhau là do văn hóa. (4)

Tôn giáo và phát triển kinh tế

Một học giả Tây phương đã nghiên cứu về ảnh hưởng của tôn giáo, một phần của văn hóa, đối với đời sống kinh tế của các dân tộc ở Âu châu. Ông nhận xét rằng những

nước như Ý, Pháp, Bỉ, Tây Ban Nha và Bồ

Đào Nha ở miền Nam Âu Châu là những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của Công giáo. Tỷ lệ dân số theo đạo này từ 75% (Bỉ) đến 94% (Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha). Theo triết lý của Công giáo, con người không nên chạy theo giàu sang phú quý và nên có một cuộc sống bình dị. Trong khi đó những nước ở Trung và Bắc Âu chịu ảnh hưởng nhiều hơn của đạo Tin Lành (Christian – non Roman Catholic) như Anh, Đức, Thụy Sĩ, Hòa Lan, Đan Mạch, Na-Uy, Thụy Điển, và Phần Lan. Đạo Tin Lành

khuyến khích người theo đạo làm việc nhiều để có một cuộc sống tiện nghi thoải mái. Do đó những nước ở Trung và Bắc Âu tương đối có một mức sống cao hơn những nước ở miền Nam Âu châu.

Nhìn trở về châu Mỹ người ta thấy trường hợp Bắc Mỹ so với Trung và Nam Mỹ cũng có sự cách biệt giàu nghèo như Trung và Bắc Âu so với Nam Âu, nhưng ở mức độ rộng lớn hơn. Hoa-Kỳ và Canada có tỉ lệ dân số theo đạo Tin Lành theo thứ tự là 56% và 36%. Trong khi đó phần lớn dân số tại những nước ở Trung và Nam Mỹ theo Công giáo với tỉ lệ từ 76% đến 96%. Barbados là một quốc gia đặc biệt nguyên là thuộc địa của Anh quốc. Khoảng 67% dân số của nước này theo đạo Tin Lành, chỉ có 4% theo Công giáo. Tổng sản phẩm nội địa trung bình mỗi đầu người tính theo mỗi lực quân bình là 21,700 Mỹ kim. Bahamas nguyên cũng là thuộc địa của Anh quốc. Khoảng 76% dân số theo đạo Tin Lành, 19% theo đạo Công giáo. Tổng sản phẩm nội địa trung bình mỗi đầu người tính theo mỗi lực quân bình là 28,600 Mỹ kim, hơn hầu hết các nước ở Trung và Nam Mỹ kể, cả Mễ Tây Cơ, Argentina, Brazil, và Chile. Trong khi đó Haiti là một nước ở Trung Mỹ, cũng cùng gốc da đen Phi châu nô lệ như Barbados và Bahamas, nguyên là thuộc địa của Pháp, với 80% dân số theo Công giáo. Tổng sản phẩm nội địa trung bình mỗi đầu người của Haiti chỉ có 1,200 Mỹ kim.(5)

Chế độ kinh tế tư bản xuất xứ từ châu Âu vào thế kỷ 16. Max Weber cho rằng người Âu châu, đặc biệt những tín đồ Tin Lành, có đúng khả năng và ý chí phù hợp với nền kinh tế tư bản. Những tín đồ Tin Lành làm việc cần cù và có đức tính tiết kiệm. Cho đến nay chế độ kinh tế tư bản đã đánh bại chế độ kinh tế chỉ huy, phát triển đến hầu hết khắp nơi trên thế giới, ảnh hưởng tới văn hóa ở mỗi địa phương và

đồng thời tự thay đổi cho phù hợp với sắc thái của từng địa phương.(6)

Tiếp tục so sánh các nước Tây phương, GS Tôn Thất Thiện nêu ra một nhận xét của ô. Nguyễn Gia Kiểng: "Trước đây, quốc gia được định nghĩa như một quá khứ chung, ngày nay quốc gia chủ yếu là một tương lai chung." và GS Thiện nhận định rằng: "Các quốc gia Âu châu, là những quốc gia được coi như tân tiến hạng nhất của thế giới, đã không tiến được vì người Âu châu hấp thụ một văn hóa nặng về phần bảo tồn quá khứ. Hoa Kỳ đã vượt tới được vì người Mỹ hấp thụ một văn hóa hướng về tương lai. Bí quyết của phát triển, tiến bộ ngày nay là đó. Quá khứ là cái neo, có tác động rì chiếc tàu lại, trong khi tương lai là động cơ, có tác dụng đẩy chiếc tàu đi tới."(7)

Triết lý và sự phát triển nhanh chóng của Nhật Bản và những con rồng Á châu

Nhiều kinh tế gia đã nghiên cứu về hiện tượng phát triển kinh tế mạnh mẽ, tiến rất cao trong thời gian rất ngắn của Nhật Bản và bốn con rồng Á châu là Tân Gia Ba, Đài Loan, Hồng Kông, và Nam Hàn từ giữa thập niên 60 đến giữa thập niên 90. Họ nhận thấy rằng văn hóa của các quốc gia này có một điểm chung là đều chịu ảnh hưởng sâu đậm của Khổng giáo, với một mức độ tương đối ít hơn đối với Nhật bản. Khổng giáo đề cao trung trực, đức tin, trung thủy, hòa đồng, hiếu thảo, và trí tuệ.(8) Những giá trị tốt đẹp này giúp cho hệ thống xã hội và kinh tế của các quốc gia này vận hành một cách trật tự và có hiệu quả. Trong khi đó Thái Lan chịu ảnh hưởng của Phật giáo, Phi Luật Tân chịu ảnh hưởng của Công giáo và Nam Dương chịu ảnh hưởng của Hồi giáo tiến chậm hơn.

Các học giả nghiên cứu về Phật giáo nhận xét rằng Đạo Phật không mấy ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế ở Á châu.

Hy V. Luong nhìn nhận rằng triết lý của Khổng tử đã chủ yếu định đoạt mô thức kinh tế của Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Tân Gia Ba cũng như Việt Nam. Ông không đề cập gì đến ảnh hưởng của đạo Phật.(9) Charles Keyes lập luận rằng, Phật giáo đóng góp rất khiêm nhường vào sự bành trướng của nền kinh tế tư bản ở Thái Lan qua thỏa hiệp, mơ hồ, và yên lặng (compromise, ambiguity, and silence).(10)

Những nhận xét trên đây cho thấy rằng triết lý đã ảnh hưởng đến tư duy và do đó đến nếp sống và hành động của những người sống trong xã hội đó.

Tam giáo ảnh hưởng đến Việt Nam ra sao?

Quay trở về với Việt Nam người ta có những nhận xét nào? Về mặt quân sự, Cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng của Hoa-Kỳ Robert McNamara đã nhận định rằng Mỹ thua trong chiến tranh Việt Nam là vì sức mạnh văn hóa Việt Nam.(11) Nhưng về mặt xây dựng đất nước sau chiến tranh, Việt Nam đã thất bại với chế độ xã hội chủ nghĩa. Văn hóa Việt Nam, thể hiện ở bản chất của dân tộc, chịu ảnh hưởng nặng nề của Khổng giáo, Lão giáo, và Phật giáo. Triết lý của “Tam Giáo” đã ảnh hưởng sâu đậm vào nhân sinh quan của dân tộc Việt từ vài ngàn năm nay.

Văn hoá Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu đậm của Khổng giáo hay còn gọi là Nho giáo. Vua Lê Thánh Tông vào thời Hậu Lê (1428-1527) nâng Nho giáo lên hàng quốc giáo. Nho giáo tiếp tục giữ vai trò độc tôn qua đến triều Nguyễn.(12) Nho giáo là một triết lý dạy con người biết cách ăn ở và đối xử với nhau trong xã hội do Khổng Tử và người học trò là Mạnh Tử truyền lại trong dân gian. Khổng giáo chủ trương một trật tự xã hội, có trên có dưới rõ ràng. Có “đồng đẳng” rồi mới “bình đẳng”. Về mặt đạo đức Khổng Tử có những lời khuyên như “Tôn sư

trọng đạo”, “Kính lão đắc thọ”, “Quân vi quân, thần vi thần”, “Tiên học lễ, hậu học văn”, “Trung, hiếu, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín”, “Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”, “Công dung ngôn hạnh”. Mạnh Tử cũng lưu truyền lại một vài lời khuyên như “dân vi quý, quân vi khinh”. Về mặt kinh tế, “dân giàu nước mạnh” là tư tưởng của Khổng Mạnh. Trong thời loạn lạc trai thiếu gái thừa, và Trung Quốc là một xã hội nông nghiệp cần nhân lực để sản xuất, nên Khổng Tử khuyên cho đàn ông lấy nhiều vợ để sinh con đẻ cái nhiều. Do đó mới có tục lệ đa thê một thời trong xã hội Việt Nam.

Triết lý Khổng Mạnh dạy con người tôn trọng tôn ti trật tự sẵn có, phục tòng người trên và trông đợi kẻ dưới phục tòng lại mình. Do đó sáng kiến cá nhân không được tôn trọng và tinh thần dân chủ không được khuyến khích. Theo thuyết Thiên Mệnh của Khổng Mạnh, mỗi người đều có số mệnh do “trời” định. Tuy nhiên “đức năng thắng số”. Câu này có nghĩa là có “trời” nhưng cũng có “ta” và con người cũng có thể tránh được số mệnh khi mình chưa tới số theo thuyết Nhân Quả Nghiệp Báo của đạo Phật.(13)

Tâm là của con người, tài do do trời ban cho. Đến thời Tống bên Trung Quốc, Nho giáo biến đổi (Tống Nho) đề cao giá trị khoa bảng, khuyến khích lối học từ chương, và mục đích học ra làm quan. Việt Nam chịu ảnh hưởng khá nặng bởi quan niệm Tống Nho. Ông Nguyễn Gia Kiểng phê phán rằng “kẻ sĩ vẫn là mẫu mực của trí thức Việt Nam. Nhưng kẻ sĩ là gì nếu không phải là một mẫu người tồi hèn, vong thân, chỉ mưu lợi cho chính mình? Kẻ sĩ cả đời chỉ học được một nghề là nghề quì. Lúc nhỏ thì quì trước thầy. Khi lớn lên thì quì trước vua quan. Bằng cấp nói lên một phần ba những gì người Pháp biết nhưng đối với người Việt Nam, nó là ba lần những gì họ biết. Nếu trí thức như thế cả thì đất nước

làm sao khá được.”(14)

Trái với Khổng Mạnh với sự khuyên răn con người nhập thế, làm cho xã hội tốt đẹp qua một số nguyên tắc xử thế ở đời, Lão Tử và người học trò là Trang Tử khuyên con người nên xa lánh trần thế, không bon chen, sống nhàn hạ, và cố gắng tu lên cõi tiên. Lão giáo quan niệm rằng Đạo là nguồn gốc của trời đất. Trên trời còn có Đạo. Triết lý căn bản của Đạo Lão là sự hòa đồng tự nhiên giữa những mâu thuẫn trong cuộc sống như âm với dương, giữa tối với sáng lạn, giữa hận thù với yêu thương, “hết cơn bí cực tới hồi thái lai”, thời loạn lạc kéo dài rồi cũng sẽ chấm dứt và thời bình tự nhiên sẽ tới. Xây đập ngăn chặn luồng nước chảy là chống lại thiên nhiên. Vì vậy Lão Tử chủ trương thuyết Vô Vi. Ngài khuyên người đời sống theo luật thiên nhiên và hòa mình với thiên nhiên.

Vì chủ trương theo luật thiên nhiên, những luật lệ do Khổng Tử đặt ra như tam cương ngũ thường, tam tông tứ đức không cần thiết vì thiên nhiên có những nguyên tắc tự nhiên có thể quan sát thấy ở các sinh vật. Đặt ra mẫu mực hẳn hoi mà có người theo được có người không là tạo ra tranh cãi và hỗn loạn. Thiên nhiên cũng có sẵn trật tự tự nhiên rồi. Vạn vật bình đẳng và tự do trái với tôn ti trật tự trong xã hội phong kiến do Khổng Tử đặt ra (quân quyền, phụ quyền và nam quyền). Trái với Khổng giáo và quan niệm của Tây phương, Lão Tử cho rằng Đạo có nữ tính. Ngài nói về “mẹ của vạn vật” (vạn vật chi mẫu) và “mẹ nuôi muôn loài” (tự mẫu). (15)

Đạo Lão vận hành theo qui luật phản phục, có nghĩa là mọi sự đi xa rồi đều trở về gốc mà gốc là Đạo. Đối với Đạo Lão thời gian chuyển biến theo chu kỳ, khác với quan niệm của Tây phương cho rằng thời gian chuyển biến theo một đường thẳng vô tận. Lão Tử khuyên người đời giải quyết những khó khăn ở đời không phải bằng

cách cầu nguyện một đấng siêu việt vô hình mà bằng cách suy ngẫm nội tâm và quan sát ngoại cảnh. Ngài cũng khuyên người đời nên tu luyện bản thân về cả thể xác lẫn tinh thần để có một cuộc sống an bình bằng nghệ thuật tĩnh tâm, châm cứu, thuốc bắc, tài Chi, và võ thuật.

Phật giáo thịnh hành nhất dưới triều đại nhà Lý (1009-1225) và triều đại nhà Trần (1225-1400).(16) Nhưng theo sử liệu, Phật giáo được truyền từ Ấn Độ đến Việt Nam vào khoảng 300 năm trước Tây Lịch.(17) Triết lý của đạo Phật đã ăn sâu vào văn hoá Việt Nam. Đạo Phật khuyên con người sống thiện, ăn ở đạo đức, bao dung, không ức hiếp ai, không tham sân si. Luật nhân quả của nhà Phật khuyên chúng sinh “ở hiền gặp lành”

Trái với triết lý của Tây phương với chủ trương khai phá thiên nhiên để làm cho đời sống mỗi ngày một tiện nghi, đạo Phật khuyên chúng sinh sống hòa mình với thiên nhiên, không sinh sát. Trái với sự khuyến khích người đời học làm quan và tích cực tham dự vào việc cai trị nước của Khổng giáo, Phật giáo chủ trương tách rời khỏi giới quyền thế.(18)

Phật, Khổng, và Lão giáo xuất hiện tại Trung Hoa và Việt Nam cùng thời hoặc trước sau không bao lâu và thường cùng tồn tại trong tâm mỗi cá nhân. Ngoài ra Việt Nam lại bị Trung Hoa đô hộ gần 1,000 năm. Qua ảnh hưởng sâu đậm của Tam Giáo, mà Khổng giáo là mạnh nhất, dân tộc Việt Nam nói chung có khuynh hướng ưa chuộng một cuộc sống an nhàn, làm đủ ăn, yêu hòa bình, không cực đoan, tâm hồn mở rộng, có tinh thần hòa đồng tôn giáo, tự tưởng độc lập, coi trọng gia đình, nhân từ, can đảm, chín bỏ làm mười, thông minh nhưng ít có sáng kiến, thiếu tinh thần mạo hiểm và khai phá, trọng văn khinh nghề, đầu óc quan liêu, phong kiến, phục tùng người có địa vị và quyền thế, ích kỷ, thiếu

kinh nghiệm làm việc tập đoàn, thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu tự trọng, không biết tôn trọng giờ giấc, ăn xổi ở thì và khôn vặt. Chính vì vậy dân tộc Việt Nam thiếu đoàn kết, thiếu kỷ luật khi sống tập thể, dễ tin, dễ chấp nhận những gì du nhập tới. Khi các đạo Công giáo, Tin Lành, Baha'i, v.v. du nhập vào Việt Nam, nhiều người đã theo các tôn giáo mới này.

Văn hóa Tây phương ảnh hưởng đến Việt Nam ra sao ?

Ảnh hưởng của Tây phương đến với Việt Nam qua sự đô hộ gần 100 năm của người Pháp và sự hiện diện đông đảo của quân đội Mỹ tại miền Nam từ 1962-1973. Với lớp người trẻ đi du học ở nước ngoài càng ngày càng nhiều, ảnh hưởng của văn minh Âu Mỹ dần dần thay đổi lối sống cổ truyền, cách làm việc và lối suy tư của người Việt. Dân tộc Việt hấp thụ được của Tây phương những điều tốt đẹp như ý niệm dân chủ, quyền tự do cá nhân, tinh thần khoa học óc thực tiễn và tiện nghi vật chất của đời sống văn minh.

Xã Hội Chủ nghĩa phát xuất từ lý thuyết Tây phương du nhập vào Á châu vào đầu thế kỷ 20. Chính thể này không ngự trị được ở nhiều nước Á châu như Thái Lan, Phi Luật Tân, Mã Lai, Tân Gia Ba, Miến Điện, Nam Dương, Ấn Độ, Pakistan, Bangladesh, và Tích Lan, nhưng đã chiếm trọn vẹn Việt Nam, Trung Quốc và một phần Hàn Quốc. Cả ba quốc gia này đều chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Khổng giáo và ở mức độ ít hơn của Phật giáo. Trong hơn một nửa thế kỷ, chủ nghĩa quốc tế chuyên chính vô sản, vô thần đã thay đổi nhiều giá trị cổ truyền tốt đẹp về con người, gia đình, xã hội và tín ngưỡng ở Việt Nam.

Vladimir Lenin từng nói: "Chúng ta phải căm thù – lòng căm thù là điều cơ bản của chủ nghĩa cộng sản." Chính sách giai cấp

đấu tranh, cải cách ruộng đất, đấu tố áp dụng tại Việt Nam đã gây hận thù và nghi kỵ giữa người với người. Nữ Thủ tướng Đức Angela Merkel, cựu lãnh tụ của Cộng Sản Đông Đức từng phát biểu "Chủ nghĩa Cộng sản sản xuất ra những con người dối trá." Việt Nam cũng vậy. Con người mất đi sự tự trọng và coi việc lừa lọc là một chuyện bình thường. Trong khi đó, chữ tín là điều quan trọng trong kinh doanh.

Sau khi chiến thắng tại Việt Nam, Lào, và Cao Mên vào năm 1975, Xã Hội Chủ Nghĩa lan rộng nhanh chóng từ A Phú Hãn ở Châu Á, đến Mozambique ở châu Phi, qua tới Nam Yemen ở Trung Đông, Chí Lợi và Nicaragua ở Nam Mỹ. Tuy nhiên chỉ một thập niên sau chủ nghĩa này đã sụp đổ. Sự biến đổi ghê gớm như thế một phần phát sinh từ một thực thể rằng nguyên lý của xã hội chủ nghĩa mâu thuẫn với bản chất và khát vọng của con người. Những mâu thuẫn này bắt nguồn từ một thứ văn hoá chuyên chính. Ngoài ra, đế quốc này đã gặp rối loạn chính vì bành trướng quá nhanh.(19)

Văn hóa chậm tiến

Nền văn hoá chuyên chính xâm nhập vào Việt Nam đã hơn một nửa thế kỷ nhưng nay ngày càng suy giảm và sự cáo chung chỉ là vấn đề thời gian. Lúc đó giá trị đạo đức của Tam Giáo sẽ có khuynh hướng phục hồi ở Việt Nam. Cũng như trước đó, những giá trị tốt đẹp của văn minh Tây phương được chấp nhận nhưng chỉ bổ túc chứ không thể thay thế ảnh hưởng của Tam Giáo đã ăn sâu trong tâm hồn dân Việt trên 2,000 năm. Việt Nam đã kết tụ được nhiều nền văn hoá khác nhau và dung hợp lại thành một nền văn hoá riêng biệt cho mình.

Một cá nhân có thể thực hành cả ba triết lý cùng một lúc. Chính vì vậy mà GS

Nguyễn Khắc Kham đã nhận định rằng Việt Nam có một nền văn hoá đa nguyên với một đặc tính nhất nguyên.(20) Việt tính làm cho văn hóa Việt Nam mạnh.

Chịu ảnh hưởng của Tam Giáo, dân tộc Việt Nam là một dân tộc yêu chuộng hòa bình, tuy nhiên cùng một lúc cũng rất năng động. Danh từ “kinh tế” hiện nay có nghĩa hẹp. Nhưng nó bắt nguồn từ cụm từ “kinh bang tế thế” với một nghĩa rộng vào thời xưa. “Kinh bang tế thế” theo từng chữ một có nghĩa là chu du khắp nơi để cai trị đất nước và giúp dân. Thuyết “Trung Dung” của Khổng Tử rất được thực hành ở Việt Nam. Thuyết này giúp con người tránh được những thái độ và hành động quá khích nhưng nó lại làm thui chột sáng kiến và óc mạo hiểm.

Người Việt Nam thường có thói xấu coi mình là trung tâm vũ trụ nên khó làm việc tập thể, thiếu kỷ luật, và hay chia rẽ ngoại trừ khi phải đương đầu với nguy hiểm chung. Người Việt thiếu khả năng quản trị xí nghiệp và làm thương mại vì trọng văn khinh nghề. Người Việt

Nam coi thường dịch vụ thương mại qua cầu: “Sĩ nông công thương”. Thái độ sai lầm như trên là một trở ngại lớn cho sự phát triển kinh tế quốc gia. Trái lại, người Trung Hoa đề cao việc buôn bán qua cầu cách ngôn “Phi thương bất phú”. Do đó người Trung Hoa thành công tại Việt Nam, Thái Lan, Phi Luật Tân, Tân Gia Ba, Nam Dương, và Mã Lai.

Joel Catkin nói “Nếu muốn thành công về mặt kinh tế trong thế giới tân tiến, hãy là người Do Thái, người Ấn Độ, và tốt nhất là người Trung Hoa.”(20)

Người Việt có khuynh hướng ăn xổi ở thì, không cư sử theo nguyên tắc về lâu về dài. Người Việt chịu khó làm việc, không quản nặng nhọc và khó khăn, nhưng đồng thời cũng muốn có một cuộc sống nhàn hạ. Người Việt thích sống ở những nơi quen thuộc, không muốn xa làng xóm. Do đó tính chất di động của người Việt ở mức tối thiểu. Người Việt có một tính tốt là không kỳ thị về sắc tộc, tôn giáo, và văn hoá khác biệt. Do đó họ dễ tiếp thu ý kiến mới và thích ứng với môi trường mới.

Thiếu đức tính trung thành và chân thật, quá trọng giới trí thức khoa bảng, coi thường giới thương gia trong xã hội là những trở ngại lớn cho sự phát triển kinh tế. Mặt khác, người Việt tôn trọng trật tự xã hội, tuyệt đối phục tùng giới có quyền lực, đặc biệt trong thời đại cũ. Vì vậy những sự thay đổi phát sinh từ lớp người dân ở hạ tầng xã



(VOVNews): Kẹt xe liên tục vì người lái xe không tuân theo luật.

hội khó thực hiện.

Một cuộc so sánh giữa các nước nghèo và các nước giàu cho thấy sự khác biệt căn bản giữa hai nhóm quốc gia là sự khác biệt về thái độ của người dân đối với một số vấn đề liên quan đến đời sống cá nhân và xã hội tại các quốc gia này. Đây là nguyên do chính tạo ra sự cách biệt giàu nghèo. Tại các nước giàu, phần đông dân

chúng tuân thủ theo những nguyên tắc sau đây trong đời sống hàng ngày. Trong khi đó ở những nước nghèo trong đó có Việt Nam chỉ có một thiểu số tuân theo những nguyên tắc này và đa số làm ngược lại vì một thứ văn hóa chậm tiến.

1. Nguyên tắc đạo đức.
2. Sự chính trực.
3. Trách nhiệm.
4. Tôn trọng qui tắc và pháp luật.
5. Tôn trọng quyền của những người khác.
6. Thích làm việc.
7. Nỗ lực để tiết kiệm và đầu tư.
8. Ý chí muốn làm thực hiện dự án lớn.
9. Đứng giờ.

Những nguyên nhân trực tiếp nào gây ra sự nghèo đói ?

Văn hóa, hoặc nói với nghĩa hẹp hơn là nhân sinh quan và bản chất của một dân tộc là nguyên nhân sâu xa và quan trọng của sự giàu nghèo. Nhưng yếu tố này lại không dễ nhận biết vì nó không ngừng ảnh hưởng hàng ngày đến số phận của dân tộc đó từ thế kỷ này qua thế kỷ khác. Nó không trực tiếp gây ra những biến cố hay những thay đổi bất ngờ để có thể thu hút được sự chú ý. Sự nghèo đói có những lý do trực tiếp của nó. “Nếu một dân tộc có một bản chất vững mạnh, một nhân sinh quan đúng đắn, dân tộc đó có thể vượt qua được những hoàn cảnh khó khăn và những nguyên nhân trực tiếp của sự nghèo đói.” (22)

Một trong những nguyên nhân trực tiếp gây ra sự nghèo đói là chính những nạn nhân của nghèo đói thiếu sức lao động cần bản, không có đủ khả năng nghề nghiệp, sức khỏe và tài nguyên thiên nhiên như đất đai, nước, không có việc làm, không được tiếp cận với những hạ tầng cơ sở, nguồn vốn và dịch vụ xã hội.

Nguyên nhân trực tiếp thứ hai gây ra sự nghèo đói là “giai cấp” nghèo hoàn toàn

không có tiếng nói và bất lực. Thêm vào đó, nhà nước không chú tâm đến họ. Giai cấp nghèo dễ trở thành nạn nhân của các cơ quan công quyền địa phương và sự bóc lột của những thành phần xã hội khác. Họ thường bị đối xử bất công vì không có quyền thế.

Nguyên nhân trực tiếp thứ ba của sự nghèo đói là người nghèo không có khả năng chịu đựng những rủi ro bất ngờ. Kinh nghiệm cho thấy rằng sự phát triển kinh tế liên hệ mật thiết với mức độ nghèo đói. Khi kinh tế của một nước đi xuống, người nghèo bị thiệt hại nhất vì không có khả năng để chịu đựng những thay đổi như về giá cả và thuế má. Khi kinh tế phát triển, người nghèo không chắc được hưởng kết quả một cách tương xứng nếu chính phủ không thi hành những kế hoạch trực tiếp giúp đỡ người nghèo như phát triển những ngành kỹ nghệ xử dụng nhiều nhân công, đầu tư vào việc giáo dục và huấn nghề và thực hiện những dự án phát triển ngắn và dài hạn trong lãnh vực sản xuất và hạ tầng cơ sở ở nông thôn và khu vực nghèo.

Kết luận

Việt Nam nghèo không phải vì đất nước chúng ta nhỏ, tài nguyên thiên nhiên ít, hoặc bị thiên tai thường xuyên. Nước Việt Nam nghèo cũng không phải vì kiến thức của chúng ta thua kém. Nước Việt Nam nghèo vì một nguyên nhân sâu xa là bản chất của người Việt có nhiều khuyết điểm. Chúng ta thiếu một nhân sinh quan đúng đắn và thiếu ý chí để tuân theo những quy luật vận hành mà những nước giàu và phát triển đã sử dụng và nhà nước thiếu những kế hoạch kinh tế hữu hiệu và sự lãnh đạo khôn ngoan. Trong dài hạn, Việt Nam muốn vươn lên phải thay đổi văn hóa để loại bỏ những hủ lậu trong xã hội như nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã từng làm bằng

ngòi bút, và để chấp nhận những giá trị thực tiễn mới.

Chúng ta không nên nhồi vào đầu con cháu chúng ta những câu như “Việt Nam có rừng vàng biển bạc”, hoặc “trời sinh voi, trời sinh cỏ.” Những câu tục ngữ này không trình bày sự thật và chỉ tạo sự ỷ lại. Muốn tiến bộ phải vứt bỏ những cái xấu, bảo tồn những di sản đẹp, và tiếp thụ những cái hay của những nền văn hoá mới. Nước Nhật không có cái gì cả ngoại trừ một tài nguyên duy nhất là 127 triệu dân. Người Việt chỉ biết ca tụng tinh thần của người Nhật, đặc biệt là sau tai họa động đất, tsunami, và nhà máy điện nguyên tử hư hại vào tháng 3, 2011 vừa qua, đồng thời phê phán tạt xấu của chính mình. Chúng ta cần xây dựng một tinh thần dân tộc coi trọng danh dự và trách nhiệm. Chúng ta cần có một cuốn sách “Người Việt Xấu Xí” như người Trung Hoa đã làm để không còn tự hào hão huyền và nhận biết là đất nước còn quá chậm tiến cần phải vươn lên.

Chú thích:

(1) Nguyễn Quốc Khải, “Vi Sao Có Nước Giàu và Nước Nghèo,” 30-03-2011.

(2) Theo định nghĩa của nhà nhân chủng học Anh Edward Tyler, trích từ Lâm Lễ Trinh, “Tận dụng văn hoá để đấu tranh cho dân chủ,” Thủy Hoa Trang, California: 10.9.2000.

(3) Nguyễn Đình Phúc, “Một cái nhìn về việc thờ Tứ Phủ,” Hành Chánh Miền Đông, số 5, Falls Church, Virginia: 2003.

(4) Đỗ Thông Minh, “Vai trò văn hoá trong phát triển quốc gia,” Đông kinh: tháng 11, 2003. Tài liệu này đã được thuyết trình tại *Conference on Sustainable Development in Vietnam* do University of Maryland và Hội Chuyên Viên Việt Nam tại Hoa-Kỳ tổ chức vào 13.11.2003 tại University of Maryland, College Park, U.S.A.

(5) CIA, “World Factbook 2011” online, March 28, 2011.

(6) Timothy Brook and Hy V. Luong, “Introduction: Culture and Economy in the Postcolonial World” in *Culture and Economy – the Shaping of Capitalism in Eastern Asia*, eds. Timothy Brook and Hy V. Luong, University of Michigan Press, Ann Arbor: 2002. 1-21.

(7) Tôn Thất Thiện, “Văn Hóa Và Sự Giàu Mạnh Của Các Nước: Trường Hợp Hoa Kỳ, Xứ Đàng Trong Và Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa.” Canada: 11.6.2003.

(8) Tae-Kyu Park, “Confucian Values and Contemporary Economic Development in Korea,” in in *Culture and Economy – the Shaping of Capitalism in Eastern Asia*, eds. Timothy Brook and Hy V. Luong, University of Michigan Press, Ann Arbor: 2002. 125-136.

(9) Hy V. Luong, “Capitalism and Noncapitalist Ideologies in the Structure of Northern Vietnamese Ceramics Enterprises” in *Culture and Economy – the Shaping of Capitalism in Eastern Asia*, eds. Timothy Brook and Hy V. Luong, University of Michigan Press, Ann Arbor: 2002. 187-206.

(10) Timothy Brook and Hy V. Luong, “Introduction: Culture and Economy in the Postcolonial World” in *Culture and Economy – the Shaping of Capitalism in Eastern Asia*, eds. Timothy Brook and Hy V. Luong, University of Michigan Press, Ann Arbor: 2002. 1-21.

(11) Trần Khuê và Nguyễn Thị Thanh Xuân, “Đôi điều về văn hoá,” Trung Tâm Hán Nôm, thành phố HCM: 7.7.1998.

(12) Phạm văn Diệu, “Văn Học Việt Nam”, Tân Việt, Saigon: 1957. 72-88; 403-408.

(13) Hoà Thượng Thích Thắng Hoan, “Đặc điểm của văn hóa Phật giáo trong văn hóa Việt Nam,” Bài thuyết trình tại Đại Hội Văn Hóa Phật Giáo, San Diego: 7.1.2003.

(14) Nguyễn Gia Kiểng, “Tổ Quốc Ân Năn,” tự xuất bản, Paris: 2001. 51-54.

(15) Nguyễn Hiến Lê, “Lão Tử Đạo Đức Kinh,” Văn Hoá, 1977.

(16) Neil L. Jamieson, “Understanding Vietnam,” University of California Press, Berkeley: 1995. 1-41.

(17) Hoà Thượng Thích Thắng Hoan, “Đặc điểm của văn hóa Phật giáo trong văn hóa Việt Nam,” Bài thuyết trình tại Đại Hội Văn Hóa Phật Giáo, San Diego: 7.1.2003.

(18) Timothy Brook and Hy V. Luong, “Introduction: Culture and Economy in the Postcolonial World” in *Culture and Economy – the Shaping of Capitalism in Eastern Asia*, eds. Timothy Brook and Hy V. Luong, University of Michigan Press, Ann Arbor: 2002. 1-21. 2004 at the George Mason University on April 14, 2004.

(19) Bùi Tín’s speech delivered at the seminar during the International Week and Asian Pacific American Heritage Month

(20) Lâm Lễ Trinh, “Tận dụng văn hoá để đấu tranh cho dân chủ,” Thủy Hoa Trang, California: 10.9.2000.

(21) Joel Kotkin, “Tribes : How Race, Religion and Identity Determine Success in the New Global Economy,” Random House; April 5, 1994.

(22) Nguyễn Quốc Khải, “Vì Sao Có Nước Giàu và Nước Nghèo,” 30-03-2011.

Nguyễn Quốc Khải
Virginia 10-05-2011

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT’S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

TRIẾT LÝ VỀ ĐAU KHỔ VÀ TÌNH THƯƠNG CỦA NGUYỄN DU TRONG THI PHẨM KIM VÂN KIỀU

Qua tác phẩm Kim Vân Kiều, Nguyễn Du đã tỏ ra là một thi hào lỗi lạc về văn chương và là một nhà đại tư tưởng.

Với nhan đề quyền truyện là Đoạn Trường Tân Thanh, tác giả trình bày những tư tưởng mới về đau khổ (Tân Thanh). Vì sự đau khổ có nhiều liên hệ đến tình thương nên tác giả cũng đã trình bày thêm triết lý về tình thương. Ta lần lượt tìm hiểu hai triết lý đó ngõ hầu được hiểu rõ thêm nền tảng chính của hai tôn giáo lớn: Phật giáo dạy ta phải diệt khổ và Kitô giáo dạy ta phải có tình thương với mọi người.

A - TRIẾT LÝ VỀ ĐAU KHỔ

Tam giáo đã cho ta biết những nguyên nhân của đau khổ. Lão giáo cho là tiền định, Khổng giáo cho là thiên mệnh và Phật giáo cho là nghiệp chướng. Nguyễn Du xác nhận ba nguyên nhân đó nhưng cụ cho vẫn là chưa đủ. Vì thế cụ thêm nguyên nhân nữa là lòng người :

Sự rằng phúc họa đạo trời.

Cội nguồn cũng bởi lòng người mà ra.

Thật vậy dù tiền định hay thiên mệnh, những đau khổ mà trời áp đặt cho ta không phải là áp đặt một cách hồ đồ mà là được quyết định sau khi xem xét hành vi thiện ác của ta. Trời không bắt buộc ta phải làm điều ác hay điều thiện vì loài người được tự do chọn lựa. Nếu làm điều ác thì sẽ phải mang họa là chịu sự đau khổ để đền tội, nếu làm điều thiện thì được hưởng hạnh phúc. Trường hợp những đau khổ không do ta làm ra có thể coi là những thử thách mà Trời muốn đo lường giá trị con người, hay là những cơ hội

cho ta lập công đền những tội của tha nhân (cộng nghiệp).

Nhiều người tin rằng những người có tài có sắc thường phải chịu nhiều hoạn nạn.

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau...

...Hồng nhan bạc phận có chừa ai đâu.

Theo Tân Thanh của Nguyễn Du, hoạn nạn chỉ đến với những người có tài có sắc mà kiêu ngạo:

Có tài mà cậy chi tài

Chữ tài liền với chữ tai một vần.

Nếu người có tài mà khiêm nhường đức độ thì tài và mệnh, sẽ đem lại hạnh phúc cho họ. Đó là trường hợp của Thúy Kiều được phủ đường tha tội và Hoạn Thư cho Kiều khỏi cảnh thanh y.

B - TRIẾT LÝ VỀ TÌNH THƯƠNG

Đọc Kim Vân Kiều, ta nhận thấy tác giả đã chia các nhân vật ra làm hai hạng, hạng người ác tâm chuyên gây đau khổ bằng những hành vi thất đức và hạng người thiện tâm chú trọng đến sự xoa dịu những nỗi đau khổ của tha nhân bằng Tình Thương.

Tình Thương, một đức tính cao cả làm đẹp tình người, xuất phát từ đáy lòng, bày tỏ bằng những cử chỉ đi từ giúp đỡ, tha thứ, thương khóc đến sự chấp nhận gánh vác đau khổ có khi tới mức hy sinh thân xác. Tất cả các hành vi thiện tâm đó đã được Nguyễn Du nói đến trong Kim Vân Kiều qua nhiều nhân vật:

1- Chung Ông thương Thúy Kiều nên đã tìm cách dàn xếp cho sự đánh đập Vương Ông được ngưng lại:

Thấy nàng hiểu trọng tình thâm

Vì nàng, nghĩ cũng **thương** thăm xót vay
Thương tình con trẻ thơ ngây
Gặp con vạ gió tai bay bất kỳ

2- Mụ quản gia ở nhà mẹ Hoạn Thư đã tỏ tình thương chăm nom săn sóc Thúy Kiều sau khi thấy nàng bị đánh đập:

*Quản gia có một mụ nào
Thấy người thấy nét ra vào mà **thương**
Khi chè chén, khi thuốc thang
Dem lời phương tiện mở đường hiếu sinh.*

3- Thúc Ông thuận cho Thúy Kiều lấy Kim Trọng vì thương nàng là con người đức hạnh:

Thương vì hạnh, trọng vì tài,
Thúc Ông thôi cũng dẹp lời phong ba.

4- Hoạn Thư cũng giống Thúc Ông thương hoàn cảnh của Kiều thuận để cho nàng thành sư Trạc Tuyền:

*Tài thì nên trọng, tình thì nên **thương***

5- Kim Trọng thương khóc Thúy Kiều khi nghe Vương Ông nói đến gia biến khiến Thúy Kiều phải xa nhà:

*Vật mình, vấy gió tuôn mưa,
Dầm dề giọt ngọc thân thờ hồn mai*

6- Sư Giác Duyên nghe lời đạo cô Tam Hợp, tỏ tình thương xót thuê người dăng lưới, để cứu vớt Thúy Kiều:

*Thuê năm ngư phủ hai người
Đóng thuyền chực bến kết chài dăng sóng*

Hành vi cao đẹp này chẳng khác gì hành vi của « Hội y sĩ thế giới » dùng chiếc tàu Quang đảo (Île de lumière) đi tuần tiêu trong vùng biển đông để cứu vớt những thuyền nhân Việt Nam lâm nạn.

7- Thúc Sinh tỏ lòng thương xót Thúy Kiều cứu nàng thoát khỏi nanh vuốt Tú Bà, nhất là khi nghe nàng nói:

*Thương sao cho vện thì thương
Tỉnh sao cho trọn mọi đường thì vâng*

Thúc Sinh cũng tỏ lòng thương nhớ Thúy Kiều khi hay tin nàng bị chết cháy:

Tìm đâu cho thấy cố nhân

*Lấy câu vận mệnh khuấy dần nhớ **thương***
8- Thúy Kiều không những đã làm tròn chữ hiếu với cha mẹ bằng sự bán mình. Nàng lại còn tỏ ra luôn luôn thương nhớ cha mẹ.

- Lúc ở lầu Ngưng Bích:
*Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ*

- Lúc ở với Thúc Sinh:
*Bóng dâu đã xế ngang dậu
Biết đâu ảm lạnh, biết đâu ngọt bùi.*

- Lúc ở với Từ Hải:
*Xót thay huyền cổis xuân già
Tấm lòng **thương** nhớ biết là có người*

Tình thương cha mẹ của Thúy Kiều lúc xa nhà giống như tình thương của Vũ Hoàng Chương đối với vợ con và Nguyễn Khuyến đối với bạn :

*Ngày đến bữa ăn thời nhớ vợ
Đêm về giấc ngủ lại thương con
(Vũ Hoàng Chương, Một Tháng Tròn)*

Nguyễn Khuyến thương nhớ Dương Khuê đến nỗi không uống rượu, không làm thơ và khóc:

*Rượu ngon không có bạn hiền
Không mua không phải không tiền không mua.
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết
Viết đưa ai, ai biết mà đưa?*

.....
*Bác chẳng ở, dẫu van chẳng ở
Tôi tuy thương lấy nhớ làm thương
Tuổi già giọt lệ như sương
Hơi dẫu mang lấy hai hàng chứa chan.
(Khóc Dương Khuê)*

- Thúy Kiều cũng luôn luôn thương nhớ Kim Trọng :

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống hễ rày mong mai chờ...
...Xót thay chút nghĩa cũ càng
Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng*

- Thúy Kiều thương nhớ Thúc Sinh lúc chàng về quê thăm Hoạn Thư nên nàng đã cầu trời cho chàng được mọi sự bình an lúc đi đường:

*Đêm thu gió lọt song đào
Nửa vầng trăng khuyết ba sao giữa trời
Nén hương đến trước thiên đài
Nỗi niềm khấn chứa cạn lời vân vân*

Tình Thương của Thúy Kiều không những được tỏ bày với những người thân thuộc mà còn với cả toàn thể nhân loại. Sau khi nghe Vương Quan kể cuộc đời của Đạm Tiên, Thúy Kiều tỏ lòng thương khóc với người quá cố:

*Lòng đâu sẵn mối thương tâm
Thoắt nghe Kiều đã dầm dề châu sa*

Nàng đã khuyên Từ Hải bỏ nghiệp binh đao vì thương những nạn nhân của chiến tranh:

*Ngẫm từ gây việc binh đao
Đống xương Vô định đã cao bằng đầu
Làm chi để tiếng về sau
Ngán năm ai có khen đầu Hoàng Sào*

Đi xa hơn nữa Kiều đã hy sinh thân sống vì thương cha mẹ, muốn tránh cho cha mẹ khỏi phải buồn rầu thấy con sa vào lầu xanh:

*Lỡ làng nước đục bụi trong
Trăm năm để lại tâm lòng từ đây.*

Tấm lòng đây là tấm lòng thương xót cha mẹ. Sau khi Từ Hải bị tử trận vì nghe lời mình, Thúy Kiều đã tỏ lòng thương xót bằng sự quyên sinh, trăm mình xuống sông Tiền Đường:

*Giết chồng rồi lại lấy chồng
Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời
Thôi thì một thác cho rồi
Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông
Trông vời con nước mệnh mông
Đem mình gieo xuống giữa dòng trường giang.*

Xem như vậy, Tình Thương của Thúy Kiều thật là dào dạt, nàng đúng là hiện thân của Tình Thương.

Tình Thương là đức tính cao quý nhất trong các việc lành. Chúa Kitô đã nói: « Tình Thương cao đẹp nhất là sự hy sinh thân sống cho người mình yêu ». Thúy Kiều như trên đã thực thi điều đó hai lần.

Trong lịch sử Việt Nam ông Lê Lai đã tỏ tình thương với dân chúng, đã xin chết thay cho Lê Lợi.

Gặp buổi thông dong, Thúy Kiều tâm sự với Từ Hải về cuộc đời vừa qua của nàng:

*Khi Vô Tích, khi Lâm Truy,
Nơi thì lừa đảo, nơi thì xót thương.*

Thúy Kiều nhận thấy rằng sự đau khổ của nàng là do sự lường gạt của bọn người ác tâm và những đau khổ đó cũng đã được xoa dịu ít nhiều nhờ những hành vi đầy tình thương của những người thiện tâm.

Qua cuộc đời Thúy Kiều, Nguyễn Du muốn chúng ta cho độc giả biết rằng cuộc sống ở trần gian này là một bể khổ do kẻ ác tâm gây ra. Nhưng ở đâu có tình thương thì ở đó nỗi đau khổ sẽ được giảm thiểu. Như vậy tình thương là một thân được để xoa dịu đau khổ.

Trong hiện tình đất nước, dân chúng Việt Nam ta đã phải gánh chịu quá nhiều đau khổ từ nửa thế kỷ nay chỉ vì bọn người thông trị chuyên môn lường gạt để hưởng thụ, họ tuyên bố một đảng thi hành một nẻo, không tôn trọng những lời đã tuyên bố và ký kết. Mong rằng lừa ám Tình Thương sẽ được ơn Trên thối tới non nước Rồng Tiên, hóa giải bạo cường để dân chúng sớm có hạnh phúc vui hưởng một cuộc sống an bình trong tự do, công bằng, bác ái.

*Khẩn nguyện ơn Trên thương rọi chiếu
Khấp nơi nhân thế lừa Tình Thương.
(Thu Tình Thương)*

Phượng Du Nguyễn Bá Hậu
(Paris)

NHẬN NƯỚC MỸ LÀ QUÊ HƯƠNG THỨ HAI

VŨ NGỌC BÍCH

Sáng thứ Sáu 25 tháng 4 năm 1975, khoảng 10 giờ, tôi đang ngồi làm việc thì chị giúp việc thân tín và con gái tôi lúc đó 11 tuổi, bước vào văn phòng tôi. Chị tới sát chỗ tôi ngồi, ghé tai tôi nói nhỏ: - Thầy về nhà gấp, cô có chuyện muốn nói với thầy. Tôi chỉ gật đầu và không muốn cho chị giúp việc nói thêm nữa, vì tôi đã biết vợ tôi muốn nói gì rồi. Trước đây, vợ tôi có làm việc ở phòng Điện toán của Hoa Kỳ tại phi trường Tân Sơn Nhất. Để tránh việc Việt Cộng sẽ trả thù những người đã cộng tác với Mỹ, chính phủ Hoa Kỳ đã cho lập danh sách ưu tiên cho nhân viên làm sở Mỹ di tản bằng cầu không vận.

Hàng ngày, những tin tức chiến sự không mấy khả quan từ miền chiến tuyến gửi về làm nản lòng những người ở hậu phương. Tại đơn vị tôi, lúc đó đại tá Nguyễn Hữu Đ. tới nhận chức Cục Trưởng Cục Mãi Dịch Quân Đội đứng vào lúc xế chiều của miền Nam. Tôi cũng nhận được nghị định thăng cấp Thiếu tá, sau 5 năm mang cấp bậc đại úy vào giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến.

Đến văn phòng, từ sĩ quan cho tới anh em binh sĩ, ai cũng cảm thờ báo coi những tin tức nóng bỏng nơi trang nhất, bàn tán xì xào. Trong lòng mọi người, hầu như ai ai cũng bị giao động không ít thì nhiều. Tôi vẫn làm công tác đi thanh tra và thu nhận hàng tại các nhà kho của quân đội. Tôi đã thấy có một vài nhà thầu và giám đốc các công ty lớn lạng lẽ ôm tiền trốn ra ngoại quốc. Họ bỏ đi và không thi hành kế ước. Mặc dầu đơn vị tôi đã gửi văn thư cảnh cáo sẽ áp dụng biện pháp chế tài, họ vẫn bất chấp và cứ tiếp tục bỏ nước ra đi.

Việc ra đi hay ở lại cũng là vấn đề gây nhiều tranh cãi sôi nổi giữa vợ chồng tôi trong suốt mấy tuần qua. Vợ tôi đã ghi tên gia đình vào danh sách di tản, và chúng tôi đã nhận được “manifest” xác nhận chờ ngày đi. Là một quân nhân, tôi cảm thấy hổ thẹn khi chưa chiến đấu gì mà đã bỏ đồng đội, bỏ bạn bè, lén lút ra đi.

Tôi đã gay gắt nói với vợ tôi :

- Minh cứ dẫn con đi trước. Tôi ở lại, một thân một mình, lúc nào đi chẳng được! Vợ tôi vừa năn nỉ, vừa giận dữ, dùng đủ mọi cách để thuyết phục tôi cùng với nàng và bốn đứa con cùng đi một lượt :

- Anh nói giờ hơi lắm! Bao nhiêu người chạy chọt đủ mọi cách, để xin cho được một chỗ trong “manifest”. Họ sẵn sàng bỏ ra hàng ngàn đô la để đổi lấy một chỗ di tản bằng máy bay ! Anh không biết anh may mắn hơn hàng trăm ngàn người sao ?

Tôi tần ngần :

- Nhưng em không thấy vợ chồng mình vất vả dành dụm mười mấy năm nay, mới mua được căn nhà nhỏ này. Sang đến Mỹ, anh không có nghề nghiệp gì chuyên môn, rồi mình lấy gì mà sống. Vợ tôi đau khổ ngắt lời tôi :

- Một cái nhà này, chứ cả chục cái nhà nữa cũng bỏ hết ! Sang đến đó, có cả ngàn người như mình nữa chứ. Có chi phải lo không có việc làm ? Không làm việc này, thì làm việc nọ ! Tôi cố vớt vát :

- Em không thấy hôm rồi, tổng thống Thiệu vừa lên TV nói gì sao ! Chính ông ấy cũng ở lại, sát cánh với quân đội, cùng chiến đấu bảo vệ miền Nam mà !

Vợ tôi cười nhạt :

- Anh nói vậy, là anh không biết gì hết rồi. Con bạn đồng nghiệp của em lấy một sĩ

quan Mỹ ở cơ quan DAO. Nó vừa ghé nhà mình thăm em. Nó nói chồng nó bảo sau bài diễn văn ấy, tổng thống Thiệu và gia đình được Mỹ đưa đi Đài Loan rồi ! Tôi cứ bán tín bán nghi. Thủ tướng Nguyễn Ba Cẩn vừa ra nghị định dọa trừng phạt bất cứ công chức quân nhân nào rời nhiệm sở. Đồng thời ông cũng ra lệnh đặt các nút chặn gồm quân cảnh lẫn cảnh sát được dàn ra trên cửa ngõ vào phi trường Tân Sơn Nhất, biên giới và dọc bờ duyên hải.

Suốt mười mấy năm chung sống, chưa lần nào chúng tôi bất đồng ý kiến trầm trọng như lần này. Vợ tôi bực mình phát khóc. Nang tha thiết nói với tôi qua hàng nước mắt

- Anh ở lại, lỡ tụi nó vào, tụi nó sẽ không tha anh đâu. Anh vừa có tội đi cư năm 54, vừa là sĩ quan đã từng chống lại chúng ! Anh đi với em và các con nhé. Một mình em ra đi, với một bầy con như thế, làm sao em xoay sở cho được ! Cứ như thế, mấy đêm rồi, tôi không ngủ được tròn giấc bao giờ, vì những lời nói, tiếng khóc của vợ tôi cứ lẩn quẩn trong đầu óc tôi.

Trong khi đó, mấy nhân viên trong phòng tôi xúm lại chỗ con gái tôi. Họ đang thì thầm hỏi chuyện con bé. Thấy tôi đưa mắt nhìn, họ lảng đi chỗ khác. Tôi bảo chỉ giúp việc và con gái tôi đón xe xích lô máy về trước, và nói với vợ tôi cứ chờ ở nhà.. Tôi lặng người đi phía sau bàn giấy. Trong lòng đầy băng khuâng, bối rối, tôi nhìn những nhân viên đã từng cộng tác với tôi trong vòng tám năm qua tại đơn vị này. Phóng tầm mắt xa hơn, tôi nhìn về phía cây tùng bách tán. Không hiểu sao, tôi thấy cây tùng bách bỗng trở nên thân thiết như một người bạn !

Tôi lẩm bẩm một cách vô thức :

- Tùng bách tán ơi ! Ta sắp xa mi rồi !

Một nhân viên dân chính, bác Thu, được biệt phái tới làm việc ở phòng tôi từ ngày thành lập đơn vị. Bác với tôi thân thiết như

người nhà. Bác Thu thường tâm sự với tôi những chuyện riêng tư, và tôi cũng, chia sẻ với bác những ưu tư thời cuộc. Đến sát bàn tôi, bác Thu ngồi xuống nhìn tôi. Chưa bao giờ tôi thấy khuôn mặt bác buồn rầu như vậy. Bác chớp chớp mắt :

- Chắc bà xã của thiếu tá cho người làm đến kêu thiếu tá về đi Mỹ, có phải không ? Hôm nay, ngay cả với bác Thu, người bạn già thân thiết nhất của tôi trong sở, tôi cũng không dám nói sự thật. Tôi trả lời vắn tắt, trong bụng tôi biết là bác cũng biết tôi nói dối:

Tôi có chút việc nhà phải về gấp, xong việc có thể tôi trở lại sớm. Rất may, trong giờ đó đa số nhân viên trong phòng tôi đã rủ nhau xuống Câu lạc Bộ để giải khát. Chỉ còn tôi và người công chức già ngồi tâm sự. Một niềm xúc động mãnh liệt dâng tràn trong lòng tôi.. Trước khi ra về, tôi lấy chìa khóa ngăn kéo nơi bàn giấy, trong đó để các hồ sơ và một số vật dụng cá nhân, đưa cho bác Thu

Tôi nói :

- Bác cứ tự nhiên, dùng được cái gì thì dùng. Tôi cũng móc ví, lấy hết các giấy bạc loại lớn trong đó, dúi vào tay người công chức già một nắm tiền.

Tôi vỗ nhẹ vai bác :

- Bác giữ lấy để tiêu đi.

Người nhân viên của tôi ngạc nhiên, đưa cả số tiền trả lại :

- Thiếu tá đừng làm vậy !

Tôi nói, thật khê :

Xin bác cứ yên tâm. Lúc này, tôi không cần tiền nữa. Nghe lời nói quả quyết của tôi, bác cảm ơn rồi rút, nhét tiền vào túi quần phía sau và tiễn tôi ra tận xe. Tới lúc đó, tôi mới cho bác biết là rất có thể tôi sẽ rời Saigon vào chiều nay, nếu có chuyến bay đi Mỹ. Vừa nghe nói tới đó, bác cảm động ôm mặt khóc.

Tôi đặt nhẹ tay lên vai bác Thu, an ủi bác; rồi mở máy, chiếc xe từ từ lăn bánh ra khỏi công. Người lính gác đưa tay chào tôi,

và tôi giờ tay chào lại. Tôi quay nhìn lại công doanh trại một lần chót. Tôi thầm nghĩ, chắc hẳn bữa nay là ngày tôi già từ đời binh nghiệp ! Trước mắt tôi, bầu trời như sụp tối, thời gian như ngừng trôi. Chiến tranh “Ý Thức Hệ” đã gây tang tóc và đổ vỡ cho biết bao gia đình. Một sự mất mát quá lớn lao. Cuộc đời tôi, từ nay, đã rẽ vào một khúc quanh mới, không biết sẽ dẫn tới đâu, mà tôi phải chấp nhận, một chấp nhận quá phũ phàng ! Tôi đã biết rõ chính sách tàn bạo, thâm độc của người Cộng Sản khi họ chiếm làng tôi. Họ đầu tó, đầy ải hàng chục gia đình trung nông đã từng đóng góp tiền của, xương máu trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Suốt trong hơn hai mươi năm thống trị miền Bắc, họ đã bản cứng hóa nhân dân, áp đặt lối cai trị hà khắc làm cho hàng triệu người khôn khổ ! Tôi sẽ phải bỏ nước ra đi, tìm TỰ DO bằng bất cứ giá nào, vì tôi biết tôi không thể nào sống nổi dưới chế độ Cộng Sản được, dù chỉ là một ngày, một giờ !

Vừa về đến nhà, tôi thấy vợ tôi đang chuẩn bị một số áo quần, và vài thứ vật dụng, thuốc men lặt vặt. Ngoài ra, những thứ gì nặng và công kênh, tôi bảo nhà tôi bỏ lại hết. Đến chiều tối, tôi chất hai valise và vài túi xách nhỏ lên chiếc xe Austin Minivan. Vợ chồng tôi và các cháu sang chào cha mẹ tôi ở sát bên nhà tôi. Cha mẹ tôi rưng rưng nước mắt, nắm tay tôi cầu nguyện Chúa che chở chúng tôi đi được bình an. Tôi yên tâm ra đi, vì biết anh chị cả tôi có ba người con lập nghiệp tại Hoa Kỳ. Các cháu và người em ruột chị dâu tôi đã sẵn sàng bảo lãnh cho anh chị và cả ông bà nội nữa. Vợ tôi ngồi bên cạnh, và bốn đứa con tôi ngồi băng dưới. Tôi lái xe ra đi đến chỗ hẹn. Tối hôm đó, gia đình tôi, gồm hai vợ chồng và bốn đứa con, nghỉ tạm tại nhà ông anh vợ. Chúng tôi thấp thỏm chờ đợi xe bus tới đón ra phi trường. Các con tôi mệt, nên ngủ say sau khi tới. Chúng tôi

chờ đợi suốt cả đêm, mà chẳng thấy xe bus nào tới đón. Đối với tôi, cái đêm ấy dài vô cùng. Chúng tôi đứng bật dậy, rộn ràng, hồi hộp khi nghe thấy tiếng còi xe hơi ngoài ngõ, và thở dài nào nuốt khi bước ra công, thấy chỉ là một chiếc taxi nào đó. Cứ xôn xao hy vọng, rồi lại ngỡ ngàng chán nản suốt từ chập tối hôm trước đến sáng sớm hôm sau. Thế mới biết cổ nhân nói câu “Có thức đêm mới biết đêm dài” cũng không phải là sáo ngữ !

Sáng hôm sau, cũng chưa có xe tới đón. Ông anh vợ tôi là đại úy Nguyễn Văn An tòng sự tại Bộ Quốc Phòng bảo chúng tôi cứ về nhà, chờ ở đó, và ông sẽ đích thân dùng xe Jeep đưa chúng tôi tới thẳng cơ quan DAO, tức là văn phòng Tùy Viên Quân Lực Hoa Kỳ. Vừa về đến nhà, tôi dẹp quần áo và vật dụng linh tinh ở phòng khách sang một bên, rồi dựa vào chiếc ghế bành, ngủ ngon lành cho đến lúc nghe tiếng nói oang oang của bầy con nít con nít con nít làm tôi chợt thức giấc :

- Nhà này họ đi Mỹ, bà con ơi !

- Lại đây tụi bay, coi mấy người sắp đi Mỹ !

Tiếng ồn ào của bọn trẻ con tinh nghịch làm tôi hơi bức mình. Một đứa khác nói chen vào, đây về khoái trá trước sự đi hụt của chúng tôi :

- Nhà này không đi Mỹ đâu, tụi bay ơi ! Họ đi Mỹ Tho đó.

Và cả bọn cùng cất tiếng cười ranh mãnh. Nếu là những ngày thường, có lẽ tôi cũng ra phía trước, yêu cầu bọn chúng đi ra chỗ khác chơi. Nhưng lần này, với mặc cảm của một người toan tính trốn chạy, tôi chỉ dịu giọng mới với mấy đứa trẻ trạc tuổi con mình;

- Các em đi chơi chỗ khác, cho chú nghỉ ngơi một chút nhé !

Nói đoạn, tôi đưa chúng một túi kẹo chanh:

- Các cháu chia nhau ăn đi !

Tụi trẻ đi rồi, tôi đảo mắt nhìn các vật trong nhà, từ bộ bàn ghế tiếp khách mẫu gụ chúng tôi mới sắm, chiếc đàn piano hiệu

YAMAHA chúng tôi mới mua cho đứa con gái lớn cách đó sáu tháng, khi cháu bắt đầu học tại tư gia của nhạc sĩ Nghiêm Phú Phi ở khu Tân Định. Căn nhà vợ chồng tôi dành dụm bao nhiêu năm mới mua được này, tôi vừa thuê thợ tân trang và nói ra cho rộng. Chiếc xe Austin sáu chỗ, tháng trước, tôi đưa làm máy và sơn một lớp sơn mới, chạy thật tốt.. Tôi nghĩ tới sự khó nhọc của hai vợ chồng tôi trong suốt mười hai năm trường mới tạo dựng được chút sản nghiệp khiêm tốn như ngày hôm nay. Bỗng dưng một sớm một chiều chúng tôi sắp mất hết.

Nghĩ tới đó, tôi bỗng đổi ý, và nói với vợ tôi:

- Em này, mới hôm qua, ở tạm nhà anh của em một đêm, không phải nhà mình, mà anh đã thắm thía câu “Sây nhà ra thất nghiệp” rồi ! Thôi, anh không muốn đi đâu hết. Nhà mình, mình ở. Ra đi, với tương lai vô định, không nhà không cửa. Anh không muốn đi một chút nào nữa !

Vợ tôi ngạc nhiên :

- Anh ơi, anh nghĩ quẩn rồi ! Chiều hôm qua, anh nói với em là anh nhất quyết ra đi vì không sống nổi với Việt Cộng. Bây giờ, chỉ vì xe bus chưa tới đón, anh đã nản lòng, không chịu đi nữa !

Tôi nói :

- Nhưng mà còn nhà cửa, bao nhiêu thứ mà anh và em vất vả xây dựng bấy lâu nay ?

Vợ tôi gào lên :

- Những thứ đó, bỏ lại hết ! Mai một mình sẽ xây dựng lại. Còn người, còn cửa, mà anh?

Tôi cù nhậy :

- Anh Nghiêm, anh Chinh, anh An, chú Hiền, chú Cảnh, cũng đều là quân nhân, có ai đi đâu ? Anh ở lại với các anh em của anh. Em có đi thì dẫn các con đi đi !

Đến lúc này, vợ tôi đã mất hết bình tĩnh. Nàng khóc nức lên, vừa khóc vừa kể lể :

- Anh đã có thời sống gần tụi nó ở ngoài Bắc. Các bác của anh ở lại đã bị tụi nó cắt cổ,

đầu tó, đầy đi tù rồi, anh không nhớ sao ? Rồi vụ Tết Mậu Tân, chỉ là trung sĩ, cũng bị chúng nó bắt đi, đập đầu hoặc sỏ giầy kềm gai chôn sống tập thể, anh không biết sao. Huống chi anh là thiếu tá. Tụi nó gặp anh là bắn liền ! Thử hỏi lúc đó, nhà cửa này, của cải dành dụm này, anh có chắc được hưởng không?

- Anh cũng phải nghĩ đến tương lai bốn đứa con anh nữa chứ ? Đi ra khỏi nước, dù em và anh không làm nên trò trống gì, con cái mình sẽ có nhiều cơ hội hơn là ở nhà rồi !

Trong lúc tôi ngồi thờ người ra, đầu óc hoang mang, không biết phải nói gì, nghĩ gì, vợ tôi vừa khóc vừa chạy sang nhà cha mẹ tôi ở kế bên. Nàng tin rằng chỉ có mẹ tôi khuyên giải tôi mới nghe ra. Đúng như nàng nghĩ, mẹ tôi qua ngay tức khắc. Bà nắm tay tôi, nhẹ nhàng khuyên bảo :

- Con may mắn lắm mới có người vợ đảm đang, xông xáo, lo cho con và các cháu ra đi. Hai anh Nghiêm và anh Chinh của con muốn đi lắm, mà không có cơ hội như con. Con có cơ hội tốt. Đừng bỏ lỡ dịp tiện hiếm có này ! Tôi nghe lời mẹ, hứa sẽ đưa gia đình đi. Quyết định của tôi đã làm thay đổi hẳn cuộc đời của chúng tôi và tương lai các con tôi .

Sáng chủ nhật ngày 27 tháng 4 năm 1975, gia đình tôi sửa soạn đi nhà thờ. Tôi cũng đang ăn dở dang tô phở do chị giúp việc vừa mua về thì anh cả của vợ tôi, đại úy Nguyễn Văn An, cũng vừa lái xe Jeep tới đậu ngay trước cửa nhà tôi. Anh cho biết chúng tôi chỉ có 10 phút chuẩn bị hành lý. Tôi bỏ đũa, giúp vợ tôi sắp xếp hành lý lần chót. Anh An giúp tôi chất hai chiếc valise lên xe Jeep. Vợ tôi đưa trả tiền công cho chị người làm, và tặng thêm cho chị một tháng lương nữa. Tôi đã gọn gàng trong bộ đồ dân sự, vợ tôi và bốn cháu ăn mặc thật giản dị. Cả gia đình tôi ngồi gọn trên chiếc xe Jeep, trực chỉ hướng Tân Sơn Nhất. Đại úy An nói, anh sẽ đưa chúng tôi tới thẳng cơ quan DAO.

Gần đến nơi, tôi chứng kiến cảnh người đi tản chen chúc, giành giật nhau một chỗ đứng sát cổng vào bên trong. Những chiếc xe Mercedes, Peugeot, Ford, Toyota, BMW còn mới toanh, không người lái, bỏ nằm ngổn ngang dọc theo bờ rào sắt phi trường. Đại úy An dừng xe Jeep trước một trạm gác. Một trung sĩ quân cảnh Việt Nam và một quân cảnh Mỹ đang làm công việc xét giấy. Người quân cảnh Việt Nam xem Sự vụ lệnh công tác và tờ “Manifest” do tòa Đại sứ Mỹ cấp, rồi trao cho người quân cảnh Mỹ soát lại lần chót. Sau khi xem xét giấy tờ và nhìn vào trong xe kiểm soát, hai quân cảnh Mỹ Việt giơ tay chào và ra hiệu cho xe đi.

Thế là chúng tôi đã vào trong cơ quan DAO và trình giấy tờ trong khi các chuyên xe bus của tòa Đại Sứ Hoa Kỳ lần lượt chờ các nhân viên và thân nhân tới. Khung cảnh thật là náo nhiệt, tiếng người nói chuyện thật là ồn ào. Trên bầu trời, từng đoàn trực thăng bay tới bay lui như những con chuồn chuồn khổng lồ, hết chiếc này vừa đáp xuống, thì chiếc kia lại bốc lên, có lẽ để đi đón người đi tản ở một địa điểm khác. Chúng tôi được chia ra từng toán, mỗi toán hai mươi người. Bây giờ chỉ còn việc đợi xe bus tới chờ ra máy bay. Trong lúc chờ đợi, tôi đảo mắt nhìn xung quanh, qua hai lớp hàng rào giầy kẽm gai bao bọc cơ sở này. Những người đi tản tới cơ quan DAO bằng xe taxi đều bị chặn ngay tại cổng để kiểm soát giấy tờ.

Một chiếc taxi vừa dừng lại phía ngoài cổng. Trên xe một thanh niên trạc hăm ba tuổi, một phụ nữ bế đứa bé khoảng hai tuổi, và một cặp vợ chồng lớn tuổi lần lượt bước xuống. Tôi đoán chừng ông bà này là cha mẹ của người phụ nữ và chàng thanh niên kia là con rể. Chàng thanh niên đưa xấp giấy tờ cho người cảnh sát gác cổng; người này xem qua rồi đưa qua viên trung sĩ quân cảnh đứng cạnh. Người quân cảnh nói gì với chàng

thanh niên, và ra hiệu cho anh đứng sang một bên. Người phụ nữ bế con tiến lại gần người quân cảnh, rồi người đàn ông lớn tuổi cũng đến, dường như vừa thuyết phục vừa năn nỉ, nhưng chỉ nhận được cái lắc đầu từ chối. Một lát sau, xe quân cảnh đi ngang. Chàng thanh niên bị mời lên xe. Người phụ nữ gào khóc, nắm chặt tay người thanh niên, không cho lên xe. Đứa bé cũng khóc thất thanh, ôm lấy chân anh ta. Thế là một cảnh giằng co xảy ra, làm huyên náo một góc cổng gác. Người phụ nữ trẻ cố năn nỉ hai quân cảnh Việt Nam tha cho chàng thanh niên.

Tiếng gào khóc của chị nghe thật thương tâm! Tôi để ý nhìn hai quân cảnh Mỹ đứng gần đó. Họ không can thiệp gì cả. Hai trung sĩ quân cảnh trên xe nói gì với người thanh niên. Anh ta thì thăm điều gì đó với người phụ nữ. Chị và đứa bé không gào khóc, nín kẻo nữa. Người thanh niên lên xe. Chiếc xe quân cảnh đi đâu, không ai biết. Tôi chỉ thấy cặp vợ chồng lớn tuổi và người phụ nữ trẻ, cùng đứa bé leo lên một chiếc taxi khác vừa đỗ người xuống. Chiếc xe đi ngược về phía cửa ngõ vào thành phố. Tôi chắc gia đình họ trở về nhà.

Tổng thống Trần văn Hương nhậm chức mới chỉ có mấy ngày, nhưng ông đã phải đương đầu với cảnh “đầu sôi lửa bỏng” của đất nước. Trên mặt báo, tôi đọc thấy tân thủ tướng Nguyễn bá Cẩn đã ra lệnh cho các viên chức có trách nhiệm phải ngăn chặn mọi thành phần quân cán chính trong hạn tuổi quân đội, không cho những người này xuất ngoại bằng bất cứ phương tiện gì, đường hàng không, đường bộ và cả đường biển nữa. Lệnh này được áp dụng triệt để. Báo chí thời đó tường thuật rõ ràng những trường hợp cơ quan công lực bắt giữ một số viên chức trong chính quyền, kể cả quân đội, đang trên đường vượt biên. Riêng trường hợp người thanh niên bị bắt giữ lại, tôi nghĩ cả người vợ và gia

đình bên vợ cũng kẹt ở lại luôn. Tôi không thể quên được tiếng khóc nức nở của người phụ nữ trẻ, khi người chồng bị bắt lại, và xe quân cảnh đưa đi. Tôi nghĩ, các viên chức Tòa Đại sứ Hoa Kỳ, khi chứng kiến cảnh bắt giữ thương tâm đó, có lẽ cũng bị “mất mặt” phần nào, vì chính phủ Hoa Kỳ đã đồng ý cấp giấy tờ cho cả gia đình người ta đi Mỹ, mà quân cảnh Việt Nam lại có quyền bắt giữ lại? Tôi thấy hai viên chức Hoa Kỳ ở bãi đậu xe, đứng gần chỗ chúng tôi đang chờ đợi, dùng máy liên lạc vô tuyến, gọi đi một chỗ nào đó; có lẽ giới chức cao cấp Việt Nam và Tòa Đại sứ Hoa Kỳ chăng? Bởi vì, khoảng 15 phút sau, tôi không còn thấy quân cảnh và cảnh sát ở ngoài cổng cơ quan DAO nữa.

Tôi nhớ lại những ngày tới Quân Vụ Thị Trấn Saigon, chỉ huy toán tuần tiễu hỗn hợp gồm cảnh sát, quân cảnh, để bắt đào binh và những người trốn quân dịch. Tới giờ cơm trưa, tôi dẫn toán tuần tiễu của tôi vào tiệm phở Tàu Bay đãi mỗi người một tô phở xe lửa và ly cà phê sữa đá. Chúng tôi ngồi ăn uống và nói chuyện vui vẻ trong tình đồng ngũ, coi nhau như những người thân thiết trong đại gia đình quân đội.

Bây giờ, gặp lại mấy người quân cảnh và cảnh sát, cũng trong sắc phục đó, nhưng trong hoàn cảnh thật éo le này, tôi mặc y phục dân sự, vì đã từ bỏ nhiệm sở để ra đi, còn những anh em đó vẫn còn ở lại, tiếp tục nhiệm vụ của mình, lòng tôi đâm ra e dè, sợ sệt, dẫu mặc cảm; nên không còn cái cảm giác thân thiết với những người đã từng cùng ở trong đại gia đình với tôi nữa!

Tôi thực sự cảm thấy không được thoải mái cho lắm khi phải đối diện với họ; mặc dù sau việc xảy ra hồi sáng và sự can thiệp của nhân viên Tòa Đại Sứ Mỹ, cảnh sát và quân cảnh Việt Nam chỉ còn nhiệm vụ giữ an ninh trật tự thôi, chứ không còn bắt giữ hay làm khó dễ những người di tản nữa. Nhìn sang

toán kê bên, tôi gặp trung tá Phan. Tôi quen biết ông mỗi lần tôi đi họp ở Tổng Cục Tiếp Vận, Bộ Tổng Tham Mưu. Thấy ông trong y phục dân sự, tôi quen miệng chào ông theo cấp bậc quân đội. Ông ghé sát tai tôi nói nhỏ:

- Thôi “toa” miễn cho “moa” đi.

Tới lúc đó, tôi biết mình lỡ lời, vội vàng nắm tay ông cười giả lả. Có lẽ lúc này, ông cũng mang chung một tâm trạng xấu hổ vì đã trốn chạy khỏi nhiệm sở như tôi, nên không muốn ai nhắc đến cấp bậc của mình. Khoảng 3 giờ chiều chúa nhật 27 tháng 4 năm 1975, một đoàn xe bus gồm 5 chiếc tới đậu ngay trước lối vào văn phòng cơ quan DAO. Chúng tôi lần lượt xếp hàng lên xe. Khoảng mười phút sau, đoàn xe hướng về khu vực nơi máy bay C.130 đậu, gần phía cuối phi đạo. Khi còn cách chỗ máy bay khoảng 40 thước, các xe bus ngừng lại. Người hướng dẫn trên xe yêu cầu chúng tôi xuống, sắp hàng một để đi về phía máy bay. Tôi nhìn ra phía trước, bên chiếc máy bay phản lực C.130, đã có sẵn hai người lính quân cảnh Việt Nam đứng chờ, ngay cửa phía sau đuôi máy bay. Chúng tôi lần lượt bước xuống xe bus, theo đoàn người di tản. Vợ và các con tôi đi trước. Còn tôi, một tay bồng cháu gái út Hồng Bảo, lúc đó mới hai tuổi. Đi sát phía sau tôi là đôi vợ chồng trẻ và đứa con nhỏ, cũng trong toán tôi. Người chồng là một kỹ sư điện làm việc cho một cơ quan Tiếp liệu Hoa Kỳ. Có lẽ hồi sáng, anh chị này đã chứng kiến cảnh người thanh niên bị bắt giữ lại, nên người vợ tỏ ra hết sức lo lắng khi nhìn thấy hai viên quân cảnh Việt Nam to lớn đứng nơi chân máy bay.

Chị quay về phía tôi hỏi nhỏ:

- Anh có biết tại sao quân cảnh Việt Nam vẫn còn ở đó không? Liệu chồng tôi đang trong lứa tuổi quân dịch có bị bắt lại không, thưa anh?

Tôi đưa mắt nhìn chị đang bồng cháu gái trạc tuổi đứa con gái út tôi, còn anh thì xách

- Theo tôi, nhiệm vụ của hai người quân cảnh này chỉ là canh gác máy bay, đề phòng phá hoại thôi. Giờ phút này, họ không bắt giữ ai như hồi sáng nữa đâu.

Tôi nói tiếp :

- Chị nên trao cháu nhỏ cho anh bé ! Minh cứ tự nhiên mà đi, đừng để ý gì đến họ, không sao đâu !

Người vợ trao đứa bé cho chồng, và đỡ hộ anh chiếc cặp trên vai. Chúng tôi đi trong toán đi tản cuối cùng, và chẳng bao lâu đã tới cửa phía sau đuôi của chiếc máy bay C. 130.

Tôi cố giữ nét mặt bình thản, nhìn về phía trước. Nhưng lúc đi ngang qua hai người quân cảnh, tôi biết chắc hẳn họ đang chăm chú nhìn tôi. Chúng tôi vừa bước vào thân tàu, thì anh chồng đi phía sau tôi đặt đứa bé xuống sàn máy bay cho người vợ giữ. Anh lách mình, vượt qua tôi; vội vàng đi thẳng vào phòng vệ sinh, đóng sập cửa lại. Khi người đi tản cuối cùng đã vào hẳn trong máy bay, nhân viên phi hành kiểm soát một lần chốt; rồi bấm nút; chiếc cánh cửa vĩ đại phía sau đuôi máy bay từ từ đóng lại. Chúng tôi ngồi vào chỗ, được hướng dẫn cài dây an toàn, và những gì phải làm khi gặp trường hợp khẩn cấp. Mùi nhiên liệu phi cơ, mùi mồ hôi, mùi kim loại tỏa ra dưới nắng chiều gay gắt làm không khí chờ đợi thật ngột ngạt và căng thẳng. Động cơ chạy mạnh hơn, và chiếc máy bay lăn bánh, tiến dần ra phi đạo. Rồi tiếng máy rú lên, vận tốc tăng nhanh; chiếc C. 130 nhẹ nhàng cất cánh. Vừa lúc đó, người kỹ sư trẻ tuổi cũng từ phòng vệ sinh vội vàng bước ra; mặt xanh mét, như không còn hồn vía gì. Tôi đã đoán biết vì sao anh vào trong đó, nhưng cũng giả vờ hỏi :

- Bộ anh đau bụng dữ lắm hay sao mà ngồi trong nhà vệ sinh lâu quá vậy ?

Anh thật thà trả lời :

- Dạ, em có đau bụng gì đâu ! Sáng nay chúng kiến cảnh bắt giữ người thanh niên, đến giờ này em còn sợ, nên phải trốn vào phòng vệ sinh, chờ máy bay cất cánh mới dám đi ra.

Tôi cười nhẹ, thông cảm với nỗi lo sợ của cặp vợ chồng này.

Trạm đầu tiên đổ người tỵ nạn xuống là đảo Guam. Chúng tôi được phân phối tạm trú trong những căn lều thật lớn do công binh Mỹ vừa dựng lên, mỗi căn lều có sức chứa cả ngàn người. Buổi sáng hôm sau, tôi lên văn phòng trại ghi danh và điền vài mẫu giấy tờ hành chánh cho việc chuyển trại . Khi đang ngồi chờ ở trước văn phòng, cha mẹ tôi và cháu trai con ông anh cả tôi bước vào. Gặp lại tôi, mẹ mừng lắm, hỏi han riu rít. Thế là gia đình anh chị cả đã mang được cha mẹ tôi đi cùng, và chỉ đi sau tôi khoảng 4 tiếng đồng hồ, trên một chuyên máy bay khác. Những ngày sống nơi trại tạm cư ở Guam, ngoài những bữa ăn, gồm toàn món ăn Mỹ, chúng tôi thường đi ra biển Guam hóng mát, nhất là lúc xế trưa . Buổi tối, ban chỉ huy trại cho chiếu phim giải trí. Một số nghệ sĩ Việt Nam cũng họp nhau lại mỗi buổi chiều, trình diễn giúp vui cho đồng bào tỵ nạn. Điều đau buồn nhất đối với tôi, là chiều 30 tháng 4 năm 1975, khi hai đài phát thanh BBC và VOA loan tin Saigon bị thất thủ, và cả miền Nam đã rơi vào tay giặc Cộng. Chúng tôi ai nấy đều ngậm ngùi, xót xa chia sẻ nỗi đau đớn của đồng bào ruột thịt, từ nay sẽ sống dưới ách cai trị của bọn Cộng Sản độc tài và tàn bạo.

Tất cả mọi người chúng tôi đều mang chung một tâm trạng đau buồn. Tôi đã chứng kiến cảnh những người thiếu phụ trẻ, bên nách một đàn con thơ nheo nhóc, họ ngồi bên góc lều trại, hộc lên khóc, tiếng khóc đau đớn, náo nức, ai oán, kéo dài từng hồi. Những lúc như thế, vợ tôi lại chạy tới, dỗ dành, an ủi họ. Rồi tiếp đến căn lều bên cạnh, như bị xúc

động giậy chuyền, có người đã bật ra tiếng khóc, nhất là các bà các cô, vốn rất nhạy cảm. Chung quanh căn lều tạm trú, tôi nghe những tiếng khóc nức nở đầy vẻ căm phẫn. Những người đàn ông biểu lộ nỗi đau thương một cách lặng lẽ hơn. Tôi thấy những khuôn mặt trầm lắng, đanh lại, những đôi mắt đỏ hoe, những giọt nước mắt tủi hờn vừa mới lau khô. Ai ai đều ngậm ngùi trước cảnh gia đình tan

nát, vợ xa chồng; cha mẹ xa con, anh chị em lưu lạc khắp bốn phương trời... Tuy không nói ra, nhưng trong thâm tâm, tôi biết chắc chắn kể từ giờ phút này, tôi sẽ phải chấp nhận Hoa kỳ là quê hương thứ hai.

VŨ NGỌC BÍCH (California)

Gối Đầu Lên Hạnh Phúc

Gửi Thanh /Liên / Ninh

Nằm gác chân lên nhau
Chúng mình dường như
Đã thực sự
Gối đầu lên hạnh phúc!
Hạnh phúc ở đây
Dù chỉ một chút nhỏ
Nó cũng sao mà hiếm hoi
Khó có!
Ở một nơi mà đời
Lúc nào cũng chênh vênh!
Và hạnh phúc
Như một món quà
Hiếm tới!
Cuộc sống bấp bênh
Chìm nổi...
Từng ngày qua vạt vờ!
Sống,
Hầu như

Đã trở thành
Một thứ nợ!
Hai bốn giờ một ngày
Lao đao bề khổ!
Cuộc chìm nổi lợi danh
Mây khói!
Hạnh phúc có là bao
Mà tần tảo ngược xuôi!
Từng ngày đi
Buồn buồn tiếp nối!
Mấy lúc vui
Cho đổi được ngày buồn.
Hạnh phúc mình cho nhau
Có thật
Đừng để mất.
Một ngày vui
Là biết một ngày vui.
Những gì mình có đây
Hãy cố mà giữ lấy.

YÊN VI (Minnesota)

Mais Où Sont Les Neiges d'Antan? Tìm Đâu Những Áng Tuyết Xưa: Villon: Ballade des dames du temps jadis

Phạm Trọng Lệ

suu khảo và dịch

Vài Dòng Tiểu Sử Villon:

Francois Villon, thi-sĩ Pháp, tên thật là François de Montcorbier hay François Des Loges, sinh năm 1431, vào cuối thời Trung Cổ, không rõ chết năm nào, được coi như một nhà thơ trữ tình lãng du nổi tiếng. Ông lấy họ Villon là họ người bảo trợ, một vị viện trưởng một tu viện. Khi còn là sinh viên, ông học hành xuất sắc; chưa tới 21 tuổi đã đậu bằng Master of Arts ở đại học Sorbonne (nên còn được gọi là Master Villon). Nhưng vào thời đó, các trường đại học ở Paris còn dưới quyền điều khiển của các nhà tu sĩ, và sinh viên, nếu có tội, thì chỉ bị xử trước toà án đạo chứ không bị xử bởi toà án đời. Villon theo đòi đời sống trụy lạc của sinh viên, bạn bè với những phường vô lại, đánh nhau, có lần giết một nhà tu, năm ông 24 tuổi. Rồi từ đó vào tù ra khám, hay bị đi đày, vì ăn trộm ăn cướp, và có những hành động phạm pháp khác.

Những Biến Cố Lịch Sử trong Thời Villon.

1415: Henry V vua Anh đánh nhau với Pháp. Trong trận Agincourt, quân bộ Anh nhờ có những nỏ dài nên bắn xa, tên xuyên thủng áo giáp và thắng các hiệp sĩ Pháp. Quận công

Burgundy hoà hiệp liên minh với Anh. Miền Burgundy lúc đó gồm phía Bắc nước Pháp, Bỉ, Lục Xâm Bảo và Hà Lan bây giờ.

1428: Quân Anh vây Orléans, trên sông Loire; Joan of Arc (Jeanne d'Arc) được vua Pháp Charles VII cho cầm đầu 2,000 quân sĩ, đánh lui quân Anh, rồi đưa vua về nhà thờ Reims để đăng quang. Năm 1430, Joan of Arc bị bắt ở Campiègne, bị bán cho quân Anh, bị đưa ra toà, kết tội tà giáo và phù thuỷ, và bị đốt sống năm 1431. Năm đó Villon ra đời.

1455: Quân Pháp có trọng pháo do Jacques Coeur mua, đẩy lui quân Anh về Calais.

1449: Villon (tên lúc đó là Montcorbier) đỗ bằng Bachelor of Arts.

1452: Villon tốt nghiệp Master of Arts.

1456: đêm Giáng sinh, Villon vào đại học College of Navarre ăn trộm; bị tù.

1461: được vua tha.

1461: viết tập Testament.

1462: bị tù vì tội trộm, bị kết tội xử giáo. Xin ân xá lên viện dân biểu.

1463: án xử giáo được bác, nhưng Villon bị đày khỏi Paris. Đi đâu, ở đâu, chết ở đâu, không thấy nói rõ.

Tác Phẩm:

Năm 25 tuổi, ông viết tập PETIT TESTAMENT, là một tập ca khúc laïcs [Có



hai dấu chấm trên chữ i], hay gọi là “legacies”, trong đó ông kể chuyện ông bỏ Paris, để lại một ít đồ đạc rẻ tiền cho bạn bè. Nhưng phải chờ đến năm 1461, ông viết tập GRAND TESTAMENT, một bài thơ dài 2 ngàn câu, giọng buồn, kể lại cuộc đời mình, một tên ăn xin, ăn trộm, châm biếm đời sống lúc đó, thì tài của Villon mới được công nhận. Trong tập này có mấy ca khúc (ballades) mà ca khúc nổi tiếng nhất là “Ballade des dames du temps jadis” mà nhà thơ Anh Dante Gabriel Rossetti, một nhà thơ lãng mạn thời Victoria, đã dịch sang tiếng Anh.

Năm 1462, ông đánh nhau ngoài phố, gây nên án mạng, và bị kết tội xử giáo. Ông viết bài ca “ballade des pendus” (“Ballad of the hanged men” “Ca khúc của tử tội bị xử giáo”) trong đó ông viết lời cho mộ bia của chính mình, trách con người bất công và xin Thượng đế tha thứ. Nhờ bạn ông can thiệp, án giáo được đổi sang án đầy. Và sau đó không ai nghe nói đến ông nữa. Bốn trăm năm sau, vào thế kỷ 19, ông được các thi sĩ Rossetti và Swinburne dịch thơ ông và trong thế kỷ 20, truyện đời ông được đưa vào mấy vở kịch và phim. Thơ của ông được nhà soạn nhạc và chơi đàn guitar Georges Brassens phổ nhạc (xem đoạn cuối bài này).

Thời Villon ở Pháp

Khi Villon còn sống, thành phố Paris vẫn còn bị quân Anh chiếm; sông Loire, chứ không phải sông Seine, là trục giao thông chính. Vào thời này, Paris chưa phải là kinh đô của văn vật. Thời đó, những vùng nổi tiếng là Ghent, Brussels, Antwerp hay Dijon. Paris lúc đó là một thành phố nghèo.

Tại đại học Paris, nơi đào tạo ra những học giả như Abélard và Peter Lombard, sinh viên học năm môn văn khoa tự do. Giáo sư giảng lớn tiếng, sinh viên nghe, ghi chú, thầy trò chỉ có

vài cuốn sách. Văn bằng đầu tiên là baccalauréat/baccalaureate, sau đó, nếu sinh viên muốn học thêm, thì soạn thi “licence/license” để đi dạy, và sau đó là bằng như Master of Arts bây giờ. Đồ bằng này có thể lên học các phân khoa gọi là “facultés/faculties” chuyên môn: thần học, triết học, giáo luật, nhưng chưa có các môn như luật và y khoa. Danh từ “université” lúc đó chỉ một nhóm người đồng mục tiêu học hỏi như các phường công nghệ (guilds), một tổ hợp giữa giáo sư và sinh viên dưới quyền toà thánh.

Thành phố Paris vào năm 1438, sau một trăm năm chiến tranh với quân Anh, bị đói khổ. Mùa đông không có lò sưởi, dân chết đói, chết rét, lại thêm nạn dịch đậu mùa, hàng ngàn dân chết. Trong thành phố, gái giang hồ sông trong các túc quán, ai có tiền sẽ được chiêu đãi. Và Villon cũng lang chạ trong các túc quán này. Cuối thời Trung cổ, trong cảnh loạn lạc mà con người vẫn giữ được lòng yêu đời “joie de vivre”.

Bài thơ bất hủ: Các Mỹ nhân ngày xưa

Ballade des dames du temps jadis

Dictes moy ou, n'en quel pays,
Est Flora, la belle Romaine,
Archipiades, ne Thaïs,
Qui fut sa cousine germaine,
Echo parlant quant bruyt on maine
Dessus riviere ou sus estan,
Qui beaulté ot trop plus qu'humaine?
Mais ou sont les neiges d'antan?

Ou est la tres sage Hellois,
Pour qui fut chastré et puis moyne
Pierre Esbaillart a Saint Denis?
Pour son amour ot ceste essoigne.
Semblablement, ou est la royne

Qui commanda que Buridan
Fust geté en ung sac en Seine
Mais ou sont les neiges d'antan?

La royne Blanche comme lys
Qui chantoit a voix de seraine,
Berte au grant pié, Bietris, Alis,
Haremburgis qui tint le Maine,
Et Jehanne la bonne Lorraine
Qu'Englois brulerent a Rouan;
Ou sont ilz, ou, Vierge souveraine?
Mais ou sont les neiges d'antan?

ENVOI

Prince, n'enquerez de sepmaine
Ou elles sont, ne de cest an,
Que ce reffrain ne vous remaine:
Mais ou sont les neiges d'antan?

FRANCOIS VILLON

Chú thích về các nhân danh trong bài thơ trên

-Chữ FRANÇOIS có đuôi dưới chữ c. Chữ «OU» tiếng Pháp thời Trung cổ không có dấu huyền trên chữ «u» như tiếng Pháp thời nay. Chữ THAIS có hai dấu chấm trên chữ «i». Trong bài thơ trên có nhiều tiếng Pháp cổ viết hơi khác tiếng Pháp ngày nay.

-FLORA: gái giang hồ thượng lưu thành La Mã, bạn của Juvenal. Nhưng Flora cũng là tên nàng tiên của các loài hoa và mùa xuân trong thần thoại La-mã. Vì vậy mà danh từ «flora» trong thực vật học, nay chỉ tất cả những loài thảo mộc trong một vùng nào.

-CHIPIADES: có lẽ Villon ám chỉ cô gái giang hồ Hy Lạp Hipparchia hay người tình của Sophocles tên là Archippa, vợ của nhà hiền triết Hy Lạp Crates, sống ở thế



Pierre Abélard

Alexander đại đế trong các cuộc viễn chinh sang Á Châu. Sau này nhà văn Pháp Anatole France cũng thần tượng hóa nàng Thais trong một tác phẩm cùng tên.

-ECHO: tiên nữ trong thần thoại Hy Lạp, khao khát yêu chàng Narcissus, đến mực thân thể tiêu tan hết, chỉ còn giọng vang mà thôi. Cũng có tích kể rằng vị sơn thần Pan yêu nàng, nhưng nàng từ khước nên vì ghen tuông, Pan dụ cho bọn chồn cừu giết nàng, xé xác thành từng mảnh, chỉ còn tiếng vang.

-HÉLOÏSE và ABÉLARD: [có 2 dấu chấm trên chữ i trong Héloïse] chuyện tình rất đẹp nhưng bi thảm, nàng Héloïse, một phụ nữ thông thái (1101-1164), yêu vị thầy dạy kèm và hơn nàng 22 tuổi là ESBAILLART (Pierre Abélard, 1079-1142), một nhà triết học và thần học nổi tiếng tại nhà thờ Đức Bà. Tổ ấm nơi hai người kín đáo thành hôn và gặp nhau là căn nhà số 9 đường Quai du Fleurs. Khi nghe tin nàng có thai, người chú nàng lúc đó đang làm lớn ở nhà thờ Đức Bà, cho người bắt Abélard, thiến mất «của quý» của chàng. Sau khi bị hoạn, ước vọng trở thành giám mục tan thành mây khói, chàng trở vào tu viện, còn nàng thành



Blanche of Castile

nữ tu. Tập thư tình của hai người thành nòng cốt cho một truyện tình ngang trái. Chữ «dule and teen» trong bản dịch của Rossetti bài thơ của Villon có nghĩa là “thương nhớ và đau xót».

-BURIDAN: Jean Buridan (1292-1363) giáo sư viện trưởng đại học Paris cùng đồ đệ, khi còn trẻ, theo truyện kể lại, mê bà hoàng Marguerite of Burgundy (Marguerite de Bourgogne) ở trong lâu đài Tour de Nesle. Hằng ngày, từ lâu đài nhìn xuống, bà hoàng đa tình này quyến rũ các chàng trai trẻ, nhất là các sinh viên. Sau khi thoả mãn, để êm nhem, bà hoàng, vợ vua Louis X, đem bỏ những người tình một đêm vào bị vải, cho người ném xuống sông Seine.

Nhưng giáo sư Buridan khôn ngoan, cho đồ đệ chờ một chiếc thuyền đầy rơm, chờ sẵn dưới sông; khi bà hoàng ném ông xuống, sau khi cùng ông ân ái, ông rớt trên thuyền rơm nên thoát chết. Sau chuyện tình tới tai vua, bà hoàng Marguerite bị kết tội ngoại tình và xử tử ngày 14 tháng 8, 1315.

-BLANCHE: bà hoàng Blanche of Castile, mẹ của vua Louis IX ở Pháp.

-BERTE AU GRANT PIÉ: Nàng Berte có bàn chân thô kệch, trời sinh có thân hình hộ pháp, vợ Pépin le Bref, và là mẹ đẻ ra Charlemagne (724-814) sau này là vua của người Franks và hoàng đế phía Tây xứ Pháp (742-834). Xem thêm Chanson de Roland.

-BIETRIS và ALIS: Trong tập thơ Chansons de Geste của Henri de Metz, Bietris là vợ Henri de Metz, Alis là mẹ của Henri.

-HAREMBURGIS:

là Arembour, vợ quận công Anjou, chết năm 1126.

-JEHANNE: đó là Jeanne d'Arc, liệt nữ xứ Lorraine, mộ quân chống quân Anh, sau bị đốt chết năm 1431. Người Pháp phong cho bà làm thánh tử đạo.



Jeanne d'Arc

Chú thích về các nhân vật trong đoạn trên và bài dịch của Rossetti lấy từ M.H. Abrams, et al. The Norton Anthology of English Literature (Revised), vol. I, (New York: W.W. Norton, 1968), p.377.

Bài dịch sang tiếng Anh:

The Ballad of Dead Ladies

Do Dante Gabriel Rossetti (1828-1882) dịch

Tell me now in what hidden ways is
Lady Flora the lovely Roman?
Where's Hipparchia, and where is Thaïs,
Neither of them the fairer woman?
Where is Echo, beheld of no man,
Only heard on river and mere—
She whose beauty was more than human?...
But where are the snows of yesteryear?

Where's Héloïse, the learned nun,
For whose sake, Abeillard, I ween,
Lost manhood and put priesthood on?
(From Love he won such dule and teen!)
And where, I pray you, is the Queen
Who willed that Buridan should steer
Sewed in a sack's mouth down the Seine?...
But where are the snows of yesteryear?

White Queen Blanche, like a queen of lilies,
With a voice like any mermaidén—
Bertha Broadfoot, Beatrice, Alice,

And Ermengarde, the lady of Maine...
And that good Joan whom Englishmen
At Rouen doomed and burned her there—
Mother of god, where are they then?...
But where are the snows of yesteryear?

Nay, never ask this week, fair lord
Where they are gone, nor yet this year,
Except with this for an overword...
“But where are the snows of yesteryear?”

Dịch nguyên văn

Hãy cho ta biết, ở xứ nào, nàng Flora, tiên nữ trong thần thoại La Mã, nàng Archipiades và nàng Thaïs là em gái họ của nàng, nàng Echo người khi thốt lên là những lời sóng vọng gần sông hay hồ, người có vẻ đẹp hơn người. Nhưng tìm đâu những áng tuyết năm xưa?

Bây giờ thì nàng Héloïse thông thái ở đâu, mà vì nàng mà chàng Pierre Abélard bị hoạn và phải thành một tu sĩ ở tu viện Saint Denis—chàng chịu nỗi hoạn nạn chỉ vì yêu nàng? Cảnh ngộ tương tự, bây giờ còn đâu bà hoàng người đã ra lệnh bỏ chàng Buridan vào bị và ném xuống sông Seine? Nhưng tìm đâu những áng tuyết năm xưa?

Hoàng hậu Blanche, trắng như bông huệ, người hát với giọng quyến rũ của nữ thủy thần, nàng Bertha trời sinh có đôi bàn chân thô kệch, nàng Beatrice, nàng Alice, nàng Haremburgis ngự trị vùng Main, và nàng Jeanne, người thiếu nữ chân thiện vùng Lorraine, mà quân Anh đem đốt sống ở Rouen—các nàng đó nay ở đâu? Họ nay ở đâu, thưa thánh nữ Đồng trinh? Nhưng tìm đâu những áng tuyết năm xưa?

ĐIỆP KHÚC

Xin Đức Chúa con trời, trong tuần này xin đừng tìm xem họ ở đâu, trong năm nay cũng đừng tìm xem họ ở đâu. Xin dâng ngài

điệp khúc này: Nhưng tìm đâu những áng tuyết năm xưa?

Lạm Bình

Tóm lại, trong bài ca bắt hủ của Villon, mà câu lấy lại “Mais où sont les neiges d’antan,” “Tìm đâu nhưng áng tuyết năm xưa,” câu hỏi như lời thương tiếc những vẻ đẹp của những người đàn bà nổi tiếng một thời, ngoài đời cũng như trong thần thoại: những kiều nữ, liệt nữ, dị nhân, những nữ thần mà nhan sắc từng làm say mê các chàng trai, cùng những nhà thông thái, một trang anh thư như Jeanne d’Arc từng đánh bại quân Anh xâm lược; những người đàn bà đa tình, hay đa tài mà bạc mệnh đó nay còn đâu?

Những lời than tiếc đó, dành cho những vẻ đẹp đã mất, là biểu tượng của những hình ảnh của tự do cá nhân trong một thời mà thần quyền và quân quyền còn gò bó con người tài nghệ.

Những truyện về các kiều nữ, kỳ nữ, liệt nữ trong bài thơ, có thật hay không, chắc không cần biết, chỉ cần biết là những hình ảnh của những người đẹp này đã là chất liệu cho nhà nghệ sĩ Villon, mà giữa văn sĩ và giai nhân, như Chu Mạnh Trinh đã viết, vốn “cùng một kiếp hoa nghiêm nặng nợ,” nên mới nhận là cùng một “nòi tình, thương người đồng điệu.” (“*Bài tựa Truyện Kiều*,” bản dịch của Đoàn Qui), khiến ta là người sau đọc văn thơ cũ của người xưa, không khỏi ngậm ngùi, “việc tuy khác nhau mà lòng thì là một; người đời sau thương người đời nay; người đời nay thương người đời xưa, hai chữ tài tình thật là một cái thông lụy của của bọn tài tử khắp trong gầm trời và suốt cả xưa và nay vậy.” (“*Bài tựa Truyện Kiều*” của Tiên Phong Mộng Liên Đường chủ nhân, làm tháng hai niên hiệu Minh Mệnh, in lại trong TRUYỆN THÚY KIỀU, do Trần Trọng Kim và Bùi Kỳ hiệu đính) (Saigon: Tân Việt, 1968, tr. XLVII).

Phong-tuyết chủ nhân Thập-thanh-thị viết năm mậu tí niên hiệu Minh Mệnh, rằng: “Ai đọc truyện Kiều mà hiểu được... thì cái người mà ta gọi là Thúy Kiều có thể sớm tối lúc nào cũng gặp được vậy.” (Sách vừa dẫn, tr. LII). Nếu hiểu và yêu những lời thơ trữ tình trong bài la ballade des dames du temps jadis với điệp khúc, “Mais où sont les neiges d’antan?” “But where are the snows of yesteryear?” “Tìm đâu những áng tuyết xưa?” của Villon thì những hình ảnh của các nàng kiều nữ như nàng Héloïse, bà hoàng khát tình Marguerite, tiên thần Echo (vì yêu mà thân xác tàn tạ), tiên nữ Flora của các loài thảo mộc, dù cách xa ta hàng trăm hàng ngàn năm, nhưng biết đâu có thể, như người xưa đã nói, “sớm tối lúc nào cũng gặp được vậy.”

Bản nhạc phổ từ bài thơ:

=> Nghe Georges Brassens phổ nhạc bài thơ của Villon và hát bằng cách vào Google đánh hàng chữ “La ballade des dames du temps jadis brassens” hay vào <http://www.youtube.com/watch?v=87g34eZoAuQ>

=>Xem thêm: David Lý Lăng Nhân dịch bài thơ này sang văn vần và Thomas D. Le dịch bài thơ này sang thơ Anh đăng trong: <http://thethehuuvandan.org/lit.html#villon>
Sách tham khảo:

Robert Anacker. FRANÇOIS VILLON. New York: Twayne Publications, 1968.

David A. Fein. FRANÇOIS VILLON AND HIS READER, Detroit: Wayne University Press, 1989.

John Payne, trans. POEMS BY FRANÇOIS VILLON. New York: The Modern Library, 1918.

Pierre le Gentil. VILLON (Connaissance des Lettres). Paris: Hatier, 1967.

Phạm Trọng Lê,
Virginia 10/1/93; sửa lại 5/8/11

MON SLOW

Mon slow

Une mélodie qu'on oublie depuis qu'on est là

Mon slow

Un bonheur qu'on attend depuis qu'on se quitte

Mon slow

Un amour bohème qu'on ignore

Mon slow

Un départ paumé qu'on recueille.

Mon slow

C'est un bonheur qui meurt à la fin d'un soir

Mon slow

C'est un amour qui vit jusqu'à la mort

d'une voix

Mon slow

C'est comme nos corps qui se balancent au fil

d'une nuit

Mon slow

C'est comme si on se retrouve au lit

chaque nuit.

Viens danser sur mon slow

Oublie que je suis là

Et que je chante pour toi

Accroche-toi à mon amour

Et danse jusqu'à la fin

De mon slow.

Mon slow

Un amour de bohème qu'on ignore

Mon slow

Un départ paumé qu'on recueille.

Diễm Hoa

(Virginia)

HOA TIM

TIỂU THU

Tôi nay, trong số e-mail vừa gửi tới cho Trang nhà đồng hương, Sinh nhận được một bài thơ khiến chàng ngạc nhiên không ít. Tựa đề chỉ một chữ "Anh..." đơn giản.

.....
*Đọc anh, tôi có lại giấc mơ hồng
Tuổi khờ dại của thời còn con gái*

.....
*Bụi thời gian phủ kín nét thơ ngây
Sỏi đá mới lấp đầy gương mặt cũ
Trang lòng anh nếu còn khe "học tử"
Cho hôn tôi khếp nép đứng cuối hàng...*
Hoa Tim

Thì ra nàng vẫn còn nhớ đến ta. Bỗng dung Sinh cảm thấy bồi ngùi, xót xa lẫn mặc cảm đã từng có lỗi với nàng. Người con gái dịu hiền, xinh đẹp một thời đã yêu chàng say đắm. Sinh làm sao quên được những bức thư nồng nàn, thiết tha từng lời, từng câu với chữ ký mềm mại và mang đầy ý nghĩa "Hoa Tim" nàng đã gửi cho Sinh.

Là một người lính phong sương, sau những ngày dài hành quân gian khổ, nay Dakto, mai BenHet, DakBek... giữa súng đạn mịt mù và tử thần luôn rình rập, những ngày về thành phố, sự có mặt của Hoa Tim khiến Sinh cảm thấy cuộc đời vẫn còn rất đáng yêu.

Đĩ vãng hiện về khiến Sinh thấy bức rức. Chàng đứng lên đi pha cho mình tách cà phê. Đàng nào thì cũng mất ngủ. Tôi nay những bóng hình của ngày xưa thân ái sẽ lần lượt hiện về trong tâm trí. Sinh thừa biết, nhớ đến Hoa Tim, chàng không thể quên được những hình bóng khác. Những "cố nhân" từng mang

đến cho chàng nhiều hạnh phúc cũng như khổ lụy. Dù trải qua những ly tan, mất mát... hình bóng họ vẫn còn đó, y nguyên trong tim chàng. Như thuở ban đầu.

Trái tim mười tám còn xanh tươi của chàng lần đầu tiên đập lỗ nhịp vì một người con gái tên Hồng. Con gái cao nguyên cô nào cũng đẹp, cũng môi thắm má đào. Tóc thè xõa ngang vai óng ả. Phải nói là Hồng có một nét đẹp đài các, cao sang. Thân hình dong dong, mảnh mai, mềm như một cành liễu rủ. Khuôn mặt trái soan trắng ngần với núm đồng tiền lúm sâu trên má đầy duyên dáng. Biết bao lần Sinh đã ước ao được đặt nụ hôn lên đó, nhưng những lời thì thầm của chàng chỉ nhận được cái véo, cái nhìn đầy trách móc của Hồng. Nụ cười, ánh mắt của nàng đã khiến bao chàng trai trẻ ngất ngây, nhưng nàng chỉ dành riêng cho Sinh. Với một người yêu như thế, chàng còn ước mơ gì nữa? Sinh nghĩ chàng là người hạnh phúc nhất trên đời.

Con đường nhà nàng rợp bóng mát giữa hai hàng cau. Sinh yêu quá những thân cau thanh mảnh, thẳng đuột với tàu lá mong manh, đẹp như những bàn tay thiếu nữ nuột nà. Họ đã từng sóng vai đi trên con đường tình từ nhà thờ gỗ Phương Nghĩa, thẳng đến hang đá Đức Mẹ và những lời thề non hẹn biển đầy chân tình đã được trao nhau tại nơi này. Họ cũng từng tay trong tay ngắm hoàng hôn phố núi. Những buổi hoàng hôn kỳ diệu đẹp như mơ.

Rồi một ngày, Sinh quyết định xếp bút nghiên để vào trường Bộ Binh Thủ Đức và sau đó được qua Mỹ học OCS. Chàng yên tâm ra đi vì tin tưởng tuyệt đối vào tình yêu của hai người. Mỗi tuần một lá thư. Những lá thư chuyên chờ bao lời nhớ thương nồng cháy. Sinh đọc đi đọc lại hàng chục lần không biết chán. Những bức thư như liều thần dược giúp chàng chịu đựng tất cả những gian khổ trong thời gian thụ huấn ở quân trường...

Nhưng rồi, những cánh thư xanh thưa dần và đứt hẳn. Sinh hoang mang, khổ sở. Nhưng cuối cùng câu trả lời từ quê nhà, qua một người bạn cũng đến: Hồng đã lên xe hoa! Chàng bàng hoàng, đau đớn trước tin vui của người yêu... cũ. Bao nhiêu ước mơ đã tan thành mây khói. Tê điếng trong nỗi đau mất người yêu, Sinh đứng đung với tất cả. Mọi thứ đều không còn quan trọng trong mắt chàng. Tình yêu đầu đời đã khép lại ở tuổi hai mươi. Trở về chốn cũ, Sinh âm thầm đếm bước dưới hàng cau, những chứng nhân thầm lặng của mỗi tình đã mất:

*Thơ thần một mình dưới hàng cau
Cau xưa vẫn khấn khít cùng trầu
Nhớ em, anh nhắn thầm trong gió
Tim không ai cứu sao nhói đau**

Bây giờ chúng giống như hai hàng nến thấp, tiễn đưa mỗi tình đầu của chàng vào quên lãng. Nhưng giờ phút này, dù đã quá nửa cuộc đời, vẫn lại tận cùng trong sâu thẳm, chàng thấy bóng hình Hồng vẫn còn đó, ngạo nghễ với thời gian. Hồng ơi!

*Phải đâu anh chẳng khát thèm
Để dành trái cảm cho đêm đổi đời
Mộng lòng thác lũ cuốn trôi
Hoa đưa ong bướm vào đời trước anh!**

Sinh tự hỏi làm thế nào Nàng có thể đang tâm gạt bỏ hết những kỷ niệm của một thời thanh mai trúc mã? Làm thế nào Nàng có thể quên được cái thưở bị cơn bệnh dập vùi, Sinh đã bón cho Nàng từng muỗng cháo trắng, cho đến khi lành bệnh? Rồi còn chiếc áo. Chiếc áo lót thắm đậm hương tình nàng đã gởi trao và chàng đã giữ gìn như một bảo vật? Nhưng mọi sự đã qua, có níu kéo cũng bằng thừa. Chỉ trách nàng đã không hiểu lòng ta. Đã đánh giá sai tình yêu của ta dành cho nàng.

*Cuối cùng anh đã hiểu
Vì sao em bỏ anh
Em không muốn anh chịu*

*Thiệt thời chữ trung trinh
Em ngại ngừng như thế
Vì chưa hiểu tình anh
Vạn vật vô nguyên thế
Làm sao có nguyên trinh?**

Hồi hương, Sinh được đổi về làm việc tại quê nhà. Là con chiên ngoan đạo, chàng không bao giờ bỏ lễ ngày Chúa Nhật. Hoa Tim cũng thế. Hai người thường gặp mặt ở nhà thờ Tân Hương. Thỉnh thoảng trao đổi những câu chào hỏi lịch sự. Thế thôi. Người con gái đẹp nhất ở tuổi đôi tám. Với mái tóc dài mượt như nhung và thân hình cân đối tuyệt vời, làn da nâu hồng ấm áp, Hoa Tim là đối tượng cho nhiều chàng theo đuổi. Nhưng trái tim nàng chỉ rung động trước chàng lính trận đẹp trai, hào hoa, nhuốm một chút phong sương tên Sinh. Phần chàng, vết thương lòng còn quá sâu đậm nên không hề để ý. Cho đến một hôm, cơn mưa tháng sáu đã là nhíp câu nối hai người lại với nhau. Đúng là:

*Tháng sáu trời mưa, trời mưa không dứt
Trời không mưa anh cũng lạy trời mưa
Anh lạy trời mưa phong kín đường về...*

Nhờ cơn mưa hạ giữ chân mà họ có thì giờ trao đổi với nhau dăm ba câu chuyện. Chàng chợt khám phá ra Hoa Tim rất xinh đẹp và dễ thương. Sinh quyết định lật trang sử buồn tên Hồng sang một bên. Nàng đã là dĩ vãng. Cuộc đời vốn ngắn ngủi. Hơn nữa, đời lính chiến biết đâu là tương lai. Chỉ cần một viên đạn vô tình là người lính trận gục ngã dễ như chơi. Chết mà còn chưa hay mình đã chết! Sao có thể phí phạm thời gian cho một cuộc tình không trọn vẹn? Hơn nữa, đâu phải ta là người tình phụ?

Cơn mưa vừa dứt hạt, Sinh nghĩ ý muốn đưa Hoa Tim về nhà. Nàng e lệ nhận lời. Tuy ba mẹ rất khó tính, nhưng nàng bất chấp. Cơ hội khó có thể đến lần thứ hai. Con đường từ

nhà thờ Tân Hương về nhà nàng ngoài phố khá xa. Cả hai sóng bước dưới hàng phượng vĩ trên con đường Phan Thanh Giản. Con đường đẹp và thơ mộng nhất tỉnh ly Kontum. Con đường có trường Nữ Trung học Têrêsa quy tụ những nàng con gái đẹp nhất tỉnh. Mỗi lần tan trường, bao nhiêu cây si chực chờ trước cổng, để đôi mắt đắm đuối nhìn theo những tà áo dài trắng thướt tha, chiếc nón lá che không kín những khuôn mặt xinh đẹp, những ánh mắt long lanh giấu sau vành nón. Biết bao là tình!

Vài năm trước đây, Hoa Tim cũng là học trò trường này. Đường dài bao nhiêu rồi cũng phải tới. Huống hồ từ đường Phan Thanh Giản quẹo qua Lê Thánh Tôn, đi độ mười phút là đến nhà nàng. Đưa người đẹp đến trước cửa, Sinh chào từ giã. Nàng nhìn theo với ánh mắt đong đầy lưu luyến. Chàng bước đi những bước nhẹ như thơ. Chàng vốn là người thơ.

Rồi những lần đón đưa tiếp diễn. Những hò hẹn khi Sinh từ chiến trường về. Cầu Dakbla, Phương Hòa, Paradise, làng Kon Hra, thác Yaly ... đều có in dấu chân của hai người tuổi trẻ. Có lần Hoa Tim đã nói với Sinh rằng trong các môn học, nàng kém nhất Anh văn và nhờ Sinh đến nhà kèm. Nàng biết Sinh giỏi tiếng Anh, vì đã từng đi du học Mỹ. Khó chối từ, Sinh đã đến nhà mỗi tuần một lần để kèm môn Anh văn cho Hoa Tim. Nhưng chàng khám phá ra cô nàng rất khá môn này, nếu không muốn nói là giỏi! Thì ra, khi yêu, các cô cũng biết dùng thủ đoạn để có thể gần gũi người yêu một cách danh chính ngôn thuận tại nhà. Khởi phải hỏi hớp, mắt la mảy lét sợ ông bà bỏ bắt gắp trong những lần hẹn hò lén lút.

Sinh không khỏi mỉm cười khi nhớ lại cuộc hẹn lần đó. Bất chấp trời tối mịt mờ và cơn mưa lất phất, Sinh đến điểm hẹn tại gốc cây đa cổ thụ, không xa nhà Hoa Tim là mấy. Nơi đây có cái miếu thờ nên trông càng âm u,

khiến ai cũng phải rùng mình, không dám bén mảng lại gần khi màn đêm buông xuống. Sinh đợi một hồi lâu thì thấy Mai, cô em gái của Hoa Tim lò dò đi tới. Cô nhỏ bảo chàng đi về, Hoa Tim không đến được vì Mai láu táu làm bật mí chuyện hẹn hò của cô chị, nên ông bà đã hạ lệnh "thiết quân luật" không cho ra khỏi nhà! Ông bà phải bảo vệ cô con gái rượt thật gắt gao. Vì có một sĩ quan cấp tá đang ngắm ghé Hoa Tim. Với tuổi đời chưa quá hai mươi, một bước lên chức bà Thiếu tá thật oai phong. Nhưng ông bà bỏ không biết trái tim của con gái đã có người ngự trị. Chàng thua ông Thiếu tá về cấp bậc, nhưng chàng có tuổi trẻ và dáng dấp hào hoa.

Và quan trọng hơn hết chàng có một đồng minh lý tưởng: Mai, em gái của Hoa Tim. Mai còn nhỏ nhưng nhanh nhẹn và thông minh. Cô bé thương mến Sinh còn hơn cô chị, nên đã tình nguyện làm chim xanh liên lạc cho hai người. Dĩ nhiên Mai ước ao Sinh sẽ là anh rể của cô trong tương lai. Những buổi hẹn hò của hai người đều có bàn tay cô bé nhúng vào. Cô bé chăm chăm lo bảo vệ tình yêu của cô chị. Gặp Sinh nói chuyện với người con gái lạ nào là cô ta phải tìm cách xen vào và đặt những câu hỏi đầy vẻ ngây thơ... vô số tội: "Chị là em họ của anh Sinh hả? Anh ấy là anh rể tương lai của em đó". Có nghĩa là: Chị đừng hồng... léng phéng với anh Sinh! Đúng là bé hạt tiêu!

Sinh thường chở Hoa Tim bằng Honda qua làng Phương Hòa mua nhãn, mít. Đi Paradise ngắm trời mây, sông nước hữu tình. Phong cảnh nơi này thật hợp cho những kẻ yêu nhau. Giòng sông Dakbla chảy đến đây bỗng hiền hòa hẳn. Trời lững lờ giữa những lũy tre xanh lá ngọn, đong đưa trong gió, xa xa là rặng núi xanh lam một màu. Toàn thể đẹp như tranh. Liều nhất là lần Sinh chở Hoa Tim đi chơi thác Yaly. Cả hai cũng đi bằng Honda. Trên con đường dài mấy chục cây số,

Hoa Tim đã ôm chặt vòng eo và âu yếm ngả đầu vào vai người yêu, lòng lâng lâng một nỗi hạnh phúc khó tả.

Sinh biết Hoa Tim yêu chàng say đắm. Tuy rất muốn xóa bỏ hình bóng Hồng trong tâm khảm, nhưng "dầu lia ngó ý còn vương tơ lòng". Trong giấc mơ, thỉnh thoảng Sinh vẫn thấy mình sống bước cùng người cũ đi trên con đường tình của những ngày xưa thân ái. Giật mình tỉnh dậy, tim chàng vẫn còn đập những nhịp bồi hồi. Người ta bảo mỗi tình đầu bất diệt, quả không sai. Vì thế đối với Hoa Tim, tình cảm chàng chưa có gì rõ rệt.

Chàng chỉ thấy mình rất thích Hoa Tim. Thích nghe những lời nói dịu dàng, ngọt ngào dễ thương của nàng. Nhưng hoàn toàn không có những rung động, những hồi hộp, những nhớ nhung... như ngày xưa với Hồng. Trái lại, Hoa Tim yêu là yêu, không hề tính toán. Đã có lần nàng trả lời thẳng câu hỏi của Sinh "Em biết yêu anh là khổ. Nhưng em khổ nhiều rồi, có khổ thêm cũng chẳng sao"! Miễn Hoa Tim được yêu chàng là cảm thấy hạnh phúc. Nàng không hề đòi hỏi được trả lại. Hoa Tim còn hồn nhiên bộc lộ tình yêu của mình không hề e ngại. Thỉnh thoảng một người bạn gặp Sinh, cười cười bảo chàng:

-Có em mày đi kiếm đó. Mới hỏi tao.

Và Sinh ngạc nhiên hỏi lại:

- Em tao? Em nào?

Người bạn ranh mãnh:

- Hoa Tim. Thì cô ấy hỏi "Anh có thấy anh Sinh của em ở đâu không?" hìhì.

Nàng đã cặm cụi thêu chiếc áo gối tặng chàng. Học trò trường bà Sơ có khác. Đường

kim mũi chỉ thật sắc sảo, màu sắc hài hòa. Đôi chim Loan Phượng đẹp lộng lẫy uốn mình vờn nhau với hai câu thơ:

*Có em trong giấc mộng lành
Ru anh tiếng hát xuân xanh một đời.*

Chắc hẳn nàng thầm ao ước sẽ cùng Sinh sống trọn một đời. Khi yêu ai mà chẳng mong cầu như thế nhỉ? Còn gì buồn hơn, khi lên xe hoa về nhà chồng với một tâm tư khác ngoài "... Đòi một người con gái ước mơ đã nhiều, Trời cho không được mây. Đến khi lấy chồng, chỉ còn mỗi tình... mang theo!"... Tất cả tình

yêu đầu đời nàng đã dành trọn cho Sinh, vì chàng mà nàng đã từ chối lời cầu hôn của viên Thiếu tá trước sự thất vọng của gia đình.

Khi định cư ở Florida, một buổi chiều ngồi ngắm hoàng hôn bàng lãng, mặt trời đã chìm xuống mặt biển, chỉ còn những tia nắng cuối lóe lên rực rỡ từ phía chân trời. Nhớ đến Hoa Tim, tức cảnh sinh tình,

Sinh đã làm một bài thơ. Bài thơ về chiếc gối để tạ tấm chân tình sâu nặng của nàng đã dành cho mình:

*Không biết em yêu từ bao giờ
Thêu trên mặt gối mấy vần thơ
Gối ghém tình em trong gối mộng
Triu mến trao anh lúc đợi chờ*

*

*Thơ thêu trên gối là thơ mộng
Mộng tình trong gối là mộng mơ
Gối mộng giờ đã chìm theo mộng
Tình em chỉ còn lại trong mơ!**



Có thể với thời gian, tình yêu của Sinh đối với Hoa Tim sẽ nảy nở. Một ngày nào đó chàng sẽ thật lòng yêu người con gái dịu hiền này. Nếu, phải, nếu không có buổi chiều định mệnh đó. Sinh từ chiến trường Dak Seang về. Đầu óc còn đầy hình ảnh chết chóc, khói lửa ngút trời. Cái chết thảm thương của cô nữ phóng viên người Á Rập xinh đẹp khiến Sinh bị sốc nặng. Chàng vừa tắm rửa thay quần áo thì có Quân đến rủ đi uống nước. Quân là bạn thân của Sinh. Anh chàng cũng trong tình trạng độc thân vui tính nên rất hợp nhau. Cả hai chờ nhau đến dãy quán ở Hàng Keo. Những chiếc kiosk này chạy dài từ góc đường Trình Minh Thế tới công sân vận động, đầu đường Cường Để. Chúng quay mặt ra đường Lê Thánh Tôn và quay lưng vào sân vận động.

Ngồi trước ly đá chanh pha rum (mà cô chủ quán tên Hương đã ưu ái thêm vào đặc biệt cho Sinh), với giọng buồn buồn chàng kể cho Quân nghe trận đánh ác liệt vừa qua:

..."Chiếc trực thăng thả toán Special Forces Mỹ, một cô phóng viên chiến trường người Á Rập và tao xuống tiền đồn Dak Seang vào buổi trưa. Mục đích là từ đây họ sẽ theo toán lính "Green Beret" Mỹ tìm xác Đại Úy X..., con trai của vị Tướng Tư lệnh Sư Đoàn 4 Không Kỵ Hoa Kỳ. Khi trực thăng vừa "take off" thì trại bị pháo kích. Tao ra dấu cho cô nhà báo Á Rập lom khom chạy theo xuống hầm chỉ huy. Đại Úy Sánh bảo tao: "Mày còn chờ gì nữa mà hỏng dẫn con ghê này ra ngoài làm ăn. Tụi nó tràn dzô bây giờ đó". Tao vội vàng khều cô bé cùng chui vào một "hang chuột". Từ hầm chỉ huy này có giao thông hào thông ra các tuyến. Trên các giao thông hào được che bằng vỉ sắt lỗ "psp", bên trên vỉ sắt là bao cát. Ra đến tuyến phòng thủ cả hai gặp mấy chàng Mũ Xanh Mỹ đang sẵn sàng tác chiến. Khi nghe họ nói "Don't worry. Everything's under control" mặt cô bé phóng viên Á Rập tươi lên. Đôi mắt cô trong xanh và

sâu thăm thẳm. Hai hàng mi dài cong vút. Môi đỏ thắm tự nhiên, bờ môi trẻ xuống như mời gọi. Phải công nhận cô bé đẹp thật!"

Quân ngắt lời, cười:

- Đúng là... mà! Trong lúc đầu sôi lửa bỏng mà còn có thì giờ thấy con người ta... đẹp hấp dẫn!

- Bẩm tính trời sanh mà mà! Thấy thứ gì... đẹp là bộ óc nhạy cảm của tao "nhá đèn" báo hiệu liền tù tì! Thôi để tao kể tiếp:

..." Đúng như Đại úy Sánh tiên đoán, pháo vừa dứt thì người ở đầu trào ra như kiến. Tiếng hô xung phong, tiếng kèn thúc quân, tiếng súng đủ loại từ ngoài bắn vào trại nổ liên hồi. Trong khi đó, quân trú phòng vẫn im lặng chờ. Rồi lệnh khai hỏa ban ra. Phía trong bắn trả dữ dội. Khẩu đại liên 30 trước mặt tao nhả đạn từng tràng, gầm lên như sư tử rống. Vô đạn vắng tung tóe. Cô phóng viên Á Rập say sưa thu hình. Tao biết cô ta ghi được những hình ảnh đẹp từ khẩu đại liên đang nhả đạn xuyên qua rào kẽm gai ra tới ngoài. Nhưng tao lại có những hình ảnh đẹp hơn. Tao quay từ sau lưng một nữ phóng viên, qua khẩu đại liên đang gầm thét, xuyên nhiều lớp hàng rào kẽm gai ra xa... Khói lửa mịt mù, đạn pháo cày tung đất đá. Tao lia máy quay phim từ trái sang phải, "zoom" máy từ xa đến gần để sẵn môi. Bỗng nhiên tao thấy mặt nàng chần vẩn trong ống kính. Nàng cười thỏa mãn vì đã "hù" được tao. Nàng ra dấu đổi chỗ. Tao tiến tới trước để nàng ra sau quay. Tao tựa máy lên bao cát, khom người xuống và tiếp tục quay. Một lúc sau, thời gian đã đủ cho nàng, tao quay lại định hỏi nàng OK chưa, thì hơi ôi! Nàng đã buông máy, người bật ngựa về phía sau, mắt tròn trũng. Một viên đạn xuyên qua field jacket ngay giữa ngực, máu tuôn xối xả. Tao chạy lại bên anh lính Mỹ hét lớn: "Medic! Medic!" và chỉ tay về phía cô phóng viên. Một người xách thùng cấp cứu phóng lại đưa ngón tay sờ

vào cổ, rồi đưa lên mũi nàng, đoạn quay lại nói với tao: "Sorry!". Sorry? Chỉ vậy thôi sao? Không còn gì để nói thêm sao? Tao vuốt mắt và nói thắm vào tai nàng: "I didn't ask your name. Sorry!"

Hai người lính y tá Việt Nam đem băng ca và thuốc men đến nhưng đã trễ! Tao giúp họ đặt nàng nằm trên băng ca và xếp hai bàn tay nàng lên bụng. Tao để máy ảnh và dụng cụ hành nghề của nàng lên băng ca với nàng. Tao nhìn mặt nàng lần cuối, trước khi tấm poncho phủ kín cuộc đời son trẻ quá ngắn ngủi của nàng. Họ khiêng thân xác và sự nghiệp của nàng vào hầm chỉ huy. Tao nói lời cuối "Rest in peace!"

Trận chiến vẫn tiếp diễn thật ác liệt. Phi pháo yểm trợ và quân trú phòng bắn không tiếc đạn. Hòa châu soi sáng suốt đêm. Nhìn những chiếc dù trái sáng, Tao nhớ đến bản nhạc "Những Đóm Mắt Hòa Châu" và nhớ đến cặp mắt to trong xanh sâu thẳm tinh tú của nữ phóng viên A Rập đã khép lại chiều nay!*

Kể xong, Sinh bung ly nước uống một hơi, như muốn dẫn cơn giận đang nổi dậy:

- Mà có thấy cuộc đời thật vô lý không Quân? Một người con gái trẻ đẹp, tràn đầy nhựa sống như thế. Vài giờ trước còn hân hoan leo lên chiếc trục thăng cùng với tao ra chiến trường, không may mà ngờ rằng đó là chuyến đi cuối cùng của đời nàng. Chỉ một viên đạn nhỏ bé mà có uy lực cướp đi một cuộc sống. Nàng như một đóa hoa vừa hé nở đã tan tác trong cơn bão tố. Chỉ nghĩ đến sự đau đớn của ba mẹ nàng khi hay tin là tao cảm thấy nhói trong tim!

- Sao hôm nay mà lạ vậy? Từ bi bắt ngờ? Quân không giấu được sự ngạc nhiên.

Sinh lắc đầu, mắt nhìn xa vắng:

- Tại mà không chúng kiến tận mắt nên không thể hiểu được tâm trạng của tao! Hai bên bắn giết nhau toi bời hoa lá. Càng giết địch quân càng nhiều càng tốt. Hai bên đều

chết như rạ. Phía Bắc quân có những đứa trẻ thật trẻ. Mặt búng ra sữa. Mà không thấy là tàn nhẫn lắm sao? Tụi chóp bu ngoài đó ăn gì mà ác thế hở mày?

Quân chép miệng:

- Ừ, thì chiến tranh nào mà không có chết chóc? Biết là phi lý nhưng con người muôn đời vẫn tìm tất cả lý do để tạo ra chiến tranh...

Quân đang nói bỗng thấy Sinh nhìn đăm đăm sang bên kia đường, mặt đầy vẻ ngạc nhiên. Quân đưa mắt nhìn theo. Từ trong tiệm tạp hóa, một thiếu nữ mặc quần tây màu xanh đậm, áo trắng, tóc ngắn ngang vai đang đi ra. Cô bé gầy, cao vừa phải, khuôn mặt không có gì đặc biệt, nhưng tỏa ra một sức thu hút khiến Sinh không thể rời mắt. Nàng đang cười với ai đó trong tiệm và mang luôn nụ cười ra ngoài. Nụ cười khiến khuôn mặt nàng rạng rỡ. Cô bé không đẹp nhưng xinh xắn và có nét thơ ngây như một thiên thần. Bỗng dung Sinh tự nhủ "thiên thần của ta đây", dù chưa biết tên tuổi của cô bé. Nàng lên chiếc xe đạp dựng trước tiệm đạp đi mất hút mà Sinh còn ngẩn ngơ. Quân nhìn bạn lắc đầu, linh cảm có một sự thay đổi nào đó trong tâm trí thẳng bạn thân.

Thế rồi, những lúc không đi làm phóng sự chiến trường, nơi xảy ra những trận đánh khốc liệt, Sinh lại ra quán cô Hương ngồi đồng, chờ bóng dáng thiên thần xuất hiện. Tuy hết sức kín đáo, nhưng cô chủ quán tinh ý cũng khám phá ra bí mật này. Một hôm cô ỡm ờ hỏi:

- Sao ông quan, rượu trong ly đá chanh ngon không?

Sinh thật thà gật đầu và cô chủ tên Hương cười lém lỉnh:

- Tại rượu được nấu bằng gạo ngon mà ily. Có muốn Hương giúp không?

Sinh lắc đầu. Không hiểu sao Sinh có linh cảm người con gái đó không bao giờ thuộc về chàng. Có lần ngồi cạnh cô bé đi học

về. Nàng vẫn đi ngang quán cô Hương. Sinh làm như vô tình từ trong quán đi ra, giả vờ rót xâu chia khóa trước mặt nàng. Chàng cúi xuống lượm, ngẩng lên nhìn cô bé. Bốn mắt nhìn nhau, nhưng Sinh chỉ đọc được sự ngạc nhiên, e ngại và thoáng chút thẹn thùng trong đôi mắt nâu. Thế thôi. Nhưng không hiểu có một động lực gì khiến đôi chân chàng vẫn đưa đến quán cô Hương những khi rảnh rỗi, ngồi đó và chờ cô bé đi học về. Chỉ để nhìn nàng. Sinh cũng không thể hiểu nổi mình. Cô bé không đẹp lộng lẫy như Hồng, không hấp dẫn như Hoa Tim. Vậy sao chàng từ chối tình yêu say đắm của Hoa Tim để ra ngồi đây, uống bia và chờ nhìn thấy cô bé, dù chỉ trong chốc lát?

Sinh không còn hò hẹn với Hoa Tim nữa khiến nàng rất đau khổ. Sau cùng Hoa Tim cũng biết lý do và đã đổ rất nhiều nước mắt. Dù rất trân quý mỗi tình của nàng dành cho Sinh, biết làm sao hơn? Chàng không thể tiếp tục dối lòng, cũng như dối Hoa Tim. Nàng là một người con gái thuần khiết. Đã an ủi chàng trong những ngày đen tối nhất để chàng có thể quên dần hình bóng của người xưa. Có lần Sinh đang ngồi trong quán, Hoa Tim đi vào. Nàng bình thân kéo ghế ngồi cạnh Sinh, vẫn tươi cười như không hề biết chàng ngồi đây để làm gì? Riêng Sinh thì cảm thấy rất áy ngại và mặc cảm có lỗi với Hoa Tim. Dù chưa bao giờ nàng lên tiếng đòi hỏi bất cứ điều gì nơi chàng. Chính điểm này càng làm cho Sinh không thoải mái! Chàng nợ nàng nhiều quá. Nhưng yêu hoặc không yêu. Chàng thừa biết không đời nào Hoa Tim chấp nhận lòng thương hại của chàng. Thôi thì đành làm kẻ vô tình. Nỗi đau nào rồi cũng sẽ qua. Như chàng. Mỗi tình đầu mãnh liệt, ngất ngây...những khổ đau trùng trùng rồi cũng lắng dịu, tuy không bao giờ phai mờ trong tâm khảm. Chàng cũng mong Hoa Tim hiểu và tha lỗi cho chàng.

Rồi một ngày từ chiến trường về, Sinh ra ngồi quán cô Hương như thường lệ. Sau khi mang cho chàng chai bia, Hương ngập ngừng:

- "Người ta" đi rồi...

- Hà? Ai? Sinh thảng thốt hỏi.

- Thì người mà ông quan chờ đợi đó...

- Sao Hương biết? Sinh còn nghi ngờ.

- Hôm kia Hương thấy cô ấy trên xe với chiếc va ly to tướng. Nghe đâu về Sài Gòn.

- Ô! Chàng chỉ nói được có thế, rồi im lặng uống bia. Buổi tối hôm đó, Sinh trở về trên đôi chân không còn vững vàng:

Dãy phố "Hàng Keo" đèn thiếu sáng

Sao trời buồn rơi rụng lang thang

Một gã si tình say túy lúy

Khua gót giày xiêu vẹo đường hoang

Hè phố về khuya thưa vắng quá

Người rời xa thành phố hỏi nào

Gã tương tư bị người đốn ngã

*Say men tình rồi thân lao đao!**

Từ đó Sinh từ giờ luôn dãy phố Hàng Keo. Thiên thần đã chấp cánh bay xa... thật xa... Chàng biết con người không thể nói lý lẽ với cuộc đời. Những nhát đòn do cuộc đời giáng xuống, chỉ đành cắn răng hứng chịu mà thôi. Đừng hỏi tại sao, vì không bao giờ có câu trả lời. Chỉ có điều, tự trong thâm tâm, Sinh cảm thấy còn nợ Hoa Tim, người con gái một thời đã yêu chàng tha thiết, hôm nay vừa gửi đến chàng những giòng thơ đượm nét u hoài của một tình yêu không trọn vẹn. Sinh nợ Hoa Tim một lời xin lỗi chân thành.

Ngàn lời xin lỗi "Hoa Tim"

Vạn lần tạ tội tình em lỡ làng

Làm sao trở lại địa đàng

*Khi anh là gã lang thang giữa đời!**

Xin lỗi em, Hoa Tim!

(Viết thay cho một người)

* Thơ Vũ Thụy



Từ trái - Hàng đầu: Hoài Thanh, Thái Ninh, Tâm Hảo, Bạch Mai, Ngọc Dung, Kiều Nga, Uyên Phương Minh Nguyệt, Thái Phượng, Minh Trân, Hoàng Dung. Hàng hai: Cung Fa, Đèo Văn sách, Sỹ Thành, Paul Van, Khoa Lân, Xuân Thượng, Phạm Dương Hiển. Hàng ba: Sỹ Tường, Sỹ Tuấn, Tiến Đình, Phan Anh Dũng.





**Sĩ Tuấn, Sĩ Tường, Đèo Văn Sách, Cung Fa, Thái Ninh, Thái Phụng, Tâm Hảo, Hoàng Dung
hợp ca: "TA VUI CA VÀNG"**



MC Thái Phượng.



Diễn giả Trần Bích San.



Nhạc sĩ Hoàng Cung Fa,
Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nhạc sĩ Tạ Bình.



Tâm Hảo



Thái Ninh và Sỹ Tuấn



Nguyễn Xuân Thường



Tứ ca Đèo Văn, Sỹ Tường, Sỹ Tuấn & Hoàng Cung Fa.



Kiều Nga & Đèo Văn Sách



Nghệ sĩ Khoa Lân và Uyên Phương Minh Nguyệt trong nhạc cảnh Minh Oai.



Hoà Tấu: Tiến Kèn, Sỹ Thành & Phạm Dương Hiến.



Kiều Nga & Bạch Mai



Ngọc Dung & Minh Trân



Bùi Thanh Tiên & Hoài Thanh



Thái Hiền, Thanh Minh, Ngọc Dung,
Ỗ Nguyên, Minh Trần



Trương Anh Thủy, Minh Trần, Ngọc Thanh, Ngọc Dung,
Thu Thủy, Nguyễn Thêm



Khoa Lân, Phan Khâm, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Uyên Phương Minh Nguyệt,
Phi Hồng đứng tiễn quan khách ra về.

HÌNH ẢNH KỶ NIỆM SINH NHẬT 16 CỦA CỎ THƠM

Chiều 3/27/2011 tại Nhà hàng Harvest Moon, Falls Church, Virginia.

Hình ảnh của Phạm Văn Tuấn, Khoa Luân, Phạm Bá.



Đón tiếp tác giả phương xa – Từ trái, hàng ngồi: Ngọc Dung, Hoàng Dung, Tâm Hảo, Khoa Luân, Uyên Phương Minh Nguyệt, Lam Điền Nguyễn Thử phu nhân. Hàng đứng: Phạm Văn Tuấn, Trần Bích San, Phan Anh Dũng, Nguyễn Lâm, Phan Khâm, Nguyễn Thử.



Từ trái: Thái Ninh, Thái Phương, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Đỗ Trùng Mỹ Hạnh, Tâm Hảo, Phan Trinh, Phan Anh Dũng.



Ban tiếp tân: Minh Châu, Thái Phượng, Minh Châu, Ý Anh, Hồng Thuỷ, Ngọc Dung, Ngọc Trinh. 3/27/11



Uyên Phương Minh Nguyệt ngồi trước bàn thi phẩm ra mắt *Giữ Mãi Giữ Anh*.



Phó Chủ Nhiệm Ngoại Vụ khai mạc chương trình, Phó Chủ Nhiệm Nội Vụ Phan Khâm trong nghi lễ chào cờ, Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung chào mừng quan khách.







Các tác giả Cổ Thơm - Từ trái - Hàng trước: Bùi Thanh Tiên, Lê Thương, Phạm Trọng Lệ, Hà Bình Trung, Trương Anh Thủy, Vĩ Khuê, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Phong Thu, Uyên Phương Minh Nguyệt, Ý Nguyễn, Hồng Thủy. Hàng hai: Phạm Văn Tuấn, Hoàng Song Liêm, Hoàng Bạch Mai, Nguyễn Ngọc Bích, Lý Hiếu, Nguyễn Lân, Ý Anh, Hoàng Dung. Hàng ba: Minh Châu, Uyên Thao, Đăng Nguyễn, Huy Lâm, Nguyễn Văn Thành. Hàng bốn: Nguyễn Thử, Phan Anh Dũng, Vũ Hối, Trần Bích San, Sonny Senser, Phạm Luân.

PHÂN ƯU

Cụ quả Phụ **TRẦN GIA KIÊM**

Khuê danh Vương Thị Đào - Pháp danh: Nguyên Từ
từ trần ngày 17 tháng 3, 2011 tại Texas.

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng anh chị Phan Anh Dũng và Tâm Hảo.

Cầu chúc hương linh Cụ Vương Thị Đào phiêu diêu miền cực lạc.

Toàn ban trị sự và Biên Tập **TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM**

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC

Thi sĩ Thái Thuỷ

đã từ giã cõi trần ngày 13 tháng 4, năm 2011 tại California.

Hưởng thọ 75 tuổi.

Thi đàn Việt Nam và hải ngoại đã mất đi một nhà thơ tài danh, kỳ cựu.

Chúng tôi thành thật xin chia buồn cùng Chị Thái Thuỷ và các cháu.

Cầu nguyện hương linh Thi Sĩ Thái Thuỷ sớm về cõi miền viễn.

Ông Bà Hà Thượng Nhân, Văn Quang, Tạ Quang Khôi, Hoàng Song Liêm, Uyên Thao,
Nguyễn Thị Minh Tâm, Nguyễn Thị Ngọc Dung,

Toàn Ban Trị Sự cùng ban Biên Tập **TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM**.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Thi sĩ Thái Thủy đã mang thơ về với mẹ

Văn Quang viết từ Sài Gòn

Vào khoảng 7 giờ sáng ngày 12 tháng 4-2011, tôi được điện thoại của chú em ở

Santa Ana báo tin Thái Thủy đang hấp hối trong bệnh viện. Nhà Thái Thủy ở ngay bên nhà chú em tôi và thường xuyên qua lại nên người biết tin đầu tiên chắc là gia đình chú em tôi. Lập tức tôi gọi qua điện thoại di động của chú em đang đứng bên giường bệnh để chuyên lời thăm hỏi của tôi đến Thái

Thủy. Bên giường anh lúc đó đã có anh Vũ Quang Ninh (Tổng giám đốc hệ thống Little Saigon Radio), anh Phạm Bá Cát (nguyên giám đốc đài PT Sài Gòn). Lúc đó anh còn gật nhẹ ra vẻ hiểu những gì tôi nói. Sau đó tôi gọi ngay cho Nguyễn Đình Toàn cũng ở ngay Santa Ana. Chỉ nói hai câu, N.Đ.Toàn hấp tấp chạy ngay vào bệnh viện. Sau đó là báo tin cho anh Phan Lạc Phúc (tức ký giả Lô Răng) ở Úc. Không gặp được anh Phúc, tôi đành phải nhờ anh Vi Túy của tuần báo Văn Nghệ chuyển tin giùm. Cùng lúc tôi báo tin cho nhiều bạn bè ở

Virginia, Seattle. Té ra cái tin ở Mỹ mà người ở VN được hân hạnh báo tin cho người ở Mỹ sớm nhất để hy vọng bạn bè có thể nói với nhau vài lời cuối chãng. Nhưng một giờ sau, khi nữ ca sĩ Bạch Quyên gọi đến thì anh đã hôn mê.

Trước khi anh mất 3 hôm, từ Sài Gòn tôi



Từ trái: Nhà Văn Đỗ Tiến Đức (chủ nhiệm Báo Thời Luận), Họa sĩ Tạ Tỵ, Thi sĩ Thái Thủy và Nhà văn Đặng Trần Huân.

điện thoại sang thăm anh. Anh nói đang làm thuốc nên tôi ngưng. Vài tiếng sau, anh gọi lại, vẫn nói chuyện tinh táo qua hơi thở có phần mệt nhọc. Anh hỏi thăm tôi về tình hình kinh tế, có phải tiết kiệm không, cỗ hòng còn sung không,

mất thể nào. Nét đặc biệt nhất của Thái Thủy là tuy nằm một chỗ nhưng anh biết rất nhiều chuyện. Mới vài hôm trước, anh kể chuyện vanh vách, tinh tường và thẳng thắn. Nay thì anh đã về với mẹ như trong bài thơ anh hằng mơ ước nhưng chưa trọn vẹn.

Dòng chảy ngầm

Trong số những sáng tác về “Người Mẹ” ở VN trước 1975, có lẽ bài thơ “Lá thư gửi mẹ” của Thái Thủy do nhạc sĩ Nguyễn Hiền phổ nhạc (vào khoảng năm 1955 sau

khi đăng trên nhật báo Tự Do) được biết đến đầu tiên và nổi trội hơn cả. Các đài phát thanh (PT) các sân khấu ca nhạc thường có bài hát này. Sau đó là ca khúc “Lòng Mẹ” của Y Vân cũng được rất nhiều khán giả yêu thích. Do đó có nhiều người lẫn lộn giữa hai tác giả của hai bài ca này. Nhưng sau năm 1975, ở Việt Nam, bài của Y Vân họa hoàn được “nhắc đến” trên các đài PT và Truyền Hình, nhưng bài của Ng Hiền và Thái Thủy thì không. Lý do dễ hiểu là trong bài thơ của Thái Thủy có vài câu “phạm húy” như: “*Mẹ ơi! thôi đừng khóc nữa. Cho lòng già nặng sầu thương. Con đi say tình viễn xứ. Đâu có quên tình cố hương. Thương ngóng về quê cũ. Gót thù xéo thắm thê. Bầy trai thắm roi lệ. Súng gươm hẹn mai về...*”.

Tuy nhiên, ở nước ngoài, các chương trình nhạc, đâu đó vẫn vang lên bài “Lá Thư Gửi Mẹ”. Cụ thể như trong chương trình đặc biệt với chủ đề về Mẹ của Trung Tâm Thúy Nga cũng chọn bài này và không chỉ phổ biến ở Mỹ, mà ngay ở VN. Tất nhiên là ở VN thì hầu hết là loại băng đĩa “ngoài luồng” hay nói rõ hơn là băng đĩa sang lậu, bán rất rẻ, giá chừng 7 ngàn Đồng VN, chợ nào cũng có. Hiện tượng này, mấy chục năm qua vẫn tồn tại cho đến nay, gia đình VN hầu như rất nhiều nhà có, chẳng vài chục cuốn băng video cũng vài ba cuốn. Điều đó chứng tỏ rằng người VN vẫn thích nghe “nhạc vàng”. Vì thế nên những bài, những video ca nhạc, trong đó có những bài như “Lá Thư Gửi Mẹ” chỉ nằm trong “dòng chảy ngầm” của xã hội.

Dường như trên mặt sáng tác, độc giả chỉ chú ý nhiều đến bài thơ phổ nhạc nổi tiếng này. Trên “làn sóng điện” của Đài PT Sài Gòn, thỉnh giả lại biết đến Thái Thủy nhiều hơn qua chương trình thơ văn Tao Đàn do thi sĩ Đinh Hùng làm trưởng ban, cùng phụ trách có Thanh Nam, Tô Kiều Ngân, Huy Quang. Hầu như tất cả những gia đình trung lưu ở Miền Nam VN vào thời đó, mỗi buổi tối đều nghe chương

trình và những tên tuổi này. Đó là hai lãnh vực được nhiều người biết đến Thái Thủy.

Người đứng phía sau các hoạt động văn học nghệ thuật

Thật ra số phận đã đẩy đưa Thái Thủy bước vào “làng phát thanh” rất sớm. Từ năm 17 tuổi anh đã tham gia chương trình phát thanh của Thành Phố Hải Phòng. Sau đó vào nam năm 1954, Thái Thủy lại cộng tác với chương trình “Tiếng nói của Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng,” ủng hộ Thủ Tướng Ngô Đình Diệm lên làm Tổng Thống VNCH. Sau đó là những chương trình phát thanh khác của Đài Phát Thanh Quốc Gia. Thời nào anh cũng là một nhân viên then chốt của Phòng Văn Nghệ. Anh cũng là xương ngôn viên trực tiếp có giọng nói trầm ấm, khoan thai, rõ ràng, không bao giờ nhầm lẫn. Anh làm thơ từ rất sớm, thường thấy trên vài tạp chí, ít xuất hiện trên những tuần báo được gọi là “ăn khách”. Đã có thời gian anh làm Tổng Thư Ký cho tạp chí Hiện Đại do anh Nguyễn Sa làm chủ nhiệm. Chẳng bao lâu sau báo đóng cửa vì thời cuộc.

Thái Thủy không xuất bản thơ, không đứng ở phía trước những hoạt động Văn Học Nghệ Thuật sôi nổi của Miền Nam VN thời ấy. Anh đứng bên cạnh hay phía sau toàn bộ khung cảnh đó. Có lẽ vì thế nên thi sĩ Du Tử Lê nhận định Thái Thủy là nhân vật “behind the scene”. Theo tôi, đó là một nhận định chính xác.

Cuộc sống đầy gian truân

Tôi quen biết Thái Thủy ngay từ những năm 1957 khi anh thuê nhà ở chung với Thanh Nam và Hoàng Thư. Từ căn nhà ở đường Phan Văn Trị đến căn nhà sau rạp Quốc Thanh, cuối cùng thời gian lâu dài nhất là căn phòng trên lầu 3 building Cửu Long trên đường Hai Bà Trưng. Nói cho

đúng, hồi đầu Thái Thủy là bạn của chú em tôi từ thời còn là hai cậu học trò ở Hải Phòng vào năm 1953. Cả hai cùng lứa tuổi, anh sinh ngày 25-12 năm 1937 tại Hà Nam, tên thật là Phạm Thái Thủy. Chú em tôi sinh năm 1936.

Vào Nam rồi tôi mới là bạn Thái Thủy. Khi tôi làm ở Phòng Báo Chí Nha Chiến Tranh Tâm Lý thì Thái Thủy làm ở Đài Phát Thanh Sài Gòn. Anh “nhỏ thớ”, thư sinh, nhiều lắm là 38kg. Chắc chắn không có một quân đội nào dám nhận anh vào lính. Anh tâm sự, ba mắt đã lâu, chỉ còn lại bà mẹ già ở lại Hà Nội. Anh sống ở Sài Gòn gần như đơn côi. Hầu hết cuộc đời độc thân của anh sống với 2 người bạn như tôi đã nói ở trên. Ba chàng “ngự lâm văn nghệ” ở trong căn phòng nhỏ xíu trên building Cửu Long, chỉ có độc 1 chiếc giường nhỏ, chiều ngang không quá 1m, chiều dài không quá 2m. Cứ luân phiên, một anh nằm trên giường thì hai anh nằm dưới sàn gạch bông cũng không quá 2m². Nhà văn Thanh Nam, nhà thơ Thái Thủy, “ngâm sĩ” Hoàng Thu com hàng cháo chợ thường xuyên, liên tục. Họ sống với nhau rất tương đắc cho đến khi lần lượt tuyên bố “tao lấy vợ”, dọn ra ở riêng.

Thái Thủy kết hôn với con gái anh Mặc Thu. Ông bố vợ Mặc Thu có mấy người con gái đều đặt tên là Lan: Mặc Lan, Thu Lan, Nhục Lan. Thái Thủy chọn cô ở giữa rất xinh, có lẽ khi mới 17 tuổi. Thái Thủy và Thu Lan sinh được 4 cháu. 2 cô con gái đã được anh bảo lãnh qua Mỹ, nhưng một cháu lại xin về Sài Gòn và hiện ở lại đây với 2 người anh em khác.

Nỗi đau không nói được

Cũng như nhiều văn nghệ sĩ Miền Nam, sau ngày 30-4, Thái Thủy đi “học tập cải tạo” ở trại tù Gia Trung. Một trại tù khét tiếng gian khổ. Ít năm sau, anh chuyển về trại tù Hàm Tân cùng những văn nghệ sĩ khác như Mặc Thu, Nguyễn Sĩ Tế, Trần Dạ Từ, Trịnh Viết Thành... Tôi lại gặp Thái Thủy ở trại này. Trông anh thì

thảm lắm. Quần áo tù vá chằng vá đụp, cặp kính cận mắt gọng, buộc bằng hai sợi dây đen ngòm. Anh tâm sự lẻ với tôi “đói lắm”. Ngày ngày căng sức đi “lao động”, tối về nằm ép rệp thương nhớ vợ con. Ở tù 10 năm, đến khi anh được lệnh “ra trại” tức là tha tù, anh vẫn chưa hề biết rằng người vợ của anh đã ôm cầm thuyền khác. Qua những “nguồn tin thăm nuôi”, nhiều bạn anh đã biết từ lâu, nhưng chẳng ai dám nói ra. Tôi cũng vậy, lúc đó tôi vẫn còn nằm kỹ trong trại, khi từ giả anh, tôi bản khoăn mãi chẳng biết có nên cho anh biết tin hay không. Cuối cùng tôi cũng không đủ can đảm nói lên điều này. Thôi thì để anh vui được lúc nào hay lúc ấy. Tuy nhiên tôi cũng an ủi anh một câu lửng lơ con cá vàng: “Mày nên thông cảm với vợ mày”. Có lẽ thấy vẻ mặt thẫn thờ của anh, tôi lại phải bồi thêm: “Không đi thăm mày được vì đời sống khó khăn”. Thái Thủy cúi đầu bước ra khỏi cánh cửa trại giam. Tôi chỉ còn biết nhìn theo. Tôi nói điều này không hề có ý trách móc ai hết, đó là chuyện gần như “thường tình” trong trại tù. Nhất là với những anh tù “mút mùa Lê Thủy”, không bao giờ biết ngày ra. Tôi cũng vậy thôi, có khác gì đâu. Cũng không biết gì cho đến trước 1 ngày tôi được phỏng vấn đi theo diện H.O. Tôi cho rằng đợi chờ vô vọng trong vài ba năm đã là khó. Thế nên phải thông cảm cho các bà khi còn rất trẻ, còn những ngày tháng vật lộn với cơn bão trước mặt, phải bảo vệ cho cuộc sống của những đứa con, đôi khi vì nhà cửa bị tịch thu, tay trắng, buộc phải bước sang thuyền khác. Tôi hoàn toàn thông cảm sâu sắc, không trách cứ ai. Tôi cúi đầu kính phục những “hòn vọng phu” vẫn còn chung thủy sau cơn địa chấn này.

Sau khi về được vài tháng, Thái Thủy ngồi sau xe gắn máy của anh bạn Phan Đắc Tài từ Sài Gòn bỏ lên “trại cải tạo” thăm tôi.

Anh vui vẻ chấp nhận số phận. Nhưng trở trêu thay, khi tôi ra tù vào năm 1987, Thái Thủy vẫn phải sống chung ở nhà vợ. Trong cái cảnh “người nằm trong, kẻ nằm ngoài” đó thật đau lòng, song chẳng làm thế nào khác được vì hộ khẩu không có, tiền cũng không, chẳng có chỗ nào làm đất dung thân. Tâm sự ấy có lẽ chẳng bao giờ anh nói với ai. Chúng tôi thường đạp cái xe đạp cũ, đi cùng nhau trên những con đường Sài Gòn thân quen nay đã đổi chủ. Nỗi buồn, niềm đau không có chỗ nào thoát ngoài ánh mắt nhìn nhau khi cùng ăn một bữa cơm đầu hè.

Rất may, chỉ một năm sau, anh dạy học và quen được với một phụ nữ hiền lành, chân thật. Hai người gắn bó được một thời gian, đúng bữa cơm trưa ngày anh cưới vợ, năm 1990, trên đường Công Quỳnh, anh lại bị bắt vì dính vào vụ bác sĩ Nguyễn Đan Quế cùng

Vương Đức Lệ. Thế là lại vào tù thêm 5

năm nữa. Lần này anh được “thăm nuôi” đầy đủ hơn bởi bàn tay người đàn bà đã mang lại hạnh phúc cho cuộc đời anh. Sự may mắn tưởng như không bao giờ có. Hết hạn tù lần thứ hai, anh lại may mắn được đi theo diện H.O. vào năm 1998 định cư tại Hoa Kỳ. Đây là một ngoại lệ của phái đoàn Mỹ. Cuộc sống ở Cali của anh lại cũng không xuôi xê. Anh chị gặp tai nạn xe hơi, anh bị thương đến lòi ruột, may mà anh còn sống. Vài năm sau anh yếu dần. Chúng tôi đều thăm hiểu rằng anh chẳng còn sống với chúng tôi được bao lâu.

Bây giờ anh đã thật sự ra đi. Một mắt mất lớn lao cho bạn bè, cho “những người muôn năm cũ” còn lại với thời gian. Chẳng ai tránh được sinh lão bệnh tử.

Đêm 14-4-2011

Văn Quang viết từ Sài Gòn

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sàn nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày:

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần
Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

Trân Trọng Kính Mời

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An (France), B. Phạm Tường An, B. An Hicky, Ô.B. Cung Thăng An,
B. Văn T. Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá (France), Ô. Trần Hữu Bảo,
Ô. Việt Bằng (CA), B. Phạm Thị Ánh Bích, Ô.B. Hoàng Dân Bình, Ô. Vũ Đức Bình,
Ô. Phan Thanh Bình, Ô.B. Nguyễn Bông, Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh,
B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Vũ Kim Châu, Ô. Trần Châu,
B. Trương Minh Châu, Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô.B. Ngô Chương, B. Nguyễn Hồng Cung,
Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, B. Vũ Diễm, B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung,
B. Nguyễn P.T.NgocDung, Ô. B. Phan Anh Dũng, B. Dzung Sencer, Ô.B. Don Van Dang, B. Bùi Thị Đào,
Ô. Nguyễn Hải Đăng, B. Mẫu Đơn Nguyễn, Ô. Vũ Vương Đoàn, Ô. Duy An Đông,
Ô. Trần Thiên Đức, Ô.B. Hoàng Cung Fa, Ô.B. B.S. Giang Hoàng, B. Đỗ Thị Minh Giang,
Ô.B. Sóng Việt Đàm Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao, B. Rose Ngọc Hà Nguyễn, B. Nguyễn T. Song Hà,
Ô.B. Nguyễn Đăng Hải, Ô. Lý Văn Hải, B. Đỗ Trang Mỹ Hạnh, B. Quấn T. Hạnh,
Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền, B. Đặng Thị Hiền,
Ô. Lý Thy Hiểu, B. Nguyễn Hoa, Ô.B. Trần Bội Hoàn, Ô. Phạm Cao Hoàng, B. Tô Diễm Hồng,
Ô.B. Hoàng Thế Huân, B. Huệ Phạm, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng, Ô.B. Phan Tâm Hùng,
Ô. Trương Hùng, B. Thùy Hương N.T.T, Ô. Lê Ngọc Kha, Ô. B. Phan Khâm,
Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô. Phạm Nguyên Khôi, B. Vi Khuê, B. Võ Lại, Ô. Nguyễn Lân,
B. Nguyễn Đàm Chi Lan, B. Phạm Tố Lan, B. Nghiêm Phương Lan, B. Nguyễn Tuyết Lê,
Ô.B. Đạt Thu Lê, B. Ngô Thị Liên, Ô. Nguyễn Ngọc Liễu, Ô. B. Nguyễn Huy Long,
Ô. Phạm Đình Long, Ô. B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Dương Kim Long, B. Hoàng Bạch Mai,
B. Mai Nguyễn (VA), Ô. Vũ Nam (Germany), B. Nguyễn Phương Nga, B. Nguyễn T. Xuân Nga,
Ô. Đào Nguyễn, Ô. Đăng Nguyễn, B. Trần T. Minh Nguyệt, B. Cao Mỹ Nhân, B. Phan T. Nhẫn,
B. Nguyễn Tú Nhật, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung,
Ô. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc,
Ô. Lê Quang Phùng, B. Hoàng Hữu Phước, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phước,
Ô. Trần Bích San, Ô. Trần Phi Sao, Ô. Trần Đức Sương, Ô. Hồ Công Tâm, Ô. Lê Văn Tấn,
B. Nguyễn T. Minh Tâm, B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân (NJ),
Ông Nguyễn Thanh (Paris), Ô.B. Vũ An Thanh, B. Nguyễn Đạp Thanh, Ô. Lê Tam Thanh,
Ô. B. Nguyễn Văn Thành, B. Thảo Nguyên Phạm, Ô. Nguyễn Thành Thế, B. Phong Thu,
Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Máy Thu, B. Nguyễn Tiểu Thu (Canada),
B. Nguyễn Thị Thuận, B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy, Ô. B. Lê Ngọc Thụy,
Ô. Nguyễn Hữu Thứ, Ô. Lê Văn Thương, Ô. Nguyễn Minh Tiên, Ô. Bùi Thanh Tiên, B. Tiffany Trang Đỗ,
Ô. Nguyễn Văn Toại, Ô. Lê Văn Trạch, B. Ngô Khắc Trâm, Ô. Nguyễn Đình Trân,
B. Hoàng Minh Trân, Ô. Tạ Quang Trung, Ô. B. Võ Trưng, Ô. Đàm Xuân Tú, B. Đặng Ngọc Tú,
Ô. Hoàng Lý Văn, B. Nguyễn Tường Vân (CA), B. Khánh Vân Michalek, Ô. Yên Vi, B.S. Võ Đạm,
Ô. Nguyễn Xuân Vân, Ô. Nguyễn Tinh Vệ, B. Hoàng Hồng Yến, Eastern Loudoun Library,
Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung,
B.S. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty, INC., Harvest Moon Restaurant.

CƠ SỞ VĂN HỌC CỔ THƠM

11 623 CHAPEL CROSS WAY, RESTON, VA 20194, USA

Tel. (571) 926-8962

Email: dsenser@yahoo.com

ĐÃ XUẤT BẢN

- TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM (Từ năm 1996)
VÙNG CAO NƯỚC ẤN (1999) - Thơ LƯU NGUYỄN ĐẠT
ĐIỂM TRANG LÀM ĐÁNG CUỘC ĐỜI (1999) - Thơ NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
ÁO MÀU XANH (1999) - Thơ CAO MỸ NHÂN
TRĂNG NHỚ ĐÊM RẼM (2000) - Thơ BÙI THANH TIÊN
NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc NGÔ THY VÂN
TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của HỒ TRƯỜNG AN
VĂN LUẬN (2000) - LƯU NGUYỄN ĐẠT
VĂN KHẢO (2000) - TRẦN BÍCH SAN
MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) - Tập truyện NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
HỒN NƯỚC (2002) - Thơ LƯU NGUYỄN ĐẠT
BÊN DÒNG THẠCH HẪN (2002) - Thơ PHAN KHÂM
SÔI NỔI (2002) - Tập Truyện NGUYỄN LÂN
GIẤC MƠ ĐỜI (2002) - Thơ BÙI THANH TIÊN
HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa của HỒ TRƯỜNG AN, CAO MỸ NHÂN, PHAN KHÂM,
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG, VÂN NƯƠNG, TRẦN QUỐC BẢO, VI KHUÊ,
HUỆ THU, NGÔ TĂNG GIAO.
VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ HỒ TRƯỜNG AN
ĐÃ KHÔ DÒNG LỆ (2004) - Thơ ĐẶNG NGUYỄN.
HÌNH ẢNH TRÔI ĐI (2005) - Thơ VIỆT BẰNG.
GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG (2006) Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng, Dư Thị Diễm
Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.
DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) - Thơ - PHAN KHÂM
NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký - NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẼM (2007) - Bút khảo - HỒ TRƯỜNG AN về các tác giả
Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Nguyễn Thị Thụy Vũ,
Trương Anh Thụy, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.
THƠ TÌNH HOÀNG TRÙNG DƯƠNG (2007)
KHÚC VÔ THANH (2008) - 90 bài thơ - BÙI THANH TIÊN
GIỮ MÃI GIÙM ANH (2011) - 100 bài thơ - UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT